

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

22

THÁNG TÁM NĂM 1984

AUGUST 1984

AUSGABE IN VIETNAMESEISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
CHI BỘ TÂY ĐỨC

CHÙA VIÊN GIÁC, EICHENKAMPSTR. 35A, 3000 HANNOVER 81. TEL. 0511-864638.

Kính gửi: Quý vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần

Trích yếu: v/v mời tham dự Đại Lễ Vu Lan báo hiếu tại chùa Viên Giác Hannover từ 17 đến 19 tháng 8 năm 1984 (từ thứ sáu đến chủ nhật).

Hannover ngày 17 tháng 7 năm 1984

Nam Mô A Di Đà Phật

Kính thưa quý liệt vị;

Đề cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ, Cha Mẹ nhiều đời nhiều kiếp và thân bằng quyến thuộc trong quá khứ được thác sanh về thế giới an lành và cầu nguyện cho Cha Mẹ hiện tiền được sống lâu phúc huê nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu. Năm nay Chi Bộ Phật Giáo và Hội Phật Tử Việt Nam tỵ nạn tại Tây Đức dự định tổ chức Đại Lễ kỷ niệm cầu siêu bạt độ chư hương linh quá vãng và cầu an trường thọ cho phụ mẫu hiện tiền trong những ngày 17, 18 và 19 tháng 8 năm 1984 tại chùa Viên Giác Hannover.

Năm nay cũng là năm chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam tại Đức và tại Pháp đã làm lễ An Cư Kiết Hạ suốt trong 3 tháng qua tại chùa Viên Giác nhằm tấn tu đạo nghiệp và cũng nhân ngày rằm xá tội vong nhân này chư Phật Tử có một lễ DẶNG Y mãn hạ đề cúng dường chư Tăng Ni thật long trọng, hầu báo đáp ân đức Tam Bảo và nhờ vào công đức chú nguyện của chư Tăng Ni cho thân bằng quyến thuộc của Quý vị được sơ cầu như nguyện.

Vậy xin kính mời Quý vị Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần, trong cũng như ngoài nước Đức dành ít nhiều thì giờ về tham dự Đại Lễ trên, để nói lên được sự hiếu hạnh của người con đối với gia đình và người Cận Sự Nam hoặc Cận Sự Nữ luôn luôn phụng thờ và quy ngưỡng về ba ngôi Tam Bảo.

Công đức ấy thật vô lượng vô biên.

NAM MÔ ĐẠI HIỆU MỤC KIẾN LIÊN ĐỒ TÁT MA HA TÁT

TM. Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam
tại Tây Đức



Trụ trì chùa Viên Giác
Thích Như Điển

Chú chú:

- Quý vị nào muốn Quy Y Tam Bảo, xin gửi danh tánh, ngày và nơi sinh, địa chỉ hiện tại về chùa trước ngày Đại Lễ, để kịp viết phái Quy Y. Điều cần yếu là người Quy Y phải có mặt trong giờ thọ giới (xem chương trình mặt sau).
- Xin Quý vị gửi lại chùa tờ "phiếu xin lễ cầu siêu" trước để có đủ thì giờ làm sơ cầu nguyện.
- Đề giúp đỡ cho Ban Trai Soạn trong việc tổ chức Đại Lễ. Kính mong Quý vị đóng góp 20 DM trong các ngày Đại Lễ cho việc âm thực.
- Quý vị nào có hương linh quá vãng thờ tại chùa, xin xem giờ Tiên Linh theo chương trình để làm lễ cầu nguyện.
- Quý vị nào muốn góp phần công đức của mình về LỄ DẶNG Y lên chư Tăng nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu, xin liên lạc về chùa.

Trong số này
In dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	Trang 01
Tâm là gì, thức là gì	02
Quan điểm của Phật Giáo	06
Lá Thư Tịnh Độ	09
Tuyển tập PG với VHVN	12
Việt Nam Phong Sự	14
Quốc Sử Tạp Lục	16
Bắc Du Chôn Vỡ	18
Triết Học Đông Phương	21
Thơ	24
Allgemeine Buddhalehre	25
Gefangener des Vietcong	28
Die ill. Geschichte Buddh.	31
Das Wunder, wach zu sein	34
Thơ	38
Tâm an	39
Đường không biên giới	43
Hai cánh sống	47
Những chồng đĩa cũ	50
Ngọc Trai giếng nước	54
Nhất tự vi sư	57
Vo tròn, gói gọn	60
Trang giáo lý	62
Thế hệ trẻ	65
Cảm nghĩ về ngày thọ BQT	68
Hạnh phúc của Thi	70
Gia chánh chay	73
Tin Tức	74
Tin xã hội	79
Tin Hội Phật Tử ty nạn	80
Phường danh quý Phật Tử	81
Bảng trắc nghiệm	87

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber

Kỹ thuật Thị Chơn
Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiêu bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam. buddh. Kulturzentrum

Eichelkampstr 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511. 864638



Thư tòa soạn

Một lần nữa mùa Vu Lan lại về với người con Phật. Nhắc nhở cho chúng ta nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ trong đời này cũng như nhiều đời trong quá khứ.

Chén cơm của Ngài Đại Hiếu Mục Kiên Liên dâng cho từ mẫu trong cảnh khổ khiến ta đau đớn xót thương cho một cuộc sống của nọ quý đọa đày. Nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha lòng người con nào lại chẳng đớn đau khi cha mẹ tuổi về già không có người chăm sóc hoặc sau khi mạng chung vì không tin kính Tam Bảo nên bị sa đọa nơi chốn Địa Ngục A Tỳ? Nếu không nhờ phép Phật nhiệm mầu thần thông quảng đại và oai thần chú nguyện của Chư Tăng nhân mùa Vu Lan báo hiếu thì bà Mục Thanh Đề đã không thác sanh về nơi nhân cảnh được. Nhờ thần lực của Chư Phật và sự hiếu đễ của Ngài Mục Kiên Liên mà ngày nay Phật Tử chúng ta mới có được cơ hội mỗi năm nhân ngày rằm tháng bảy cầu nguyện cho Song Đường còn hiện thế được bá niên trường thọ và Người quá vãng được sanh về một thế giới an lành hơn.

Mẹ là tất cả; mẹ là tình thương là sự sống của chúng ta, phạm làm người ai cũng phải có cha mẹ; nên nhớ nghĩ và cầu nguyện cho cha mẹ nhân mùa Vu Lan báo hiếu là đền đáp được một phần nào trong tứ trọng ân của Phật Giáo mà người Phật Tử vẫn hằng mong thực hiện.

Đức Phật dạy rằng: "Khi cha mẹ già, dẫu người con có hiếu, công cha mẹ đi quanh cả hòn núi Tu Di. Cha mẹ đói khổ thì róc thịt mình để nuôi cha mẹ. Đó chưa phải là hiếu. Mà người con có hiếu là người biết khuyên răn cha mẹ nên tin kính Tam Bảo và gieo hạt giống lành cho kiếp sau. Đó mới là đại hiếu".

Ngày nay chúng ta dẫu còn cha mẹ hay cha mẹ đã lìa đời, chúng ta cũng phải có bốn phận làm theo lời Phật dạy nhằm đền đáp phần nào công ơn sanh thành dưỡng dục của Song Thần nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu đến với người con Phật khắp nơi nơi.

Nguyện cầu cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc.

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên Bồ Tát Ma Ha Tát.

VIÊN GIÁC

Tâm là gì? Thức là gì?

(tiếp theo)

Nay nói đến Thức thứ 7 tức Mạt na thức. Cái KIẾN PHẦN của Tầng thức, vốn hàm chứa toàn những quang minh hư vô vi tế (tức là vọng tướng hư vô vi tế), nay lần lần chuyên hiện, ngày càng nặng nề hơn, kém vi tế hơn, và có hình tượng hơn. Sở dĩ như vậy, là vì trong mỗi sát na, nó luôn luôn TỰ CHỨNG không ngừng nghỉ, tức là TỰ CHIẾU SÓI, và do đó, luôn luôn chồng chất thêm Vọng.

Khi nó chuyên hiện đến Mạt na thức, thì những quang minh của nó đã kém vi tế, nhưng vẫn rất mãnh liệt. Và được kinh Lăng Nghiêm gọi là Uẩn vọng tướng... Nơi đây, sức chuyên động xoay tròn của nó đã kết lại thành một cái NÚT LỚN, một tấm lăng kính bền chặt, tức là cái NÚT CHẤP NGÃ. Tấm lăng kính này là dấu hiệu của trạng thái Hôn mê triền miên của chúng hữu tình trong cuộc hành trình dằng dặc qua các cõi và các nẻo. Nên Ngài Huệ Trang mới viết: "Hữu tình nhật dạ trần hôn mê..." ...Còn ngài Mã Minh thì gọi thức này là Ý Tướng tục, tức là cái Ý chỉ, cái sức Hành tướng tục của Nghiệp muốn nở xòe ra và đi sâu vào Vọng...

Nếu Tầng thức có thể tạm ví dụ như một biển nước, hoặc như 1 vùng đại địa, thì Mạt na thức có thể ví như 1 gốc cây bèo mọc trên biển nước, hoặc một gốc cây mọc trên đại địa. Vì nó là GỐC trực tiếp của 6 thức kia, và cũng là gốc của thân tâm chúng sanh.

Nút này tượng trưng cho cái Sức Mê vọng, sức khát vọng, sức nghiệp lực, sức HẠNH TƯỚNG TỤC của chúng sanh ấy. Nên cũng được gọi là Ý tướng tục, tức là Ý chỉ mê vọng tướng tục qua các kiếp và các cõi. Cũng được gọi là Ý căn, vì nó là gốc trực tiếp của ý thức và 5 thức kia... Trong cơ thể một chúng sanh, có thể tạm nói rằng: hệ thống não bộ cùng thân kinh là những biểu tượng THO PHỒ của nó, và chức thể coi là biểu tượng rất thô phù mà thôi.

Nó vốn là một cái nút, một tấm lăng kính cố kết, nên nó hay chiếu soi lắm, và hàm chứa rất nhiều Vọng, vọng tướng, cũng như vọng tình... Nó cũng Hằng và Chuyên như Tầng thức, nhưng

hằng và chuyên cũng kém hơn, vì gồm những quang minh kém vi tế và nhiều tướng mạo hơn. Do đó trạng thái của nó kém sút rất nhiều về tính cách chiếu soi HỒN NHIÊN so với Tầng thức, và trái lại, nó hay LO NGHĨ so đo phân biệt lắm, vì hàm chứa nhiều vọng. Tính cách hay lo nghĩ so đo này, danh từ Duy thức gọi là THAM.

Vậy thì nó hay lo nghĩ so đo những gì? Trước hết, nó quay lại chiếu soi cái Kiến phần của Tầng thức đã phối thai ra nó, rồi đi khư khư chấp rằng đó là cái Ngã của ta, đó là ngã tâm và đó là ngã tướng... Rồi đứng trên chỗ sở y đó, nó xoay ra chiếu soi khắp tất cả và luôn luôn lo nghĩ phân biệt cái gì là ngã và cái gì là phi ngã.

Cũng cần ghi rằng: trong khi Kiến phần của Tầng thức chuyên hiện xuống thành Mạt na thức, thì cái Tướng phần cảnh giới rất vi tế của Tầng thức cũng chuyên hiện SONG HẠNH, để tạo dựng nên những cảnh giới kém vi tế hơn và tương ứng với Mạt na thức. Và thức này đã duyên theo những cảnh giới ấy để lo nghĩ so đo xem cái nào là ngã, cái nào phi ngã.

Trong khi xoay vần miên viễn như vậy, thì dĩ nhiên là do sự chuyên động xoay tròn, Mạt na thức cũng tự phân ra làm 2 phần: Kiến phần và Tướng phần. Kiến phần khinh thanh hơn sáng láng hơn thì tụ lại ở giữa, còn Tướng phần trọng trước hơn thì đặt ra phía bên, và bồi đắp thêm cho những cảnh giới vi tế để duyên theo chuyên hiện từ Tầng thức, và cũng do đó khiến cho chúng ngày càng trọng trước thêm.

Còn cái kiến phần của Mạt na thức, thì cũng rất khác với Kiến phần của Tầng thức... Kiến phần của Tầng thức thì rất khinh thanh sáng láng, rất ít vọng tình và chiếu soi rất hồn nhiên. Nên nó thường rất ĐỪNG LẮNG, và bao gồm hầu hết là KIẾN ĐẠI và rất ít THỨC ĐẠI... Trong khi kiến phần của Mạt na thức, tuy cũng gọi là khinh thanh đây, nhưng mức độ khinh thanh đã kém sút, nhiều vọng tình nên nó thật là Dao động, là vọng động để dụng tâm phân biệt. Nên có thể nói rằng nó gồm nhiều Thức đại và ít Kiến đại...



Tuy nhiên, mặc dầu nó là 1 tấm lăng kính chuyên chiếu soi CONG QUEO, luôn luôn lầm lạc và rớt vào Phi tướng, (Phi tướng là nhìn lệch

lạc cong queo, Hiện lượng là nhìn đứng n h ứ thật tướng)nhưng, vì quang minh của Mặt na thức cũng còn rất vi tế, nên tác động n h ận thức phân biệt của Thức thứ 7 này cũng rất vi tế. Và nó có thể chiếu soi phân biệt đến những núi hang sâu núi thẳm giữa Ngã và Phi ngã, mà ý thức của chúng sanh chưa thể thắm dò lường tướng nổi...



Mà cũng chính vì nó là 1 tâm lăng kính chuyên chiếu soi CONG QUEO, nên các mảng lưới quang minh mới đi cong, mới chập chùng GIAO THOA, và làm huyền hiện nên cái pháp giới như có như không, này...

Từ đây trở đi, ngọn quai phong của Ngã - chấp đã nổi lên rào rạt, dựng nên 1 tâm lăng kính vi đại và bất tư nghi, để tiếp nối với những tâm lăng kính vi tế, và lần lần về Pháp-chấp nói Tầng thức... để cùng nhau làm LOE lên, làm ANH HIỆN nên pháp giới...

Và chỉ có Chư Phật Thế tôn mới có thể chỉ rờ ngọn ngành của cái mê-đổ-ào-phổ chập chùng và không ngăn mé này.

Nay nói đến Thức thứ 6 tức 7 THỨC và 5 thức kia: nhân nhị tỷ thiết thân... Cả Mặtna thức ý thức cùng 5 thức kia đều được kính Lăng già gọi là Chuyển thức, vì đều là sự chuyển hiện của Thức sơ năng biến.

Mặt na thức đã được ví như GỐC cây, bèo mọc trên mặt biển thức, hoặc như một gốc cây mọc trên đại địa.

Gốc cây ấy dĩ nhiên phải tiếp tục diểntrình chuyển hiện, để ngày càng đi sâu vào như lớp vỏ ketch hơn của thế giới sai biệt.

Vấn do sức suy động xoay tròn của q u a n g minh nghiệp lực, cái kiến phần của Mặtna thức lại chuyển hiện. Và gốc cây làm khởi lên một thân cây có 5 cành. Hoặc làm khởi lên 1 cọng hoa có 5 cánh.

Thân cây, hoặc cọng hoa và nhụy hoa, là ví cho ý thức. Còn 5 cành cây hoặc 5 cánh hoa là ví cho 5 thức kia.

7 thức vốn là thân cây, nên nó hết sức l ở i hại. Nó đóng góp 1 phần lớn trong việc đ ứ a hành giả tới giải thoát, cũng như đưa sâu vào mê vọng. Và theo lối dạy của kính Lăng Già thì thức này được dệt nên bằng những quang minh của những vọng tướng DUNG THÔNG tích lũy từ vô thủy. Gọi như vậy là vì thức này, về phía trong, có thể dung thông với Mặt na

thức và Tầng thức, còn về phía ngoài, thì dung thông và luôn luôn hợp tác phối kiem 5 thức kia.

Thức này thì hay Thắm, nhưng không Hăng... Không hăng là vì đôi khi nó bị gián đoạn. Tỷ dụ như hành giả ngủ say không mộng寐, hoặc vào định Vô tướng hoặc định Diệt thọ tướng, thì thức này bị gián đoạn, không hiện hành..

Nhưng nó giống như thức thứ 7 ở chỗ luôn luôn hay thắm, tức là lo nghĩ so đo phân biệt. Nhưng trong khi tác, động thắm của Mặt na thức hết sức là u-ân vi tế, thì sự lo nghĩ so đo của ý thức thường nằm ở một, bình diện thô kệch lúu, ngại hơn (như suy nghĩ, nhớ tướng, dự tướng, tưởng tượng, biểu tượng tức representation v.v...) Luật tắc của sự chuyển hiện Thức biến là như vậy: càng đi sâu vào chỗ sai biệt bao nhiêu, lại càng bị giới hạn bấy nhiêu, càng kém tự tại lực và kém vi tế...

Phần đông chúng ta thường trụ ở bình diện ý thức này, chưa lọt được vào bình diện Mặt na và Tầng thức. Và chúng ta cũng thường c h ập rằng cái vọng tâm suy nghĩ phân biệt ấy là Tâm, cúng tưởng tự như ngài A Nan đã chỉ tâm trong kinh Lăng Nghiêm.

Năm thức trước thì có thể ví như: 5 cánh hoa phụ thuộc vào cọng hoa, hoặc 5 cành cây mọc tựa ra từ thân cây, hoặc 5 cái râu ngoenguây của con gián, hoặc 5 cái tay dài lêu nghêu (tentacules) của con bạch tuộc... và chúng được tung ra để quàng mó mẫm nhận định pháp giới.

Vì đi sâu vào sai biệt, nên khả năng của chúng cũng giới hạn, kém sút hơn. Nên c h úng không Hăng, và cũng không biết Thắm... Không hăng, vì hay bị gián đoạn, tỷ dụ như trng giấc ngủ chẳng hạn. Trong giấc ngủ, 5 thức ấy thường không hiện hành, hoặc rất ít hiện hành, vì trong khi ngủ, đôi khi chúng ta vẫn còn nghe thấy 1 âm thanh nào đó hoặc thấy đau ê ẩm trong bụng. Không biết thắm, là vì sự đo phân biệt của chúng cũng rất thô sơ.



Cũng cần ghi rằng: trong khi 6 thức chuyển hiện từ cái Kiến phần của Mặt na, thì Tướng phần của Mặt na cũng chuyển hiện SONG HẠNH (tướng tự như 2 cái vòi của con sên) để tạo dựng những cảnh giới tế hay thô, TƯỚNG ỨNG với 6 thức.

Cần phải nói rõ thêm về sự sợ đo phân biệt của 6 thức, vì đây là một điểm độc đáo của Duy thức học... Cái thấy của chúng ta hay của chúng sanh thường được gọi là cái Thấy, Nghe, Hay, Biệt.

Cái Thấy là chỉ cho con mắt, nhãn căn hay nhãn thức. Những nhãn căn hình như cũng không phân biệt được gì nhiều. Nó chỉ thấy được Tối hoặc Sáng, Sắc hoặc Không. Thấy được hình thù (forme), thấy được cổ màu (color) hay không màu... Nhưng chưa phân biệt được màu này là xanh, là vàng, là hồng, hay là tím. Và dĩ nhiên là chưa thể phân biệt nổi: cái này là hoa hồng, cái kia là cành cây, cái kia là con sөг. Và nó cần phải có sự cộng tác phối hiệp của ý thức mới phân biệt được các màu. Và ý thức cần phải tập trung phối hiệp những dự kiến của 5 thức, rồi dùng ký ức (memory) và suy tưởng mọi quyết định được rằng: cái này là hoa hồng, cái kia là con sөг...

Theo sự nghiệm cứu ngày nay, thì con chó không phân biệt nổi các màu, và chỉ biết cổ màu đen và trắng. Là vì ý thức của nó chưa được triển khai nhiều.



Cái Nghe là chỉ cho tai và mũi, cho nhĩ căn cũng như thị thức, cho tý căn cũng như thị thức... Bởi thế, nên trong những kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, thường thấy nói: Nghe mùi, chứ không nói: ngửi mùi.

Nghe mùi có nghĩa là: tiếp nhận và phân biệt một cách đón sơ hỗn nhiên về cái mùi đó, chứ chưa có nhiều tác ý phân biệt. Nên Nghe mùi thuộc về Kiến đại... Còn Ngửi mùi có nghĩa là: đã làm nhiều tác ý phân biệt rồi, và biết rằng mùi đó là mùi gì, là mùi của hương chiên chiên chẳng hạn. Nên ngửi mùi thuộc về T h ử c đại.

Cái tai cũng thường chỉ có thể tiếp nhận và phân biệt thô sơ. Nó thường chỉ nhận thấy là Động hay Tĩnh, là có âm thanh hay không có âm thanh. Chứ chưa có thể phân biệt rằng đó là âm thanh gì, là tiếng trống hay tiếng gõ thối, là tiếng của người hay của súc sanh hay của chư thiên... Cần phải có sự hợp tác phối hiệp của Ý thức, và ý thức phải sử dụng tác ý, ký ức cùng suy tưởng mới có thể phân biệt đó là thứ âm thanh gì?

Cái mũi cũng vậy, thường chỉ phân biệt thô sơ

rằng là Thông hay là Bối (Tắc), là có mùi hay không có mùi, chứ chưa có thể phân biệt rằng đó là mùi gì, mùi của hoa hồng hay của hoa mạn đà la, mùi của thân súc sanh hay là mùi của thân chư thiên... Và cần phải có Ý thức mới làm nổi sự phân biệt đi sâu vào sai biệt ấy...

Cái Hay là chỉ cho Lưới (thiệt, căn cũng thiệt thức) và thân căn cũng thân thức.

Cái lưới cũng thường chỉ phân biệt thô sơ, biết rằng là có vị hay không có vị (nhất). Chứ chưa phân biệt nổi đó là vị gì? Và cần phải có Ý thức mới phân biệt nổi rằng đó là vị ngọt của mía, là vị đắng của thuốc, hoặc là vị dịu ngọt của thức ăn trên bửu cam lồ của chư thiên.

Cái thân cũng vậy, chỉ biết những xúc gì ác thô sơ như Hẹp (đụng chạm) hay Ly (hết đụng chạm), hoặc Nóng Lạnh hay Trơn Rít... Chứ chưa biết nổi rằng nóng đó là của cái gì, của da thịt người hay của lửa, hoặc xúc giác trơ đôn mềm ấy là của nhung lụa hay của cái gì khác... Và cần phải có Ý thức mới phân biệt sâu hơn nữa được...

Cái Biệt là chỉ cho Ý căn (Mạt na) cùng Ý thức. Ý thức này cũng có cái trạng thái hỗn nhiên đón sơ của nó, chứ không phải chỉ chuyên về phân biệt so đo mà thôi. Khi nó chưa tác ý mạnh và buông bỏ ký ức cùng suy tưởng, thì nó nằm trong trạng thái nhận thức hỗn nhiên đón sơ ấy... Tỷ dụ như khi ta vừa thức giấc, nửa ngủ nửa tỉnh, rồi nằm yên nghe vọng lên trong tâm thức những tiếng động chung quanh, thì ý thức còn ở trong trạng thái tưởng đối hỗn nhiên... Ở trong trạng thái này, nó không chỉ nhận thấy loảng thoảng sự Sanh và sự Diệt của các pháp. Và nó cần sử dụng tác ý, ký ức và suy tưởng tạo dựng (construction mentale) thì mới phân biệt được rằng pháp này là pháp gì, cùng vật này là vật gì?...

Cần ghi rằng cả 6 thức này đều bắt nguồn ở nơi Ý căn tức Mạt na thức, và đều nương vào sức Hành của nghiệp lực nó luôn luôn làm phụt lên những tia chớp nháng gần như vô cộ tận, thì 6 thức kia mới hiện hành được. Thực ra thì cả 6 thức đều hàm chứa một thứ sức Hành ca, những cội nguồn chính của Hành nghiệp là nằm trong những chủng tử chấp Ngã của Mạt na cùng những chủng tử chấp Pháp của T à ng thức.

Vì đã chuyển hiện sâu vào những lớp thô kệch lưu ngại, nên 6 thức này dĩ nhiên phải có hình hiện tượng THO PHỤ của chúng, và thường được gọi là phủ trần căn... Ý thức bắt rễ ở Ý căn tức Mạt na thức, và theo ngại Thái hư đại sử thì biểu tượng thô phủ của căn này là hệ thống thần kinh cùng các trung khu não bộ. Còn đối

với 5 thức kia, thì phủ trần căn là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

Trọng kinh Lăng Nghiêm, trang 423, Phật có giảng nói về sự hình thành của 6 phủ trần căn này, và đây là 1 đoạn bí hiểm của kinh. "Do 2 thức Sắc và Tội, lần lượt tổ bày lẫn nhau, nên nói Tĩnh Diệu viên, làm dính, thì nh yên lặng, và phát ra CAI THẤY. Cái thấy ANH ra thành Sắc, KẾT cái sắc lại thành Căn. GOC căn thì gọi là tứ đại thanh tịnh, còn hình thể cợn mắt thì tướng tự như quả bồ đào. Bốn đại của phủ trần căn rong ruổi chạy theo sắc.



Do 2 thức Động và Tĩnh, đối chọi lẫn nhau, nên nói Tĩnh Diệu viên, làm dính tĩnh yên lặng, và phát ra CAI NGHE. Cái nghe ANH ra t, h ảnh Tiếng, CUỐN cái tiếng lại thành Căn. GOC căn thì gọi là tứ đại thanh tịnh, còn hình thể cái tai thì tướng tự như chiếc lá cuộn lại. Bốn đại của phủ trần căn rong ruổi chạy theo cái tiếng...".

Bởi với 4 thức kia, thì đoạn kinh này cũng dạy tướng tự như vậy...

Có thể lý giải đoạn kinh quan trọng này như sau: Nơi Biên Chân tâm vốn diệu-viên (tức lạnh ấm và tròn đầy), và vốn trạm nhiên rộng lặng bất động, nên không có vật gì cả: Nhưng do sự móng-niệm khởi vọng, nên tĩnh trạm nhiên bất động bị dính mắc ô nhiễm, và chuyển sang hình thái chuyển động tướng đối. Và Tâm chuyển thành Thức.

Trên diễn trình chuyển hiện tự-chứng, những quang minh của Tầng thức rồi Mặt na thức đều xoay vần miên viên và phân ra làm 2 phần: Kiên phần khinh thanh sáng láng và T ú ở phần trọng trước mờ tối hơn. Tuy gọi là vậy nhưng 2 phần, đó cũng đều là những quang minh của Thức biến cả. Nên chúng luôn luôn gụyện lẫn nhau, thu hút lẫn nhau, đan nhiễm lẫn nhau luôn luôn có những dư ba âm hưởng (resonance) và chuyển biến TƯƠNG ƯNG.

Kiên phần thì luôn luôn, le lói chiếu soi nên được gọi là Cái Thấy. Tướng phần, thì trọng trước mờ tối hơn, nên chẳng chiếu soi được mấy nơi, nên chỉ tạo dựng nên những ánh biến hiện tướng ứng, gọi là trần hay cảnh giới.

Khi mỗi khởi đầu le lói chiếu soi, thì cái Thấy chẳng thấy được gì nhiều, chỉ thấy được Sáng hay Tối... Lần lần đáp đối hoài hoài, sự tương giao đan nhiễm thu hút giữa Kiên phần cùng Tướng phần làm phát hiện lên những sắc tướng ngày càng rõ rệt thô kệch hơn. Nên gọi là: cái thấy ANH ra thành Sắc và đã có sắc tướng, thì có Hủ không dính liền.

Sắc tướng bên ngoài đã lần lần trở nên rõ rệt, thô kệch, thì cái Thấy, vốn gần như vô tướng mạo, cũng cần phải có một hiện tượng thô kệch để Tướng ứng với sắc tướng bên ngoài và phân biệt rõ hơn... Nên lần lần, nó đã quỵện những cục vi của sắc để kết lại thành 1 căn thô kệch, gọi là phủ trần căn. Như mắt tai, mũi, lưỡi và thân. Mắt thì có hình thù như quả bồ đào, còn tai có hình như chiếc lá cuộn

Song phủ trần căn này chỉ là cái vỏ bên ngoài THỎ PHỎ của căn mà thôi. Còn cái GOC của căn thì được gọi là Tĩnh sắc căn, và được dệt nên bởi tứ đại thanh tịnh, tức là vi tế hơn (matiere subtile)... Vì phủ trần căn được tạo nên bởi 4 đại thô kệch, nên chiếu hưởng của nó là luôn luôn muốn rong ruổi chạy theo sắc thô kệch, và nó cũng hay chiếu dụ tịnh sắc căn chạy theo sắc thô kệch...".

Đó là lời dạy của kinh.

(Còn tiếp)



mấy vần thơ đạo

*Gió lọt màn thưa chốn đạo tràng
Cành khuya hưởng thượng, mơ kinh vàng
Sắc không biến đổi, lời chân lý
Thành trụ thay màu, cảnh thế gian
Chỉ giữ quyết xa, cầu nghiệp chướng
Tâm gìn sẽ gặp ánh linh quang
Hương trầm nhẹ tỏa lòng thanh thoát
Vạn vật lặng lặng thấy nhẹ nhàng.*

*Tâm thành ánh sáng tỏa càng khôn
Nẻo đạo xa đưa thoát nhẹ hồn
Bác ái thương người đời lặng dăng
Tử bi xót kẻ nhuốm cơ hàn
Vui câu đạo hạnh lòng không bận
Giữ chữ thanh cao, dạ chẳng sờn
Danh lợi tình đời câu thế sự
Lòng khôn vương vấn đẹp Thiên Môn.*

● Tôn Nữ CHUNG ANH

Quan điểm của Phật Giáo

PIYADASSI MAHÀ THERA



PHẠM KIM KHÁNH trích dịch từ quyển *The Buddha's Ancient Path*

(tiếp theo)

Bây giờ, khi người Phật tử dâng hoa hay thắp đèn trước pho tượng Phật hay trước một bảo vật thiêng liêng như tháp thờ xá lợi hay trước cây bồ đề và suy niệm về những phẩm hạnh cao siêu của Đức Bổn Sư, người ấy không van vái nguyện cầu bất luận ai, và việc của họ làm không phải là nghi lễ hay nghi thức lễ bái hay tôn sùng thần linh. Những cành hoa sơn tảo và những ngọn nến đang lụn dần ngổ lơi với họ, nói với họ về đặc tính vô thường (anicca) của tất cả các vật hữu lậu. Pho tượng là một đề tài suy niệm để cho họ chú tâm vào và chỉ quán tham thiền. Họ thọ hưởng nguồn cảm hứng và tận lực noi gương, theo con đường của Đức Bổn Sư và làm cho được như Ngài. Những người không thông hiểu ý nghĩa giản dị của sự dâng hoa cúng dường ấy vội vã kết luận, "Đó là tôn sùng thần tượng". Không có chi xa sự thật bằng.

Jawaharlal Nehru viết trong tập tự thuật tiêu sử của ông như sau:

"Tại Anurādhapura (Sri Lanka) tôi rất thích một pho tượng Phật ngồi. Một năm về sau, lúc ấy tôi ở Derha Dun Gaol, một người bạn từ Tích Lan gởi cho tôi bức ảnh của pho tượng ấy và tôi giữ luôn bức ảnh trên cái bàn nhỏ trong phòng giam của tôi. Bức ảnh ấy trở thành người bạn quý báu cùng ở chung ngục thất với tôi và oai nghi của pho tượng giương cảm và tự tại, đã xoa dịu lòng tôi, giúp tôi có đủ nghị lực và vượt qua khỏi nhiều cơn khủng hoảng tinh thần".
(Jawaharlal Nehru, *An Autobiography*, tr. 271)

P.D. Ouspensky viết như sau, khi thấy pho tượng Phật tại ngôi chùa gần núi Lavinia tại Tích Lan:

"Cái diện của Đức Phật thật là sống động. Ngài không nhìn thẳng vào tôi và mặc dầu vậy Ngài thấy tôi. Thoạt tiên tôi chỉ cảm nhận kinh ngạc. Tôi không dè và cũng không thể đoán trước điều gì như vậy. Tuy nhiên bao nhiêu kinh ngạc và tất cả những cảm giác những ý nghĩ khác, đều tan biến, trở thành

những cảm kích kỳ lạ mới mẻ khác. Đức Phật nhìn thấy tôi. Ngài thấy bên trong tôi những gì mà chính tôi không thể thấy, tất cả những gì sâu kín trong tâm thâm cung bí hiểm nhất trong tâm hồn tôi. Và dưới cái nhìn của Ngài, ngang qua bên tôi, tôi bắt đầu tự nhận thấy những điều ấy. Tất cả những gì nhỏ bé, dẫu thừa khó chịu và phiền lụy đều nổi lên trên mặt và tự phơi bày dưới cái thoáng nhìn ấy. Diện mạo của Đức Phật thật là ung dung tự tại, nhưng không phải là không biểu lộ cảm kích, thật tràn đầy cảm kích và tư tưởng thâm sâu. Ngài nằm nơi đây, trầm tư mặc tưởng. Tôi đến, mở nhẹ cửa, vào đứng trước Ngài, và bây giờ ở Ngài mặc nhiên xét đoán tôi. Nhưng trong cái thoáng nhìn của Ngài không có sự khiển trách hay quở rầy. Cái nhìn của Ngài thật nghiêm trang, tự tại, đầy ý nghĩa một cách lạ lùng. Nhưng khi tôi tự tại chính tôi tìm hiểu xem diện mạo của Đức Phật đã nói lên gì thì tôi nhận thức rằng không thể tìm ra giải đáp. Diện của Ngài không phải lạnh lùng cũng không lãnh đạm, đàng khác, nếu nói rằng cái diện của Ngài biểu hiện sự nồng hậu, thiện cảm, hay bí mật thì quả thật sai lầm. Tất cả những điều ấy đều quả thật là quá nhỏ bé để ta có thể gán cho Ngài. Cùng lúc, cũng là sai lầm nếu nói rằng diện mạo của Đức Phật biểu lộ một cái gì vĩ đại vượt ra khỏi trần gian, hay trí tuệ có tính cách thần linh. Không, rõ ràng là gương mặt của một người, mặc dầu vậy, cùng lúc, cũng là gương mặt mà con người không có. Tôi cảm nghe rằng ngôn ngữ mà tôi có thể thao sẽ diễn tả sai lạc những gì mà cái diện của pho tượng Phật biểu lộ. Tôi chỉ nói rằng ở đây là sự hiểu biết thấu đáo.

"Đồng thời tôi bắt đầu cảm nghe hiệu lực kỳ diệu mà diện mạo của Đức Phật đã tạo nên bên trong tôi. Tất cả những gì âm ảm sâu sâu đã phát sinh từ sâu kín trong tâm tôi hình như đã sáng tỏ dần. Hình như dung nhan của Đức Phật đã truyền thông trạng thái vắng lặng, tự tại, đến cho tôi. Những gì mà trước kia làm cho tôi ưu phiền, những gì mà trước kia tôi tưởng chừng như là vô cùng nghiêm trọng và khẩn yếu bây giờ đã trở thành thật bé nhỏ,

vô nghĩa và không đáng chú tâm đến, đến đôi
tôi phải lấy làm ngạc nhiên tại sao nó có
thể ảnh hưởng đến tôi. Và tôi cảm nghe rằng
đâu cho bất luận người nào có thể bị những
tư tưởng và những cảm kích trái ngược gây
xáo trộn, phiền nao, tức tối và dằn vặt đến đâu
khi đã tới đây rồi sẽ trở về với tâm hồn an
tĩnh, vắng lặng, tự tại, sáng suốt và hiểu biết
...

(P.D. Ouspensky, A New Model of the Universe
third edition Kegan Paul, London, 1938, trang
360-372)

Còn về điểm Phật Giáo có phải là một triết
thuyết không, điều này còn tùy thuộc nơi lời
định nghĩa của danh từ, và có thể có chẳng 1
định nghĩa bao gồm tất cả những hệ thống tư
tưởng triết học hiện hữu? Đúng theo ý nghĩa
uyên nguyên của chữ "philosophy" triết học,
"philein" trong tiếng Hy Lạp là thương, ưa
thích, và "sophi" là trí tuệ. "Philosophy" hay
triết học, là cả hai, sự mưu tìm trí tuệ và
trí tuệ đã đạt đến. Trong tư tưởng Ấn Độ danh
từ philosophy được gọi là darsana, sự thấy
chân lý. Tóm tắt, mục tiêu của triết học là
phải tìm ra chân lý cùng tốt.

Phật Giáo cũng dạy nên tìm chân lý. Nhưng tìm
chân lý ở đây không có nghĩa là chỉ luận lý
suông, không phải chỉ là một hệ thống lý
thuyết, cũng không phải là thâm thập và tàn
trừ kiến thức. Đức Phật nhấn mạnh vào phương
diện thực hành giáo lý mà Ngài đã truyền dạy,
tức áp dụng kiến thức vào đời sống - nhìn
sâu vào bên trong đời sống chứ không phải
chỉ nhìn suông trên bề mặt.

Đối với Đức Phật, toàn thể giáo huấn chỉ von
ven là thấu hiểu tận tường bản chất bất toại
nguyên của tất cả các pháp hữu vi và trau
giồi con đường dẫn thoát ra khỏi xa bất toại
nguyên. Đó là "triết lý" (philosophy) của
Ngài.

Trong Phật Giáo trí tuệ là tối quan trọng;
bởi vì nhờ có trí tuệ, nhờ có sự hiểu biết
thấu đáo mới có sự thanh lọc toàn hảo. (Sa-
myutta Nikaya, Tap A Hàm, I, 214).

Nhưng Đức Phật không bao giờ khuyến khích
trí thức suông. Theo Ngài, tuệ giác phải cùng
đi chung với tâm trong sạch, với phẩm hạnh
tuyệt hảo (vijjā-caranasampanna, minh hạnh
túc). Trí tuệ thành đạt do sự hiểu biết thấu
đáo và sự phát triển phẩm chất tinh tế, cao
siêu của tâm và trí là trí tuệ tuyệt hảo. Đó
là kiến thức châu toàn chứ không phải là
luận lý suông, hay chỉ lý luận thuần lý, hay
ngụy biện. Như vậy, rõ ràng Phật giáo không
phải chỉ suông là "sự ưa thích, hay sự thúc
đẩy đi tìm trí tuệ" cũng không phải suông là
tâm đạo nhiệt thành (mặc dầu những điều này

có ý nghĩa và có ảnh hưởng của nó đối với
nhân loại), mà là sự khuyến khích áp dụng
thực hành một giáo lý dẫn đến dứt bỏ (không
luyến ái), giác ngộ, và giải thoát cùng tốt.

Mặc dầu chúng ta gọi giáo lý của Đức Phật là
Phật Giáo (Buddhism) cũng như ta thường gọi
các "giáo thuyết" (ism) và những "học thuyết"
(ology) khác, những điều thực sự quan trọng
không phải là cái nhãn hiệu dán lên bề mặt.
Ta có thể gọi Phật Giáo là tôn giáo, triết lý
là Phật giáo, hay bất luận một danh xưng nào
khác, đối với người đi tìm chân lý và giải
thoát, cái nhãn hiệu quả thật có rất ít ý
nghĩa.

Trong khi Upatissa và Kolita (về sau trở
thành Sāriputta, Xá Lợi Phất, và Mahā Mogga-
llāna, Mục Kiền Liên, hai vị Đại Đệ Tử của Đức
Phật) đi đó đây để tìm chân lý và giải thoát
Upatissa gặp Ngài Assaji (A Tư Đà, một trong
nhóm năm vị đệ tử đầu tiên của Đức Phật),
lúc ấy đang trị bình khất thực. Upatissa vô
cùng cảm kích trước tác phong tao nhã và
thanh cao của vị tỷ kheu nhưng nghĩ rằng lúc
bây giờ không được thích hợp để vấn đạo nên
theo chân Đại Đức Assaji đến nơi Ngài dừng
chân ngưng nghỉ. Và lúc ấy Upatissa đến gần
đánh lễ Ngài và bạch hỏi về giáo lý. Đại Đức
Assaji không thuyết giảng dông dài mà chỉ từ
tôn nói vài lời, "Bản Tăng không thể dài
giải dài dòng giáo lý mà chỉ có thể tóm lược
ý nghĩa". Câu trả lời của Upatissa rất là thú
vị, "Đúng vậy, Kính Bạch Đại Đức, đầu nói nhiều
hay ít, điều mà con cần chỉ là ý nghĩa, không
phải danh từ". Và Đại Đức Assaji lập lại chỉ
một câu duy nhất bao hàm toàn thể giáo lý
của Đức Phật về định luật nhân quả:

"Bất luận pháp nào phát sinh từ một nhân,
Nhân ấy, Như Lai đã giải thích
Và Như Lai cũng giải thích luôn về sự chấm
dứt pháp ấy.
Đó là giáo huấn của bậc Đại Sa Môn".

(Ye dhammā hetuppabhavā - tesam hetum tathā
tato āha Tesam cayo nirodho - evam vadi ma-
hā samano).

Upatissa tức thì lĩnh hội ý nghĩa và đắc đạo
quả đầu tiên của hàng Tứ Thánh, thấu đạt bản
chất của sự phát sinh và tất cả những gì là
bản chất của sự chấm dứt. (yaminci samuda-
yadhammam sabbam tam niridhadhammam) (Vinaya
I 40)

Nói nhiều hay thảo luận nhiều mà không hướng
về sự hiểu biết chân chính ắt sẽ không dẫn
đắt ta đến giải thoát. Điều cần thiết là giáo
huấn chân chính (chánh giáo) và hiểu biết
chân chính (chánh kiến). Chúng ta cũng có thể

thọ lãnh chánh giáo từ thiên nhiên, từ cỏ cây
cối và hoa lá, từ đá sỏi và sông ngòi. Có
nhiều trường hợp những vị chứng ngộ chân lý
và tự thanh lọc mọi nhiễm ô tính thân thể
nhờ nhìn vào một chiếc lá rơi, hay nhìn dòng
mước đang trôi chảy, một cụm rừng đang cháy,
hay một ngọn đèn đang bị dập tắt. Những diễn
biến ở ngoại cảnh ấy đánh trúng nhằm một hòa
âm nào bên trong các Ngài, làm cho các Ngài
chợt nhận thức bản chất vô thường của vạn
pháp và nhờ đó tiến đến giải thoát. Đứng vậy
hoa sen đang trông chờ ánh sáng mặt trời, và
không trể hẹn khi vầng ánh dương rải xuống
những tia ấm ban mai thì hoa sen tung nở về
vàng, đem phần khởi, hân hoan và thỏa thích
đến mọi người.

Ở đây, trong giáo huấn này, không có xu hướng
nhằm tìm hiểu nguyên nhân cùng tận của con
người và sự vật, hay khảo sát đi sâu vào câu
hỏi, "Vũ trụ có trường tồn vĩnh cửu không?
Vũ trụ có vô tận không?".

Đức Phật không quan tâm đến những vấn đề
siêu hình học như vậy. Dầu có giải đáp hết
các vấn đề phức tạp kia, chính sự giải đáp
ấy chắc chắn không giải phóng con người ra
khỏi đau khổ và phiền não. Đó chính là lý do
tại sao Đức Phật do dự không giải đáp những
câu hỏi tương tự và đôi khi Ngài không giải
thích những câu hỏi được đặt ra một cách sai
lầm. Đức Phật là một vị Thầy thực tiễn. Mục
đích duy nhất của Ngài là giải thích tận
tàng, với đầy đủ chi tiết, vấn đề đau khổ
(dukkha), một sự kiện có thật, phổ cập trong
đời sống, làm cho người ta cảm nghe, và thuyết
phục người ta về sự hiện hữu thực sự của
dukkha, đau khổ.

Tuy nhiên, một vài học giả không thích thái
độ ấy của Đức Bổn Sư. Họ ngờ vực về sự giác
ngộ của Ngài và gán cho Ngài nhãn hiệu "Ngài
chủ trương thuyết bất khả tri". Các nhà học
giả sẽ bàn thảo và tranh luận không ngừng.
Đó không phải là những vấn đề mới được nêu
lên trong ngày nay hay hôm qua mà đã được đề
cập đến từ thời Đức Phật. Chẳng hạn như ví dụ
phương khát sĩ Sakuludāyī, hỏi Đức Phật về
quá khứ và vị lai. Câu trả lời của Đức Phật
rất thẳng thắn:

"Quá khứ, hãy để đó. Vị lai, hãy để đó. Như lai
sẽ giảng cho Ông nghe Giáo Pháp:

Khi cái này hiện hữu, cái kia trở thành hiện
hữu,
Với sự phát sinh của cái này, cái kia phát
sinh,
Khi cái này không còn nữa, cái kia không trở
thành hiện hữu,
Với sự chấm dứt cái này, cái kia chấm dứt".

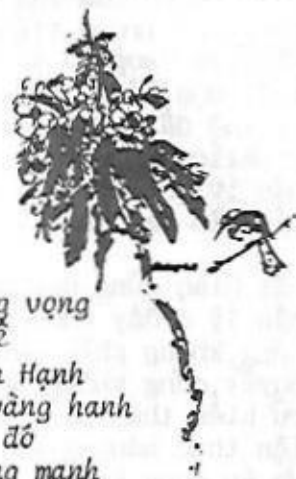
(Imasmim sati idham hoti,
Imassuppāda idam uppjati,
Imasmim asati idham na hoti,
Imassa nirodha idam nirujjhati)

Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, II, 32

Đó là những nét đại cương của giáo lý duyên
khởi, hay tùy thuộc phát sinh (pattica samu
ppāda, thường được gọi là thập nhị nhân duyên
của nhà Phật. Và giáo lý này là nền tảng của
Tứ Diệu Đế, trung tâm điểm chính yếu của Phật
Giáo.

H ẾT

về dẫu



Ngày xưa em đi lễ
Anh thăm bước u mê
Tiếng chuông chùa vang vọng
Không gian buồn tái tê
Cây đường Sư Vạn Hạnh
Mỗi chiều nắng vàng hanh
Áo trắng em qua đó
Như mây trời mong manh

Tràng hạt em cầm tay
Phôi phôi làn tóc bay
Nâng niu Kinh Nhật tụng
Anh nhìn em đắm say
Ngày ngày em lễ chùa
Anh âm thầm đón đưa
Nghe non sông réo gọi
Không còn đến chùa xưa

Giấc tiên chiêm Quân Khu
Đất nước thành nhà tù
Ba năm trời cải tạo
Mất buồn như mùa thu
Trở về thăm chùa cũ
Vắng lạnh khói hương tàn
Tiếng chuông đồng thôi đổ
Ngôi Tô đình Ấn Quang

Thầy xưa giờ vắng bóng
Người Phật tử chờ mong
Ái? Ngôi tòa thuyết pháp
Ái! Đứng cửa đợi trông?
Chín năm con đường cũ
Phố xá cũng gục đầu
Một mình âm thầm bước
Em đi!... Anh về đâu?...

● THANH SƠN, RAVENSBURG



(Tiếp theo)

Pháp môn Tịnh độ lấy tín, nguyện, hạnh làm tông; tín nguyện có sâu thiết, hạnh mới được tinh cần. Khi tai họa gặp rút, siêng năng thành khẩn, lúc bình thường không việc, chậm trễ biếng lười, là sự tu hành không chí quyết và đó cũng là bệnh chung của phàm phu. Nhưng sống trong tình thế hiện giờ, ví như người nằm yên trên đồng củi to, ở dưới lửa đã phát cháy duy chưa đốt đến thân, trong giây phút khỏi lửa sẽ mất mạng, không phòng trốn tránh. Nếu còn lơ láo qua ngày, không chuyên chú cầu cứu nói câu niệm Phật, thì sự thấy hiệu cũng là cạn cợt lắm !!

Trong Phật pháp, tu về các môn khác, tất phải đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới có thật ích, chẳng riêng gì phép quán tưởng của Tịnh độ tông. Người tu thiền lấy một câu thoại đầu không nghĩa vị làm bốn mạng nguồn thân để, tất cả tâm trí vào đó, thường thường tham cứu chẳng kể ngày tháng, đợi đến khi t i êu hết tình kiến đối với cảnh trong ngoài, mới gọi là đại triệt đại ngộ. Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Đức Lục Tổ bảo: "Chỉ xem kinh Kim Cang cũng được tỏ lòng t h ấy tánh". Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Chữ "khởi" đây, phải hiểu nghĩa, là "cực"; Duy dùng sức cùng cực mới có thể quên cả thân tâm thế giới, lắng suốt một màu. Nếu công chưa cùng cực, tuy quán niệm, song vẫn còn có kia đây, toàn là việc của tình phàm, toàn là sự thấy hiệu phân biệt, đâu dễ chân thật lợi ích? Cho nên người xưa khi t h a m thiền, đầu não như cây khô, do đó đạo phong truyền rộng khắp nơi, đời sau còn ngóng mộ. Sự lợi ích ấy đều do ở nói một chữ "cực" mà thôi.

Lá thư Tịnh Độ

ÃN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Phạm Cổ Nông

Người đời nay ưa nói suông, ít hay thực hành. Tu tịnh nghiệp phải gồm cả lý sự, mà sự lại càng nên chuyên hơn. Tại sao thế? Vì lẽ thông hiểu lý, toàn sự đều lý, trọn ngày sự trí tức là lý trí. Kẻ chưa rõ lý khi nghe nói lý trí cảm thấy nghĩa ấy mâu nhiệm, lại hợp với ý biếng trễ không thích phiên nhạc của mình, liền chấp lý bỏ sự. Đâu ngờ khi bỏ sự, lý cũng thành ra việc suông! Mong các hạ đem việc tu hành kiêm cả, sự lý khuyến bảo mọi người, công đức sẽ lớn lắm!

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Ngô Hi Chân

Một niệm Phật, ước có bốn pháp: trì danh, quán tưởng, quán tượng và thật tướng. Từ trung chỉ có pháp trì danh nhiếp cổ rất rộng, đã dễ tu lại không khởi các việc ma. Nếu muốn quán tưởng, phải xem kỹ Quán Kinh và hiểu rõ những lý: tức tâm là Phật, tâm tịnh Phật hiện, cả cảnh đều duy tâm không nên chấp trước. Đã rõ cảnh không phải là tứ bên ngoài đến, không sanh chấp trước, thì cảnh càng nhiệm mầu, tâm càng thuần phứt. Nếu được như thế, sự lợi ích của quán tưởng đâu phải kém nhỏ, tâm thương?

Trái lại, như cảnh quán chẳng thuần, lẽ d a o chưa thấu suốt, chỉ đem tâm vội gấp muốn thấy cảnh thì toàn thể là vọng, đã không dễ thông cảm với Phật, còn làm nhân cho việc ma. B ó i do gấp muốn thấy cảnh, tâm càng thêm v o n g động, khiến cho can gia nhiều kiếp về trước nhón cơ hội đó hóa hiện cảnh giới để làm cho

hành giả mê lầm. Lúc ban sơ dụng tâm đã không chọn, đâu biết đó là cảnh ma hiện, nên vì mừng khắp khởi, tình niệm chẳng yên. Nhân đó, ma liền đưa vào làm cho mê tâm mất t á n h. Chúng ấy dù có Phật hiện thân cũng khó biết làm sao cứu độ!

Vậy cư sĩ nên lượng xét căn cơ mình, đừng quá ham việc cao xa, thành ra muốn lối trở lại mang hại. Thiên Đạo hòa thường nói: "Chúng sanh đời kiếp pháp thân thức, rối loạn, đem tâm thô quán cảnh nhiệm, quyết khó thành công. Cho nên Đức Phật thường xót, riêng mở môn trí danh, vì sợ có kẻ không khéo dụng tâm, lạc vào ma cảnh. Tu theo phép trí danh rất dễ, chỉ giữ một niệm nối nhau sẽ được vắng sanh. Lại sự chỉ thành khẩn thiết cũng là phương pháp mau để trị tâm vọng và ma cảnh."

Cư sĩ nên xét lại kỹ, và đem hết tâm lực cố gắng tu hành!

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Lưu Trí Không

Vừa rồi tiếp được thơ, biết người bệnh lâu mới lành mạnh, lòng rất vui mừng! Việc sống thác trọng đại, còn vô thường chóng mau, tai nghe nói đến tuy kinh sợ, song không thống thiết bằng tự thân đã từng trải những gì ở phút gần kề cạnh ấy. Vậy người nên phát lòng đại bố để, đem tình cảnh mình khuyên trong thân quyến, bạn bè, và người có duyên, thì sự lợi ích mới được rộng.

Trong thơ nói: vì niệm Phật mau gấp nên mới lao hơi; đó là tại người không khéo dụng tâm Niệm Phật phải tùy sức mình, hoặc niệm thầm hay ra tiếng, niệm lớn hay nhỏ đều được, sao lại cứ một mặt niệm to tiếng, để đến nỗi lao hơi thành bệnh như thế? Bệnh nặng của người tuy bởi, nói thường khí mà ra, song kỳ thật là do sức nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay phát hiện. Bởi người niệm Phật tinh tấn, nên mỗi chuyện hầu báo làm hiện báo, đối quanạng thành quả nhẹ, cho nên vì đó mà thôi ch í, nghĩ ngờ. Một cơn bệnh ấy, đã tiêu không biết bao nhiêu kiếp số những tội ác đáng lẽ phải đọa vào tam đồ. Thế mới biết sức Phật k h ó nghĩ, ón Phật khó đến, nên sanh lòng vui mừng hồ thẹn và càng thêm tin tưởng. Từ đây, phải siêng năng tu hành, đem môn Tịnh độ khuyên người, khiến cho những kẻ thân sơ đều đ ể ỏc sanh về Cực Lạc. Ấy mới không phụ ón đức Phật đã dùng cơn bệnh thức tỉnh và chuyển trừ tội chướng cho mình.

Non Phố Đà không cần đến làm chi, vì tiền đi về tốn kém nhiều. Ở nhà niệm Phật công phước

tiên, lại khỏi phí của tiền sức khỏe. Như thế có phải tiện lợi hơn không?

THƠ ĐÁP CƯ SĨ Châu Trí Mậu

I.
Đuộc thơ, biết người sanh lòng tin, muốn qui y Phật pháp. Song, qui y Tam Bảo phải dứt điều ác, làm việc lành, gắng giữ trọn luân thường phát lòng tín nguyện cầu sanh về Tây phương. Lại phải có lòng thảng xót hộ sanh, đừng giết hại, và trì lục trai hoặc thập trai. Nếu chưa có thể dùng thanh đạm trọn đời, cũng chớ nên quá tham, trọng sự ăn uống. Như thế mới không trái với tâm từ bi của Phật. Người tên Châu Mộc, vậy nay ta đặt cho pháp danh là Trí Mậu. Bởi tâm tánh ví như cây do lửa phiền não thiêu đốt nên cây ấy héo khô. Nếu có trí tuệ thì phiền não không sanh, và cây tâm tánh tự nhiên tốt tươi thành mau.

Muốn thọ nạm giới, trước nên xét lại tâm mình như có thể giữ được mà không phạm, thì h ỏ i cư sĩ Hóa Tam về cách tự thọ giới trước bàn Phật, y sẽ chỉ lại cho. Đã qui hướng Phật pháp phải xem kỹ Văn Sao của ta, y theo thật hành mới không bị kẻ dụng thường làm mê h o á c, khiến cho sanh tâm cầu phước báo đời s á u, hoặc mong thành tiên rồi tu phép luyện độn vẫn khí. Nếu có thể lãnh hội ý nghĩa trong bộ Văn Sao, thì dù có trăm ngàn ngoại đạo, cũng không thể lay chuyển được tâm người. Chớ cho rằng bộ ấy không đủ y cứ, phải biết những lỗi trong đó đều do theo ý nghĩa kinh Phật, hoặc thành ngôn của các bậc Tổ Sư, thiện trí thức mà thuật lại, không phải tự ta bịa đặt viết ra.

Nên nhận xét kỹ, sự lợi ích sẽ được nhiều.

II.

Người ý chỉ rất kém, tâm lại quá cao, tuy nói vâng lời ta, thật ra toàn là y theo t h i ên kiến của mình. Trong môn Tịnh độ, lòng tin là cội gốc. Tin được chắc, kẻ phạm tội ngưng tích thấp ác đều có thể vắng sanh; tin chưa vững, bậc thông tông thông giáo còn hoặc n g hiệp cũng không duyên phận. Người đã chẳng phải là bậc thông tông giáo, có thể mong sức m í nh trí hoặc nghiệp để khỏi sanh tử, lại kh ể tin nơi sức Phật và công đức của tự tánh đều kh ể thế nghĩ bàn, thì làm sao để giải thoát? Phải biết, nếu đủ tín nguyện sâu thiết cầu về Tây phương, không người nào chẳng được vắng sanh Niệm Phật là pháp tròn, tắc mau l ẻ để thoát nẻo luân hồi; với sự hướng thượng của môn này người còn chưa biết, lại sanh lòng háo thắng đi nghiên cứu Khỏi Tín Luận! Luận Khỏi T í n tuy là cương yếu của Phật pháp, nhưng kh ể

sự lợi ích cho người cần tánh kém và kẻ sở hữu. Dĩ cho nghiên cứu luân Khôi Tín dĩ dĩ ở c thông suốt không còn nghi, đến khi dụng công lại phải y theo phép niệm Phật cầu s a n h mới là ổn thỏa. Nếu nói về lý giải, lại còn có những nghĩa của pháp tướng, thiên, g i áo rất nhiệm mầu, người làm sao thông suốt cho hết được? Tâm người cao như thế, mà không biết hạn lượng sự cao theo sức mình! Người tự cho rằng "cần tánh hèn kém, khó mong sanh về Tây phương, chỉ cầu không dọa tam đồ cũng v u i lòng", đâu biết nếu chẳng được vãng s a n h, tương lai sẽ bị dọa vào ác đạo? Quan niệm ấy đã không hợp với giáo huấn của Phật, lại trái lời khuyên bảo của ta, mà gọi: "vãng theo thật hành, một lòng niệm Phật", là thế nào?

Nay người chức nghiệp tâm thường, tứ c á ch chưa phải là bậc cao thượng, sự lập chí như thế, thật khiến cho người đáng than thở và buồn cười? Nên dứt hẳn mối cao vọng cầu làm bậc đại thông giả ấy đi, rồi chuyên t â m nghiên cứu các kinh sách Tịnh độ và xem lại, mấy bức thơ ta gởi cho Cao Thiệu Lân, Tử Nữ Sĩ trong Văn Sao, y theo đó thật hành. Chớ nên vì mình cần tánh hèn kém mà nâng cao sự vãng sanh, để việc ấy ra vòng ngoài. P h á i dùng câu niệm Phật làm bốn mạng sườn thân tùy lúc động tịnh đều nắm chắc đứng vững bền. Lại, những tâm niệm, hành vi phải giữ sao cho hợp với tông chỉ: dứt các điều ác, làm những việc lành. Ngoài ra, nếu có sức dư, không ngại gì tụng trì kinh chú, nên lấy sự c h í thành làm cột gờ, đứng vững suốt, thông nghĩa lý. Nếu trước vội muốn thấu hiểu, chớ chuyên nội sự tụng niệm chỉ thành, dù c ó thấu hiểu cũng không thật ích, hưởng chikho thấu hiểu ư? Đến như, các môn pháp t ử ở ng, thiên giáo, nghiên cứu tron dối cũng k h ó nắm được chỗ qui thú, dù được, còn phải dứt sạch hết hoặc nghiệp mới thoát khỏi l u ân hồi. Nói đến việc này, e rằng mộng không thành mộng đó thôi! Bộ Văn Sao của ta, người x e m chưa kỹ, nên lời nói ra cao thì tối mây xanh thấp lại tận đáy biển thăm. Trong ấy, luôn luôn nhắc đến những kinh sách nên xem, cách thức xem như thế nào, và sự khó được lợi ích của các môn pháp tướng, thiên, giáo. Sở dĩ có sự khó dễ vì pháp môn Tịnh độ nương nhờ sức từ của Phật, các pháp môn khác chỉ dùng sức mình. Những môn kia đều là giáo lý t h ô ng thường, như sĩ phu trong đời do tài đức mà làm quan cao thấp. Môn Tịnh độ là giáo l ý đặc biệt, như Thái tử mới sanh đã tôn q u í hơn quần thần. Vì thế, hai bên không thể sánh nhau, mà phạm phu nghiệp chướng vẫn nhiều, há chẳng dễ đạt trong sự lựa chọn pháp môn để tu hành ư?

Người đã tự nhận năng lực kém hèn, kiếp nê. có hạn, sao còn mai theo cao vọng của mình?

Việc ấy ta không ép, nếu người làm được bậc đại thông giả thì cũng hân hạnh cho P h á t giáo, sợ e khi làm chẳng xong, môn Tịnh độ lại chưa tin chắc, rồi ra hỏng mất cả đời. Giá sử đời này có tu được chút ít công đức, kiếp sau nhưt dinh sẽ lạc vào vòng phúc báo của thế gian. Người thì nghĩ: người giàu sang đã mấy ai không, tao nghiệp? Như ngày nay vận n, u, ộc nguy biến, dân chúng lầm than, đều do bởi, ảnh hưởng phúc báo của những người đời trước tu hành không trí huệ. Khi đã lạc vào kiếp sau, người làm thế nào bao đảm được mình khỏi mê lầm, không dọa ác đạo? Nếu chẳng sanh về Tây phương, một đời không dọa còn có thể, hai đời không dọa, rất ít lắm đó!

(Còn tiếp)

Vu Lan gửi Mẹ



Vu Lan này con xin gửi Mẹ
Đóa Hoa Hồng tươi thắm tình thương
Ôi diễm phúc được còn người Mẹ
tại quê ta thao thức canh trường.

Mẹ là món quà ngon nếp một,
Chuối ba hương, mật ngọt muôn đời
Mẹ là đường mía lau ngào ngọt
Mẹ nuôi con khôn lớn đầy vui.
Mẹ có biết Mẹ là giòng suối
tình thương kia tuôn chảy không thôi,
Mẹ có biết Mẹ là ngọn núi
vời vợi cao Hy Lạp muôn đời

...
Thiệt cho con sớm rời lòng Mẹ
tiếc cho con không hưởng đậm đà
nguồn âu yếm, tách ra cha mẹ
tuổi còn non, con đã đi xa !!!...

...
Vu Lan về con xin dâng Mẹ
Đóa Hồng Vàng ánh sáng vãng dương
đỏ, màu Y con đã xin dâng
Một ngày nào, Chánh Pháp hoăng dương.
Con chẳng biết lấy gì báo hiếu
Cho Mẹ Cha trong cả bảy đời
Con chỉ biết nguyện lòng tu niệm
Giác Tự tâm, Tha Giác nơi nơi
Vu Lan này con xin nhắc Mẹ
Mang Hoa Hồng bố thí trần gian
Nước non ta tanh mùi máu đổ
và giang sơn đầy đó lắm than !...

Vu Lan này con xin biếu Mẹ
trái tim đầy nhiệt huyết trào khơi
đã từ lâu chưa từng được gọi
vời ngọt ngào, hai tiếng "Mẹ đi... "

● CỐ NI CỐ THÍCH NỮ TRÍ TÁNH

TINH THẦN VĂN NGHỆ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

CẢM HỨNG VĂN NGHỆ.

Văn nghệ cốt ở cảm hứng, có cảm hứng mới có sáng tác, cho nên tùy tính chất cảm hứng mà tác phẩm có giá trị. Cảm hứng nông cạn thì thiên thì giá trị cũng nông cạn thì thiên thì cảm hứng thâm trầm thì giá trị sâu rộng. Phóng ngôn nói "Người làm sao chiêm bao làm vậy". Muốn cho tác phẩm rung động lòng người sâu xa, thì cảm hứng cũng phải sâu rộng, mà cảm hứng sâu rộng chỉ có được ở những tâm hồn nở cõi mở, thanh tao, vô tư và thông cảm. Từ hơn hai ngàn năm trước đây truyền thống văn nghệ Á châu đã tuyên bố các nguyên lý ấy ở Nhạc ký :

"Thi ngôn kỳ chí dã, ca vịnh kỳ thanh dã, vũ động kỳ dung dã. Tam giả bản ư tâm, nhiên hậu nhạc khế tông chi. Thi cổ tình thâm nhi văn minh, khế thịnh nhi hòa thân, hòa thuận tích trung nhi anh hòa phát ngoại". (Nhạc ký)

Văn thơ nói lên cái ý chí, ca hát nảy lên thanh âm, vũ điệu vận động cái dung mạo. Ba tác dụng ấy căn bản ở tâm, rồi sau nhạc cụ mới tuân theo. Bởi thế tình cảm có thâm sâu thì văn chương sáng láng, khi lực có dồi dào tinh thần mới biến hóa, hòa điệu, có ấp ủ bên trong thì anh hòa mới phát ra ngoài". (Lễ ký - Nhạc ký)

Chính cũng cái nguyên lý ấy mà Nguyễn C ư Trinh ở Việt Nam đã nhắc lại trong hai câu thơ chữ Hán ở vợ tuồng Sãi Vãi :

Thành ư trung vị đắc hòa bình,
Hình tại ngoại bất năng trung liệt.

(Truyện Sãi Vãi)

Lòng thành thực ở bên trong chưa đạt tới hòa bình thì hình dạng bên ngoài không trùng tiết điệu. Vậy nguồn cảm hứng ở Văn nghệ là quyết định giá trị cho tác phẩm nghệ thuật thì họ tinh thần cổ Hoa Việt, và ngày nay thậm chí văn nghệ Âu Tây cũng không ra ngoài cái nguyên lý ấy, như một nhà bình luận văn chương mới đây đã viết :

"Này thi sĩ! Hãy cho ta biết cái gì là nguồn cảm hứng của người. Người đã cảm hứng thì ẽ

nào? Và người diễn dịch những cảm hứng ra sao, ta sẽ có thể nói được người là Ai? Với người ta sẽ nói được đặc tính của hoàn cảnh người sống, dân tộc của người, và cả đến con người của Người nữa. Ta sẽ phân tách ra tất cả cái gì ở người hoặc có tính cách đại đồng hoặc chỉ có tính cách phổ biến hay là cá nhân hạn chế vào cá nhân đặc thù của người thôi (Chatelain).

"HOA SEN" : NGUỒN CẢM HỨNG VĂN NGHỆ VIỆT NAM

Văn nghệ Việt từ bình dân đến bác học đã sớm tìm thấy nguồn cảm hứng vừa sâu rộng vừa cao siêu của mình ở tình yêu hiện thực và đạo đức đồng Phật giáo, ở lòng từ bi bác ái cứu nạn của Phật Quan Âm, không những phổ cập khắp xã hội để cứu vớt chúng sinh mà còn thâm nhuận muôn vật.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa viết :
"Phật bảo Vô tận ý Bồ Tát: Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh đang khổ não mọi cách, nghe Quan Âm Bồ Tát, một lời nói thành tín xưng tên, tức thời chúng sẽ nghe thấy tiếng gọi của Ngài mà được cứu vớt... Nếu có người phụ nữ, muốn cầu con trai, hãy lễ lạy cúng dường Quan Âm Bồ Tát thì liền sanh con trai phước đức trí tuệ..."

Từ lâu tin vào đức hiệu sinh tế độ ấy của Phật Quan Âm, cho nên vua Lý Thành Tông tuổi đã cao chưa có người nối nghiệp nhà, đêm ngày tâm tâm niệm niệm; một đêm mộng thấy Phật Quan Âm ngồi trên đài sen vậy vua lên đàng triều thần, ai nấy đều cho là điềm tốt. Nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua xây dựng cột đá giữa hồ, đặt đài hoa sen có tượng Quan Âm ở trên như thây trong mộng. Tăng đồ chạy đàn quanh đài, tụng kinh để cầu cho vua sống lâu. Năm sau sinh hạ hoàng tử. Theo bia "Sùng thiện Diên lợi nhân" dựng vào năm 1122 tại núi Long Đồi tỉnh Hà-Nam bây giờ, thầy ghi tỉ mỉ ngôi chùa Diên Hựu, tục gọi là Một Cột như sau :

"Ở vườn Tây cầm, dựng chùa Diên Hựu. Theo nếp cũ, thêm ý mới của nhà vua tạc hồ Linh Chiếu

Trên hồ dựng lên một cột đá, trên cột đá n ớ một Hoa sen ngàn cánh. Trên Hoa lại gác một tòa điện; trong điện đặt một pho tượng Phật bằng vàng. Chung quanh hồ có hành lang b a o v ỹ, tương v ẽ. Ngoài hành lang lại có hồkhang Bích b ọc bốn b ề. Mỗi b ề có cầu thông r ang ngoài sân. Trong sân kê đầu cầu ở trước chùa c ó dựng hai tháp l ợp ng ời sứ". (Hoàng Xuân Hãn dịch dẫn ở Lý Thường Kiệt, quyển II, tr. 415).



La Thành cổ tích dân v ịnh của Trần Bá L ẽ m (1788) có thơ đề

Nhất trụ tứ

Thành lý hoa thôn thôn lý tự

Lý triều Diên H ựu thủy kinh hoành

Quan trung đoãn chiếp năng hùng m ộng

Bồ Tát Quan Âm quả hữu linh.

Chùa Một Cột,

Bên trong thành có xóm hoa, trong xóm hoa có ngôi chùa. Triều Lý bắt đầu xây, gọi tên l ầ Diên H ựu. Trong triều các quan đồng lòng nghiệp sức mới có m ộng con trai. Đức Quan Âm Bồ Tát quả là linh ứng. (Nam Phong, phần chú Hán số 91).

Vậy chùa Một Cột là cụ thể hóa hình ảnh Hoa Sen mọc lên giữa hồ nước đã mô tả nguồn cảm hứng tôn giáo nghệ thuật của dân tộc ngay từ bước đầu triều đại oanh liệt nhất trong lịch sử độc lập Việt Nam.

Và Hoa Sen là tượng trưng cho tâm linh Phật giáo cũng như tâm linh truyền thống V ẽda.

Theo V ẽda thì Bản thể đại đồng hiện ở trong tâm hồn và thế giới; Upanisad viết :

"Này, ở tại thân tâm đây có cái thành trì của Phạm Vương, ở đây có một Bông Sen nhỏ xiubên trong có một khoảng trống. Cái gì ở bên trong ấy là cái mà ta nên tìm kiếm vì chắc c h ần cái ấy là cái người ta hằng mong mới đ ược biết.

"Thế giới này có lan tràn ra không gian đến đâu nữa thì cái khoảng trống ở bên trong tâm cũng lan tràn ra đến đây. Thực vậy, ở tại trụ ấy có chứa đầy đủ cả trời, đất, nước, lửa, mặt trời, mặt trăng, chớp sáng và tinh tú. Bất cứ cái gì có thật đối với ta ở thế gian và bất cứ cái gì không có thật, hết thảy đều chứa cả ở trong ấy.

"Hỏi rằng nếu bên trong thành trì của Phạm Vương có chứa tất cả hiện hữu, tất cả chúng

sinh và dục vọng, thì đến khi tuổi tác, thân thể tiêu tụy và tiêu diệt, có gì còn lại?

"Đáp rằng: bản thể ở bên trong không có tuổi không già với tuổi, không bị tiêu diệt k h i thân thể đã huỷ diệt. R ằng cái Ấy mới thực là Thiên đ ường. Trong ấy có đủ cả ước muốn, không đau khổ, đói khát. Ước muốn của cái Ấy là sự thật, ý nghĩ của cái Ấy là sự thật...

"Những kẻ nào bắt đầu tư giả thế giới này đã tìm thấy được ấy đây là bản thể với những ước vọng chân thật, những kẻ ấy ở thế giới n ầ o cũng vẫn tự do". (Chandogya Upanisad)

Ý nghĩa đoạn văn cổ kinh trên đây là ở tại bản thân ta có một tâm linh. Cái đó có thật thì thế giới mà chúng ta nhìn, nghe, sờ, ngửi, n ếm, nghĩa là thế giới của cảm giác hay của ý thức mới có thật, vì có thật là có t h ậ t là tương quan với cái gì. Vì chúng ta c h ỉ biết được khi nào tinh thần ta bao cho biết mà thôi. Vậy tâm linh hay bản thể tinh thần phải có đã thì rồi tất cả cái gì tương quan với nó mới có thật được. Cái bản thể t i n h thần hay tâm linh ấy làm linh động cho tất cả thế giới của giác quan này và vì thế m ầ người ta đã tương trưng nó là Hoa Sen, đứng trong biển đời mà không biến đổi.

Sau này trong toàn cõi A Đông Phật giáo đã công nhận ý nghĩa tượng trưng Hoa Sen l ầ y làm tinh thần Phật giáo, nhất là Phật g i ạo Đại Thừa, cho nên đã có cả một bộ kinh Phật chính yếu mang tên kinh "Diệu Pháp Liên Hoa trong ấy chúng ta đọc thấy :

"Thanh Văn và Duyên Giác đều bao hàm trụ Đại Thừa, vậy thì ai cũng thành Phật được cả. Cho đến bốn bát t ین và hàng ph ụ nhân cũng chứng quả Phật được nữa. Các chúng sinh đều có Phật tính, lý ứng phải tương r ằng tất cả đều c ó thể lướt tới quả Phật, chẳng trừ vật nào. Vậy thì không ai được cái đạo lý huyền diệu của Ta làm th ướng. Trước kia Ta dạy chân lý tam là phương tiện để đưa người vào đường chánh Diệu Pháp Liên Hoa. Vậy chân lý tam thời v ỉ như Hoa Sen, chân lý thiết thu như hạt sen . Hoa tức là phương tiện để thành quả hạt; ph ỷ tiện và củi cành không rời nhau được. Kh ỉ c ó củi cành làm sao có phương tiện và ch ấ t thực hành phương tiện làm sao đạt được củi cành. S ố l ầ hai song cành là một. (Trích trong "Diệu Pháp Liên Hoa" kinh)

Ở đây nghĩa tượng trưng Hoa Sen lại còn minh bạch rõ rệt hơn và cũng sâu rộng hơn về nhân sinh. Hoa Sen tượng trưng cho cả một triết lý tâm linh hiện thực của Bồ Tát. Nhìn ở q u an điểm sinh thành, mâu thuẫn, khai triển b i ến hóa, thì lý tương với thực tế không thể rời nhau, cũng như b ùn nước là phương tiện để n ầy bông sen tốt đẹp. Vật chất với tinh thần l ầ hai phương tiện biểu hiện của một thực tại Nguồn Sống Duy Nhất sáng tạo. Đây là b i ệ n

xem tiếp trang 23



Việt Nam phong sử

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mạc Khách sưu lục

(Kỳ 21)
CHƯƠNG 77

*Đời vua Vĩnh Tộ lên ngôi,
Cơm gạo đầy nổi, trẻ chẳng ăn cho.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Vĩnh Tộ là niên hiệu vua Lê Thần Tông (1620-1628).

Trong khoảng niên hiệu Lê Cảnh Hưng (1740-1786) và Lê Chiêu Thống (1781-1788) có lắm năm mất mùa đói khổ, nhân dân lưu ly tứ tán, cha con không thể nuôi nhau, anh em không thể dựa nhau, cho nên họ nhớ lại những ngày trũng mùa trong niên hiệu Lê Vĩnh Tộ mà than thở kiếp sống của họ không gặp thời.

Đây cũng là lời của quan chức than thở không được vua hậu đãi bằng nhà cao cửa rộng với bữa cơm đầy đủ dồi dào, như ở Thiên Triệu Dư thuộc phần Tân Phong trong Thi Kinh đã ấy chăng?

CHƯƠNG 78

*Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.*

Thơ phong sử này thuộc tỷ.
Cải, rau cải có thể làm dưa, tháng mùa đông ng bắt đầu gieo hạt mà trồng. Trời, Thiên Triệu, triều nhà Thanh bên Tàu. Nước ta trái các đời đều chịu triều đình Trung Quốc phong cho cho nên gọi nước Trung Quốc là Thiên Triệu. Răm, thứ rau có vị cay, mọc ở chỗ đất thấp.

Theo Sử ký, Nguyễn thị Kim, người ở làng Tỳ Bà huyện Lương Tài là cung phi của vua Lê Mẫn Đế. Lúc ấy quân Tây Sơn chiếm cứ thành Thăng Long, vua Lê Chiêu Thống và Hoàng Thái Hậu cùng với cung phi chạy lên Cao Bằng ném mọi nổi

đắng cay.
Đến khi vua Chiêu Thống sai người sang cầu cứu với nhà Thanh thì trước hết bị mật khiến người hộ tống Thái Hậu và Nguyên tú (con trai trưởng của vua) đi sang Tàu.

Còn cung phi Nguyễn thị Kim đi theo kịp phải buồn hận trở về âm thầm ăn tránh trong dân gian lo việc làm ruộng nuôi tằm và dệt vải để sống bằng sức lực của mình. Ngày xưa sống với phần sấp cung trang, ngày nay nâng trở thành người dân bà quê với áo vải thưa gai, vua thì chạy đi, nước thì tan mất, nổi đắng cay không xiết được, cho nên làm thơ phong dao để tự ví mình.

Cải(1) là thứ rau có vị đắng ví với Thái Hậu Rau răm cũng có vị đắng ví với Cung phi. Nói Thái Hậu đi xa sang Thiên Triệu chưa biết cam khổ ra sao. Một mình Cung phi ở lại trong đất, giặc chiếm đóng phải chịu nỗi cay đắng ấy. Đây cũng là lời than thở.

Về sau vua Chiêu Thống ở Yên Kinh bị bệnh mà chết.

Sau khi lấy được nước và định quốc đô, triều Nguyễn ta xin nhà Thanh đưa linh cữu vua Lê Chiêu Thống về nước.

Cung phi Nguyễn thị Kim đến trước linh cữu lay khóc rồi uống thuốc độc mà chết. Thương thay! Trung thân liệt nữ từ xưa đều thế.

Nay người ta đọc đến chương này thấy đã ớc lời trung nghĩa rõ ràng, tuy lão luyện về văn mặc nói cũng không thấu đạt được.

CHƯƠNG 79

*Hỡi Nước Nước,
Trăng khuya đã mọc, con(2) nước đã lên,
Chèo sang bến kinh, bảy năm ba rở.
Họa may trời độ, dặng cá ông voi.*

Tiền xử đây lời(3), gạo năm ba thúng.

Thơ phong sự này thuộc phú.

Đây là người ở ẩn muốn lời ông chài để tự an ủi mình.

Nước, tên cá nước ở biển, mình toàn màu đen, to như con heo, khi gặp thuyền thì tụ lại theo thuyền mà lội đua.

Ông chài lấy tên cá nước đặt tên đứa con. Hối, tiếng ông chài gọi đứa con. Cá ông voi, loài cá rất to ở biển.

Cuối đời Lê, quân Tây Sơn cướp đất Bắc, họ Trịnh xâm phạm phương Nam, đời gặp loạn ly, người hiền tài không vui ra làm quan, phần nhiều gởi đầu chân ở sông hồ, mới mượn lời ông chài mà bày tỏ tâm tình.

Nói trắng đã mọc, thủy triều đã dâng, ông chài trên sông cũng theo con nước mà tiến, thuyền chài phân nhiều đi theo cá mà lên. Cha con ta sao không dậy sớm sang bên kia sông quăng lưới bắt cá để nuôi sống cho đầy đủ. Ý nói: được vậy cũng đã biết là đủ rồi mà không có ý gì cầu cạnh với đời.

Nhà thơ này cũng là hạng quân tử không chịu ngồi không mà ẩn như ở thiền Phật Đản thuộc phần Ngụy Phong trong Thi Kinh chăng?

Nghe thơ phong dao này, người cô lão k e chuyện :



Lúc đầu thời trung hưng của triều Nguyễn ta có ông chài tên Tráng, người ở huyện Phú Cát tỉnh Bình Định nhà ở cửa biển Thị Nại, lấy việc đánh cá làm nghề nghiệp.

Lúc bốn ba tạm trú ở miền Nam, từ Thuận Hóa về Nam bị Tây Sơn chiếm đóng, Thế Tổ Cao Hoàng triều ta thu quân về thành Gia Định, sai Võ Tánh và Ngô Tùng Châu đem quân ra lấy thành Quy Nhơn. Hai vị lấy được thành ấy.

Vua Cảnh Thịnh nhà Tây Sơn lại sai Nguyễn Văn Diêu đem binh vây Quy Nhơn.

Quân của Võ Tánh đóng ở trong thành, binh của Diêu vây ở ngoài thành, hai bên chống g i ữ nhau đã mấy năm.

Vua Gia Long lo ngại, đem trọn binh thuyền đến thẳng Thị Nại để cứu Võ Tánh. Võ Tánh hay được bên viết mật thư cho vua Gia Long rằng "Bình tướng Tây Sơn vây lấy Quy Nhơn thì kinh thành Phú Xuân tất phải trống không, xin vua đem ngay binh thuyền đến thẳng Thuận Hóa rồi sau sẽ đem binh đến cứu Quy Nhơn".

Trong thư có câu: "Lấy một tính mệnh củathân đổi lấy Phú Xuân là đủ rồi".

Lúc ấy binh Tây Sơn đóng ở cửa Thị Nại, thuyền của Vua Gia Long không thể vào, cửa biển của Võ Tánh không thể đem ra.

Có một ông chài tên Tráng xin dùng kế để đem thư đi. Võ Tánh bằng lòng. Lão Tráng lấy bức thư phong kín lặn xuống nước mà đi, đầu đội bó rơm làm ra dáng phiêu lưu. Quân Tây Sơn không hay biết.

Lão Tráng lặn đến thuyền Vua, cầm bức thư dâng lên. Vua Gia Long được bức thư, mừng lắm, thấy lão bị lạnh, bèn lấy áo ngự bảo mặc cho lão.

Lúc ấy trong quân thành lĩnh không có bút mực Vua Gia Long bèn lấy sơn bôi vào bàn tay in dấu tay vào miếng giấy to đưa cho lão Tráng và bảo: "Người cố công to đổi với ta, người hãy lấy dấu bàn tay ta làm tin. Ngày nào lấy được nước, ta sẽ cố chiếu chi với người người cầm lấy dấu tay đến gặp ta, thì ắt được báo ơn trọng hậu".

Lão Tráng lấy từ biệt, lại đội bó rơm lặn xuống nước.

Tháng 5 năm ấy, Vua Gia Long y theo lời Võ Tánh, cất đại binh thuyền lấy Phú Xuân.

Sau khi lấy được nước định xong quốc đô, Vua Gia Long sai người triệu lão Tráng.

Lúc ấy lão đã hơn 70 tuổi, nghe được Vua với liền đem hai con cá khô đến kinh thành Phú Xuân yết kiến.

Vua Gia Long cả mừng bảo :

- Người muốn quan chức gì ta cũng không tiếc Lão Tráng là người cả lắm, liền tâu :

- Thần Tráng Tráng không có điều ham thích gì khác, chỉ thích người ta gọi mình là ông Tráng Tráng mà thôi.

Vua Gia Long đưa bảo :

- Thế thì phong cho người làm Tráng Tráng Quận Công.

Vua Gia Long ban cho rất trọng hậu và cho lão Tráng trở về.

Lão Tráng lại gởi dấu chân vào chốn sông hồ, mà chưa từng không có công với đời và cũng chưa từng đã cầu cạnh gì với đời vậy.

- (1) Sách chép sai ra chữ đồ là rau đồ.
- (2) Sách chép chữ đồ, nhưng ở đây phải chữ hổ con mới đúng.
- (3) Lời, sợi dây rất chắc dùng để khâu t i ền vào; các bà nội trợ ngày xưa đi chợ thợ quần lời mấy vòng quanh eo lưng.

(còn tiếp)



QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Từ An Nam đến Đại nam

Bầu Cầm

Học giả Mạc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOẠN:

Vì lý do không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa Soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạ ơn mỗi Đạo tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc về Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hộ thủ cho.

Tháng giêng năm Hàm Thông thứ 4 (quý. vi 863) quân Nam Chiếu công hãm phủ thành, Thái Tập chết (19). Tháng 6 năm ấy, nhà Đường bỏ An Nam đô hộ phủ, đặt Hành Giao Châu ở trấn Hải Môn (20), cho chức hủi giám môn vệ tướng quân là Tống Nhung làm thủ sử Hành Giao Châu, chức Vụ nghĩa tiết độ sứ là Khang Thừa Huân kiêm Lĩnh Nam và hành doanh các quân (21). Tháng 7 năm ấy, nhà Đường lại đặt phủ đô hộ ở Hành Giao Châu, thăng Tống Nhung làm kinh lược sứ đem quân Sơn Đông đến trấn trị (22).

Năm Hàm Thông thứ 5 (864), quân Nam Chiếu đến cướp phá Ung Châu (nay thuộc Quảng Tây); quân nhà Đường thua. Khang Thừa Huân già mao, lấy công, được thăng kiêm hiệu Lĩnh Nam tiết độ. Vi Trụ biết rõ công việc của Thừa Huân mới làm tờ trình lên tể Tướng. Do đó, vua Đường bãi chức của Thừa Huân, cho chức tổng quản kinh lược sứ là Trương Nhân sang thay, kiêm xử lý việc châu Giao, lại tăng thêm quân ở trấn Hải Môn (23).

Trương Nhân dùng đảng không đi. Hạ Hầu Túc tiền cũ chức kiêm vệ tướng quân là Cao Biền làm chức đô hộ tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ những quân thuộc quyền Trương Nhân chỉ huy đều được giao cho Cao Biền (24).

Thế là trong thời gian đó, An Nam đô hộ phủ bị quân Nam Chiếu chiếm cứ, nên nhà Đường phải đặt phủ đô hộ tạm tại Hành Giao Châu ở

(tiếp theo)

trấn Hải Môn.

(19)

An Nam chí lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế phần chữ Hán, tr. 101, chép về Thái Tập như sau: Hàm thông tam niên, đại Vương Khoan vi An Nam kinh lược. Thập nhất nguyệt, Nam chiếu man vi Giao chí, Tập anh thành cố thủ, cử u binh bất chí. Tứ niên chinh nguyệt, man công cấp, thành hãm, nghĩa tử gia thất thập nhân. Tập dư kỳ hạ đồ bộ lực chiến, dục xug i á m quân thuyến, thuyến dĩ lý nạn, Tập nich thủy tử = Năm Hàm Thông thứ 3, (Thái Tập) thay Vương Khoan làm An Nam kinh lược. Tháng 11 (năm ấy) rộ Nam Chiếu vây Giao Chí, Tập đóng cửa thành cố giữ, nhưng binh cứu viện chẳng đến. Năm (Hàm Thông) thứ 4 tháng giêng, quân rộ đ á nh gập, thành bị hãm, 70 người chết. Tập cùng mấy người thủ hạ đi chân, ra sức chiến đấu, muốn chạy đến thuyến giám quân, nhưng thuyến đã liả bên, Tập bị chết chìm. Khâm Định Việt Sử (tiền biên, quyển 5, tờ 2b-3a), Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (ngoại kỳ, quyển 5, tờ 11ab) và Đại Việt Sử Ký Tiền Biên (ngoại kỳ, quyển 6, tờ 16b) cũng chép đại khái như An Nam chí lược, duy có khác một điều là: khi Nam Chiếu đã công hãm đô hộ phủ thành, thì những kẻ tả hữu của Thái Tập không còn nữa, Tập đi chân và cố sức chiến đấu, mình bị trúng mười mũi tên, nhiên hậu mới chạy ra thuyến giám quân, song thuyến đã liả bên, nên bị chết đuối. Cựu Đường thư, quyển 19

thượng, tờ 4a, chép việc này vào mùa đông năm Hàm Thông thứ 4.

(20)

Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 5a, chưa rắng: "Theo Thanh nhất thống chí, t r ần Hải Môn nay ở phía tây huyện Bắc Bạch, châu Vất Lâm, cách huyện chừng 15 dặm, ngày xưa là con đường ở Trung Hoa sang An Nam: Cao Biền đã do đó kéo quân sang lấy lại An Nam. Có nộ bào rằng Hải Môn ở Hải Dương, ấy là nhận lầm Hải Môn là nơi Ngô Quyền cắm cọc để đánh với Hoàng Tháo vậy". Huyện Bắc Bạch nay thuộc tỉnh Quảng Tây.

(21)

Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 3b - 4a; Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 12a; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 17b.

(22)

Khâm Định Việt Sử, quyển 5, tờ 5ab; Đại Việt Sử toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 12a; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 17b.

(23)

Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 6ab, chép là 35.000 người. Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 12b) và Đại Việt Sử Ký tiền biên (ngoại kỷ, quyển 6, tờ 17b) đều chép là 25.000 người. An Nam chí nguyên, hiệu bản của PQVPHV, quyển 2, tr. 161, chép là 55.000 người. An Nam chí lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế phần chữ Hán, tr. 102, chép là 20.000 người.

(24)

Khâm Định Việt Sử (tiền biên, quyển 5, tờ 6b), Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 12b), Đại Việt Sử Ký tiền biên (ngoại kỷ, quyển 6, tờ 17b-18a) và Hoàng Việt giáp tý niên biểu (quyển thượng, tr. 301) đều chép như vậy. Những Tân Đường Thư, quyển 9, tờ 2a, chép việc Cao Biền được làm An Nam kinh lược chiêu thảo sứ vào tháng 2 năm Hàm Thông thứ 4 (863).

II. Tĩnh Hải

Tháng 10 năm Hàm Thông thứ 7 (866), Cao Biền đuổi được quân Nam Chiếu, lấy lại thành Giao Châu (1). Nhà Đường gia cho Biền chức ki ế m hiệu Công bộ thượng thư (2).

Đến tháng 11 năm đó, giặc giả đã yên, nhà Đường đổi An Nam đô hộ phủ làm Tĩnh Hải Quân (3), dùng Cao Biền làm tiết độ sứ (4). Cao Biền vào ở phủ trị, xây thành Đại La (5).

(1)

Cựu Đường Thư (quyển 19 thượng, tờ 7a), Tân Đường Thư (quyển 9, tờ 2b), Đại Việt Sử Ký toàn thư (ngoại kỷ, quyển 5, tờ 13b-14a) và Đại Việt Sử Ký tiền biên (ngoại kỷ, quyển 6, tờ 18b-19a) đều chép tháng 10 năm Hàm Thông thứ 7, Cao Biền mới dẹp được giặc Nam Chiếu, lấy lại thành Giao Châu (tức An Nam đô hộ phủ). Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 8a, chép Cao Biền khắc phục thành Giao Châu vào tháng 4 năm Hàm Thông thứ 7. Chép như thế là lầm, vì tháng 4 năm đó tuy Cao Biền cả phá được giặc, nhưng đến tháng 10 mới hạ được thành.

(2)

Cựu Đường Thư, quyển 182, tờ 5b; An Nam chí nguyên, hiệu bản của PQVPHV, quyển 2, tr. 163; An Nam chí lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế phần chữ Hán, tr. 102; Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 8a; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 14a; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 19a. Riêng Tân Đường Thư, quyển 224 hạ, tờ 3b, chép rằng khi đi ứ ợc tin thắng trận ở An Nam, vua Đường thăng cho Cao Biền chức kiêm hiệu Hình bộ thượng thư.

(3)

Quân: khu hoạch hành chính, cũng như châu quân (Xem chữ trong Từ Nguyên và Từ Hải, tập đầu, bộ xa, 2 nét).

(4)

Tân Đường Thư, quyển 224 hạ, tờ 3b; An Nam chí lược, hiệu bản của Viện Đại Học Huế, phần chữ Hán, tr. 102; An Nam chí nguyên, hiệu bản của PQVPHV, quyển 2, tr. 163; Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 14b; Đại Việt Sử Ký tiền biên, ngoại kỷ, quyển 6, tờ 19b; Khâm Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 10a; Hoàng Việt giáp tý niên biểu, quyển thượng, tr. 301.

(5)

Đại Việt Sử Ký toàn thư, ngoại kỷ, quyển 5, tờ 14b-15a, chép Cao Biền đắp La Thành dài 1982 thước, thân thành cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước, bốn mặt tường nhỏ trên thành cao 5 thước 5 tấc,



Ông ngâm thơ thể nguyện với Ngọc Đương Công Chúa rằng: Họa là chờ đợi kiếp lai sanh! Bởi người tu hành chẳng nên nói chơi, thể thỉmác thắc thì rồi, ông phải đọa luân hồi, đầu thai kết tóc với Ngọc Đương công chúa mà trả nợ câu thơ, rồi tu lại mới thành chánh quả". Lưu Trường Sanh nghe nói khóc rống! Hộ Pháp biến mất! Từ ấy Lưu Trường Sanh khóc hoài ph ả t bệnh nội b ảy ngày bỏ mình! Thành An Vương th ảm thương, chôn cất trọng thể, táng tại núi Tứ Kim. Công Hoàng Hậu là Ngọc Đương công chúa thấy Lưu Trường Sanh bỏ mình, cũng sầu th ảm sanh bệnh, không bao lâu Hoàng Hậu th ắng hà! Thành An Vương than khóc, cũng chôn Hoàng Hậu tại núi Tứ Kim! Rồi lập Đ ặng qu ỉ phi làm Hoàng Hậu.

Khi ấy hồn Lưu Trường Sanh hóa ra hào quang nhập vào bụng Đ ặng Hoàng Hậu, đến năm g i ập ngũ, ngày mười tám tháng mười, giờ ngọ, Đ ặng hoàng hậu sanh đ ặng một trai, hình dung cũng xinh tốt như Lưu Trường Sanh! Thành An Vương mừng rỡ, đặt tên là Huyền Minh Thái tử.

Còn Ngọc Đương công chúa đầu thai cho Lý phú gia đến khi sanh ra thì mùi hương thơm c ả nhà, Lý phú gia lấy cố ấy đặt tên là Hương nương.



Nói về Huyền Minh Thái tử mười ba tuổi. Xảy có nước Phiên sai quan đến nước Kỳ xà, đứng một cái trống bằng đồng mà tâu rằng: "Lang vương tôi là Ca lý thiên Nhi, sai tôi d ự ng trống bằng đồng, mặt dày hai tấc; nếu nước nào bắn l ụng trống ấy thì là Thượng bang, Lang vương tôi thường năm cống sứ; bằng bắn không l ụng thì làm Hạ bang(8) phải cống sứ cho Lang vương tôi". Thành An Vương nổi giận ph ản rằng: Thuở nay Phiên quốc thường năm cống lễ cho nước tr ầm, nay ý muốn làm ph ản, mới sanh sự như vậy!". Ph ản rồi ng ỏ phía bên vỏ mà hỏi rằng: "Ai có sức mạnh bắn l ụng cái trống này? Thì tr ầm gia phong nhứt ph ần". Trấn quốc t ứ ớng quân Lưu phi Hồ qu ỉ tâu rằng: "Sức tôi b ả n l ụng trống ấy". Thành An Vương đẹp ý, truyền nội thị rút ba chén ng ụ tửu th ưởng Trấn quốc tướng quân. Lưu phi Hồ tạ ơn, rồi uống rượu. Xong rồi lấy cung sắt tên thép, chuyển thân lực bắn nhắm trống ấy kêu một tiếng vang tai. Lại rút tên ra coi lại, l ụng có năm ph ần, lấy

làm hồ th ẹn, liền qu ỉ chịu tội trước sân chầu.

Khi ấy Huyền Minh Thái tử tâu rằng: "Sức con bắn l ụng cái trống ấy". Thành An Vương ch ầu mây ph ản rằng: "Rất đ ối Trấn quốc tướng quân sức mạnh ngàn cân, bắn còn g ăm có nửa t ấ c. Huống chi con tuổi còn thơ ấu, lẽ nào b ả n th ầu cái trống này?". Huyền Minh Thái tử tâu rằng: "Tại sức mạnh mà thôi, luận chi nhỏ l ớ. Xin Phụ vương đừng lo sự ấy, để con bắn thử cho mà coi". Thành An Vương mừng quá, truyền Thái tử bắn thử coi thế nào.

Khi ấy Huyền Minh Thái tử lấy cung tên bước ra sân chầu hỏi sứ rằng: "Nếu ta bắn l ụng trống ấy, thì người t ỉnh làm sao?". Phiên sứ n ỏ i: "Nếu bắn l ụng thì nước tôi cống sứ luôn luôn năm nào cũng vậy, bằng như hồi này, thì th ượng năm phải cống sứ lại cho nước tôi". Huyền Minh Thái tử nạt rằng: "Ta bắn trống này l ụng rồi, thì đâu người sa xuống đất". Nói r ồi i truyền quân day giá trống lại phía nguyên, Phiên sứ cười ch ướm chiêm(Có ý c ười làm ph ách phải chỉ để phía có bắn đ ặng năm ph ần b ả n l ụng theo dấu cũ thì có một t ấ c r ườ i m ả l ụng hơn).

Còn Huyền Minh Thái tử chuyển thân lực bắn mũi tên, tên lọt vào trống, ai nấy đều k h ẹn hay. Thành An Vương truyền quân chém sứ. Huyền Minh liền tâu xin cho nó. Rồi kêu Phiên sứ mà m ả ng rằng: "Đ ặng lễ thì chém cái đầu l ừa cho r ả nh. Song lấy lòng nh ận tạ người về nước, nói với Phiên vương rằng: Cứ th ượng năm cống sứ luôn luôn, bằng thất lễ thì ta chính phạt. Phiên sứ tạ ơn lui về. Thành An Vương truyền dọn tiệc yên quân thân, các quan đều đ ứ n g rượu hạ công(9) Thái tử.

HỒI THỨ BA

Thành An Vương th iện vị(10) cho con

Nói về chúa Phiên là Ca lý thiên Nhi đ ường lâm triều b ả quan văn võ ch ầu ch ực. Xảy thấy sứ về tâu rằng: "Tôi v ớng chỉ đem trống đứng cho nước Kỳ xà, quan võ bắn g ăm có năm ph ần, Thái tử bắn l ụng. Vua Kỳ xà truyền lệnh chém sứ. Thái tử xin và h ả m r ả nh: Nếu chúa n g ười không cống sứ th ượng năm, thì ta h ứng b ỉ nh chính phạt. Và nói xúc ph ạm". Ca lý thiên Nhi nghe t ậu nổi giận ph ản rằng: "Phép nào h ả m chém sứ, thiệt khi để tr ầm quá ch ứng? Lại cả gan muốn h ứng binh v ản tội nữa! Vậy phải ra tay trước cho chúng nó biết ch ứng; không lẽ th ượng năm cống lễ? Nay tr ầm phong Mao đ ả p H ải làm ng ười soái, Thuận Thanh làm phó tướng(11) Ng ột Truật làm tiên ph ụng, đồng đem binh năm vạn qua đ ả nh nước Kỳ xà, th ắng trận tr ầm sẽ gia phong cực ph ần". Ba tướng ấy đồng l ả nh

chức tạ ơn. Về lo diên binh, sửa sang qua đánh nước Kỳ xà.

Nói về Thành An Vương từ khi thấy con có sức mạnh bản lĩnh trông bằng đồng, thì vui lòng lắm, lại nghĩ thầm rằng: "Mình đã sáu chục tuổi rồi, cũng nên thiện vị cho con; vì Thái tử vẫn vô kiêm toàn, tài trí đệ nhất". Nghĩ rồi đến khi lâm triều, truyền chỉ ấy cho bá quan hay. Bá quan cũng hiệp ý, Thành An Vương truyền dọn yến trong thế, mà đãi quần thần, và hưởng ngôi cho Thái tử. Thái tử Huyền Minh tuy mới mười ba tuổi, song không dám chối từ, vâng chỉ lãnh ân tước vị, cái hiệu Định Đại Nguyên niên Liên tôn Thành An Vương làm Thái thượng hoàng tôn mẹ làm hoàng thái hậu, gia phong bá quan đều lên một cấp. Bá quan tung hô và tạ ơn.

Đến vua Định Đại trị vì được ba tháng, thấy số quan ải ngoài dưng rằng: "Vua nước Phiên là Ca lý thiên Nhi, sai Mao Đáp Hải làm người soái cầm binh năm vạn qua xâm loạn, tôi binh ít nên cự không lại, phải bề thành mà t h ử, xin Bệ Hạ cho cứu binh". Định Đại xem số rồi truyền chỉ Bảo giá tướng quân Sỹ Năng làm Đại nguyên soái, phong Mã Mạnh Minh làm tiên phuông, và Sỹ Cấp làm phó soái, đồng dẫn năm vạn binh đi bình Phiên. Ba người tạ ơn, d ấ n binh ra đến ải đầu, Tổng binh sở tại k h a i thành nghinh tiếp, và dọn tiệc khao binh đãi tướng, vẫn vẫn ...

Rạng ngày Ngột Truật kêu chiến. Nguyên soái Sỹ Năng sai tiên phuông ra trận. Mã Mạnh Minh vững lĩnh, dẫn binh ra trận hỏi rằng: "Người là tiểu bang, sao vô cớ dám hưng binh xâm loạn? Ngột Truật nói: "Chúa ta bình rỗng tướng mạnh hùng cứ một phương, sai sứ đem trống b ấ n g đồng mà thúc sức nước người mạnh yếu. Tê rạc ngàn vô tướng gân cốt liệt như d ứ c, bản không lũng cái trống bằng đồng, nhờ có một mình Thái tử sức mạnh! Đáng lẽ thì biết thẹn đài s ứ yện tiệc, lấy lời hòa nhã mà đưa về, thì hai nước hãy còn hòa hảo? Lẽ nào lại hãm chém sứ, và nói nhục chúa ta? Sức mạnh bao nhiêu mà hãm hưng binh vẫn tội? Bởi cơ ấy nên chúa ta sai sứ binh qua cho biết tài cao thấp. Người còn chưa biết lỗi, muốn ra trận mà nạp mình sao? Mã Mạnh Minh nổi giận nạt rằng: "Giả t i ế u bang sức mạnh bao nhiêu, mà dám kính với Đại quốc! Đã nói: Nếu nước ta có ai bản lĩnh trống bằng đồng, thì chúa người thưởng năm công l ễ nay nuốt lời thất tín, dám xâm loạn Đại bang ấy là đem trứng mà chọi đá; sau chớ ăn năn?" Nói rồi giục ngựa tới đ ầ m Ngột Truật l ấ giáo Ngột Truật đưa siêu đao ra đ ờ, hai người đại chiến sáu chục hiệp. Mã Mạnh Minh biết sức cự không lại, quấy ngựa chạy vào ải thọ t ộ i. Nguyên soái Sỹ Năng nói: "Việc binh thắng bại lẽ thường, mai Bôn soái sẽ ra trận".

Rạng ngày Nguyên soái Sỹ Năng kéo binh ra

trước ải. Bên kia Mao Đáp Hải cũng dẫn binh ra nổi rằng: "Hôm qua tiên phuông người bị tiên phuông ta đuổi nà, may phước mới khỏi tử trận, nay người đem thủ cấp mà nạp cho B ộ n soái hay sao?". Nguyên soái Sỹ Năng giận quá, không thêm nói lại, liền vớt một siêu đao Mao Đáp Hải đưa song chùy ra đ ờ, rồi lại đ ấ nh. Hai bên binh ó vang trời, giông trống dậy đất.

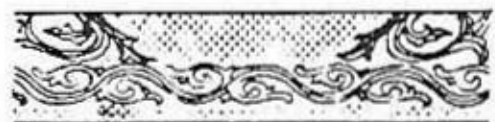
Khi ấy Nguyên Soái Sỹ Năng rắng sức binh sanh đánh với Mao Đáp Hải tử giở thỉn tới giở mũi không biết mấy trăm hiệp, mồ hôi ra đã đ ầ m mình. Thấy Mao Đáp Hải chưa mệt, biết thế cự không lại, nên bại tẩu vào ải bề thành! (Giống tiên phuông hôm qua!)

Đêm ấy Nguyên soái Sỹ Năng, viết sớ sai quân đem về nước viện binh!

Khi ấy vua Định Đại xem sớ nổi giận p h ấ n rằng: "Tiểu bang vô lễ, trảm quyết ngự g ự a thân chinh". Bá quan kinh hải đồng tâu rằng: Xin bệ hạ bớt trận l ộ i đình, sự ngự giá thân chinh chẳng đ ể đ ầ u, n ờ nào đem mình rỗng ra chốn chiến trường nguy hiểm? Đ ấ l ầ m vậy thì chớ, lại e Tiểu bang khi đ ể rắng: Bởi Đại quốc hết tướng, nên đến nổi ngự giá thân chinh". Định Đại Vương phán rằng: Nếu trảm không thân chinh, thì làm sao mà dẹp loạn, bởi trong trào hết tướng gi ộ i rồi? Bá quan tâu rằng: "T u y trong trào hết tướng Đại tài, chớ cả nước cũng còn nhiều người giỏi. Xin Bệ hạ t r e o bằng chiêu hiền, lo chi không có kẻ Đại tài giúp nước?". Định Đại Vương y t ầ u truyề n t r e o bằng chiêu hiền.

- (1) Quân Hồ bốn, mạnh như cọp, ngự lâm quân.
- (2) Tùy giá, đi theo vua.
- (3) Cốt cách thân tiên.
- (4) Vua nước Kỳ xà, hiệu Thành An Vương.
- (5) Liên môn, thưởng xót.
- (6) Trở lại gốc cũ.
- (7) Giả như: người sẵn giả (người đồng n ộ i quê mùa).
- (8) Hạ bang, nước nhỏ. Thượng bang, nước lớn.
- (9) Hạ công mừng cổ công trận.
- (10) Thiện vị, nhường ngôi.
- (11) Phó tướng là Phó nguyên soái.

(còn tiếp)



Dịch lý

Sào Nam Phan Bội Châu

NẠI SƠN sao lục

(Kính thưa quý vị độc giả Viên Giác. Từ số 16 đến số 20 quý vị đã đọc qua T H Động Nhân, Bát Thuận Căn, Thủy Phong Tĩnh, chắc quý vị đã nhận thức sơ qua, thế nào là Dịch lý. Trong lịch lý từ các nét, vạch thành quái của Phục Hy, lời Soán tử của Văn Vương, lời hào tử của Chu Công đến phần hệ tử của Khổng Tử. Hệ tử có thượng và hạ, Đức Khổng Tử không thể viết dính vào các quẻ, nên viết riêng ra, gọi là Hệ tử. Nay chúng tôi xin trình bày phần Hệ tử thượng truyền, xong phần Hệ tử chúng tôi sẽ bắt đầu lại từ quẻ Càn Khôn).

HỆ TỬ THƯỢNG TRUYỀN

CHƯƠNG THỨ NHẤT

(Chương này chia ra làm tám tiết)

TIẾT THỨ NHẤT

Thiên tôn địa ty, Càn k h ô n định hỷ, ty cao dĩ trăn quý tiên vị hỷ; động tịnh hữu thưởng, cương nhu đoán hỷ; phưởng dĩ loại tu, vật dĩ quân phân, cát hung định hỷ; tại thiên thành tượng, tại địa thành h i nh, biến hóa hiện hỷ.

Tiết này chia ra làm năm câu dài, Càn khôn là quẻ thuận dương thuận âm trong Dịch. Nhưng tất thấy quái hào thấy tứ nhất âm nhất dương để ra, nên chỉ nói Càn khôn là bao bọc hết thấy.

Mà so đi vạch ra được Càn khôn đó, thời xem vào đâu? Chỉ xem ở tượng trời đất cao thấp, mà Càn khôn định rồi, thấy trời cao thời định được Càn, thấy đất thấp thời định được khôn.

Thiên địa là Càn Khôn ở giữa không gian, Càn khôn lại là thiên địa trong Dịch lý. Vì theo ở mắt người ta mà trông vào thiên địa, thấy được ty cao đã bày được rõ ràng, mà tự nhiên vị trí thuộc về quái hào; thưởng thì quý, hạ thì tiện, dương thì quý, âm thì tiện, c ử ng bày đặt được ngay.

Xem lên trời mà biết tịnh, dương thưởng hay động, xem xuống đất mà biết tịnh âm t h ượng hay tịnh; nhân dương động mà sinh ra h ả o

cương, nhân âm tịnh mà sinh ra hào nhu, hào có cương nhu, mà quẻ cũng có cương nhu, nhân ở nơi tịnh chất động tịnh, mà phân biệt đó vậy (Chủ động tịnh ở đây chuyên chỉ vào đức tịnh)

Hễ mỗi việc tất có mỗi lý, vì lý có phải c ố trái, nên loài nào nhóm vào loài ấy, hễ m ô i vật có mỗi hình, vì hình cụ khác nhau, nên bày nào chia ra, bày ấy, tùy mỗi việc mà nhóm bằng loài, tùy mỗi vật mà chia theo bày, nhân đó mà lời cát lời hung trong Dịch nảy ra khác nhau (Phưởng nghĩa là việc cùng như chữ p h ưởng pháp).

Vì xem ở trời mà thấy được nhật nguyệt tinh thần v.v... thành ra vô số tượng. Vì xem ở đất mà thấy được sơn xuyên động thực v.v... thành ra vô số hình; nhân đó mà quái hào trng Dịch, âm biến ra dương, dương hóa ra âm, cũng rõ ràng tất thấy.

Tượng hình, là biến hóa bất trắc của t h iên địa, biến hóa là tượng hình vô thưởng của Dịch lý.

Tiết thứ nhất, là nói thành nhân làm Dịch không phải tự ý mình đặt ra, chỉ nhân lẽ tự nhiên của tạo hóa mà vạch ra quái hào.

Ông Trang Tử nói rằng: Dịch dĩ đạo âm dương chính là nghĩa ấy.

Thích tóm lại, Càn khôn nhân ở thiên địa mà ra, quý tiện nhân ở ty cao mà bày ra, c ử ờng nhu vì có động tịnh mà đoán được, cát hung vì phưởng vật mà đặt nên lời. Biến hóa vì tượng hình mà thành nên dụng, thấy là nhân tự nhiên mà nảy ra đường nhiên, nên chúng ta chỉ xem ở không gian thời biết được Dịch.

TIẾT THỨ HAI

Thị cố cương nhu tượng ma, bát quái tượng dạng.

Tiết này chia ra làm hai câu: câu thứ nhất, là nói lúc bắt đầu chưa vạch thành quẻ, chỉ có hai nét là vạch Cương nhu mà thôi.

Một chông với một là thành hại; hại chông với hai mà thành bốn, bốn chông với bốn mà thành

tám, số đi thành ra bát quái, chỉ là c ư ố ng
nhu xát nhau mà thôi.

Vì cường nhu mài xát nhau mà thành ra được
bát quái. Mỗi một quẻ ba nét thời gọi b ằ ng
quẻ trịnh, lại lấy một quẻ trịnh đó, mà l ầ n
chuyên với nhau, thành ra được tám quẻ hồi ,
nay ra quẻ sáu nét, thành ra được sáu mươi tư
quẻ. Trông thấy sáu mươi tư quẻ, nhưng chỉ tám
quẻ luân chuyên với nhau mà thành vậy.

TIẾT THỨ BA

Cổ chi đi lối đĩnh, nhuận chi
đi, phong vũ, nhật nguyệt vận hành, nhật h ằ n
nhật thứ.

Tiết này chia ra làm bốn câu, quái hào đã
thành rồi, thời thấy được tạo hóa có những gì
tất ở trong Dịch cũng có cả thấy. Chấn là lối
đĩnh ở trong Dịch, Tôn là phong vũ ở trng Dịch
khâm hy là nhật nguyệt hàn thứ ở trong Dịch.

Cổ động cho muôn vật thời, lấy sấm sét, nhuận
thâm cho muôn vật thời lấy mùa gió. Mặt trời
mặt trăng vẫn xoay đi hoài, mà trong một năm
thường có tiết lạnh, tiết nóng, thay đổi hoài
hoài.

Tiết này biến hóa là thuộc về t ậ i ề n
thành tượng.

TIẾT THỨ TƯ

Cần đạo thành nam, khôn đ ặ o
thành nữ.

Vì có khí dương là đạo Cần, mà thành tất thấy
loài trai; vì có khí âm là đạo khôn, mà thành
được tất thấy loài gái.

Chữ Nam Nữ đây vẫn hoe nam là trai nữ là gái
nhưng không phải nói riêng về loài người mà
thời.

Hệ nhất thiết thuộc về loài dương, như c ỏ n
trông con đực thấy gọi bằng nam, thấy do cần
đạo mà thành.

Hệ nhất thiết thuộc về loài âm, như con mái
con cái, thấy gọi bằng nữ, thấy do khôn đ ặ o
mà thành. Chẳng những động vật mà thời, h ệ
nhất thiết trong vũ trụ, thấy căn bản ở Cần
khôn mà thành ra.

Nhưng lại phải biết ở trong nam vẫn có khí
âm, mà ở trong nữ vẫn có khí dương, dương tàng
ở trong âm, âm phục ở trong dương, duy nambấm
thu về dương phần nhiều, nữ bấn thụ về âm phần
nhiều, khí chất vẫn có khác nhau, nên t ậ ằ nh
hình cũng có khác nhau. Vì thế, mà nói rằng :
Cần đạo thành nam, khôn đạo thành nữ. Tiết này
là nói biến hóa thành hình thuộc về Dịch lý.

Thích tóm lại, tiết thứ nhất nói: Dịch lý
trước khi chưa vạch quẻ, thời tạo hóa vẫn đã
sẵn có Dịch.

Thầy Thiệu có câu: Hoạch tiến nguyên hủ Dịch

nghĩa là: trước khi vạch quẻ, vẫn đã có Dịch
rồi, tức là ý nghĩa tiết thứ nhất. Tiết thứ
nhì sắp xuống là nói khi làm xong Dịch thời
trong Dịch in như tạo hóa.

TIẾT THỨ NĂM

Cần tri thái thi, khôn t ắ c
thành vật.

Tiết này tiếp tiết thứ tư mà nói luôn công
dung của Cần khôn, tiết trên đã nói c ồ n g
dung riêng của Cần khôn, đây lại nói c ồ n g
dung chung của Cần khôn. Hệ nhất thiết vật,
giống gì cũng có cả âm dương. Vậy sau m ớ i
sinh thành được. Nhưng lệ thường của tạo hóa
cộng trời, đất sinh vật, chỉ là công cha m ẹ
để con, tất thầy dương trước mà âm sau, đượ
trao cho âm đó, nên nói rằng: khôn tác thành
vật.

Thái thi, nghĩa là lúc đầu chưa thành hình.
Tri, là chủ tế trong việc ấy. Thành vật, là
khi sau đã ngưng kết thành hình. Tác, nghĩa
là làm cho xong việc ấy. Nghĩa chữ Tri đây
khác với nghĩa chữ tri mọi nơi, có ý n h ứ
nghĩa chủ chủ, như ta thường nói: Tri phủ, tri
huyện, cũng là nghĩa ấy.

Âm không thể tự mình, mà hiện được, tất chocó
dương mà sau mới hiện, nên âm cần dương làm
xướng, dương làm, chủ cho âm mà hiện đ ứ ố c
thành công, âm bắt chước theo dương mà trọn
được sự nghiệp.

TIẾT THỨ SÁU

Cần đi dị tri, âm đi giản năng,

Trên đây nói công dụng của Cần khôn, đây lại
nói đức tính của Cần khôn.

Cần vì có đức cương kiện mà lại động, n ề n
lấy một cách để chống mà Tri được thái thi,
khôn vì có đức nhu thuận mà lại trịch, nên
lấy một cách gian đản mà tác thành được vật.

Dị, nghĩa là không tổn sức. Bởi vì, những việc
nhọc đã có khôn đó sức, Cần chỉ vận dụng về
phận khí. Vậy nên để đặng nên nói dị t r i.
Gian, nghĩa là không rời rãng; bởi vì, t h ậ c
thi tạo đoạn đã có Cần rồi, khôn chỉ t h ậ
thuận mà làm. Vậy nên không có gì phiềnnhiều
nên nói rằng: Gian năng.

TIẾT THỨ BẢY

Dị, tác dị tri, giản, tác dị tông
dị tri tác hữu thân, dị tông tác hữu công ;
hữu thân, tác khả cứu, hữu công tác khả đại,
khả cứu, tác hiển nhân chi đức, khả đại, tác
hiển nhân chi nghiệp.

Tiết này chia làm tám câu; tiết trên là nội
gian dị về phần Cần khôn, đây lại nói người

ta nên bắt chước lấy đạo, Cần khôn. Bắt chước
địa trí của Cần, mà xử thế bằng cách bình dị,
thời tâm mình mình bạch mà người ta dễ biết
bắt chước giản năng của khôn, mà xử sự bằng
cách giản tiện, thời mọi việc lanh gọn, mà ng
ta dễ theo.

Chữ Dị trên tương đối với chữ Giản, chữ Dị
dưới phản đối với chữ Nam. Vì có đức tính dị
mà người dễ biết, thời nhiều kẻ đồng tâm với
mình. Vậy nên có người thiện. Vì có đức t í nh
Giản mà người dễ theo, thời nhiều người hợp
sức với mình. Vậy nên có công việc. Vì đã hùu
thân thời lòng mình lòng người, chuyên nhất,
mà việc làm được lâu dài. Vì đã hùu công thời
thể lúc, phát triển đến ngoài, mà làm nên được
việc lớn.

Hữu thí hữu chung mà khả cứu, thời thành được
đức của hiền nhân, tăng tiến hữu vi mà khả đại
thời thành được nghiệp của hiền nhân.

Tiết này tuyên tám câu, mỗi câu là nhân quả
tượng sinh; dị giản là nhân, dị trí dị tông là
qua; hữu thân hữu công, là kết quả của dị trí
dị tông; khả cứu khả đại, là kết quả của hữu
thân hữu công.

Hiền nhân chỉ đức chí nghiệp, là tổng kết
quả của mấy câu trên; mà tông tạo nhân, thời
chỉ có hai chữ "Giản dị".
Dị là bắt chước tức Cần kiện, Giản là bắt
chước đức khôn thuận.

TIẾT THỨ TÁM

Dị giản, nhị thiên hạ chí lý
đặc hỷ, thiên hạ chí lý đặc, nhị thành vị h
kỳ trung hỷ.

Tiết này tiếp lấy tiết trên, mà nói rộng cho
hết việc thánh nhân. Tiết trên đã nói về
hiền nhân; bây giờ do việc hiền nhân mà tấn
lên chính là đức Dị phối hợp được Cần, đ
Giản phối hợp được khôn; rất mực dị, mà c h í
thành bất tức, rất mực giản mà ứng vật vô tư.
Thế lạ đạo lý trong thiên hạ đã hoàn t o àn
tâm đặc rồi.

Đạo lý trong thiên hạ đã hoàn toàn tâm đặc.
Thế là: Thánh nhân tức thiên địa, thiên đ
tức thánh nhân. Lúc bấy giờ thiên vị h
địa vị h hạ, thánh nhân thành vị h
trung.

Người đứng cân ở giữa trời đất, mà trọn vẹn
được đạo Tam tài vậy.

Chương thứ nhất, tiết đầu hết là nói thực thể
của tạo hóa; trung gian là nói thực thể của
quái hào, ba tiết sau là nói ở trong tâm ng
ta, có cả thiên địa với Dịch lý, trông cho ng
ta thể nghiệm mà thực hành, sẽ do hiền nhân
mà làm đến thánh nhân. Thánh nhân số dĩ tác

Dịch là vì thế.

Chữ hiền nhân thánh nhân ở đây, là hằng câu
Cần đạo thành nam, khôn đạo thành nữ, mà nói
chung cả Nam Nữ.

Hết chương thứ nhất

(tiếp theo trang 17)

Có 55 vọng lầu, 6 cửa cổng, 3 ngôi nước, 34 con
đường đi, lại có đắp đê dài 2125 trượng 8
thước, cao 1 trượng 5 thước, chân rộng 2 trượng
và còn làm hơn 40 vạn gian nhà nữa. - Khâm
Định Việt Sử, tiền biên, quyển 5, tờ 12ab, chú
về thành Đại La như sau: "Trùng Bá Nghi đã
đắp La Thành từ năm Đại lịch thứ 2 (767) đời
Đường Đại Tông. Sau Triệu Kình đắp thêm vào
năm Trinh Nguyên thứ 7 (791) đời Đường Đ
Tông, rồi Trùng Chu lại sửa sang xây đắp lại
vào năm Nguyên Hòa thứ 3 (808) đời Đường Hiến
Tông. Đến năm Trường Khánh thứ 4 (824) đời
Đường Mục Tông, Lý Nguyên Gia đời phủ trị ra
gần sông Tô Lịch, xây cái thành nhỏ gọi là La
Thành. Năm Hàm Thông thứ 7 (866) đời Đường Ý
Tông, Cao Biền xây Kim Thành, thành ngoài cũng
gọi là La Thành. Theo Thanh nhất thống chí,
thành Đại La ở ngoài phủ thành Giao C h Âu;
quân Giao Chỉ đời Hán và phủ đồ hộ đời Đường
đều tại đó. Vì đã lâu năm nên thành bị hoang
phế, đổ nát, dấu vết ngày xưa khó truy-khảo.
Nay bốn mặt lũy đất ngoài tỉnh thành Hà Nội
là do các triều Lý, Trần về sau xây đắp, sửa
sang, tục cũng gọi là La Thành. Nếu bảo rằng
đó là vết tích thành cũ của Cao Biền thì kh
đúng". Đối chiếu với L. BEZACIER, L'Art viet -
namien, Paris, Editions de l'Union française,
1955, pp. 142-143.

(Còn tiếp)

(Tiếp theo trang 13)

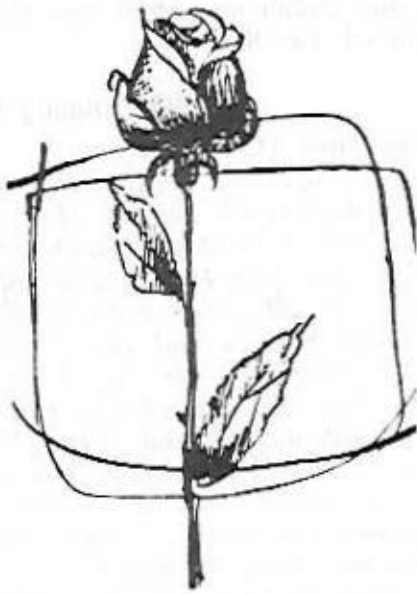
chứng pháp của tình yêu, luôn luôn hai mà luôn
luôn một như Tân Đ đã cực ta:

Mình với ta tuy hai mà một
Ta với mình dầu một mà hai (ĐỀ ANH)

Ngôi chùa Một Cột nhìn từ đằng xa chính là
tượng Trưng Hoa Sen, từ đây hồ nước ngoi lên
và nở trên mặt nước. Huống chi trong chùa lại
thờ Phật Quan Âm đã hiện ra trong giấc mộng
của nhà Vua.

Chùa có tên bác học là Diên Hưu nghĩa là phúc
lâu dài. Nhưng bình dân chất phác nôm na thì
quen gọi là Chùa Một Cột, nhưng kỹ thuật là 1
hình ảnh nghệ thuật tượng trưng linh đ
ng
cho giáo lý uyên thâm của Phật giáo Đại Thừa
mà nhân dân Việt Nam thời bấy giờ đã V í ết
hóa thành cái "Duy Nhất Sáng Tạo" (L'unité
créatrice) một Hoa Diệu phong phú làm t
n
ngưỡng cho toàn quốc vậy. Và từ đây về s a u
cái tượng Trưng Hoa Sen giàu ý nghĩa ấy cũg
được văn nghệ bình dân hay bác học lấy làm
nguồn cảm hứng để ngâm vịnh.

THƠ



Mẹ

Trong vũ trụ có rất nhiều kỳ quan, nhưng kỳ quan tuyệt hảo nhất vẫn là trái tim của người Mẹ.

Đi học học về là con hỏi Mẹ
Dù Bà đang ở trước mặt con
Ba biết rồi, tình mẫu tử thiêng liêng
Ai cũng vậy nào khác chỉ con trẻ
Mẹ nuôi ta từ còn tấm bé
Mẹ thương ta vô tận vô cùng
Mắt mắt gì Mẹ cũng chịu hy sinh
Miễn con trẻ được vuông tròn lành lặn
Giống sữa Mẹ ngọt ngào năm tháng
Tuôn giọt đều thơm môi chị môi em
Thơm tiếng ầu ở tình tự quê hương
Ru ta lớn bên tình thương của Mẹ
Mẹ...

Chỉ một tiếng thôi mà là tất cả
Nó bao hàm đầy ý nghĩa yêu thương
Tiếng trẻ vô tư gọi mẹ đầu tiên
Cũng là tiếng cuối cùng của người sắp chết
Mẹ...

Chỉ Mẹ thôi là nguồn duy nhất
Cuộc đời con phiêu bạt bấy lâu nay
Chông chắt trên vai tuổi tác tháng ngày
Nhưng con vẫn với trông về Mẹ
Mẹ...

Chắc giờ này gầy hao tuổi xế
Già thêm nhiều tóc ngã màu bông
Biết làm sao thỏa được những thương mong
Hay mãi mãi chịu đến ngày mất Mẹ
Đóa hoa hồng nở tươi trên áo đỏ
Hãy mừng vui thỏa thích đi con
Bởi Mẹ còn là còn cả trời Xuân
Khi Mẹ mất trời Xuân kia cũng mất

● LÊ NAM SƠN

Báo hiếu

Mẹ cha sống chẳng kính nuôi !
Ma chay khi chết tế ruồi, hời ôi !
Vong linh nào hưởng thịt xôi,
Bày khoe che mắt, dãi bôi miệng đời !
Cha sinh, mẹ dưỡng ai ơi,
Công ơn sâu rộng, biết khơi nào bằng.
Xưa nay, mai hậu có chăng?
Ai đến trọn nghĩa khuyên răn sinh thành !
Làm con bất hiếu ô danh,
Sống đời chê trách, thác sanh ngục đường !
Phật Trời xa cách ngàn phương,
Mẹ Cha gần thấy, nuôi thương kính chiếu.
Tuổi già sức có bao nhiêu,
Cần tăng săn sóc kính yêu hơn thương.
Sinh thời báo hiếu thực thương,
Sau khi khuất bóng khó đường đến ơn !
Trai đàn tùy tiện thanh đờn,
Lặng quý kính niệm công hơn biển trời.
Hương linh cách mặt khuất lời,
Con xin hồi phúc gieo nơi Tăng già.
Duyên lành tiễn mẹ, đưa cha :
Xa nơi ác đạo, hoan ca thiên đường.
Lòng thành dù một nén hương,
Vong linh chứng giám, Thiên vương thấu tình

● THẢO BÌNH, Bangkok 1980

Mùa Vu Lan còn Mẹ

Mùa Vu Lan con cài hoa lên áo
Màu hoa hồng không phải nghĩa yêu đương
Mà gợi trong tim tất cả tình thương
Và sung sướng rằng đang còn Mẹ
Mẹ đã dìu con đi bước đầu thước bé
Mặc bao tải hờn tử lúc tóc còn xanh
Với con Mẹ là trái ngọt chín trên cành
Hoài bảo của Mẹ là mong ngày con lớn
Nước mắt, mồ hôi Mẹ cho con vô tư mơn mớn
Với mái trường - Thầy bạn con tung tăng
Với những buổi rong chơi-trốn học chạy
ngoài đồng
Bất bướm-Vườn hoa ấu thơ đầy thỏa thích
Con lớn lên nơi quê nghèo tâm hồn súc tích
Ước vọng trở thành thi sĩ tài hoa
Để con viết thật nhiều thơ ca ngợi Mẹ già
Người Mẹ suốt đời quên thân gây yêu
Con dâng Mẹ ngàn hoa hồng vẫn thiếu
Vẫn không lấp đầy thương mến hy sinh
Trên nhân gian nói sao hết chữ "Tình"
Nhưng chỉ "Tình Mẹ" là bao la như biển cả

● NGUYỄN HUỲNH

Allgemeine Buddhalehre

Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển



KAPITEL V

DIE FÜNF SITTENREGELN (PAÑCASTLA)

A. Zur Einführung

Auf die "Zufluchts"-formel folgt dann das feierliche Ablegen der für alle Laienanhänger der Buddhalehre verbindlichen fünf Gelübde oder Sittenregeln (pañcasīla). Sittenregeln (prātimokṣa) bezeichnet die grundlegende moralische Gesetze eines von Buddha gewiesener Befreiungsweg Beschreitender.

B. Themen

- I. Bedeutungen von den Fünf Sittenregeln.
- II. Bestandteile der Fünf Sittenregeln.
 - 1) Abstehen vom Töten (Pānatipāṭa)
 - 2) Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādānā)
 - 3) Abstehen von unrechtem Wandel hinsichtlich der Sinnenlüste (kāmisumichācāra)
 - 4) Abstehen vom Lügen. (Musāvāḍā)
 - 5) Abstehen vom Rauschmitteln. (Sura-meraya-majja pamādhāra)

C. Schlußfolgerung

Buddha-Schüler, die die Sittenregeln nicht erfüllen, seien nicht mehr Buddhisten.

Nicht-Buddhisten mögen diese Sittenregeln auch ins Herz nehmen.

II. BESTANDTEILE DER FÜNF SITTENREGELN

1. Abstehen vom Töten (Pānatipāta)

2. Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen (adinnādāna)

Unter das Nehmen des Nichtgegebenen verstehen wir das Nehmen von Dinge, welche uns nicht gehören, entweder ohne Zustimmung des Besitzers, oder durch ausgeübte Gewalt, Macht, und Zwang! Die wertvollen Dinge wie z.B. Haus, Grundstücke, Geld, Juwelen, ... als auch nichtwürdige Dinge wie z.B. Obst, Früchte, ..., die nicht unser Eigen, wenn wir sie nehmen, so versteht sich auch das Nehmen des Nichtgegebenen; es hat die Bedeutung vom Stehlen und Rauben. Das Stehlen und Rauben geschieht auf verschiedene Art und Weise, zusammenfassend kann man sagen: durch Habgier soll das Nehmen des Nichtgegebenen Stehlen und Rauben bedeuten.

Aus welchen Gründen wurde Buddha das Nehmen des Nichtgegebenen untersagt? Es besteht aus folgenden Argumenten :

a/ Respektieren der Gerechtigkeit

Jeder von uns will sein Eigentum nicht gestohlen wissen warum versuchen wir das des Anderen wegzunehmen? Unser Eigentumsrecht wurde respektiert, weshalb zertreten mit das des Anderen, so wäre das Gerechtigkeitswidrig!

Eine Gesellschaft ohne Gerechtigkeit könnte nicht dauerhaft bestehen.

b/ Achten der Buddhaschafts-Gleichheit

Alle Lebewesen, obwohl sie auf verschiedene Art, Form, ... gestaltet werden, besitzen zwar die gleiche Buddhaschaftseinheit. Weshalb möchten wir gern unehrliches Vorrecht gewinnen, während wir ja auch ein Mensch wie alle anderen sind.

c/ Aufrechterhaltendes Pflegen der Güte-Liebe (Barmherzigkeit)

Wenn wir etwas verloren hätte wurden wir traurig sein; deswegen können wir nicht essen, nicht schlafen, nicht arbeiten, ... Weshalb stehlen oder nehmen wir das Eigentum des Anderen ohne ihre Zusage, wodurch wir Ihnen leiden, Traurigkeit, Kummer bringen!

Man sagt: "Das Vermögen, der Reichtum, ... seien die Pulsader".

Deshalb, das Stehlen ist das Rauben des Leben von dem Anderen, als auch die Vernichtung des Lebens des Anderen. Nur Menschen die ohne Barmherzigkeit-Liebe Leben, könnten so was tun! Wir sind doch Buddhisten, haben Zuflucht zum Buddha, zum Dharma, zum Shanga genommen; wir bemühen uns das Pflegen der Güte-Liebe aufrechtzuerhalten, und Abstandnehmen vom Nehmen des Nichtgegebenen.

d/ Vermeiden von der aus dem Haß vergeltenden Kausalität

In einer gut organisierten, disziplinierten Gesellschaft, die die Gerechtigkeit achtet, respektiert, wird das Stehlen und Rauben bestraft. Der Stehler, Räuber wird sich vor der Festnahme verstecken oder flüchten.

Nach der Festnahme wird ihm eine Strafe verhängt und ins Gefängnis geschickt. Nicht nur der Sträfling, auch seine Familie, Eltern, Verwandte leiden unter diesem Verhängnis.

Der Räuber, Verbrecher, der ohne gesetzliche Bestrafung davon kommt, wird jedoch von der vergeltenden Kausalität verfolgt. Wenn wir etwas dem

Anderen ohne seine Zusage wegnehmen, würde man auch unser Eigentum stehlen! somit entsteht Feindschaft, Haß und Leiden.

Buddha lehrte :

"Jener, der durch Habgier an Ruhm, Schönheit haftet, sei ein Kind, welches sich nach einem Honigtropfen an der Messerschneide sehnt, und versucht mit der Zunge diesen Leckerbissen zu genießen, und sich dabei verletzt!".

Aus diesen Gründen hat Buddha seinen Jüngern das Nehmen des Nichtgegebenen untersagt.

3. Das Nutzen vom Abstehen vom Nehmen des Nichtgegebenen

a/ Aus individueller Hinsicht

Jener, der sich der Habgier nicht unterwirft, hat ein glückliches Leben; gibt den Anderen das Vertrauen ihm würden wichtige Aufgaben Verantwortungen zugetraut.

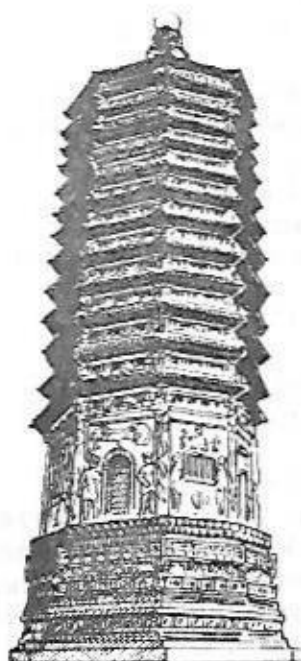
b/ Aus der gemeinschaftlichen Hinsicht

Wenn alle Menschen auf dieser Erde durch ihre Habgier von den Nichtgegebenen nehmen würden Häuser ohne Tür und Fenster gebaut; Sachen die man verloren hat, gingen nicht verloren. Es wäre ein Paradies !

Jener, der kein Vermögen besitzt, leidet darunter; welcher, der Vermögen hat, leidet auch, weil er ständig auf sein Eigentum aufpaßt !

Welcher der nicht von den Nichtgegebenen nimmt, schenkt somit Anderen heimlich den Frieden.

(Fortsetzung folgt)



GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

War ich nicht schon seit einiger Zeit auf der achten Stufe des Bodhisattva, auf der Stufe, worauf und wovon es keinen Rückfall mehr geben sollte? Hatte ich nicht damals in London im Jahre 1952 mein Bodhisattva-gelübde abgelegt, wie alle anderen mahayana-buddhistischen Priester und Mönche? Ich musste bleiben, dies wurde mir in Blitze-Seile klar, und ich erinnerte mich an ein anderes englisches Bodhisattva-Gedicht, welches vor vielen Jahren von Miss Lee (Li) aus China übersetzt wurde und ebenfalls in meinem vorhergenannten Buch erschien. Hier ein Auszug des Gedichtes:

The Vows of Samantabhadra

I take my solemn oath that I will save
All sentient beings that know life cruel
And, by the Dharma teaching, for them pave
A road by which the Buddhahood to gain.

.....
.....

I take my solemn oath that I will strive
Among the Bodhisattvas to enrol,
Nor shall I ever rest till I contrive
To reach the Tathagatas highest Goal.

Ich schwieg, nachdem die dreimalige Bitte gemacht war, und dies war nach altindischer Sitte das Zeichen, dass ich in Vung Tau bleiben würde - was immer auch geschehen möge. Die Abgeordneten, Männer und Frauen, warfen sich erneut auf den Boden, um ihre Freude und Dankbarkeit mir gegenüber zu bezeugen. Für sie war ich nun ein waschechter Bodhisattva - dachte ich mit Schmunzeln, ich hatt nur noch die Feuerprobe zu bestehen.

Eine Stadt und Provinz nach der anderen fiel den Vietcong fast kampflos in die Hände. Die Parole in der südvietnamesischen Armee schien "Rette sich, wer kann" zu sein und der Schreibtischheld Nguyen van Thieu gab den Endstoss, in dem er als Präsident auf Druck der Amerikaner hin, wie er im Fernsehen sagte, zurücktrat. Aber zuvor fuhr ich, wie gesagt, nach Saigon, um den deutschen Botschafter Dr. Heinz Dröge zu sprechen. In der nicht grossen deutschen Botschaft in der Vo Tanh Strasse wurde ich wie immer freundlich empfangen und sofort hinauf ins Amtszimmer des Botschafters geführt. Der Botschafter begrüßte mich freundlich und bat mich sogleich Vietnam zu verlassen, die gleiche Bitte ging an alle die ungefähr 250 Deutschen in diesem Lande. Ich weigerte

mich und machte meinen Standpunkt als buddhistischer Mönch klar. Er wunderte sich, aber respektierte meinen Wunsch und machte eine diesbezügliche Anmerkung auf einem Papier. Ich verabschiedete mich und ging zu einer Bank, wo ich noch eine halbe Million Piaster auf meinem Konto hatte, ich hob sie ab, um sie in einer Bank in Vung Tau zu hinterlegen, denn ich war schon ganz sicher, dass ich nicht mehr so schnell nach Saigon kommen würde.

Ich verbrachte die Nacht in einem kleinen Hotel in einer Seitenstrasse der Tu Do Strasse, denn in einer Pagode hätte ich bis nach Mitternacht keinen Schlaf bekommen, und den benötigte ich, denn Zug und Busfahrten machten mich immer müde.

Am anderen Morgen, als ich das Hotel verlassen wollte, hörte man ein Flugzeug über die Dächer Richtung Palast fliegen, und gleich darauf hörte man eine Reihe einschlagender Bomben und Maschinengewehrfeuer, ob letzteres vom Boden oder vom Flugzeug aus kam, war nicht zu unterscheiden. Kurze Augenblicke danach war alles still. Der Portier stellte das Radio ein, und schon hörten wir, dass ein abtrünniger Flieger den Präsidentenpalast bombardiert hatte, ohne aber grossen Schaden anzurichten und auch, ohne den Präsidenten zu töten, denn wahrscheinlich war der vorsichtige Thieu irgendwo in einem bombensicheren Bunker wie einst sein Kollege Hitler in Berlin. Vierundzwanzig Stunden Ausnahmezustand wurde ab sofort über Saigon verhängt. Niemand konnte nach Saigon hinein, wohl aber hinaus. Busse und Autos stopften die Strassen, und es war leicht, auf einen der Busse in Richtung Binh Hoa zu springen.

Es gelang auch mir, wenigstens konnte ich mir einen Trittbretstehplatz erobern, mein indisches Training kam mir jetzt auch in Saigon gut zu statten. Es dauerte etwa eine Stunde, bis wir nur die Phan Thanh Gian Brücke erreicht hatten, dort wo in deren Nähe mein erstes Vihara gestanden hatte. Als wir die Brücke passierten, ging es schon besser. Eine Riesenkolonne von Autos, Bussen usw. wartete in Richtung Saigon bis der Ausnahmezustand - eventuell wieder abgeblasen würde. Wie ich später hörte, geschah dies am frühen Nachmittag. Auf der Fahrt nach Vung Tau flogen einige Vietcong Raketen über uns, sie fielen etwa ein oder zwei Kilometer entfernt in Stumpfwasser. Nur eine Rakete explodierte in Strassennähe, und weil der Bus keine geschlossenen Fenster oder

Türen hatte, verursachte der Luftdruck, dass ich als einziger vom Trittbrett flog und dabei meine linke Sandale verlor. Auf der linken Schulter trug ich eine 20 Kilo schwere Tasche voller Bücher. Ich selbst wog zu dieser Zeit 80 Kilo = somit stürzten 100 Kilo mit Wucht auf einen kantigen Stein; ein höllischer Schmerz durchraste mich und ich fiel fast ohnmächtig zusammen. Als ich mich wieder erheben wollte, gelang mir dies nicht. Mein Bus war in Panik weitergefahren - versteht sich! Doch wie so oft, hatte ich auch hier Glück im Unglück, denn recht bald kam ein anderer Bus; der Fahrer sah mich und stoppte sofort, sprang heraus und kam zu mir, er faltete auf buddhistische Weise die Hände und griff mir dann unter die Arme, aber ich war zu schwer für diesen kleinen Vietnamesen; er brüllte zornig in Richtung Bus, um einige der Männer zum Helfen zu bewegen. Es gelang ihm, drei junge Männer heraus zu locken, man trug mich zum Bus, sofort standen einige im hinteren Sitz auf, um mir Platz zu machen, dann ging es weiter nach Vung Tau, Fahrgeld wurde mir nicht abgefordert. Mir schwanden fast jeden Augenblick die Sinne, und mehr als einmal verhüteten Mitreisende, dass ich vom Sitz fiel. In Vung Tau angekommen, bemühte sich ein junger Mann, welcher neben mir gesessen hatte, um mich und wollte meine Tasche tragen. Sein Gesicht flösste mir kein Vertrauen ein, ich war auf der Hut und ich sollte auch recht behalten. Der junge Mann war ein Dieb und Gauner. Er sprach zum Lambrettafahrer, in dessen Miniaturbus wir fuhren, und dieser machte einen grossen Umweg, anstatt direkt zu meinem Platz zu fahren. Man wollte mich an einsamer Stelle am Meer berauben, doch der Fahrer war nicht einverstanden, zum Glück nicht! Einige Frauen stiegen noch in den Bus und damit war der abscheuliche Plan des Gauners vereitelt. Er forderte mir 500 Piaster ab, damals weniger als ein halber US Dollar. Die Fahrt sollte aber nach Über-einkunft mit dem Fahrer nur 200 Piaster kosten, doch ich hatte kein Kleingeld, darum gab ich einen fünfhundertschein. Der Fahrer gab dem Gauner die 300 Piaster, welche er doch mir hätte zurückgeben sollen. Mit bösen Blicken schaute mich der Gauner, der vielleicht ein Vietcong war, an und hatte die Frechheit noch mehr Geld von mir zu fordern. Trotz meines elenden Zustandes drohte ich dem Gauner, ihn vom Bus zu werfen; der Kerl zuckte zusammen, diese Antwort hatte er wohl nicht erwartet, er war wohl der irrigen Ansicht, dass alle Mönche Schwächlinge und Angsthasen seien. Nur eine Minute später sprang er selbst vom Bus und verschwand in

einer Seitenstrasse. Auf dem Wege sahen wir eine mir schon bekannte Krankenschwester. Diese stämmige Frau konnte mir gewiss den Berg hinauf zum Vihàra helfen; ich bat den Fahrer anzuhalten, er tat es und als ich die Krankenschwester bat mitzufahren, folgte sie sofort.

Am Fusse des Berges angekommen, verliess uns der Fahrer, und die Krankenschwester, eine Kambodschanerin, hackte mich unter und trug mich halb den Berg hinaus. Ich konnte nur unter grossen Schmerzen humpeln, ich hatte sicherlich einen Sehnenriss im linken Fuss, hinten oberhalb der Ferse. Angekommen sank ich auf mein Feldbett; die Krankenschwester untersuchte den Fuss, der keine direkte Wunde hatte und war der gleichen Ansicht wie ich, aber wie sie sagte, waren alle Ärzte Vung Tau's bereits geflohen, es gab nur noch einige Krankenpfleger s.g. Hilfsärzte. Der Fuss und das Bein schwoll. Die Kambodschanerin lief oder fuhr zum etwa 3 Kilometer entfernten Krankenhaus, um Hilfe für mich zu rufen. Am Abend kamen drei Krankenpfleger und eine Schwester. Sie strichen eine Salbe über den Fuss und baddagierten ihn; mehr konnten sie nicht tun.

Nun lag ich allein im Vihàra. Was tun? Hoffentlich würde jemand kommen und mir mit dem Essen helfen; heute auf jeden Fall war mir der Appetit vergangen. Ich verbrachte eine fast schlaflose Nacht. Am nächsten Vormittag kam die Kambodschanerin und bereitete mir rasch etwas Essen. Dann schaute sie sich den geschwollenen Fuss an und verschwand wieder; sie versprach, so oft zu kommen wie eben möglich. Sie war eine richtige Florence Nightingale seligen Andenkens. Als am 21. April mein zweiter amerikanischer Schüler mit seiner vietnamesischen Frau auf raschen Besuch kam, um von mir ihre erste Weihe im Buddhismus zu erhalten, war ich wieder so weit, dass ich am Stock herum humpeln konnte, aber nicht vom Berge in die Stadt. Mein Schüler erhielt die erste Weihe als Mahayānapriester der Western Buddhist Mission, dessen Oberhaupt ich seit 1973 war. Nach den kurzgehaltenen Weihen eilten die beiden zurück nach Saigon, um noch am gleichen Abend nach den USA zu fliegen - wenn überhaupt noch möglich. Die Leute hatten Mut, noch nach Vung Tau zu kommen, wo doch die Strasse von Saigon bereits einige Male von den Vietcongs gesperrt worden war. Am späten Nachmittag kam einer meiner vietnamesischen Schüler und erzählte, dass eine bedeutende Stadt, BARIA, gefallen sei.

(Fortsetzung folgt)

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



Nach Oben ist die Richtung der "drei Schätze des Buddhismus". Für Anhänger gelten folgende Regel:

1. Nicht stehlen,
2. Nicht lügen,
3. Keine gieriger Gedank machen,
4. Opfertgabe reichen und
5. Verehrung pflegen.

Umgekehr gelten die 5 Regel für die "drei Schätze des Buddhismus"!

1. vor Untaten zu warnen,
2. gute Taten zu empfehlen,
3. edle Gesinnung zu bringen,
4. die Lehre der rechten Einsicht beizubringen und
5. die Führung des enthaltsamen Lebens zu zeigen.

Hoherfreut über die Erklärung bat Sigalavada knieend den Buddha um die Aufnahme in die Gemeinde.



Von den 10 Jüngern des Buddha war Ananda der intelligenteste und gleichzeitig der hübscheste Mönch. Er besaß die Fähigkeit, alles, was der Meister sagte, ins Gedächtnis einzugravieren. Deshalb galt Ananda als Lieblingsschüler des Gotama. Leider sind hübsche Menschen nicht immer glücklich. Gerade dieses gute Aussehen brachte Ananda in eine verstrickte Situation.



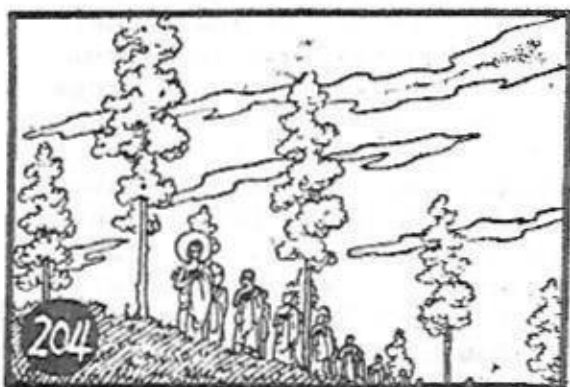
Bei einem Almosengang war Ananda so durstig, daß er nach Wassersuchte. Er fand einen Brunnen und sah, wie eine junge Frau, die so aussah wie ein Freudenmädchen, das Wasser aus der Tiefe holte. Er kam näher und bat Madanga, die junge Frau, um einen Schluck Wasser. Madanga gab ihm zu trinken und sah ihn genauer an. "Welch ein hübscher Bursche!", dachte sie, ich habe noch nie in meinem Leben einen hübscheren gesehen!". Ein Zuneigungsgefühl empfanden die beiden jungen Menschen im gleichen Moment. Ananda wurde wie gefesselt.



Nach dieser kurzen Begegnung am Brunnen konnte Madanga weder essen und trinken noch schlafen. Sie träumte nur noch von einem Zusammenleben mit dem Mönch. Ihre Mutter war sehr besorgt und erklärte ihr, daß es nicht möglich ist, einen Mönch zu heiraten. Aber Madanga hörte ihr nicht zu und bat ihre Mutter um Erlaubnis, Magie und Zauberei zu lernen. So hoffte sie, Ananda erobern zu können, wenn sie eine magische Kraft besaß.



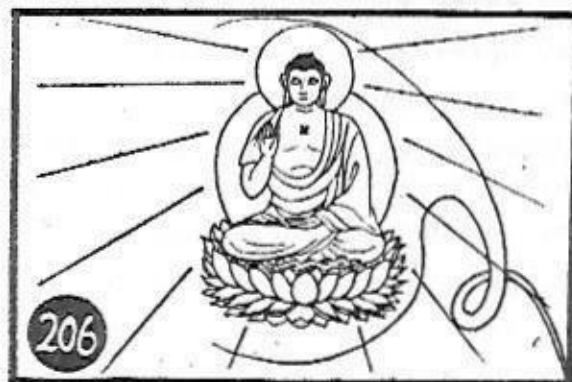
Während dieser Zeit war Buddha bei einem Festmahl mit einigen Mönchen. Ananda konnte wegen einer anderen Einladung nicht rechtzeitig zurückkommen, um den Meister zu begleiten.



Nach der Mahlzeit nahm Ananda Abschied von seinem Almosengeber und ging heim. Unterweg traf er Madanga vor ihrem Haus. So eine einmalige Gelegenheit konnte Madanga nicht entgehen lassen. Deshalb versuchte sie mit allen Tricks, den Mönch zu verführen. Und so gelang es ihr, Ananda bis in ihr Zimmer zu bringen.



Während des Festmahls ahnte Buddha instinktiv, daß Ananda sich in Gefahr befand. Sofort kehrte er heim und gab den Befehl, zur Vollversammlung. Vor allen Mönchen versenkte er sich tief, dann wurde auf seinem Haupt eine Aureole sichtbar. Jede Lichtstrahl dieser Aureole trug einen Buddha auf Lotusthron.



Ananda und Madanga liebten sich hinter dem verschlossenen Zimmer. In diesem entscheidenden Augenblick drang ein Nimbusstrahl des Buddhas in den Raum ein und erhellte die Gesichter des liebenden Paares. Der plötzlich erweckte Ananda wurde ganz rot vor Scham, während seine geliebte Madanga ihre sexuelle Erregung auf der Stelle hemmen konnte. Ananda heulte vor Bitterkeit und bereute sich tief.



Mit einem Reue und Scham gemischtem Gefühl gingen die Beiden vor dem Buddha. Der Meister verhielt sich ruhig schweigend. Seine Liebenswürdigkeit steigerte noch mehr das Schamgefühl Anandas, deshalb bat er, gemeinsam mit Madanga, um die die Zeremonie zum Sündenbekenntnis. Er sagte: "Meister, seit langer Zeit verlasse ich mich nur auf meine geistige Fähigkeit und vergesse dabei die moralische Seite. Die heutige Sündentat ist die Konsequenz dieser Vernachlässigung. Meister, ich bitte um Vergebung und verspreche, fortan mich nur auf Ihre Erhabenheit zu stützen, um mich zu vervollkommen".

Buddha legte eine Hand auf den Kopf des Schülers, dann erklärte ihm das "SURAMGAMA MANTRA" bis dieser völlig erwacht wurde. Auch Maganda nahm Zuflucht bei Buddha. Später erreichte sie die Stufe des Arahats.

Das von Buddha gekündigte Dharma nimmt keinen Unterschied zwischen Menschen. Wichtig ist nur, daß der jeniger, der ihn empfängt, sich entschlossen hat, den rechten Weg zu gehen.



Die damalige Gesellschaft Indiens bestand aus einem Vier-Kasten-System, mit den Brahmanen an erster Stelle als die führende Kaste. Ihre Mitglieder betrachteten Buddha als einen Dorn im Auge und beschwörten, das andersgläubige Hindernis um jeden Preis zu beseitigen, denn der Buddhismus basiert auf der Grundlage der Gleichheit.



Nach ihrem Plan sollte ein junges Mädchen dafür bezahlt, daß sie Buddha als Hauptfigur benutzte, um einen verleumderischen Skandal zu inszenieren. Doch zunächst mischte sie sich unter der Bevölkerung, die in der Nähe des Jetavana Vihara's lebte, um auf die günstigste Gelegenheit zu warten.

(Fortsetzung folgt)

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH



aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mòbi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

Wenn wir in Achtsamkeit sitzen, können sowohl unser Körper als auch unser Geist friedvoll und völlig entspannt sein. Aber dieser Zustand des Friedens und der Entspannung unterscheidet sich grundlegend von dem faulen, halbbewußten Geisteszustand, der sich einstellt, wenn man ausspannt und vor sich hindöst. In einem solch faulen Halbbewußtsein zu sitzen, weit entfernt davon, achtsam zu sein, gleicht dem Sitzen in einer dunklen Höhle. Im Zustand der Achtsamkeit sind wir nicht nur ruhig und glücklich, sondern auch munter und wach. Meditation ist nicht Ausweichen; sie ist klare Begegnung mit der Wirklichkeit. Der Mensch, der sich in der Achtsamkeit übt, sollte so wach sein wie der Fahrer eines Autos: Wenn er nicht wach ist, wird er von Ablenkung und Vergeßlichkeit beherrscht, genauso wie ein Fahrer, der nicht wach ist, leicht einen schweren Unfall verursachen könnte. Du solltest genauso wach sein wie ein Mensch, der auf hohen Stelzen geht - mit jedem Fehltritt könnte er zu Tode stürzen. Du solltest einem mittelalterlichen Ritter gleichen, der waffenlos in einem Wald von Schwertern umhergeht. Du solltest einem Löwen gleichen, der mit langsamen, leisen und festen Schritten vorwärtsschreitet. Nur mit dieser Art Wachsamkeit kannst Du völlige Erwachung bewirken.

Für Anfänger wird die Methode des bloßen Erkennens empfohlen. Ich habe gesagt, daß dieses Erkennen ohne Urteilen erfolgen soll: Sowohl Gefühle des Mitleids als auch Gefühle der Verärgerung sollten auf absolut gleicher Ebene akzeptiert, erkannt und behandelt werden, weil beide wir sind.

Wenn wir von Niedergeschlagenheit, Angst, einem Haßgefühl, einer Leidenschaft oder was auch sonst beherrscht werden, mag es uns schwerfallen, die Methode des reinen Beobachtens und Erkennens in die Tat umzusetzen. In diesem Fall ist es hilfreich, sich der Methode zuzuwenden, bei der sich die Meditation auf ein festgelegtes Objekt richtet, wobei unser jeweiliger Geisteszustand als Gegenstand der Meditation benutzt wird. Diese Meditation enthüllt und heilt. Unter den scharfen Blicken unserer Konzentration und Meditation enthüllen die Niedergeschlagenheit oder Angst, der Haß oder die Leidenschaft ihr inneres Wesen. Diese Enthüllung führt natürlicherweise zur Heilung und zur Befreiung. Die Niedergeschlagenheit, oder was auch immer der Grund des Schmerzes gewesen ist, kann als ein Mittel der Befreiung aus Qual und Leiden benutzt werden. Wir nennen dies, einen Dorn zur Entfernung des Dorns benutzen. Wir sollten mit unserer Angst, unserem Schmerz, unserem Haß und unserer Leidenschaft gelassen und respektvoll umgehen; wir sollten ihnen nicht widerstreben, sondern mit ihnen leben; wir sollten Frieden mit ihnen schließen und durch Meditation über die gegenseitige Abhängigkeit in ihr Wesen eindringen. Ein aufmerksamer Übender weiß, welche Gegenstände der Meditation er auszuwählen hat, damit sie seiner Situation gerecht werden. Gegenstände der Meditation, wie gegenseitige Abhängigkeit, Mitleid, Selbst, Leerheit, Nicht-Anhaftung, gehören alle zu den Meditationsgruppen, welche die Kraft zur Heilung und zur Befreiung haben.

Die Meditation über diese Gegenstände kann jedoch nur erfolgreich sein, wenn wir ein gewisses Konzentrationsvermögen besitzen. Wir erwerben dieses Konzentrationsvermögen durch die Übung der Achtsamkeit im alltäglichen Leben, indem wir alles

beobachten und erkennen, was vor sich geht. Das Objekt der Meditation sollte eine Realität sein, die wirkliche Wurzeln in uns selbst hat; es kann nicht bloß ein Gegenstand philosophischer Spekulation sein. Es sollte wie eine Art Nahrung sein, die längere Zeit über heißem Feuer gekocht werden muß. Wir legen sie in den Topf, decken ihn zu und zünden das Feuer an. Der Topf sind wir selbst, und die zum Kochen benötigte Hitze ist die Kraft der Meditation. Den Brennstoff liefert die ständige Übung der Achtsamkeit. Ohne ausreichende Hitze wird die Nahrung niemals gar werden. Aber wenn sie einmal gekocht ist, zeigt die Nahrung ihre wahre Natur und trägt dazu bei, uns zur Befreiung zu führen.



DAS WASSER IST KLARER, DAS GRAS IST GRÜNER

Quang, der Buddha sagte einmal, daß das Problem von Leben und Tod selbst ein Problem der Achtsamkeit sei. Ob man lebendig ist oder nicht, hängt davon ab, ob man achtsam ist. In einem Samyutta-Nikāya-Sutra (47.20) erzählt er die Geschichte, die sich in einem Dorf zutrug: Eine berühmte Tänzerin war gerade in das Dorf gekommen, und die Menschen strömten auf die Straßen, um von ihr einen Blick zu erhaschen. Zum selben Zeitpunkt war ein verurteilter Verbrecher, der einen bis zum äußersten Rand mit Öl gefüllten Krug trug, gezwungen, das Dorf zu durchqueren. Er mußte seine ganze Kraft darauf konzentrieren, den Krug geradezuhalten, denn für den Fall, daß auch nur ein Tropfen Öl aus dem Krug auf den Boden verschüttet wurde, hatte der direkt hinter ihm gehende Soldat Order, das Schwert herauszureißen und des Mannes Kopf abzuschlagen. Nachdem Gautama an diesem Punkt der Geschichte angekommen war, fragte er: "Glaubt Ihr nun, Brüder, daß unser Gefangener imstande war, seine ganze Aufmerksamkeit so auf den Ölkrug zu fixieren, daß sein Geist nicht abschweifte, um etwa einen flüchtigen Blick auf die sich in der Stadt aufhaltende berühmte Tänzerin zu werfen oder um die Menge der Dorfbewohner anzuschauen, die eine solche Erregung in den Straßen verursachte, daß jeder von ihnen in jedem Augenblick gegen ihn stoßen konnte?"

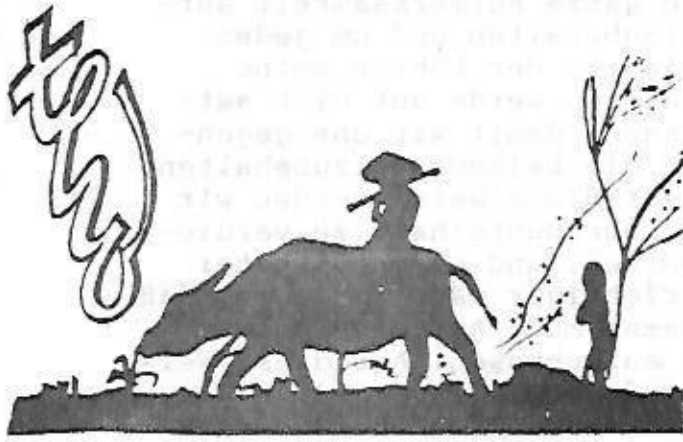
Bei anderer Gelegenheit erzählte der Buddha die folgende Geschichte, die mich plötzlich die äußerste Wichtigkeit erfassen ließ, welche die Ausübung der Achtsamkeit durch das eigene Selbst hat - das heißt, daß man sein eigenes Selbst schützt und es umsorgt und sich nicht darum kümmert, auf welche Weise jemand anders auf sich achtet, was eine Gewohnheit des Geistes ist, die zum Entstehen von Ärger und Angst führt. Der Buddha sagte: "Es gab einmal ein Akrobatenpaar. Der Lehrer war ein armer Witwer, und die Schülerin war ein zierliches Mädchen, das Medakathālika hieß. Die beiden traten auf den Straßen auf, um sich genug für ihren Lebensunterhalt zu verdienen. Sie benutzten einen langen Bambusstab. Der Lehrer balancierte ihn auf seinem Kopf, während das kleine Mädchen langsam bis zur Spitze emporkletterte. Dort hielt sie sich im Gleichgewicht, während der Lehrer weiter auf

dem Boden schritt. Beide mußten ihre ganze Aufmerksamkeit anbieten, um eine perfekte Balance beizubehalten und um jeden Unfall zu vermeiden. Eines Tages belehrte der Lehrer seine Schülerin so: "Hör zu, Medakathālika, ich werde auf Dich aufpassen, und Du wirst auf mich aufpassen, damit wir uns gegenseitig helfen, die Konzentration und die Balance beizubehalten, so daß kein Unfall geschehen wird. Auf diese Weise werden wir in der Lage sein, genug für unseren Lebensunterhalt zu verdienen." Aber das kleine Mädchen war weiser, und es antwortete: "Lieber Meister, ich meine, daß es richtiger wäre zu sagen, daß jeder von uns auf sich selbst aufpassen muß. Auf sich selbst aufzupassen bedeutet, auf uns beide aufzupassen. Auf diese Weise werden wir, dessen bin ich sicher, jeden Unfall vermeiden und genug für unseren Lebensunterhalt verdienen." Der Buddha sagte: "Was das Mädchen sagte, war richtig." (Samyutta-Nikāya-Sutra 47.19)

Wenn es in einer Familie einen Menschen gibt, der die Achtsamkeit übt, dann wird die ganze Familie imstande sein, dies dank dieses einen Menschen auch zu tun. Wegen der Anwesenheit eines Mitglieds, das in Achtsamkeit lebt, wird die ganze Familie daran erinnert, in Achtsamkeit zu leben. Wenn in einer Klasse ein Student in Achtsamkeit lebt, wird davon die ganze Klasse beeinflusst werden, und zwar auf Grund der ständigen Erinnerung durch diesen einen Studenten. Die Gegenwart eines solchen Menschen kann als die Anwesenheit eines Buddha betrachtet werden.

In der Schule-der-Jugend-Familie müssen wir dieses Prinzip befolgen. Sorge Dich nicht darum, daß die Menschen um Dich herum nicht ihr Bestes tun. Wenn Du Dein Bestes tust, ist dies der beste Weg, um jene Menschen um dich herum daran zu erinnern, ihr Bestes zu tun. Wenn wir vortrefflich sein wollen, müssen wir die Achtsamkeit verwirklichen, das ist gewiß. Nur wenn wir uns in der Achtsamkeit üben, werden wir uns selbst nicht verlieren und uns eine strahlende Freude und Frieden erwerben. Nur wenn wir die Achtsamkeit üben, werden wir imstande sein, auf jeden anderen mit offenem Geist und mit den Augen der Liebe zu schauen.

Ich war gerade nach unten in ein Appartement zu einer Tasse Tee eingeladen, wo eine Freundin, die uns hilft, ein Klavier besitzt. Als Kirsten den Tee für mich aufgoß, blickte ich auf den Stapel Arbeit und sagte: "Warum hörst Du nicht für eine Minute auf, die Bewerbungen um Waisenkinder zu übersetzen, und spielst für mich Klavier?" Kirsten war froh darüber, ihre Arbeit für einen Augenblick hinlegen zu können, und sie setzte sich hin, um eine Auswahl von Chopin zu spielen, die sie seit ihrer Kindheit kannte. Das Stück hat verschiedene Abschnitte, die weich und melodisch sind, während andere laut und schnell sind. Ihr Hund lag unter dem Teetisch, und als die Musik erregend wurde, begann er zu bellen und zu wimmern. Ich wußte, daß er sich unwohl fühlte und die Musik zu unterbrechen wünschte. Kirstens Hund wird mit einer Freundlichkeit behandelt, mit der man ein kleines Kind behandelt, und vielleicht ist er gegenüber Musik viel empfindlicher als die meisten normalen Kinder. Vielleicht deshalb, weil seine Ohren bestimmte Schwingungen aufnehmen können, die für menschliche Ohren nicht wahrnehmbar sind. Kirsten setzte das Spielen fort, während sie gleichzeitig versuchte, den Hund zu beruhigen, aber er fuhr mit seinem Bellen und Protestieren fort. Sie beendete das Stück und begann, eines von Mozart zu spielen, das leicht und harmonisch war. Während dieses Stückes lag der Hund still und schien zufrieden und friedlich zu sein. Als Kirsten geendet



bên sông Mẹ chờ

Sông quê rợp bóng cau dừa
Mỗi năm nước chảy hai mùa đục trong
Lượn qua đôi vịnh uốn cong
Phủ sa bồi đắp ruộng đồng xanh tươi.

Sông đưa dòng ngược dòng xuôi
Tháng năm ôc hên, tháng mười cá linh
Mẹ tư tuổi rạc bình minh
Vượt sông, vui thú gia đình cùng cha
Quần bò, áo vải bà ba
Suốt đời nào biết lựa là phần son
Ngặng đầu ngậm bóng trăng tròn
Sáng trưng lòng mẹ, há môn thủy chung ?
Sông kia dù đục, dù trong
Mẹ vui nếp sống mặn nồng bên cha
Hai con vang rộn cửa nhà
Cha chửa chớm lão đã qua đời rồi
Mẹ càng thương cặp con côi
Kiếm cơm, chạy gạo rồi bồi tóc tai
Hai con vững mạnh vào đời
Bên sông, mẹ sông giữa chồi tích liêu
Vui cùng vườn rẫy, cảnh nghèo
Bên tay vun xới, sớm chiều chăm nom
Rau tươi mát, gạo trắng thơm
Ngọt canh hàng xóm, ngon cơm láng giềng
Sông quê trôi chảy êm đềm
Tưởng chừng nước mát ngậm thêm vào hồn
Đêm đêm mẹ thích câu tôm
Ngọn đèn leo lét bên cồn quanh hâu.

Rồi trên sông, có một chiều
Con ra khơi rộng mang theo tình nhà
Mẹ về nhà cũ thiết tha
Cờ hương, đất khách cách xa bán cầu
Con đi lạc bước trời Âu
Mẹ còn ở với ruộng sâu mỗi môn
Hai mùa sông đục, sông trong
Ngày vui của mẹ cạn rờng tư lâu
Tứ vòm khơi, tới giang đầu
Tháng năm mù mịt, mẹ sầu bỏ vợ
Chiều nghiêng, bóng xế ngân ngơ
"Thằng Hai qua Đức bây giờ ra sao ?
"Con Ba nay ốm, mai đau

"Quần quanh thất nghiệp, âm hao thừa dân.."
Con đi, mẹ cứ bán khoán
Tưởng chừng con mẹ vẫn còn âu thơ
Mẹ chửa từng nghĩ bao giờ
Xa nơi cờ quân, bỏ bờ sông kia
Mồ cha, má nội vũng bìa
Mẹ đâu đành đoạn cắt chia tình nhà.

Chiều nay cô trăng bay qua
Bãi vang bìm bịp, mẹ sa giọt sầu
Con đi lạnh bóng cờ sao
Thanh bình trở lại, chừng nào con ơi !

Các con về, mẹ qua đời
Thì xông cho mẹ thoáng hơi nhang trầm
Chờ con lòng mẹ lạnh căm
Khói hương may ấm cõi âm mảnh hồn.

● HỒ TRƯỜNG AN

nói khóc cười

Nói khóc cười giữa một trần thế
Còn Ngày Mai Ngôn Ngữ Hôm Nay
Giữa chừng im lặng trên tay
Gieo trần một cõi cho hay thế nào

Lên xuống cùng ra vào đã đủ
Là nghìn thu trở cũ như người
Chữ Không lập lập muôn hồi
Tài hoa bạc mệnh một đời sát na

● NGUYỄN CHÍ TRUNG
(SƯƠNG MÙ 1972)

Đạo và Thiên

Thái Cực bao gồm trắng với đen
Âm, dương, tối sáng, biến ra thêm
Nữ, Nam, thiện, ác, hai mà một
Đạo giúp vạn thù qui nhất nguyên

Đạo không phân biệt trắng hay đen
Đạo biến nhị nguyên qui nhất nguyên
Đạo mà khả đạo phi thường đạo
Đạo chẳng thấp cao : ấy pháp thiên.

Thiên là phương pháp đạt huyền vi
Tám vạn bốn ngàn pháp nhất qui
Qui về vũ trụ vi-thiên-địa
Bản thể tương đồng đại với vi.

Tế bào cơ thể : vũ trụ vi
Bản thể ba ngôi có những gì
Vũ trụ có gì ta có nấy
Rõ thông bản thể đạt huyền vi

● HÀ PHƯỚC THẢO

HỒ TRƯỜNG AN

TÂM ẨN

Chú sa di Pháp Hiền, sáng hôm đó sau khi quét dọn chùa, các tầng phòng và thiên thất, được chú sa di Pháp Bảo rí tai:

- Tối hôm qua, sứ phụ chúng ta vừa tiếp một thiên sư người Nam Thiên Trúc từ tỉnh Quảng Châu sang.

Chú sa di Pháp Hiền trở mặt:

- Sao chú nói thế? Một người xứ Nam Thiên Trúc tại sao lại tu ở bên Quảng Châu sang?

Chú sa di Pháp Bảo nói:

- Em có nghe Thầy nói như thế này. Vị thiên sư kia gốc người Nam Thiên Trúc (Nam Ấn Độ) dòng Bà La Môn, tên là Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Ngài đi khắp miền Nam Thiên Trúc để tham khảo Thiên Tông, nhưng chưa gặp duyên lành. Ngài sang nước Trung Hoa vào đời Trần Tuyên Đế, niên hiệu Đại Kiến thứ 6 (574) tháng đến đến Trường An. Gặp lúc đó, vua Chu Vũ Đế phê diệt Phật pháp nên ngài sang qua đất Nghiệp (Hồ Nam), gặp được Tam Tổ Tăng Xáng và được truyền tâm ấn. Sau hết, tổ khuyến ngài đi về phương Nam để giáo hóa kẻ trại lành gái tía. Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến Quảng Châu, trụ trì tại chùa Chế Chi ngót sáu năm, rồi mới đi về xứ An Nam này.

Đó là một sáng tiết trọng Xuân, niên hiệu Đại Tường năm thứ hai nhà Chu (580) bên Tàu. Nước ta bị Bắc thuộc nên không có niên hiệu riêng.

Hai chú sa di Pháp Hiền và Pháp Bảo là đồ đệ của Đại Sư Quan Duyên ở chùa Pháp Vân, tỉnh Hà Đông.

Sa di Pháp Hiền thân hình to lớn, cao đến bảy thước ba tấc (tính theo thước Tạng, tương đương với 2,36m của thước tây). Mặt của chú vuông, nét mày sắc, cằm cường quyết, mắt sáng như sa. Diện mạo chú, vừa có vẻ hùng tráng, vừa nghiêm vẻ tử bi. Tiếng nói chú sang sang như chuông ngân, nhưng có vẻ khoan hoà, lời nói mực thước. Riêng chú Pháp Bảo thì vóc mình tầm thước, mặt sáng đẹp như trăng rằm, tuy trong thế đi đứng, nằm, ngồi đều giữ oai nghi, nhưng vì thế vui tính, nói nhiều câu hỏi nghịch ngợm thường bị Đại Sư quở trách và đôi khi còn bị phạt quỳ hướng nửa là khác.

Chùa Pháp Vân không phải là chùa lớn và ít

được khách thập phương lui tới cúng lễ ở đây. Và lại, thời buổi đó, ở nước ta, đạo Phật không mấy phổ biến. Chú Pháp Hiền lo việc trồng rau tưới rau, bửa củi, gánh nước, còn chú Pháp Bảo lo việc đèn nhang, bếp núc.

Hôm nay, vào tiết mùa xuân trong sáng. Cây đào trong sân chùa đơm đầy hoa hồng. Rau cần vừa xanh đầy ao. Chú Pháp Bảo vừa đặt ấm nước lên hỏa lò, vừa soạn bình chén, miệng ngâm nga:

Giờ xuân môn cánh hoa đào,
Mùa xuân phơi phơi trên ao rau cần.

Chú Pháp Bảo vốn hay chữ và sinh thờ, thường lên Đại Sư thập nhang thơm, rồi bày giấy đề tức cảnh. Khi ngồi bút lông của chú nhúng vào mực là tư thơ đã tràn, ngập tâm hồn chú rồi, chỉ cần trải dòng chữ mềm như lá lan và sắc như lưỡi dao lên giấy mà thôi.

Chú Pháp Hiền rất yêu mến người sư đệ của mình. Chùa vàng lạng, chỉ có tiếng nói của chú Pháp Bảo là nổi bật. Chú Pháp Bảo vừa thọ giới sa di vào mùa đông năm ngoái. Chú hay chữ, sinh thờ là thế đó, nhưng học thuật chú kinh Lăng Nghiêm mãi hai năm mới thuộc. Do đó, chú được làm lễ thí phát sau chú Pháp Hiền nửa năm, và thọ giới sa di sau sư huynh mình một năm. Tuy nhiên, chú Pháp Bảo vốn siêng năng tinh tấn trong thời khóa công phu khuya. Việc bếp núc của chú không ai có thể chê trách vào đâu được. Chú biết làm tương, biết nên cà, biết muối dưa cải. Rau đậu lặt vào tay chú được biến chế thành những món ăn thơm tất, bổ dưỡng. Đại Sư vốn yêu cả hai đệ tử mình, nên thường làm thơ khi chú Pháp Bảo hát một câu ca dao sắc mùi thế tục, hoặc lời nói bông đùa của chú Pháp Hiền khi chú tham dự câu chuyện kể ví von của người sư đệ mình.

Hôm qua, trên cây soan đào ngoài ngõ có con chim khách đến hót ríu rít. Trước đó, vào đêm rằm nguyên tiêu, khóm quỳnh hoa trong trong chậu trắng men lam trở bông thơm ngát cả nửa khuya. Đại Sư Quan Duyên cho là điềm lạ. Thế đó, chiều hôm qua một thiên sư người Nam Thiên Trúc, đa đen óng, sóng mũi tênh, vóc vạc cao lớn không kém vóc vạc của chú Pháp Hiền mang bầu quỳ nộp đến xin tá túc nơi đây.

Thiên sư mở chiếc tay nải lấy ra một pho kinh bìa bọc lụa xanh, bảo:

- Khi tôi ở chùa Chế Chi tại Quảng Châu đã dịch bộ kinh "TƯỚNG ĐÀU BAO NGHIỆP SAI BIỆT" từ chữ Phạn ra chữ Hán. Giờ đây, tôi xin tá túc ở đây để dịch bộ kinh Tông Trì.

Khi mặt trời vượt lên hàng cây chầu, cây muôm thì chú Pháp Hiền đã tưới xong rau và gánh nước đổ đầy cái bồn lớn ở sau mái bếp. Chú

Pháp Bảo vui vẻ gọi :

- Thấy bảo anh đến diện kiến Thiên Sư. Phải ăn mặc cho đàng hoàng. Em đã nấu cho anh nồi nước lá hương nhu để anh tắm gội.

Chú Pháp Hiền đi tắm. Và khi vào nhà tắm chú đã thấy bộ áo tràng thơm mùi lạng phiến vất ở sào. Khi tắm gội, đánh răng xong chú ăn mặc tề chỉnh, sẵn sàng đến yết kiến tăng khính pháp xa. Khi đi vòng qua mái đồng lang, chú ngạc nhiên là những gió lan Tố Tâm đều nở ở hoa thơm ngát. Chung quanh chùa riu rít tiếng chim sơn ca tú ngoài cánh đồng, tiếng vờn nhện, tiếng chào mào trong bóng lá xanh rậm.



Đến Thiên phòng, chú Pháp Hiền đã thấy sư phụ mình đang dùng trà với người Hồ Tăng (1) đáng điệu oai nghiêm, ánh mắt hiền dịu, vẻ mặt nhân nhục, khoan hòa. Trên nền da đen đúa kia như sáng ngời lên ánh sắc thanh khiết, vô cớ kỳ ảo. Vua chạm mắt khách, thoát nhiên chú Pháp Hiền rung mình. Tâm hồn vô minh đang vẫy vẫy cái tâm chú như dao động. Khách Hồ Tăng bỗng hỏi :

- Người họ gì ?

Như bị cuốn theo một mảnh lục vô hình những thật mâu nhiệm, chú cũng hỏi lại :

- Hòa Thượng họ gì ?

Khách Hồ Tăng lại hỏi :

- Người không có họ sao ?

Chú Pháp Hiền bảo :

- Họ thì chẳng không. Hòa Thượng làm sao biết được ?

Khách Hồ Tăng hét :

- Biết để làm gì ?

Tiếng hét đó xé rách tâm màn vô minh của chú Pháp Hiền. Chú đã trở thành, con người khinh ác ngay từ lúc này. Chú đã thấy như một bày trước mắt nhiều chân trời, nhiều cảnh giới, một là tất cả, tất cả là một, khó diễn tả bằng ngôn ngữ... Chú sụp lạy Khách Hồ Tăng. Khách đã truyền tâm ấn cho chú dù chú chỉ là bậc sơ cơ trong pháp môn tu Thiền. Đại Sư Quan Duyên nói :

- Sự đồn ngộ của con ở kiếp này, hẳn là phúc báo của con đã tu thiện trải qua nhiều kiếp trước vậy.

Khi Đại Sư Quan Duyên viên tịch, Khách Hồ Tăng trở thành viện chủ chùa Pháp Vân... Ngài Tỳ

Ni Đa Lưu Chi (Khách Hồ Tăng), là người dấn nước Nam khai sáng dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, trở thành sơ tổ dòng này. Dưới mái Chùa Pháp Vân, tổ đã dịch xong bộ kinh Tổng Trì.

Thời gian qua, chú Pháp Hiền và chú Pháp Bảo đều đã thọ giới tỳ kheo. Nhưng tỳ kheo Pháp Bảo lại chọn Pháp môn Tịnh độ, rồi chùa và cất một mái thảo am ở gần chùa để tu hành hơn.

Một hôm sơ tổ gọi sư Pháp Hiền vào phòng trường, bảo :

- Tâm ấn của chư Phật không có lừa dối, tròn đồng thái hư, không thiếu không đủ, không đi, không lại, không được không mất, chẳng một chực khác, chẳng thương chẳng đoạn. Vốn không có chỗ sanh, cũng không có chỗ diệt, cũng chẳng xa lìa, mà cũng chẳng phải chẳng xa lìa. Vì đời với vọng duyên giả mà lập tên ấy thôi. Bở thế, chư Phật trong ba đời cũng như thế, nhiều đời tổ sư cũng do như thế mà được, ta cũng do như thế mà được, người cũng do như thế mà được, cho đến hữu tình, vô tình cũng do như thế mà được. Tổ Táng Xáng khi ấn chứng tâm này cho ta, bảo ta nên về phương Nam giáo hóa không nên ở đất Nghiệp nước Thiên Triệu (2). Đã trải qua nhiều nơi, nay ta đến đây gặp được người quả là phù hợp với lời huyền ký vậy. Vậy người khéo gìn giữ. Giờ đi của ta đã đến.

Nói xong, tổ chấp tay thị tịch, sắc mặt hồng hào, tươi nhuận như ngủ say. Sư Pháp Hiền dùng nước trầm thơm lau mình cho tỉnh rồi làm lễ hỏa táng, lượm xá lợi ngũ sắc xây tháp cúng dường. Năm đó, nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ 14 nhà Tùy bên Tàu (602).

Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ 16, sư Pháp Bảo ở Thủy Nguyệt Am sai chú tiểu cho mời sư Pháp Vân đến, tưới cười bảo :

- Ngày hôm nay đây là tới giờ em sẽ được vắng sanh miền Cực Lạc. Sư huynh đã chọn pháp môn tu Thiền, đã đồn ngộ, nhưng em chỉ muốn an tu thêm pháp môn Tịnh độ theo vết xe cụt tới ong Thọ, theo lời khuyên tấn của ngài Văn Thủ Bồ Tát. Thời nay mặc dù là thời Tượng pháp, vẫn còn nhiều kẻ tu hành thối đọa. Sư huynh nghĩ kỹ đi, Thiền Tịnh song tu có phải như con hổ có thêm cánh, chẳng những chạy nghìn dặm mà bay vượt nghìn trùng chăng?

Sư Pháp Bảo chuẩn bị tắm rửa, mặc áo vải nâu mới, ngồi kiết già thị tịch. Mùi thơm lạ động quanh am ba ngày chưa tan. Lúc đó vào tiết đại thử, trời nóng bức, thế mà nhục thể của sư vẫn không hư hoại, đầu nóng rục như lửa tròn một ngày. Sư Pháp Hiền làm lễ chôn cất cho người sơ đồ yêu mến, rồi vào núi Tư Sơn để đệ tử tu Thiền hơn. Sư cất một mái thảo am ở lưng chừng núi. Sau lưng am, dòng Ngọc Tuyền trong veo chảy thành thót qua những lườn đá phủ rêu xanh. Trước am là một cái hồ nước, vào đêm trăng

trong có những con rồng xuất hiện. Ở đây, sư Pháp Hiền như gỗ đá, mọi vật đều quên. Trên Thiên sàn chỉ có một án thư với cái lò hươg một thếp giấy, một ống bút và một nghiên mực. Trong bếp có khi cả thảng chẳng đồ lửa khách hành hương trên miếu tận đỉnh núi thì hỉnh thoáng ghé qua am, để lại một vài đầu gạo, hoặc một đay xôi, vài phẩm oản, hoặc một thếp nhang, một lọ tương, hay một ít hoa quả.

Sư Pháp Hiền miệt mài ngồi thiền, trong khi đó hai cây sơn đào trước am hai lần trở hoa bói quả. Lũ chim rừng, loài khí vượn, lọ nổi, bạc má kéo về dâng hoa, dâng trái. Đàn hươu sa, đàn thỏ trắng, đàn nai tờ khi đi ngang qua, không quên dừng bước bên am, trầm tư một lúc lâu trước bóng dáng cao lớn của thiềnsư ngồi tĩnh tọa trên bồ đoàn. Có một lần còn beo gấm nướng bóng trắng lạc bước đến bên thêm, trước cửa nhập thiền kia cũng phải phủ phục rồi lặng lẽ rút lui... Mùa thu tởngon kim phong tử phương Tây thổi về làm khô vàng lá cây sơn lựu, làm đỏ thắm lá cây phong, một toán du khách hành hương vừa đến chân núi đã thấy ở lưng chừng am có những cụm tường vân phủ rợp, thủy khí xông tung bùng(3).

Một chàng công tử, mặt trắng mịn, mày đen rậm sống mũi dọc dừa, mỗi tuổi báo các khách hành hương :

- Đem qua, trong lữ quán cách chân núi Tử Sơn này ba dặm, tôi đã nằm mơ thấy một vị s ở n thân mách bảo rằng ở lưng chừng núi này có một kẻ tu Thiền, đã được hột giống Thiên tử phương Bắc do Khách Hồ Tăng mang xuống và sẽ đây manh dòng Thiên phương Nam từ đời tướng Pháp cho tới đầu đời mặt Pháp mới thôi.

Một bà trạc năm mươi, hiền dịu bảo :

- Vậy chúng ta đến thảo am xem sao. Tôi có vài phong bánh để cúng dường đây.

Đoàn khách hành hương lục tục kéo lên am có Hào quang trong suốt tòa quanh am. Và trong hào quang lớn vờn bóng những con rồng ngậm những trái châu to như quả bưởi, những con chim phụng lông ngũ sắc ngậm chuỗi bồ đề... Các khách hành hương thấy một vị thiềnsư đang ở trong cơn nhập định, thân người kiết già trên bồ đoàn. Canh đó, lò tẩn, hương lụn trên án thư. Mọi người cùng quỳ xuống, miệng niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật". Mãi một lúc lâu, thiềnsư mở mắt hỏi :

- Hôm nay là ngày mấy ?

Chàng công tử bảo :

- Hôm nay là ngày rằm trung thu.

Thiềnsư bảo :

- Tôi nhập định tư mong một tháng bầy ch o tới nay. Các ông, các bà đến đây là do cở duyên chín muồi đưa đây. Bắt đầu từ hôm nay tôi sẽ xuống núi, trở về chùa Pháp Vân tỉnh Hà Đông để hoàng dương Thiên Tông.

Đoàn khách hành hương quỳ lạy, cúi xin sư Pháp Hiền thu nhận họ làm đệ tử.



Vua Tùy Vấn Đế bên Tàu, một hôm cùng bá quan văn võ dùng ngự yến trên lầu Vạn Huệ, có đàn địch ca múa. Bổng hoàng tử Dương Quảng quỳ tâu :

- Con vừa ở ngoài lan can chợt thấy tử phương Nam hào quang sáng rực, trời xanh thắm chói lên màu ngọc phi thúy(4), không hiểu là điềm gì, nên trình cho phụ hoàng rõ.

Vua liền rời bàn tiệc bước ra lan can. Trên nền trời chói ngời màu ngọc phi thúy, những cụm mây óng ánh như hoàng kim kéo về kết thành những bông sen vàng khổng lồ. Vua liền bảo quan Khâm Thiên giám :

- Khanh thử đoán xem đây là điềm gì ?

Quan Khâm Thiên Giám tâu :

- Ở phương Nam đã có một vị thánh tăng khai sáng dòng Thiên Tông tử phương Bắc theo bước chân Khách Hồ Tăng truyền xuống.

Vua tỏ vẻ hoan hỷ lắm. Nhưng Quan Khâm Thiên Giám lại tự bảo thẳm :

- Người Thiên triều mình cho người An Nam là man rợ. Nhưng theo mình nghĩ, điềm lành vậy a xuất hiện ở phương Nam chứng tỏ rằng rồi đây người An Nam sẽ lấy lại chủ quyền, không còn bị người Trung Quốc đô hộ nữa. Và dù họ bị Bắc thuộc một nghìn năm, mà họ vẫn không đồng hóa vào dân mình. Họ sẽ có giang sơn riêng, văn minh và tập tục riêng. Đó là một gi ống dân quật cường vậy. Họ sẽ có một thời gi àu mạnh vì họ biết dựng nước trên tinh thần Phật pháp.

Trở về chùa Pháp Vân, sư Pháp Hiền nhận đờ đờ ở tu, số học chúng hằng ngày trên 300 vị. Thiên Tông phương Nam từ đó được thịnh hành. Chùa Pháp Vân chẳng những được trùng tu mà còn xây thêm những tầng phụng và thiền thất mới. Ở phía Tây, giáp với số rẫy của Chùa, sư Pháp Hiền cho lập thêm một ngôi Tăng K i nh Các.

Vị công tử lên núi bái yết sư Pháp Hiền do theo lời mách bảo của sơn thần trong c ở n chiêm bao năm nào giờ đây trở thành thị giả của sư. Sư đặt cho đệ tử thân yêu nhất củ a mình cái pháp danh là Thông Biện rồi truyền

tâm ấn cho.

Thích Sư Lưu Phương, người Trung Hoa, n g h e danh Thiền sư Pháp Hiền nên vào kỳ rằm lễ Vu Lan, tổ chức cho cả nhà mình đến chùa d ã ng hưởng. Phu nhân và hai người sống thiếp của ông ngồi trên xe Châu Luân (5) có màn rỗng, rèm phướng thêu kim tuyến, kết trên châu phủ xoàng. Các tiểu thư ngồi trên xe Bát Bảo (6) có rèm thêu chỉ ngũ sắc che phủ. Các công tử cùng với ông cưỡi ngựa, có tán lọng, cổ quạt, tiến hồ hậu ủng, rõ là một đại gia quyền quý ở chùa Pháp Vân, các tăng chúng và học chúng tổ chức buổi lễ giảng pháp môn tu Thiền. Th. Sư Lưu Phương dâng pháp tọa bằng gỗ cặm lại từ nước Chiêm Thành cống hiến. Nghi lễ dâng pháp tọa được cử hành long trọng gidachiêng trông vang lừng và mùi trầm hương, bạch đàn bay ngào ngạt. Pháp Hiền Thiền Sư bước l ẽ n pháp tọa, cất giọng khoan hòa những âm lượng thật phong phú, giảng lịch sử Thiền T ô n g. Khởi đầu là Đức Phật truyền tâm ấn cho tổ Ma Ha Ca Diếp sau khi đưa một cành hoa lên, các đệ tử khác không hiểu ra sao, chỉ có Ngài Ma Ha Ca Diếp được chứng ngộ, mỉm cười. Giọng lưu loát của Thiền sư làm sống lại trong tâm tở hàng học chúng, dòng Thiền từ Ngài Ma Ha C a Diếp chạy qua bao thế hệ, qua 28 vị tổ thừa kế ở nước Tây Trúc, được tổ thứ 12 là Mã Minh và tổ thứ 14 là Long Thọ làm sáng tỏ t h ệ m giáo pháp Đại Thừa. Và tới tổ 28 là Bồ Đề Đạt Ma có duyên Thiền Tông ở Tây Trúc đã hết, tổ bèn làm cuộc Đông Độ vượt biển sang T r ung Quốc vào thời nhà Lương để khai sáng d ò n g Thiền ở Trung Quốc. Từ tổ Huệ Khả kế vị cho tới tổ thứ 4 là Đạo Tín, nguồn Thiền bắt đầu thịnh hành và sáng tỏ (7). Và cuối cùng, sự nhắc nhở đến bước đường Nam du của tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi, bậc sơ tổ dòng Thiền ở phương Nam đã đem dòng Thiền từ Tổ Tăng Xáng ở đ ấ t Nghiệp (Hố Nam) xuống nước ta, tức là An Nam Đ ộ Hộ Phủ của người Tàu. Giáo pháp Đại Thừa sẽ hiện lộ trên pháp môn Thiền, một pháp môn bất chấp văn tự, giáo ngoại biệt truyền. Cứ l ấ y tâm truyền tâm, tổ thiền tông giúp cho thiền gia đốn ngộ, được minh tâm kiến tánh t h ệ n h Phật.



Lời giảng của sư rõ ràng, khúc chiết. Lưu phu nhân cảm phục, trong buổi hôm đó, tháo chiếc thoa vàng chạm hình nổi Quan Âm Bồ Tát n ắ n g

chúng hai lang và cặp vòng ngọc để cúng đ ờ n g. Các tiểu thủ, hai người sùng thiếp, các a hoàn bộc phu theo hầu cúng tháo chút ít nữ trang hay đem một ít tiền cúng dường, hoặc góp vào việc đúc chuông. Riêng Thích Sư Lưu P h ươ n g cúng cho chùa mười khoảnh ruộng trong đó có năm khoảnh có thể cấy lúa Tám Thơm, một thửa lúa thơm và quý nhất, nấu cơm hay làm bánh d ầ y đều ngon cả.

Sau buổi lễ giảng pháp môn tu Thiền, Thích Sư bèn viết sớ về Trung Quốc tâu lên Tùy Văn Đế: "Có này giờ đây có nhiều người khâm s ử n g Phật Giáo, lại có những vị cao đức danh tăng Vua Tùy Văn Đế cả đẹp sai sứ mang Xá Lợi của Phật và năm hôm phụ điệp cho pháp sư P h ấ p Hiền, truyền cho sứ phải xây tháp cúng dường, Hoàng Hậu, vợ vua Văn Đế vốn đoan trang, xinh đẹp, vốn ngưỡng mộ và tu tập pháp môn Tịnh Đ ộ theo lời khuyến tấn của ni sư Đại Minh, có gửi theo sứ giả một trăm lạng bạc để c ứ n g dường chùa Pháp Vân.

Sư Pháp Hiền xây tháp bảy tầng cho tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi, cho đại sư Quan Duyên ở chùa Pháp Vân. Ngoài ra, ở tại các châu khác như Phong Châu, Hoan Châu, Trường Châu và Ái Châu... cũng được xây tháp cúng dường.

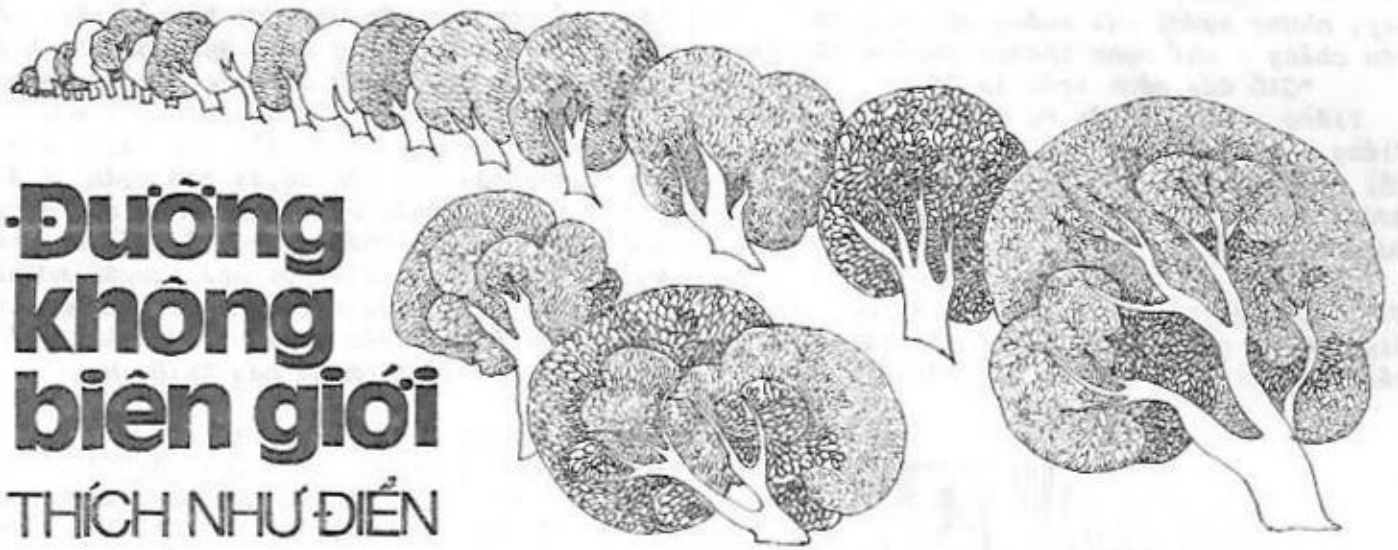
Về sau, Pháp Hiền thiền sư trụ trì tại chùa Chúng Thiện, núi Thiên Phước, huyện Tiên Du.. Niên hiệu Vô Đức năm thứ 9 đời Đường (626) sứ an nhiên thị tịch. Thiền sư Thông Biện là đệ thừa kế tâm ấn nói sứ.

Dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi trải qua n g ột gần nửa thế kỷ, đến đời thứ 4, bắt đầu sáng tỏ hơn qua Thiền sư Thanh Biện. Trong chính sử Thiền Tông, sử Thanh Biện không được nói tới luôn cả vị thiền sư thừa kế của ông.

Trong Tàng Kinh Các ở chùa Pháp Vân, bản dịch "Tướng Đầu Báo Nghiệp Sai Biệt" và kinh Tông Trì được khắc lên gỗ, lên tre trúc, rồi được chép trên giấy, sau đó được khắc vào bản in. Ngôi cổ tháp chùa xá lợi của vị sơ tổ kiadù được quét dọn vào các kỳ rằm lớn, những c ó những kẻ rạn nứt xanh rêu.

Về sau, vua Lý Thái Tông (1028-1054) nhân đọc quyển "Tướng Đầu Báo Nghiệp Sai Biệt" và kinh Tông Trì qua bản dịch chữ Hán của sớ t ờ i ễn cảm khái làm một bài kệ truy tán như sau :

Sáng tự Nam lai quốc
Vạn quân cầu tập Thiền
Ứng khai chul Phật tên
Viễn hợp nhất tâm nguyên
Hạo hạo Lăng Già nguyệt
Phân phân Bát Nhã liên
Hà thời hạnh tướng kiến
Tướng dĩ thoại trung huyền ?



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(Kỳ thứ 17)

Sống ở ngoại quốc nhiều năm mới thấy dễ cái lạnh buốt và sự trống trải của tâm hồn. Mọi thế gian còn có mọi trò chơi giải trí, hoặc du lịch nghỉ hè để choán hết đi như những khoảng trống đó; nhưng đôi khi còn chưa hết trống được. Kể được xưng là Trưởng Tử của Như Lai - Tác Như Lai sư, hành Như Lai sự - họ sẽ làm gì trong một thế giới khác lạ và cuộc sống xô bồ hỗn độn này?

Ở đâu và thời buổi nào họ cũng phải có bốn phần "thiệt long thánh chúng, chán nhiếp ma quân", để cho bên ngoài hết giống giấc mộng được đâm chồi nảy lộc và bên trong trấn nhiếp tất cả các nỗi loạn của nội tâm đầu là 1 vi trần đang đầy động.

Tục ngữ Việt Nam mình có câu "ăn cơm có canh tu hành có bạn". Canh cần thiết đối với cơm như thế nào thì người tu cũng phải cần có những người bạn, hiểu đạo và cùng lý tưởng để phụng sự cho đạo như thế ấy.

Nhìn cảnh chùa chiền ngày nay tại ngoại quốc không phải là cảnh "nhứt Tăng, nhứt tự" mà "nhứt Tăng, đa tự" - một Thầy kiêm nhiệm cả 3, 4 chùa chứ không phải chỉ một chùa. Do đó mà thì giờ đã không có, lại càng khó có nhiều hơn nữa.

Nhân việc đi giảng nhiều nơi cũng như tại chùa Viên Giác, tôi có trình bày về thực trạng trên của Phật Giáo Việt Nam tại Hải Ngoại ngày nay, nên có người đã phát tâm xuất gia, có người đương và sẽ khoát lên mình một màu áo giải thoát - cho hoa giác ngộ được nở ở khắp muôn phương, để sen trong đầm và trong tâm hồn còn có cơ khoe sắc thắm. Cảm niệm ân đức của Tam Bảo và thiết nghĩ rằng "Thánh

chúng" của Như Lai đã đương và sẽ đâm chồi nảy lộc nơi xứ trời Âu giá buốt này.

Khi người ta đói, người ta có thể tìm cách no lòng bằng cơm, bằng canh, bằng kẹo bánh v.v.. Đó là đói lòng. Nhưng khi tâm hồn bị trống rỗng, người ta biết nương tựa vào đâu? Nếu không có một ngôi chùa! Không có một vị Thầy khả kính để hướng dẫn Phật tử.

Nhìn cảnh chùa ở ngoại quốc ngày nay là như thế rồi lại đổi mắt về quê hương qua xứ Huế êm đềm thơ mộng, có sông Hương với núi Ngự, có hoàng cung biệt điện, có đền miếu chiến, để hoài cổ hay chính để nhớ thương nghĩ gì gần như đã đương và sẽ trở về trong dĩ vãng.

Quê hương ta vẫn còn đó, đạo pháp ta là đây. Là muôn triệu tâm hồn của người dân Việt; nhưng không biết ngày tháng dần trôi, chốn thần kinh kia, nơi có núi đồi trùng điệp, có chùa tháp hăng hà, có phải bị tang thương biến đổi như chốn ngự triều kia trải qua bao cuộc tang thương của cuộc thế chăng? Nếu có sinh thì có diệt, có đến phải có đi. Khi hiểu được luật vô thường của tạo hoá, chắc ta cũng không tiếc gì một kiếp phù sinh. Nhưng tự thưởng cho dân tộc mình quá điều linh thiêng khổ. Tất cả đã mất mát, chỉ còn một chút này đây - một chút tinh thần, để hiến dâng cho quê hương và sông núi, nhưng cũng không được trọn vẹn.

Câu ca dao "Học trò xứ Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế bước đi khệ đành
nó đứng với một giai đoạn lịch sử nào đó khi mà các tỉnh này chưa có trường thi - khi mà người con gái Huế còn sống trong cảnh thanh bình gần nơi quan quyền vua chúa; còn bấy giờ

thì sao - chắc lòng dạ của người Huế vẫn còn đẹp; nhưng người xưa không còn nữa. Nếu có còn chăng - chỉ nghe thoang thoang đâu đây:

"Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương"
Tiếng chuông U Minh vào 2 thời công phượng tối đã thức tỉnh lòng người âm cúng như kẻ dương và nguyện cầu cho bao vạn sinh linh được siêu thoát.

Huế đẹp lắm, Huế có chùa Thiên Mục, có chuông Diệu Đế, có giốc Nam Giao có các lăng tẩm của các vua Triều Nguyễn và bên Vân Lâu v.v...



Nếu ai đó có lần đi ngược giòng sông Hương để lên miền núi Ngự, bên tả ngạn của con sông hữu tình này sẽ thấy một ngôi chùa đã được dựng lên gần 4 thế kỷ. Các bậc thang cấp sắp dọc từ bên sông lên tận 2 gát chuông và trở cao ngất tận trời xanh. Đến bên trên sân trước, khách thập phương nhìn thấy một ngôi tháp 7 tầng xây theo lối kiến trúc cổ hình lục giác bằng gạch. Hình lục giác có lẽ tượng trưng cho "lục tự Di Đà vô biệt niệm; bất lao đến chí đảo Tây phương" và bên trên ngôi tháp có chuông, khách thập phương chiêm ngưỡng được pháp thân của Chư Phật trong quá khứ. Bước thêm lên mấy chục bậc thang nữa, sẽ gặp ngay các vị Hộ Pháp đứng hai bên để hộ người hiền cũng như trừng trị những người phá đạo. Hai bên là 2 dãy lầu chuông trống. Đây là cái chuông có một giá trị lịch sử lâu đời. Nghe đâu nặng đến mấy ngàn cân và mỗi lần gióng lên, tiếng chuông vang dội đến mãi bên làng Thọ Xương vẫn còn âm hưởng. Tiến vào sâu bên trong, khách thập phương phải qua 1 hoa viên với đầy đủ những loại hoa thơm có lạ có quen chốn thần kinh. Nào hoa sứ, hoa sung, hoa bưởi, hoa lài, hoa bìm bịp... tạo nên một mùi thơm kỳ diệu nơi chốn thiên môn tịch mịch này không khác gì mùi hương của Hoa Ưu Bát La ngàn năm vẫn nở và tỏa ra hương thơm diệu với ai.

Tiến đường của chùa Thiên Mục cũng còn gọi là Thiệu Hương điện - nơi chỉ để một lư nhang thật lớn để khách thập phương lễ bái dâng hương trước khi vào Phật điện. Bên cạnh đó có thờ tôn tượng đức Từ Thị Di Lạc Phật bằng đồng đen với nụ cười hoan hỷ, như thăm nhìn với khách trần rằng: vào đến nơi đây từ nội

tâm cho đến ngoại cảnh cũng đều phải dứt bỏ hết. Chỉ còn lại một nụ cười hé nở trên môi để hiển dâng lên đấng Diêu Ngự. Khách thập phương muốn vào chánh điện lại phải qua hai dãy Đông và Tây đường ở hai bên rồi mới có thể cung kính, nhẹ nhàng đến sụp lạy trước tôn tượng của Đức Tôn Sư, đã bao ngàn năm giáng thế. Nhờ phép Phật nhiệm mầu nên đấng cam hoá được các bậc Nhân Vương Hộ Quốc như Chúa Nguyễn và các vua đầu đời nhà Nguyễn; mới xây dựng được ngôi chùa này qua lời báo mộng của một người đàn bà. Nên chùa này sau khi xây xong đặt tên là Linh Mục hay Thiên Mục.

Bên sau chánh điện là hậu tổ và đằng sau nữa có Quan Âm Các. Không biết Quan Âm Các ngày xưa của Thúc Sinh đã xây cho nàng Kiều rộng bao nhiêu để nàng vào đó tu hành, chép kinh ghi sự - khiến cho Hoạn Thư phải ghen tương và cuối cùng vì Ni Cô Trạc Tuyên không còn giữ được chữ nhàn để phải ôm chuông và gong khánh bạc trốn khỏi nơi đây - nhg rồi nghiệp ấy cũng không khỏi. Có lẽ vì Quan Âm Các ấy quá nhỏ chẳng? Không đủ khả năng để đưa n g chúa 3 tâm hồn, 3 mối tình đã đến thời kỳ náo loạn? Còn đây - Quan Âm Các của Linh Mục Tự rất nguy nga và tráng lệ, không biết ngày xưa có nàng công chúa nào vào đây tu không, không thấy sử sách nào nhắc tới; nhưng chắc chắn rằng phải có sự giúp đỡ của các bậc quân vương của triều Nhà Nguyễn. Linh Mục Tự và Quan Âm Các mới nguy nga tráng lệ như thế này.

Ngày xưa các vua chúa hay phong cho các vị trụ trì là Tăng cang hoặc phong sắc tứ cho chùa đó. Có thể, vì chùa đó thuộc về quốc bảo của nước; hoặc giá, nơi đó có các bậc đế vương, hay là có vị công tôn vương tử nào đã vào đây tu chẳng hạn. Ví dụ như chùa Tam Thai ở núi Non Nước thuộc Đà Nẵng có 1 nàng công chúa con vua Minh Mạng vào đây tu và chùa này được triều Nguyễn bảo hộ mãi cho đến những năm tháng sau này.



đến Linh Mục để lễ Phật, ngắm hoa - rồi đến khi đói dạ, khách thập phương có thể đến nhà Trù để gặp quý vị Tịnh Nhân mà thưởng thức món tương chay chấm với trái vả cùng cơm hẩm. Ngon làm sao lạ - cơm Thiên Mục có lẽ ngon hơn cơm Âm Phủ ở gần thành nội nhiều. Vì ăn

cơm Thiên Mục - có lẽ dễ đi lên - Vì cơm chay thanh tịnh. Nhưng ăn cơm Âm phủ chỉ có khách phủ tang mới dám mời, còn các vị chân T ã ng chắc không bao giờ đưa chân đến đó.

Tại Huế, ngoài chùa Linh Mục ra còn có các chùa nổi tiếng như chùa Diệu Đế, chùa Từ Đàm, chùa Tây Thiên, chùa Báo Quốc, chùa Từ Ông Vân, chùa Kim Tuyên v.v...

Chùa Từ Đàm - đã có lần Thượng Tọa Thích Tín Nghĩa giới thiệu sơ lược về lịch sử trong 1 số báo Viên Giác nào đó và sau này - năm 63 Từ Đàm là nơi phát xuất công cuộc tranh đấu đòi bình đẳng của Tôn Giáo. Từ đó "Từ Đàm quê hương tôi" lại vang vọng cả bốn phương trời. Khắp Trung Nam Bắc rồi lan dần qua các xứ Tự Do, ngay cả các nước Cộng Sản thuở bây giờ.

Chùa Tường Vân, nơi di dưỡng pháp thân của Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết. So với lịch sử Phật Giáo Việt Nam, kể từ khi vua Đinh Tiên Hoàng phong cho Khuông Việt Thái Sư năm 981 là vị Tăng Thống đầu tiên của nước Việt - Đức Tăng Thống Thích Tịnh Khiết là đời thứ mấy, không thấy lịch sử ghi chép; vì những thế kỷ sau này không có chức Tăng Thống mà chỉ có Quốc Sư do vua ban; nhưng ở hậu bán thế kỷ thứ 20 này chắc chắn Ngài là vị Tăng Thống đầu tiên vậy.

Chùa Tường Vân có cách kiến trúc cũng giống hết như chùa Vạn Đức và Chúc Thánh tại Quảng Nam - như có lần đã giới thiệu với quý vị trong các số báo trước. Có lẽ ngày xưa các vị Tổ đều cùng một quan điểm và ý niệm như nhau; nên dù xa từ Quảng Nam ra Huế hằng mấy trăm cây số vẫn có kiến trúc giống nhau, mặc dầu lúc bấy giờ - hơn 400 năm về trước phương tiện giao thông không dễ dãi như ngày nay.



Chùa Tây Thiên có Ông Tây Thiên sống 1 á u trường thọ. Các Ông ngoài Huế thường sống từ 80 đến 113 tuổi là thượng! Không biết dĩ dĩ t. Huế có gì đặc biệt? hay người Huế có vẻchân tu hơn là những miền khác của đất nước? - Có phải Huế nhờ gió mát của sông Hương hoặc nhờ vào vị thế của các núi có hình Long, Lân, Quy Phụng? Câu trả lời dành cho các bậc ch h á n Tăng xuất thân từ đây và đó cũng là một dĩ

tài để Phật tử giáo nghiêm.

Chùa Tây Thiên là tiền thân của Phật Học Viện Tây Thiên mà các Ông như Ông Trí Thủ, Ông Đôn Hậu v.v... đã có lần tông học tại đó.

Chùa này nằmxà thành phố Huế hằng mấy chục cây số. Đúng là một chốn Tùng Lâm - Trúc Lâm thì đúng hơn - vì ở đây có trồng nhiều cây Trúc - cho các bậc tu hành.



Chùa Báo Quốc - cũng còn gọi là Phật Học Viện Báo Quốc, nơi đã đào tạo biết bao nhiêu chân Tăng tài đức của nước nhà như Hòa Thượng Thích Thiên Hòa - Phó Tăng Thống, Hòa Thượng Thích Thiên Hoa, cố Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất v.v. và còn rất nhiều vị cao Tăng lỗi lạc khác đang sống tại quốc nội cũng như Hải Ngoại ngày nay cũng đã được đào tạo từ Phật Học Viện này.

Phật Học Viện Báo Quốc chung quanh vườn có trồng thật nhiều trà và phong cảnh nơi đây thật thơ mộng hữu tình; có thông reo vi vút và gió mát thổi quanh năm...

Cứ mỗi năm đến ngày Phật Đản thành phố Huế như sống dậy sau một thời gian lãng quẽ của tạo vật bởi những rừng cờ Phật Giáo treo tại tứ gia cũng như trong đất Già Lam của chùa. Những xe hoa được kết thành bởi các bông sứ bông vạn thọ, bông huệ, bông lan v.v... đủ màu đủ sắc và tạo nên những hình giả cũng như những hình thật về cuộc đời của Đức Phật để cúng dường ngày giáng trần của Đấng Điều Ngự Bốn Sư. Những xe hoa này chạy qua các ngã lòn của thành phố, nhiều khi còn chạy vào đến tận Đà Nẵng hoặc Hội An để cổ võ tinh thần của đồng bào Phật tử. Khách thập phương về chùa sẽ được các Ông, các Mẹ nói chuyện "bên ni bên tê" và tiếp đãi thật nồng nãn, không một lời khách sáo, như những người con cùng một cha, dù xa cách mấy nhịp cầu.

Quý Ông, quý Thầy bận rộn trong những nghi lễ các buổi giảng kinh, thuyết pháp... chùa nào chùa này cũng khói trầm nghi ngút, quỳện tỏa vào hư không dệt nên những đóa tường vân nhiều sắc, tỏa rộng vào không gian, như mang

lại những tình ba thanh khiết cho muôn loại
gợi nhớ.

Ôi! Huế - Huế đẹp là dường nào! biết làm sao
tả xiết. Cái đẹp của chiếc nón bài thơ, c ử a
những cô học trò Đồng Khánh, khi chờ đò tại
An Cựu hay những tà áo dài trắng phất p h ở
trước gió băng qua cầu Trường Tiền trng khi
đi học, ở pháp hữu vi - mà các tao nhân mặc
khách đã ca tụng qua thơ văn xưa nay - làm
sao cao thượng và thanh thoát bằng những sự
cô sinh ra trong chốn cung son, trâm anh thế
phiệt, thế mà đã cắt bỏ mái tóc xanh củamình
để vào chùa tu niệm, gọi mình trong giáo lý
nhiệm mầu giải thoát của Đức Như Lai !

Một người nào đó chưa muốn đi chùa, cũng như
chưa hiểu giáo lý nhà Phật một cách thâm sâu
thì hãy tập nghe giọng tụng kinh Huế củacác
Thầy và của các Sư Cô cũng sẽ muốn đi tu liên
Nó thanh thoát hồn nhiên, trang nghiêm vàđài
các như chốn lâu son gát tía của tam c u ng
lục viện của hoàng triều.

Bến Vân Lâu - nơi ngồi câu cá của nhà cách
mạng trí sĩ Phan Bội Châu vẫn còn đây - một
con người luôn luôn lo cho dân và cho nước,
Sau bao nhiêu năm bôn ba tại Hải Ngoại, hết
Đồng Kinh, tới Thượng Hải hoặc Hương Cảng cũ
chỉ nhằm có một điều là làm sao đưa dân tộc
và nước nhà ra khỏi ách thống trị của thực
dân.

Huế có các Đại Học đời cũng như Đạo, có nơi
cao thượng cũng có chốn bình khang. Ai c a o
thường thì hãy vào chùa để nghe những l ở i
giáo huấn. Ai muốn ngâm thơ vịnh nguyệt đã có
mấy mái đò thả dọc trên bến sông Hương. Ôi!
thanh nhàn một thuở. Nay đã còn đâu !

Miền Nam có tiếng là trái cây ngon nhất nước
nhưng trái nhãn lông của Bình Dương làm sao
so được với vị ngọt của nhãn lông thành nội
ở đây! Món ăn Huế xinh xinh nhỏ nhỏ, nhg thật
thăm giọng mặn mà, giống như người Huế trong
câu ca muôn thuở.

Người đàn bà Huế rất lịch sự và lễ phép - khi
ra khỏi nhà luôn luôn mặc áo dài - mà các xứ
miền Trung, miệt trong hay miệt ngoài đều ít
thấy được. Dầu đi chùa, đi chợ, đi làm ruộng,
chèo đò hay bắt củ đi đâu, người đàn bà Huế
vẫn không rời chiếc áo dài. Có lẽ đó là một
thói quen đã trở thành một nề nếp đẹp.

Người đàn ông xứ Huế có lẽ siêng năng, c ả n
mẫn và chịu khổ như những người đàn ông của
các miền xứ Quảng; nhưng nhỏ nhẽ hơn; và sống
gần nơi cung vua và được đào tạo nên b ở i
chốn hoàng triều ấy.

Viết về Huế nhưng không sống tại Huế thì khg

thể tả hết được những cái hay cái đẹp c ử a
xứ này. Mong rằng những ai đó là người sinh
trưởng tử chôn thân kinh hãy bỏ túc thêm cho
những phần thiếu sót.

Hôm nay trong mùa An Cư Kiết Hạ nơi đây, tâm
hồn cảm thấy yên tĩnh lạ thường sau nhg giờ
phút ngồi thiền, tụng kinh lễ Phật - xin viết
và gởi về Huế một vài ý nghĩ trên, để đ ả n g
lên Tam Bảo chứng minh cho một tấm lòng, dầu
xa quê hương suốt bao nhiêu năm tháng; nhưng
vẫn vọng trông về cố quốc. Nguyên cầu cho đất
nước sớm thanh bình, nhân dân an lạc. Và cầu
nguyện cho loài người đừng cố gieo rắc hận
thù thêm nữa để Huế nói riêng và nước Việt
nói chung muôn hoa đua nở tỏa ngát h ư ở n g
thơm đây đó như Hoa Ưu Bát La kia vẫn c ở n
ngự trị trong lòng người Phật tử tượng trưng
cho tình thương cao thượng của đấng T h iên
Nhơn Sư trong chốn lục quần.

(còn tiếp)

VIÊN GIÁC tự

Mùa An Cư năm Giáp Tý 1984



TRẦN THỊ CẨM THỊ

HAI CẢNH SỐNG

(tiếp theo)

Amplepnis, ngày ...

Anh,

Thời tiết độ này kỳ quá. Có nhiều lúc em có cảm tưởng xuân về vì cây hoa hồng trở búp non, cây tulipe nhú mầm. Vậy mà không hề có vùng tỉnh Troyes của anh ra sao?

Hôm từ Việt Nam trở về, em bị sốt rét, giở thì đỡ rồi. Em tin chắc rằng mùa xuân sẽ không còn lâu nữa, sức khỏe em cũng phục sinh theo mùa xuân. Em sẽ làm nhiều việc, nhưng thật ra chẳng có dự định nào ra hồn. Cuộc đời làm vợ đã an bày định mệnh của em rồi. Em đâu còn tham vọng tiên thủ trong tương lai. Em chỉ cần tình thương, cần nhiều người hiểu em và thông cảm như anh chẳng hạn.

Anh thân mến, hai cô gái của em càng lớn lên, càng duyên dáng. Tuy là con lai Pháp, nhưng chúng nó nhiều nét Á Đông rất dịu dàng. Bé lớn có tên Việt là Diễm Thi, cô bé tên là Yên Thi. Chồng em không bằng lòng, nhưng đâu sao khi về nước nhà, thậm chí ông ngoại bà ngoại, chắt cũng sẽ có tên Việt.

Đời sống của em hiện giờ chỉ có kinh chồng yêu con, săn sóc cả ba đây đủ về vật chất lẫn tinh thần. Em chỉ tiếc không đủ thì giờ dạy các con tiếng Việt. Riêng chồng em có thể nói và đọc tiếng Việt vì ông ta có ở Việt Nam nhiều năm, đã có một đời vợ Việt, và thích phụ nữ Việt Nam hơn phụ nữ Pháp (vấn đề tình cảm yêu đương, dĩ nhiên).

Nhận được thư anh khá lâu, mà nay em mới viết thư đến anh. Không phải em lười hay em bận đâu, nhưng em có cảm thấy cái gì không ổn trong tâm trí em không em cầm bút. Đọc thư anh, em càng nhớ đến cô hương biết bao, cứ mỗi lần cầm bút lên, em trào nước mắt. Mãi đến nay, em mới thấy cần phải viết cho anh, để được gần gũi quê hương thêm.

Đọc sách nói về miền quê, chắc anh nhớ nhiều về Lai Khê, Bến Cát, Phú Giáo, An Lộc và nhất là Bình Dương hả anh. Lai Khê ngày xưa là căn cứ Mỹ, sau đó giao cho Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5,

đó là một bản doanh đại qui mô. Còn Phú Giáo lần đầu tiếng (Trị Tâm) cũng là nơi Mỹ đóng; ở Phú Giáo có các Snack Bar, phòng tắm hơi, phòng giặt ủi, tiệm ăn; còn ở Phú Giáo có cơ sở hàng Pacific. Bến Cát ở gần Lai Khê, có lần đi qua đó em mua trái gùi ăn cho đỡ buồn miệng. Từ Saigon đi Bình Dương, em có ghé Lai Thiêu mua trái bòn bòn tròn tròn, trái dứa vàng, xoài riêng, măng cut. Gần Lai Thiêu là Búng có bán nem bún, bò bún, bánh bèo bì nổi tiếng, khách đi xe đồ từ Saigon lên Lộc Ninh đều ghé qua Búng thưởng thức món ngon. Hôm em ghé quê anh, sau bữa cơm, má anh cho em ăn chuối đã hương và đu đủ để tráng miệng. Vườn anh có nhiều mít, nhưng mùa mít phải đợi gần Tết. Hy vọng lần sau, em có dịp về thăm Việt Nam, ghé nhà anh ăn mít, xoài riêng, lôm chôm. Vườn của bố em ở Đồng Xoài cũng có trồng mít ổi, xoài, chuối, chanh, cà phê. Tiêu hình như ở Đồng Xoài không có, chắc có lẽ cuộc đất ở Đồng Xoài không hợp với tiêu chăng? Ba anh giới quả, đem tiêu từ Hà Tiên về trồng ở Lộc Ninh Hai mươi nọc tiêu cũng đã giúp gia đình anh chi tiêu tiền chợ rồi.

Đất vùng Đồng Xoài của cha em tuy có nhiều ổi, nhiều gò, chứ làm rẫy khá lắm. Hồi đó em trai lớn của em còn nhớ, cậu ta thọc lỗ để em bỏ lúa theo kiểu trồng lúa của đồng bào Thượng. Vậy mà chúng em trồng lúa có thua đồng bào thiểu số chúng mình đâu, nhất là đất mới chúng em trồng lúa ba tháng (ba tháng) thật tốt. Cô quán của em ở không cây được lúa như ở Đồng Xoài hay ở Bù Đăng (sau này đổi là quận Đức Phong). Thủy Sương cô bạn khá ái của em gieo mạ, trồng lúa rất giỏi. Thủy Sương mồ côi mẹ sớm, lại có em đồng, lại nhà nghèo. Ông bố lại bay bướm lắm nên ông tục huyền thêm bà vợ kế, lại còn khờ gỏi đến ở riêng với bà ta. Bà nội Thủy Sương và cô ta phải tảo tần lo cho lũ em Thủy Sương. Cô ta gian nan lắm em em đâu. Thủy Sương xinh đẹp nhất quê em, duyên dáng, vóc vác tầm thước, dáng điệu uyển chuyển quí phái, mặt tươi sáng, đôi mắt luôn luôn trong sáng, thân thiện với mọi người. Hoa Hậu Bù Đăng đây, nên sau này được người chồng tử tế và có ăn học như anh Đức. Vậy mà khi ra đất nước đổi thay, Thủy Sương lại gian nan như trước.

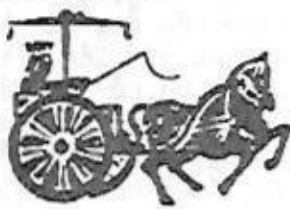
Khi em viếng Lộc Ninh, chị anh có nói với em rằng: "Thị về chơi, gặp lúc chị bận. Nếu không chị sẽ xuống Saigon đưa em đi thăm bạn bè của chị, rồi thuê một chiếc thuyền đi chèo trên sông. Đi chơi kiểu này ít tốn kém, mà không sợ phiền ai hết, không sợ ai dòm ngó an toàn nhất. Nhưng lâu lâu, khi chị trở về thăm Saigon, bạn bè chị mỗi ngày một ít đi. Tụi nó lần lượt "đi chui" hết. Chắc chừng vài năm nữa, số bạn còn sót lại chẳng bao nhiêu"

Anh xem đó, dưới chế độ mới, kẻ còn kẹt lại

quê nhà, mong vượt biên, và khi vượt biên rồi lại nhớ nhà quay quắt. Thân phận người Việt mất nước rồi ở không được, bước đi không đành tới không xuôi, lui không được.

Em có viếng vị pháp sư, thầy của anh. Vị Thượng Tọa đó nói chuyện vui quá. Hôm đó, em cùng gia em gái em đến chùa rất sớm, chưa tới 7.00 giờ sáng. Anh xem, em hư lắm, có cái tật hề đi thăm ai là đi sớm. Lúc đó thầy chưa dùng điểm tâm. Em nghĩ rằng ở Việt Nam bây giờ, muốn đi thăm ai, phải đến trước 7 giờ sáng hoặc 8 giờ tối mới gặp được sự, kẻo không được sự đi làm việc, hoặc đi công tác, dân công, thủy lợi...

Cuộc đi viếng chùa thật tức cười. Em trước đó đi chơi đêm Noel với Hiệp, con trai của côm và cũng là anh ruột của Tuấn, mới đến 4 giờ sáng mới về nhà cô của em ở Trường M. Giảng. Lúc đó, cô của em đã thức dậy thắp hương trên bàn Phật và sửa soạn đi bán. Phần đêm còn lại em không ngủ. Sáng hôm sau Hiệp đưa em về nhà để rửa em Cúc đi chùa. Pháp sư khoảng ngũ tuần mặt trong sáng, hồng hào. Thầy bảo: "Đêm Giáng Sinh năm nay đặc biệt lắm bây à. Không có lễ Nửa Đêm đâu. Các nhà thờ được bọn Công An Cảnh Sát gác thật kỹ. Nhà thờ ngày xưa đâu có đánh trống, hèn bây? Nhưng bây giờ khác hơn xưa rất nhiều. Nhà thờ đánh trống phát ra tiếng "hòa bình, hòa bình". Ngày xưa, chuông phát ra tiếng "chiến tranh, chiến tranh". Bây giờ chơi đêm có bị rắc rối gì không? Hòa bình thì eo tiếng trống, là hòa bình thúc quân ra trận".



Kỳ Noel năm ngoái, có nhóm thanh niên bị bắt vì đi chơi quá giờ giới nghiêm, bị giải về quận, họ làm biên bản bảo tội nó kỳ tên. Tội nó không chịu ký nên bị giữ lâu ở quận. Noel năm nay, em tò mò đi đến các nhà thờ Kỳ Đông Đức Bà, Huyện Sĩ, Bà Chuông. Nhà thờ nào cũng đông cửa im lìm. Ở Việt Nam, Công Sản sợ nhất là đêm Noel ở thành phố. Mỗi năm chỉ có một đêm thôi, dân thành phố được xả giận suốt đêm không bị rắc rối. Giới trẻ chạy Honda đạp phố suốt sáng, mặc dù xăng rất đắt 50 đồng 1 lít. Hiệp chở em đi đó đây bằng xe đạp. Hai c h i em lang thang trên các phố khuya cả đêm.

Em được vú của Thu An mời ăn lễ Nửa Đêm. Còn cô cô bạn thân khác cũng mời em nữa. Nhảy vào

giờ chót em trốn. Em nhớ đến hai cô con gái em hiện đang ở Amplepnis đang mong đợi em, em nhớ đến anh sống, tro troi trong một căn phòng nơi cao ốc tỉnh Troyes, em còn lòng dạ nào đến nhà ai nữa? Hiệp ngạc nhiên hỏi: "Ưa sao lúc xế chiều, chỉ đi làm tóc để đi dự lễ Nửa Đêm ở nhà ai đó; giờ chỉ lại đi dự lễ? Chỉ có chuyện gì buồn vậy, chỉ Hai? Em bảo là đi được về đây thăm cha mẹ, họ hàng, nhưng chính đêm Noel này, em không muốn đến nhà ai cả. Gia đình người ta đông đủ, em không thể nhìn các con họ trong khi hai con em bên Pháp dù không hiểu gì về đạo Phật, nhưng khi em vắng nhà khá lâu, hai cô bé thấp hường cầu c h o maman chóng về..."

Dù em lấy chồng Pháp, không hiểu nhiều về tập tục và trạng thái tinh thần người Pháp, nhưng tình man tình dã nối liền em với chồng, em bằng sợi dây thiêng liêng. Em vẫn có thể giới riêng của em, tình quê hương mà chồng con em không thể chia sẻ được.

Chồng em là con một. Mẹ chồng của em có anh chị em rất đông, đến mười hai người, anh nghe khiếp chưa? Em thường làm cơm Việt Nam mời họ đến ăn, nên họ thích em lắm, nhất là gia đình mẹ đẻ đầu của bé Caroline cũng như của bé Chantal. Tuấn nào họ cũng ăn cơm Việt Nam để thay đổi thực đơn. Họ đều tuổi cao họ hàng của ông xã em năm nào cũng có người chết.

Lúc mẹ chồng em còn sanh tiền, bà yêu thương em lắm. Cuối tuần em đi bán ở Lyon cùng với ông xã em. Bà giữ con em dùm em. Chiều đến, vợ chồng con cái em chỉ có việc ngồi vào bàn ăn. Mâm cơm ở nhà bà tươm tất. Sau bữa cơm, vợ chồng em dọn dẹp, rửa chén đĩa rồi bông b ề nhau về Amplepnis. Nhớ lúc em vừa sinh cháu gái Caroline ở nhà bảo sanh, mẹ chồng em đến thăm em. Bà ôm em khóc và tỏ lời cảm ơn em đã cho bà đứa cháu nội. Hôm đó bà mang hoa hồng và rượu champagne tặng em. Ông xã em bảo chắc cô lẽ em ngoan hiền, giữ phong tục Việt Nam nên được bà yêu thương.

Đêm Noel năm nay, em nhớ hai con em, nhớ đến bà mẹ chồng hiền lành, khả kính kia. Nhưng đêm Noel trong gia đình của em ở Amplepnis, em vẫn làm gà tây quay, hoặc ngỗng quay, nhẩy vẫn làm những món ăn Việt kèm theo. Gà hay ngỗng quay cũng cái biên theo lối Á Đông để c h o thịt thơm hơn. Noel ở Amplepnis, em thường nhớ cha mẹ, chỉ em đang ở quê hương Việt Nam, sống chật vật. Giờ ở Việt Nam trong đêm Noel, em lại nhớ chồng con ở Amplepnis ăn lễ Nửa Đêm mà thiếu vắng em. Bé Chantal mới lên bảy, cô lẽ bé sẽ khóc không biết chừng.

Em còn nhớ khi sinh bé Caroline ở nhà b ả o sanh, em thêm ăn cơm trắng với cá kho nưlbao sản phụ ở quê hương mình. Mẹ ruột em khi sinh

Dịch :

Đền cõi Nam mở lối
Nghe Ngài tu Thiên Tông
Bây niềm tin Ch� Phật
Xa hợp tâm một nguồn
Sen Bát Nhã ngào ngọt
Trắng Lặng Giã sáng, choang
Bao giờ được gặp gỡ
Lẽ đạo cùng luận bàn ?

Dòng Thiên Tỳ Ni Đa Lưu Chi đi về phương Nam mãi gần hai thế kỷ sau, mới có bạn đồng hành đó là dòng Vô Ngôn Thông, do một pháp sư được thời nhơn gọi là Vô Ngôn Thông, người Trung Quốc từ Vũ Châu mang xuống. Khởi đầu từ niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường (820 Tây Lịch), sự xuống An Nam Đô Hộ Phủ, ở chùa Phù Đổng, rồi trao tâm ấn cho sư Cầm Thành. Dòng Vô Ngôn Thông từ đó song hành cùng dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi làm rực rỡ phái Thiên Tông trong d ả n gian nước ta, dù trong thời gian nước ta còn bị người Tàu cai trị.

Đúng theo lời đoán của quan Khâm Thiên Giám đời nhà Tùy, nước ta thoát khỏi ách đô hộ n ữ Tàu nhờ sự khởi nghĩa của Ngô Vương Quyền . Rồi trải qua đời Đinh, đời Tiền Lê, rồi đời Lý Phật Giáo trở nên thịnh hành ở nước ta. Sư Vạn Hạnh, đời thủ 12 dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi giúp cho Lý Thái Tổ chấn hưng Phật pháp, mở mang xây dựng đất nước trên tinh thần Phật giáo. Đó là thời thịnh trị nhất của nước ta cho tới đời vua Minh Tông đời nhà Trần.

Về sau, những kẻ chép Thiên sử nước ta có khi nào mong tưởng nổi bước du hành của vị tăng sĩ gốc người Nam Ấn, xứ Dravidien, thuộc dân chính tông xứ Ấn tên là Vinitaruci mà chúng ta phiên âm bằng Tỳ Ni Đa Lưu Chi? Ngài đã nổi theo bước đường Đông Du của Tổ Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa, rồi ngài xuống phương Nam theo lời huyền ký của Tổ Tăng Xáng. Có ai mong tưởng nổi, dấu vết chùa Pháp Vân tỉnh Hà Đông qua những mảnh vụn các ngôi cộ tháp mái tam quan hay nền cộ phủ đầy bìm sắn, cộ hoang? Trải qua trên 15 thế kỷ, người nông theo sự Thiên Tông để viết đã sử thấp, ngọn hồng lập, giữa đêm tĩnh tịch có cảm tưởng đã thấy được bước đường truyền Thiên Tông từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam, dù chưa đọc được "Đại Nam Thiên Uyên Truyền Đăng Lục", "Việt Nam Thiên Uyên Tập Anh", "Kê Đăng Lục" ... Biết bao muôn vàn cảm khái trước nguồn tâm đạo, trước giáo pháp Đại Thừa đã đi sâu vào kẻ khâm sùng Phật pháp qua nhiều thế hệ mà giữa thời mạt pháp vẫn còn được truyền bá dù là hiện nay, dưới chế độ bài trừ tôn giáo của người Cộng Sản.

Hòn bao giờ hết, người ghi vận sự truyền tâm ấn của sơ tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi vào những ngày chớm xuân trên xứ người, có mong tưởng lại

thời Tương pháp đã qua, có nhiều vị tu thiên được chứng ngộ. Giờ là thời mạt pháp, chỉ c ố tu Tịnh Độ pháp môn mới giúp cho kẻ độn căn được vắng sinh để khỏi thời dọa ở các ác đạo mà thôi. Người ghi vận sự nhìn lên ảnh Đức A Di Đà Phật, chiêm ngưỡng nét mỉm cười từ ái của Phật, ngẫm vãng trần trong sáng nội bật bên mở tóc xanh mun và nhục kế đo thăm trog vãng hào quang... Hân thắp lên bàn thờ l ến nhang thơm, nghi tới đạo pháp ở bên quê nhà và từ hồi, còn có ai theo Thiên Tịnh song tu giữa bạo lực và gông cùm? Ôi kinh sách Thiên sử sẽ ra sao?! Và giới cộng đồng người Việt lưu vong có còn bền vững đạo tâm, tín ngưỡng trước làn sóng văn minh duy vật ở các nước định cử hay không ?!

TROYES, ngày 24.3.84

CHỮ THÍCH :

- (1) Hồ Tăng là người tăng sĩ xứ Hồ, tức là xứ Ấn Độ. Người Trung Hoa thường cho rằng người Ấn Độ và người Tây Tạng đều là n ữ Hồ, còn mình là người Hán.
- (2) Người Trung Hoa thường xưa cho mình là thiên triều, còn các xứ khác đều là dân mọi rợ, man di.
- (3) Tường vân là mây lành, thuy khí là khí lành, nhưng điềm tốt xuất hiện để báo trước một tường lai sáng lạn đang chờ.
- (4) Ngọc phi thủy tức là ngọc sa phía (saphir) màu xanh và chói ngời.
- (5) Xe Châu Luân là xe có vành bánh sơn sơn đỏ thắm.
- (6) Xe Bát Bảo là xe chạm hình 8 món quý như đàn, sách, gương, cò, quạt, ống sáo, giỏ hoa, bầu hồ lô đựng rượu.
- (7) Thời bấy giờ tổ thủ 5 dòng Thiên n ữ ở Trung Quốc là Hoàng Nhân và tổ thủ 6 là Huệ Năng chưa đản sanh. Tổ Hoàng Nhân sinh năm (602), mất năm 675, Tây Lịch. Còn Tổ Huệ Năng sinh năm 638, mất năm 713 Tây Lịch. Tổ Pháp Hiền ở phương Nam không hề u sinh vào năm nào, nhưng viên tịch vào năm 626, đồng thời với Tổ Đạo Tín ở p h ướng Bắc sinh năm 580, mất năm 651.



HỒ TRƯỜNG AN

Những chồng đĩa hát cũ

Hồi tôi sáu tuổi, vào khoảng 1944, nhân nhào dấm giỗ, ba tôi mượn mấy hát và một chồng đĩa về để giúp vui cho người dọn dấm. Thế là hồi sáu tuổi, tôi đã làm quen với cổ nhạc Nam Phần. Những giọng hát nổi danh thời đó phải kể bên nam có Tám Thừa, Năm Nghĩa, Bảy Cao, Tư Út, Bảy Nhiêu, bên nữ có Tư Sang, Hai Đá, Bà Bến Tre, Năm Cần Thơ, Hồng Hoa Lệ, Sáu Nết, Tư Bé. Bốn mươi năm trôi qua, âm vang của những giọng hát đó như còn phảng phất trong cõi sáng rõ nhất của tiềm thức tôi.

Khi tôi chạy giặc theo bố mẹ xuống tới miệt Cà Mau, Chàc Bông, Cảnh Đèn, những tiếng hát đó có dịp đến tôi, nuôi dưỡng trong thời thơ ấu của tôi biết bao âm hưởng đậm đà. Rồi trong khoảng năm 1948 đến năm 1952, tôi theo má tôi đi buôn bán lúa và than được, có nhiều dịp nghe lại những giọng hát đó. Những khách thị hồ bán buôn xuôi ngược trên sông nước vẫn đem theo giàn hát máy và một lô đĩa hát theo để khi đêm về, trong ánh trăng rằm, có thể cho chạy máy hát, nghe lại những câu vọng cổ, cùg bài bản Tú Đại Oán, Tây Thi, Trường Tương Tư, Chuẩn Chuẩn, Xuân Tình, Lưu Thủy Trường, Lý Ngựa Ô Bắc, Lý Ngựa Ô Nam, Phụng Hoàng, Nam Ai, Nam Xuân.

Về giọng nữ, giọng thổ đã có Bảy Nam, Bảy Phụng Hả, Kim Anh, Năm Phi, Kim Cúc, Thanh Tùng. Ở đây toàn là những người đẹp lông lẩy trên sân khấu, giọng thổ thường khàn và trầm. Năm Phi, tên đã đẹp, vốn là nữ hoàng sân khấu cải lương trong thập niên 30, 40. Giọng thổ của Bà còn pha âm sắc giọng kim, đôi lúc cao vút, sang sảng và éo lá, gợi nên nét tình tứ lãng lỏ, và đôi lúc như rạn nứt càng thêm thông thiết. Tiếng hát của Bà qua đĩa "TỔ VƯƠNG ĐỀN THÁC" đã làm rơi lệ biết bao người. Giọng Bảy Nam, (em ruột Năm Phi) và giọng Kim Anh vốn thuộc thổ thuần túy, nhưng giọng của Kim Anh qua 2 đĩa "PHẦN LÊ HUỆ" trầm thông hơn, nức nở hơn trong khi đó giọng Bảy Nam chỉ có mức chân phưởng, đôn hậu.

Trên sân khấu, Năm Phi là một đóa hồng nhưng, vường hậu các loài hoa, éo lá, kiều sa, thì Bảy Nam đậm đà gợi lên hình ảnh bông hoa thuộc được, còn Kim Anh thì phớt, phấp xinh x i nh, tươi như bông hoa cầm chuông vừa mới hái từ luống hoa đem về. Đến Thanh Tùng thì nhàn sắc càng thêm mãn mã, tươi trẻ. Nhờ thứ nào, khi sân khấu Phụng Hào cho dựng vở kịch "TRƯỜNG HẬN" do Nguyễn Thành Châu phóng tác theo vở thoại kịch cùng tên, do kịch tác gia Vi Huyền Đắc, Thanh Tùng được chọn làm Dương Quý Phi, vừa lãng lỏ, vừa sâu mộng, tiếng hát k h ản khàn như một luồng điện làm xao xuyến khán thính giả bốn phương. Tiếng hát đó được thuy vào đĩa Tri Âm qua vở tuồng "TRANG TỬ THỦ VÔ" và tuồng "GIÒ NGỰA TRUY PHONG". Còn Phùng Hả với giọng thổ đặc sệt, nhưng nhờ đó hốt rung rung qua lớp đĩa "LÀ NGỌC CÀNH VÀNG", "ĐỒI CỎ LỬU", tuy khàn mà óng ả, mượt mà. Còn giọng Kim Cúc qua hai đĩa "HÀN TỎ MAI" cùng lớp đĩa trong vở tuồng "NGƯỜI ĐIÊN KHÍ BIẾT YÊU", khàn mà giòn tan, nũng nịu, duyên dáng gợi lên hình ảnh một cô gái trẻ trung, chan hòa sự sống. Sau này có thêm Kim Chương, giọng cũng khàn nhưng lãng hơn, ôn thốt hơn trạ vở tuồng "ĐƯỜNG VỀ TỔ QUỐC" hay "CÁT BỤI ĐỎ THÀNH" đc thu vào đĩa Việt Nam. Còn phải kể thêm giọng Ngọc Kùng trong vở "HẬN Ô GIANG" được t h u thanh vào đĩa Asia, loại thổ pha đồng trầm và đầy âm vang lạnh lạnh, mở màn cho hai giọng Thanh Hương và Lệ Thủy sau này. Thật ra, lúc mới quen biết làng đĩa nhựa, giọng Thanh Hương thuộc loại kim pha đồng, cao vút và sang sảng nhưng càng lớn tuổi giọng cô lại trở thành khàn khàn, trong khi đó giọng Lệ Thủy chỉ hơi khàn, càng lúc càng chắc nịch, càng dòn tan và lạnh lạnh với một âm lượng phong phú vô cùng.

Về giọng kim, bên phái nữ phải kể Tư Sang, Sáu Nết, Ba Trà Vinh, Ngọc Nữ, Ba Vĩnh Long, Bà Ngọc, Hai Đá, Kim Thoa, Kim Lương, Thủy Nga. Tư Sang là thân mẫu của nữ danh ca Thanh Hương giọng trong vắt như nước suối, dòn giản, mộc mạc mà truyền cảm vô cùng, xưng danh là nữ hoàng của đĩa nhựa vào các thập niên 20, 30, 40 và 50. Tôi bây giờ, chắc khách mộ điệu lớn tuổi hơn tôi chưa quên giọng của bà trong 20 câu Vọng Cổ qua các đĩa "ĐÊM KHUYA T R Ô NG CHỐNG", "TÌNH MÀU TỬ" hay các tuồng thuthanh vào đĩa Asia như "TÔ ANH NGUYỆT", "HỒN VỌNG PHU". Giọng Hai Đá qua 2 đĩa "GIÓ BẮC LẠNH LÙNG", hay giọng của Kim Lương qua hai đĩa "GIÓT MÀU CHUNG TÌNH", hoặc giọng của Bà Ngọc, Ba Vĩnh Long đều là những giọng kim nhẹ nhàng, dòn giản, nồng độ rung cảm vừa p h ải. Giọng của Sáu Nết trong bộ đĩa "MÔ TÌM TÝ CAN" hay "TÂY THÍ, GÀI NƯỚC VIỆT" thì vừa trọt rẻo vừa sắc vút, quý phái không kém giọng của Kim Thoa trong bộ đĩa "CÔ GÀI MỚI" hay "TÌNH CHA CON"; nhưng khác một điều là giọng Kim Thoa ôn nhu, là lướt hơn trong khi đó giọng Sáu Nết vừa sắc sảo, vừa kiều sa như giọng 1 nữ

hoàng. Giọng Ba Trà Vinh thì có vẻ "sướng phụ" hơn, náo nức và dài các qua những đĩa "GIỌNG LỄ MÃ HỒNG", "CUNG ĐÀN TÂY LIÊU". Sau đó giọng của Ngọc Nữ qua hai đĩa "KHÓC ĐAM TIÊN" cao vút, lạnh lốt và vang xa. Giọng của Thúy Nga trong những vở tuồng thu thanh vào các đĩa Hoàn Sơn cũng vậy, nhưng Thúy Nga trong khi hát còn biết đỡ hột rung rung. Tư Sặng gây âm hưởng rất nhiều cho tiếng hát của Ngọc Giàu và Ngọc Bích sau này. Còn giọng Ngọc Nữ vẫn là tiền thân của tiếng hát Ngọc Hương. Nhưng giọng kim nữ còn phải kể giọng của Ngọc Ánh trong vở tuồng thu thanh "NGUYỆT THU NGÀ" và còn thêm giọng của lệ Liễu, Mỹ Lan, Mỹ Út trổ trêu gọi nên những dòng nước mưa xuân mát rười.



Về giọng kim nữ pha một chút thổ phài kể giọng của Năm Căn Thờ và Hồng Hoa Lệ, không đục, không trong những vang xa. Năm Căn Thờ được báo chí vào thập niên 40, 50 mệnh danh là "Chim Họa Mi Cổ Nhạc", điều luyện, đồng gian và truyền cảm lao xao như gió chầm cảnh trúc. Một giọng không đục, không trong những vang dội nữa là giọng Bạch Huệ, có thể nói gó t theo Năm Căn Thờ và Ba Bến Tre sau khi 2 nữ danh ca chớm già. Riêng Hồng Hoa Lệ, tiếng hát êm à như lời ru chỉ xuất hiện ở hai bộ đĩa "SAN HẬU" và "TRAM TRINH AN".

Giọng Tư Bé trong đĩa "VONG CỔ NHÂN" và hai đĩa "SONG THE CHIẾC BONG" được liệt vào giọng "mộc". Hơi của cô Tư Bé ngân, không được phog phú. Thế mà nhờ sắp chữ khéo, tiếng hát có âm sắc đẹp như lời mơn trớn nên ru hồn biết bao khách điệu nghệ. Giọng Ba Bến Tre qua những đĩa "KHÓC BẠN", "HOÀN THỐ" cũng thế, âm lượng không có, làn hơi kém dồi dào, thế mà nhờ trình bày điệu nghệ, hát êm như mật rót vào ly mà cô trở nên nữ danh ca đã làm cho tài tử lão thành Bảy Nhiêu ngưỡng mộ vô cùng. Nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa cũng vậy đã làm cho khách mộ điệu khó quên với giọng hát điều luyện, như ngân hơi qua đĩa "THOẠI BA CÔNG CHÚA".

Trong cuối thập niên 50 và vào các thập niên 60, 70 đáng kể nhất là tiếng hát của Út Bạch Lan, Thanh Nga, Ngọc Giàu, Ngọc Nuôi, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Lệ Thủy, Mỹ Châu. Trong khi Thanh Hương làm mưa làm gió ở trong làng đĩa nhựa

thì giọng Út Bạch Lan chỉ như đóa hồng hàm tiếu bên đóa hồng mẩn khai. Thế mà, Út Bạch Lan bỏ lối hát ở hi viện, uốn nắn giọng hát thêm phần bay bướm để ca theo lối "xa lông" điều luyện và truyền cảm vô cùng. Cô cũng đứng chung sân khấu với nữ nghệ sĩ Ngọc Nuôi, những giọng kim pha đồng vô cùng tuổi trẻ của Ngọc Nuôi không sao áp đảo lối ca điệu nghệ của Út Bạch Lan. Thanh Nga và Diệu Hiền hát không huê dạng, cách trình bày chân phước đơn giản. Nhưng nhờ âm sắc đẹp trong tiếng hát nên không ai dám bảo rằng Thanh Nga không có thính sắc lưỡng toàn? Giọng Phượng Liên vẫn là đồng pha kim, ai oán, sắc sảo. Giọng Lệ Thủy giòn giã, bèn ngọt như thanh gươm quý. Giọng Mỹ Châu bay bướm, phá hết lệ luật, khơi mào cho các giọng Thanh Kim Huệ, Bích Hằng sau này. Còn Bạch Tuyết vẫn là một hiện tượng kỳ ảo. Cô không đẹp với chiếc mũi hơi tẹt, giọng cô nghèn nghẹt, hơi hám hao hụt. Vẫn không thính sắc, thế mà cô vẫn là "cối lưỡng chibao" Giọng hát của Bạch Tuyết được nhốt trong cái, mỗi khi cô hát. Tiếng hát cô dù không được thoải mái tự nhiên, nhưng cũng sang sảng. Nhờ lối trình diễn điệu nghệ, cách sắp chữ bay bướm mà giọng hát cô rất có giá, ai đó khi nghe rồi khó mà quên.

Nhưng ngâm lại cho cùng, cho tới khi miền Nam bị Cộng Sản chiếm đóng, giọng hát của Út Bạch Lan và giọng hát của Ngọc Giàu đạt tới mức tuyệt diệu, vô tiền khoáng hậu ở lối sắp chữ kỳ ảo, ở lối diễn tả theo lối xa lông thật chải chuốt, càng nghe càng thâm, càng nghe càng ưa. Hương Lan vốn nổi tiếng bên Tân nhạc, những thành công không kém ở bên cổ nhạc ở lối trình bày Vọng Cổ giống Út Bạch Lan.



Về bên Nam, trước Tám Thửa và Năm Nghĩa, tôi đã được nghe giọng Bảy Nhiêu, Năm Châu, Tư Út, Tư Chỏi trong các đĩa Béka, Pathé. Đây là nhữ giọng hát đơn giản, điều luyện. Giọng Tư Út và giọng Bảy Nhiêu ngọt vừa phải, tuổi mắt như sương sáo, sương sâm. Giọng Tư Chỏi đượm hơi lão, giọng Năm Châu sắc sảo, oai phong, nhưng cả hai vẫn giữ nét mơn trớn, cực kỳ điệu nghệ. Một giọng lao nữa rất độc đáo là giọng của Năm Phôi, ông hát theo dây lòn (có nghĩa cùng hát chung dây với phụ nữ) tiếng sang sảng và trầm thống. Trên sân khấu Bảy Nhiêu, Năm Châu

Từ út đều đóng vai jeune premier (kép đẹp). Còn Năm Phôi trong thập niên 40, ông vẫn là kép đẹp trên sân khấu Phát Thanh, đóng chung nữ nghệ sĩ tài danh Nguyệt Yên, nhưng khi vô địch thì vẫn giữ vai lão qua các bộ đĩa "GƯƠM LỤC YÊM", "MỒ TÌM TÝ CAN". Nhóm Năm Châu, Bảy Nhiêu, Từ Út hợp cùng Phùng Há, Tư Sang, Bảy Lựu, Sáu Trâm thu rất nhiều bộ đĩa cải lương như: LỬA ĐO LÔNG SƠN, LÀ NGỌC CÀNH VÀNG, NÔI OAN VÔ LƯỢNG...

Giọng đẹp và sang không cao không trầm mà đi âm phải kể giọng của Tâm Thừa qua 2 đĩa "TRỤ VƯƠNG THIẾU MINH" và sau đó qua bộ đĩa "GƯƠM LỤC YÊM", "HOA RỐI CỬA PHẬT", "TỔ ANH NGUYỆT" vẫn vẫn... Năm Nghĩa giọng ngọt và trong sáng, làn hơi phong phú ru hồn biết bao nữ khán giả qua các đĩa Vọng Cổ "QUAN CÔNG QUÍ VỊ", "ĐÊM ĐÔNG", "TÌNH YÊU TRÁNG MỘNG TƯỚNG". Sau đó, ca sĩ Hồng Châu, giọng đơn giản đi sâu vào quảng đại quần chúng qua các đĩa: "ĐOẠN TÌNH", "BIỆT LY SẦU". Bảy Cao hơi nhựa nhưng sang sáng qua hai đĩa "VIÊN MỘ BAN" cùng độc đáo không kém, sau này ông cùng với Bửu Tài, Ba Khuê, Ba Túy cùng các cô Kim Luông, Ai Hứ, Ngọc Nuôi thâu thanh vào đĩa các vở tuồng như "ĐÊM TỔ VƯƠNG", "ĐÊM LẠNH TRONG TÙ", "CHIẾC Áo NGỰ HÀN". Đến ca sĩ Ngọc Chiêu thì lại thêm một hiện tượng lạ lùng kỳ ảo. Vốn là học trò của nữ danh ca Tư Sang, anh được bà Tư Sang giới thiệu với ông Ngô Văn Mạnh giám đốc hãng Asia (chồng bà ta) để thu thanh hai đĩa "TIẾNG TIÊU TRONG VƯỜN THƯỢNG UYÊN". Giọng hát anh mềm mại, eo lá, khi lên cao thì sắc vút, khi trầm xuống như ve vuốt, môn trôn thính giác người nghe. Ngọc Chiêu sau đó cho thu hai đĩa "TRONG THUY MỊ CHÂU" (ca độc chiếc) và "NGƯU LANG CHÚC NỮ" ca chung với Bạch Huệ. Sau đó nhờ tài cải trang khéo, anh giả gái, trình diễn những loại vũ Ai Cập, trên sân khấu nghiêm nhiên là 1 nữ thần miền Trung Đông, nổi danh một thời là Mai Lan Phương Ngọc Chiêu.



Sự xuất hiện của Út Trà Ôn trong 2 đĩa "TÔN TÂN GIA ĐIỆM" đánh dấu thời kỳ cực thịnh của ngành cải lương và cổ nhạc. Đó là giọng vàng ròng - hoàng nguyên kim - với âm lượng phong phú, với làn hơi dồi dào và một âm sắc sáng đẹp như bảo ngọc. Sau này Út Trà Ôn cho thu giọng vào các đĩa "SÁU VƯƠNG BIÊN GIỚI" hoặc

vở tuồng "NGÀY VỀ CỔ QUẬN", "MỘT NGƯỜI ANH" đem lại một nguồn lợi đáng kể cho hàng đĩa Hoàng Sơn. Song song với giọng Út Trà Ôn có giọng Thanh Tào, Minh Chí. Giọng Thanh Tào thuộc loại âm sắc đục, nhưng lối nhả vuốt, uốn bẻ giọng lúc lên cao thì trác tuyệt qua các đĩa Vọng Cổ "GIÒ THU", "TÀN THỦY HOÀNG"... Sau này hát chung với Kim Chương, Thúy Nga và Út Trà Ôn trong nhiều tuồng cải lương thu vào đĩa nhựa, giọng anh mãi mãi là giọng trai tử. Riêng Minh Chí nổi danh là "Vua Xàng Xê" giọng trong và vang xa được soạn gia Quang Phục chọn thủ vai chính trong các tuồng cải lương thu thanh như "CÁT BUI ĐỔ THÀNH", "ĐƯỜNG VỀ TỔ QUỐC" bên cạnh các cô Năm Cầm Thơ, Ba Trà Vinh, Kim Chương, Bạch Huệ.



Sự xuất hiện của Minh Chí, Thanh Tào làm 1 u mở Ba Giáo trong hai đĩa Vọng Cổ "KHƯƠNG THƯỢNG" và một ca sĩ tên Quang trong hai đĩa Vọng Cổ "LA THÀNH". Ba Giáo tiếng chắc nịch, hát rất vững nhịp, nhưng âm sắc khô cứng, thiếu nét môn trôn, ngọt ngào. Quang với giọng ngọt như giọng Hồng Châu nhưng âm sắc không có gì độc đáo.

Được ở trên cương vị Hoàng Đế Vọng Cổ, Út Trà Ôn là cái gương sáng để biết bao ca sĩ khác bắt chước theo trong đó có Văn Lục, Văn Chung Ngọc Ấn, Kim Nguyên. Nhưng bốn người này có thể bắt chước Út Trà Ôn ở lối diễn tả thôi, chứ giọng của Út Trà Ôn vốn là vàng nguyên chất, làn hơi thiên phú, khó ai có được, nên suốt trên 30 năm qua, mãi mãi ông ta ở cương vị đó, không bị ai áp đảo cả.

Vào khoảng năm 1948, 1949, sự xuất hiện của ca sĩ Thành Công cũng gây nên một hiện tượng đáng kể. Phụ nữ rất thích anh vì giọng anh hùng dũng, đi sâu vào tâm hồn lãng mạn của họ. Tiếng hát anh thông thả, êm dịu, thán vãn như gió heo may qua hai đĩa "BÓNG NGƯỜI KỶ SĨ" hoặc các vở tuồng thu thanh như "MỘNG LONG TÂN VÕ", "NGUYỆT THU NGA". Đến tiếng hát mỏng nhẹ như khói sương của Thành Công, không có ca sĩ nào bắt chước nổi... Anh hợp cùng với nữ danh ca Bạch Huệ là cặp uyên ương cổ nhạc lý tưởng nhất trên đài phát thanh Pháp Á, ánh cả hào quang của Bảy Quỳ, Chín Sớm, Xuân Liễu... Thành được trước hết chỉ là kép đẹp 1 u n g

đăng trên sân khấu Thúy Nga qua vở tuồng "KHI HOA ANH ĐÀO NỞ" của Hà Triều Hoa Phượng. Sau này trên sân khấu Kim Chương, dùng chung với Út Bạch Lan ngôi sao anh sáng dần với khi đứng trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga anh ở trên hàng thượng hạng với Út Trà Ôn, Hữu Phước. Thành Được và Hữu Phước từ sân khấu bước qua làng đĩa nhựa đánh ngã Mĩnh Chí và Thành Công. Nếu giọng Thành Được óng mượt, êm ái thì giọng Hữu Phước sắc sảo, giòn trớn hơn. Giọng Thành Được gọi lên hình ảnh thú nhung tròn, còn giọng Hữu Phước gọi nên loại gấm thêu kim tuyến, mỗi đàng một vẻ độc đáo riêng. Rất nhiều ca sĩ hậu sinh bắt chước Hữu Phước trong đó có Hoài Vĩnh Phúc, Ưu Tiên Đức Lợi, Út Trà Ôn còn đào tạo thêm hai đệ tử hát giống mình là Út Hậu và Thanh Hải, nhưng dần dần những ca sĩ Hoài Vĩnh Phúc, Ưu Tiên, Út Hậu, Thanh Hải bị Tấn Tài lấn át vì cách trình bày của Tấn Tài huê dạng hơn nhiều.

Thêm một hiện tượng độc đáo vào bản đồ p niên cuối 60 là sự xuất hiện của Văn Hương, giọng ngọt, hơi dỗi dào, cách trình diễn điệu nghệ, lối nhân vượt điều luyện. Văn Hương trổ địa hát thường làm hề điệu, đã thành công rực rỡ qua các đĩa Vọng Cổ "NAM CON VỢ", "BA ẾCH ĐI SÀI GÒN". Anh đã tỏa ra một hào quang lân át hào quang của Hề Minh.

Khoảng đầu thập niên 60, Minh Cảnh, một giọng vàng ròng xuất hiện giữa lúc danh vọng của kép Hùng Cường bắt đầu lên tuyệt đỉnh và sắp thay thế cho Út Trà Ôn và Hữu Phước chòm già trên sân khấu. Minh Cảnh hát theo lối phách thể, không đi theo nề nếp chân truyền, có thể làm say sưa quảng đại quần chúng, nhưng làm cho khách điệu nghệ phải nhăn nhó. Sau đó, bầu Long gánh Kim Chung, nương theo giọng hát của Minh Cảnh đã khám phá ra Minh Phụng, Minh Vương, Thanh Tuấn, Chí Tâm, Minh Tâm áp đảo các giọng hát chân truyền trong làng băng nhựa lẫn làng đĩa nhựa. Tuy nhiên những giọng hát chân truyền của lớp nghệ sĩ trẻ như Phương Quang, Hoài Thanh, Thanh Tú vẫn có một cường vị sáng chói riêng, vẫn đi sâu vào dân gian bằng những bước chậm rãi, khiêm tốn nhưng rất vững chắc. Thanh Sơn vẫn là giọng hát đẹp qua các bộ đĩa "NGƯỜI YÊU NAY ĐÃ CÓ CHỒNG", "TRAI GUI BÊN CÁT", lối trình diễn đơn giản mà truyền cảm vô cùng.

Tre tàn măng mọc. Câu ngạn ngôn của ông bà mình không phải chỉ ngậm ngùi cho sự đố ỉ, thay mà còn hướng về tưởng lại cho một thế hệ mới. Thời đại băng nhạc đã làm cho q ỉ àn hát mấy lối thời. Chồng đĩa cu đành xếp vào một xô, đành để cho bụi, mốc bám, đầy. Và những ca, sĩ cổ nhạc cung thể, từng lớp, lui, vào bóng tối để tàn tạ những chỗ chợ lớp mới đem lối hát câu hò hiển dăng cho đời, làm đời t h êm đẹp và ý nhị.

Tứ Sang, Kim Huê, Ngọc Xứng, Tâm Thưa, Năm Nghĩa Ba Bến Tre, Tú Chơi, Tú Út đã chết vào những thập niên 40, 50, 60. Hồng Hoa Lệ đã bỏ mình dưới trăn bom trong cuộc chiến tranh Việt Pháp. Rồi thì Sáu Nết, Thanh Tào hưởng v ỏ nq theo hồi chuông thoát tục, gởi thân vào chốn am thiên. Nữ danh ca Thanh Hương vào năm 74, chết vì chứng tiêu sẩn. Thế hệ tiên chiến đã nhường bước cho thế hệ ca sĩ vào bản t h ập niên cuối 50. Giờ đây ại còn nhớ tới T h anh Sơn, Kim Nguyên, Ngọc Ân ?

Rồi đó, sau ngày 30.4.75, một số ca sĩ v ượt biên, một số ở lại hát cho nhà nước Cộng Sản. Giọng hát của họ không còn có môi t r ứ ớng thỏa đáng như xưa.

Lâu lắm, có những người thỉnh giả sành điệu gặp nhau, ở nơi đất khách, hay ở một địa điểm nào trên quê hương. Gặp nhau để nói về cuộc đời đi vắng, trong đó có những chồng đĩa cũ. Là lúc đó, họ biết mình đã vào buổi hoàng hôn cuộc đời, và cũng chính trong lúc đó, n i ề m ngưỡng mộ của họ dâng cao đối với những kẻ đã hiến dâng tuổi xuân và cuộc đời cho nghệ thuật.



Thuở nhỏ, trong lớp học nghèo trường quê, một hôm Thầy tôi chép trên bảng đen bài sử kịngàn liên hệ đến thời An Dương Vương và Triệu Đà. Chép rồi đề đó, vì Thầy tôi một mình phụ trách những ba lớp nên ông không đủ thời giờ kiểm bài. Bọn tôi chỉ nhớ mở hồ đoạn sử trên.

Ngọc Trai giếng nước

Phong Hưng
Luu Nhon Nghia

Đồng thời gánh cái lũng (hình như gánh Nam Hồng hay Công Lập?) dọn đến chợ quê diễn tuồng: "THẦN KIM QUY". Gần vắng hát, thưa lúc, anh lính gác số ý, tôi vạch tâm đem che rạp chui vào, đeo trên cây, cột đá, nhìn lên sân khấu nhỏ, ánh đèn măng-xông mờ không đủ soi rõ tâm số n thủy loang lỗ - đúng vào lúc My Châu nằm chết - Tiếng trống chiến, tiếng reo hô từ hậ, u trướng dập dồn. Ông vua (sau mới biết đó là An Dương Vương) cầm thanh kiếm, ngơ ngẩn, ngựa mất lên trời than: "Trời đi! Cha mà giết con, oan này, máu nhuộm đầy trời, còn vua mà mất nước thì thân tàn vùi sâu, nơi đây biển". Rạp im phảng phất, tôi rùng mình vì tiếng than thê thiết của vị vua cô đơn mất nước. Người soát vé thỉnh lĩnh bắt gặp tôi, hẳn hỏi tôi sinh sệt ra khỏi rạp. Tôi còn nghe, được câu vọng cổ mào đầu ngọt lịm của Trọng Thủy, "My Châu, My Châu em ơi! trăm năm hương lửa điêu tàn!".

Vắng hát, tôi lèo đèo theo đường về nhà. Ông hướng quán Âu mặc pyjama sọc, bông ngà dài trên đường đã khuya củi đầu đi, thì thầm, "Thiệt là tội nghiệp My Châu!". (Ai cũng biết ông ta thích cô đào chánh đóng vai My Châu).

Hơn 30 năm rồi, tiếng than áo nảo của Thục Phán An Dương Vương trên sân khấu chợ Xà Tồn (Swaton) còn vắng vắng triền miên bên tai ám ảnh tôi đến ngọt ngọt những buổi trưa h a n h nắng. Xin viết lại câu chuyện ấp ủ ký ức nào lòng dễ thương này.

Câu chuyện Trọng Thủy My Châu và giai thoại lịch sử liên hệ có thể được nhìn như 1 thuyết truyền, thần thoại, một mối tình oan trái lũng trong những biên cô chính trị chiến tranh và thái độ chủ quan hay khách quan của cổ nhân và người thời nay. Giai đoạn lịch sử thời này trở trên được xếp trong chương trình sử ký mỗi năm đầu bậc tiểu học. Tri ốc non nớt học trò Việt Nam vào lúc tuổi đó, dù muốn dù không, sau khi nghe, thấy kể, xem như một chuyện cổ tích hoang đường. Giáo viên không nói gì mới la giảng thêm, sử liệu mù mờ, ít ỏi. Bộ Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu chép gần 15 thế kỷ sau khi câu chuyện xảy ra, nào Giao Châu Ngoại Vực kỳ phân Ngoại Sử chép vài hàng, nào câu chuyện khâu truyền của dân làng Cổ Loa thành. Câu chuyện có thật hay hoang đường?

Hôm nay chúng ta đi ngược về nguồn, tìm trong cái quá khứ mịt mờ hoang huyền dân tộc, g ã n 22 thế kỷ trước qua Sử liệu còn sót lại, qua thuyết truyền và những di tích hoang tàn trên đất Giao Châu.

SỬ GIA LÊ VĂN HƯU, đầu thế kỷ thứ 13, thời Trần Thánh Tông (1258-1278) chép trong Đại Việt Sử ký, đại lược như sau:

"Thục Vương (Sử không ghi chép là vua nào, phát tích từ đâu, trị vùng đất nào) xin cầu hôn với My Nương là con gái vua Hùng Vương thứ 18 nước Văn Lang. Hùng Vương có ý thuận gả con nhưng Lạc Hầu can gián, đoán Thục Vương mượn cớ cầu hôn để dõm ngõ d ã t Văn Lang. Cuộc hôn nhân không thành. Thục Vương khi mất, dặn con cháu sau phải báo thù. Cháu Thục Vương là Thục Phán mang quân đánh Văn Lang. Hùng Vương mại bề, trẻ rừu chề, ý lại vào Lạc Long Quân, thua trận tử tử. Thục Phán lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc, xưng là An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (nam 275 trước Thiên Chúa). An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa (thành xoay như hình thê con ốc). Tục truyền, mỗi lần xây thành sắp xong thì bị đổ. Vua cầu khấn, cô thần Kim Quy hiện lên, giúp tiêu diệt yêu quái. An Dương Vương đào được nhữ đồ nhạc khí cổ thời Hùng Vương đem đốt đi, và giết con gà tinh trắng (tinh Hùng Vương?), yêu khí mới tan, thành xây mới xong. Các tướng tài theo giúp An Dương Vương có Cao Lỗ (có s ã ch chép là Cao Thông) bộ đi vì bị Vua Thục không hậu đãi. Nam Hải dị nhân liết truyền chép Cao Lỗ bị Thục Phán giết.

Xây xong thành Cổ Loa, trước khi từ giã, Thần Kim Quy tặng vua cái móng mình làm lẫy nỏ, mỗi

phát có thể giết hàng vạn quân địch.

Triều Đà muốn chiếm Âu Lạc, mang quân đánh mãi không được nên xin cầu hòa, cho con là Triệu Trọng Thủy sang cưới My Châu là con An Dương Vương và ở rể. Trọng Thủy dò hỏi vợ xem Âu Lạc có thuật gì giữ thành. My Châu tin chồng lấy móng rùa thân của cha cho chồng xem. Trọng Thủy lên lấy trộm móng rùa thân, trao chiếc móng giả vào xong lầy, cô cha bình phải vết thâm. Trước khi đi, Trọng Thủy dặn dò hỏi vợ, "Tôi về, liệu khi chinh chiến xảy ra, làm sao tìm nàng?". My Châu trả lời, "Thiếp có chiếc áo lông ngỗng, đi đến đâu sẽ rắc những chiếc lông làm dấu để chàng theo tìm!". Trọng Thủy về Nam Việt, Triều Đà lấy được móng rùa thân của binh đánh Âu Lạc. Thục Phán An Dương Vương ý lại nỏ thần, binh Triều Đà đến chân thành cộn gối đánh cộ, nói "Triều Đà không kiêng nỏ thần ta sao?". Lúc lâm trận, mang nỏ thần ra bắn, không t h a y lính nghiêm. Cộ Loa thành thất thủ. An Dương Vương mang My Châu lên ngựa chạy thoát đến núi Mộ Dạ (Nghệ An), sau lưng giớ ngựa địch theo khăn cây, An Dương Vương ngựa mất lên trời than "Trời hại ta rồi, Thần Kim Quy đâu hiện lên cứu trâm!". Thần Kim Quy từ dưới bể nổi lên hết "Giác ở sau lưng Bê ha đây!". Vua quay lại, thấy quân Triều Đà đuổi theo rất gấp nhớ d a u lông ngỗng My Châu, tức giận rút gươm giết My Châu. Trước khi chết, My Châu nguyện nếu lông nàng phân cha hại nước thì máu nàng biến thành cơn trùng như bân, nếu gan ực thì xin m a u biến thành những hạt ngọc trai trọng sáng. Máu oan ực My Châu loang đỏ hiện đồng, những con trai ăn phải, máu nàng sinh ra những hạt ngọc. Thần rùa vàng đưa vua xuống thủy cung, Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng tìm thấy xác vợ nằm chết bên bờ biển, mang xác vợ về chôn cất rồi nhảy xuống giếng trong Cộ Loa thành tự tử. Tục truyền ngọc trai được rửa bằng nước g i ếng Trọng Thủy tự trâm sẽ được trong sáng thêm lên. Triều Đà lấy Âu Lạc và sáp nhập vào q u ận Nam Hải, lập thành nước Nam Việt, xưng là Triệu Vũ Vương.

THEO SỬ TRUNG HOA,

Giao Châu ngoại vực kỳ, phần ngoại sử, chép đoạn đầu không khác mấy. Lúc Trọng Thủy về làm rể ở Âu Lạc, sử chép My Châu thấy Trọng Thủy xinh đẹp nên si mê, phẩm giá My Châu không cao lắm. Chuyện ghi trong ngoại sử, xem dân Nam như mán mọi (Nam Mán), nên họ không buồn ghi trong chính sử. Ngày nay sưu tầm lại những trang sử liệu nguyên thủy không phải dễ dàng. Người chép sử hay Sử quan chủ quan hay vô tư không thâm đính được. Người đọc và bản sử cũng khó lòng thâm đính chính xác hoặc gột bỏ thành kiến văn hóa chính kiến cổ hủ.



THEO KHẨU TRUYỀN DÂN LÀNG CỘ LOA.

Câu chuyện bắt đầu như Lê văn Hữu chép trong Đại Việt Sử Ký. Đoạn My Châu bị giết thiên lệch theo chiều hướng khác đi. Dân làng Cộ Loa kể như s a u, "Trọng Thủy mang xác My Châu về Cộ Loa an táng, xong bên mở tiệc khao quân mừng thắng trận uống rượu say sưa. Đêm khuya, hồn My Châu xinh đẹp hiện về múa hát vật vờ trên sông lạnh ta thân cha con Triều Đà. Ngờ vợ còn sống, Trọng Thủy chạy theo ra sông bị My Châu dìm chết trôi mang xác ném vào giếng.

- Một thôn trong thành Cộ Loa thờ An Dương Vương làm Thần Hoàng (gọi là "Ngài") và My Châu được thờ chung (gọi là "Bà Chúa"). Tỉ đồng My Châu mất dấu, tục truyền bị An Dương Vương chém.

- Một thôn khác làng Cộ Loa cúng thờ Trọng Thủy, nhưng gọi là "Thăng Thủy".

Trái gái thôn thờ An Dương Vương - My Châu bị cấm không được kết hôn với trai gái thôn thờ Trọng Thủy. Nếu họ thương yêu nhau, kết hôn, phải dời đi nơi khác ở.

NHỮNG GHỊ NHẬN ĐỒNG GÓP TRONG CẬU CHUYỆN TRỌNG THỦY MY CHÂU :

RQA : Câu chuyện nhắc nhiều đến thần Kim Quy (Rùa Vàng) giúp An Dương Vương dựng nước, xây Thành Cộ Loa và tặng móng làm nỏ chống quân Nam Hải của Triều Đà.

Đối với các dân tộc trong địa bàn văn hóa Trung Hoa vùng duyên hải, rùa gọi chung là v a t trong tử linh (Long-Ly -Quy-Phụng). Có câu ca dao :

"Thương thay thân phận con rùa,
"Trong đình đội hạc, ở chùa đội bia.

Loại rùa sông nhiều ở vùng nhiệt đới ẩm áp, núi non, sông ngòi và bờ biển, đồng loại như ba ba, đồi mồi v.v... Rùa sông khá lâu, được thần thánh hóa hay huyền thoại hóa. Ao đền c h ù a thường là nơi phóng sinh rùa. Người ta tìm thấy ở miền Hoa Bắc cộ quê dịch trên mai r ù a, lại có môn giáp cốt cộ xua, mới được khám phá về sau. Môn giáp cốt (chủ khắc trên mai r ù a)

xưa lắm, có thể trước khi có Hán tử. Rùa góp mặt hai lần trong lịch sử dân Việt. Một thần quy giúp An Dương Vương dựng nước, một thần quy khác dâng gương tại Hồ Hoàn Kiếm giúp Lê Lợi khởi nghĩa. Dân Mã Lai, Nam Dương và các vùng đảo Thái Bình Dương không thờ hoặc trọng rùa như dân Trung Hoa và Việt Nam. Ngày nay, các xe đồ thờ cúng tứ chổi chớ rùa, sợ gặp không may. Dĩ nhiên đó là chuyện dị đoan, nhưng chính tôi hai lần bị xui rủi vì chớ rùa về nuôi.

Thần Kim Quy vượt lên khỏi địa vị thấp của loài bò sát này, là một vị thần bảo trợ, một cố vấn thiêng liêng cho sự tồn vong Âu Lạc của An Dương Vương và Cổ Loa Thành. Chỉ chiếc móng rùa thần mà binh tướng Triệu Đà không làm gì nổi.

NỔ : Trước khi súng đạn chưa phát, mình, ngoài giùm giáo dục cho dân chiến, cung tên có hiệu quả hạ địch thủ ở xa. Tù xưa rất nhiều dân tộc biết sử dụng cung tên (Mông Cổ, Hán tộc và Âu Châu). Nổ, nã là vũ khí đặc biệt sử dụng ở miền núi Quảng Đông, Quảng Tây và Bắc Việt. Nó ngắn nhẹ, ít công kên. Tên nổ tầm độc, bắn nhanh và chính xác, có thể mang theo nhiều, ít bị ảnh hưởng gió, sức công phá mạnh hơn tên tre, hiệu quả cho dân chiến. Xạ thủ nổ phải khỏe và nhanh nhẹn. Dân miền Thượng du Bắc Việt và dân Thượng vẫn còn sử dụng nổ săn bắn. Trong thời Tam Quốc, Khổng Minh có vẽ kiêu nổ liên châu, bắn nhiều phát một lượt, nhưng không thấy dùng.

Năm 1957, tại Cổ Loa thành, người ta đào được 5000 cân tên đồng. Có thể kết luận là nổ được sử dụng thời An Dương Vương rất có hiệu quả, được thần thánh hoá thành nổ thần. Nó thích hợp cho địa thế Cổ Loa, xoay vòng như trường ốc, quân giữ thành chiêm lối thế trên cao bắn xuống. Địa thế xoay vòng trường ốc của thành giúp xạ thủ ẩn nấp an toàn, địch quân khó tấn công lên.



NGỌC TRAI : Một loại ngọc do sò trai sinh ra. Chủ Hán là châu, trùng tên với My. Châu. Trai rất thô dung dùng để trang sức ở miền duyên hải âm như Nam Trung Hoa, Nhật Bản. Ở các đảo Thái Bình Dương thờ dân dùng ngọc trai như đơn vị tiền tệ trao đổi. Các quan cai trị Giao Chi thời Hán tham lam bắt dân bán sù "xuống bể mò trai", "lên rừng tìm súng tê" khốn khổ, gây yêu tố chống đối giúp Nhị Trưng khởi nghĩa chống T h ái Thủ Tô Định.

LÔNG NGŨNG :

Chiếc áo lông ngũng được nhắc hai lần trong cổ sử Việt. Lần đầu của My. Châu, lần thứ nhì thời Triệu Quang Phục tức Đa Trạch Vương. Con Triệu Quang Phục là Cảo Nương gả cho Nhữ Lang con Lý Phật Tử sau khi Phật Tử không hạ nổi quân Triệu, giống trường hợp làm rể của Trọng Thủy. Khi Cảo Nương bị chồng gạt lây mất chiếc móng thiêng của thần Hoàng Long gắn trên mũ đầu nâu của cha, Triệu Quang Phục thua chớ con chạy, Cảo Nương cũng rặc l ở n g ngũng cho chồng theo dấu. Triệu Việt Vương chạy đến sông Đại Nha, cùng đứng, thần Hoàng Long hiện ra nói, "Giác ở sau lưng Bê hạ đó, sao không giết đi". Oan tình My. Châu và Cảo Nương khác nhau. Áo lông ngũng không thấy phắc trong ca dao, dù biết chỉ các tiêu thủ quyền q u i mới được mặc. Đặc điểm của lông ngũng là độ cách hàn cao, mặc rất ấm so với lụa, len.

CỔ LOA THÀNH :

Thành Cổ Loa không thể xem là một huyện thoai, vì di tích còn đây, tuy bị tàn phá, qua thời gian. Kiểu mẫu theo tên gọi, thành thiết lập theo hình dáng con ốc, vật liệu và kiến trúc ít ai chịu nghiên cứu ngày nay. Sự xây dựng thành với loại kiến trúc trên không dễ dàng, hay bị sụp đổ có thể vì kém kỹ thuật và chuyên viên. Tục truyền sự khó khăn vì yêu quái gây ra, nhờ Thần Kim Quy diệt yêu quái mới hoàn thành.

GIẾNG NƯỚC TRONG THỦY :

Giếng nước vẫn còn, thời trước khi Pháp đến Việt Nam, nước giếng là một trong những vật triều cống cho vua Trung Hoa để rửa ngọc trai. Nước giếng rửa ngọc trai có làm ngọc sáng thêm không, thực tế chưa ai kiểm chứng và thí nghiệm. Nhưng đã mấy ngàn năm nước giếng dùng rửa ngọc, ngọc sáng lên thêm, ai dám phủ nhận kinh nghiệm của người rửa ngọc. Rất có thể ngọc hợp với loại khoáng chất trong nước giếng này. Dù sao, giếng nước Trọng Thủy tự trầm có thật.

(còn tiếp)

đánh Võ Mồm, nói chữ, mà không biết chữ, c h i
biết nghĩa, rồi ghép lại thành thơ mang nhớ
quĩ Thầy chỉ giáo.

- Thế rồi Bác bài kiến H.T. Trĩ Thủ vào dịp nào ?
- Nghe tiếng H.T. là người Đức Cao, Đạo Trạo Nho Học thâm uyên, tôi làm một bài thơ Quán Thủ Tên Chùa và Pháp Danh Hòa Thượng đến xin dâng bài thơ nhớ Thầy nhuận sắc. Nhưng hôm ấy tôi đạp xe đến chùa Già Lam quanh quẹo trong nhiều ngõ hẻm đường Lê Quang Định thì trời đổ mưa tầm tã. Tôi chạy đến cổng Tam Quan thì cửa chùa đã khóa. Bên trong vài chú tiểu thập thò, không dám ra mở cửa. Sợ ướt bài thơ, tôi lặn vào trước ngực, trong chiếc áo nylon, đứng nép bên cột chùa áng bốc hạt mưa sa. Một lúc sau, trời chừa dứt hạt, nhưng chừng như một lớp Phật Học vừa tan. Một Thiện Sĩ trẻ tuổi đôi mưa ra dẫn tôi vào ngôi Tam trên ghê đá ở ngoài, hiện.
- Trời mưa gió thế này, Bác đến tìm ai ?
- Tôi muốn tìm Hòa Thượng để dâng một bài thơ !
- Hòa Thượng đi họp Phật Giáo ở Hà Nội còn lâu mới về. Tôi là Tuệ Sĩ đây! Bác trao bài thơ tôi trình lại H.T. khi Thầy về. Thế là tôi trao bài thơ cho Thầy Tuệ Sĩ đọc, trong khi tôi ứng bút thêm bài thơ nữa để tặng Thầy :

GIÀ LÀM TUỆ SĨ

GIÀ tha mặc khách cúng Thiên Môn,
LAM vũ kính phong vũ trạch thôn.
TỬ bệ Tam Quan vô nhập địa,
ĐẠI hân Bát Hương thủy kiêm bồn.
ĐỨC Nhữ Lai chiếu bình chân lữ,
THÍCH Thiện Tử Quang giác tính hồn.
TUỆ trí thuần tâm minh bản ngã,
Sĩ phu giao cảm thể hoàng hôn.

Già Lam Môn-Hoàng hôn Phong Vũ Tòa PL.2527
Cư Sĩ HỮU TRĨ ứng bút

- Bác còn nhớ dai quá! Những bài thơ Bác đọc lại toàn là chữ Nho, tại tôi làm sao hiểu nổi. Chẳng trai bên cạnh tôi lên tiếng!
- Ô! quên há! Để tôi tạm giải nghĩa, cho nghe cho còn viết chữ thì tôi không biết đâu nhà
- Câu 1: Mang một bài kệ, một nhà văn đến cửa Thiên.
- Câu 2: Điện thờ bị gió lớn mưa to ướt cả thôn xóm.
- Câu 3: Chùa đóng cửa Tam Quan vô không được
- Câu 4: Giá lạnh tắm hương nước kèm chân khế chạy được.
- Trời! Bác làm bài thơ khẫu khể như vậy ứng hiện là chùa bị nạn, người bị vây bắt không chạy được!
- Vậy há! Tôi đâu có để ý việc đó? Dùng chữ quán thủ ở đâu mỗi câu, rồi chú nghĩa để ghép vào, sao cho nghe đúng niêm luật mà thôi. Nhưng nếu 4 câu đầu ứng hiện đúng thì 4 câu

- sau chắc cũng không sai:
- Câu 5: Đức độ của Nhữ Lai bình tâm người lữ khách chân thật.
- Câu 6: Cái Thiện của Đạo Thích phát ánh sáng hiền hòa tính ngộ tâm hồn.
- Câu 7: Trí tuệ, tâm thuần thì mới thấy rõ bản chất của mình.
- Câu 8: Kẻ sĩ (tu sĩ, cư sĩ) giao cảm cái thời thế là hoàng hôn.

- Phải rồi! Giác đến Bồ Đề thì giác phải tan. Đó là Hoàng Hôn của Thần Tướng báo hiệu sự sụp đổ của chế độ tàn ác phi nhân - đã xua chúng mình lìa bỏ nơi chốn nhau cắt rún lưu lạc khắp bốn phương trời!
- Nay tôi đọc lại bài thơ này để cầu an cho 12 Chú Tôn, Đại Đức Tăng Ni bị bắt sớm được trở về chùa.
- Những bài thơ Bác tặng cho cô H.T. Thích Trĩ Thủ như thế nào ?
- Vào Mùa Phật Đản 2527 tôi trở lại chùa Già Lam bài tạ ân sư, xin lãnh hội cao kiến. Hòa Thượng tuổi già sức yếu, nhưng cũng vui vẻ tiếp tôi. Ngồi tựa lưng vào một ghê dài, Hòa Thượng truyền cho Thầy Tuệ Sĩ đọc bài thơ tôi tặng cho Hòa Thượng lắng nghe một cách chăm chú :

GIÀ LÀM TỰ

GIÀ lâm tính mệnh hội trùng hoan,
LAM Mộc Tự Ni phục chỉnh trang.
TỰ hướng quán sinh siêu khổ nạn,
HÒA duyên tăng lữ biến cổ trang.
THƯỢNG hoang tử chúng song tu hiền,
THÍCH giáo tam quyền nhất thật quang.
TRÍ tuệ thân thông minh chúng tử,
THỦ trí đạo pháp chuyển Nam Bang.

- Tôi quĩ gói đánh lễ tam bài, dâng thơ và chớ Hòa Thượng nay thơ, ban đao tử, giả biệt. Hòa Thượng trầm ngâm một phút rồi cầm bài thơ do Thầy Tuệ Sĩ trao tay, nhìn sơ qua rồi dạy :
- Thầy nghe Tuệ Sĩ trình rằng con khờ biết chữ Nho mà quán thủ cả trăm bài Thiên Trì Hân Việt như vậy, thì quả là con có duyên với Phật Pháp. Vậy, Thầy chúc con "Đổi đổi làm bạn với PHÁP". Thế rồi Hòa Thượng phê một chữ "PHÁP" và thử bút chú giải đôi dòng Hán Trì rồi thử ký tụng kệ như hình sơ không. Tôi lấy tạ ân sư chia tay ra lãnh lại bài thơ có phê bút của Hòa Thượng, thì Ngài dạy :
- Con ra đi bằng thân xác, nhưng trái tim, thì hãy gói lại quê nhà! Phật tức tâm - Chữ PHÁP Thầy ban cho con thì hãy ghi khắc vào TÂM mình :
- "Vĩnh trường PHÁP HỮU
Trĩ huệ toàn chân"

Bài thơ này xuất phát từ TÂM của con, Thầy xin giữ lại. Biết đâu ngày con trở lại Thầy vĩnh viễn tại KHÔNG MÓN.

Tôi có ngờ đâu đây là lời vĩnh biệt của một bậc chân tu trí tuệ thần thông!?

Một luồng đạo lực huyền giáo mãnh liệt chạy vào lòng tôi rùng rúc lễ. Tôi băng khuông, tạ ân sư thờ, thần ra về hôn mệnh mang bổng cho cảm nghĩ lên vào TÂM :

"Na Tra lóc thịt trả lại mẹ cha

Nhờ Thầy hóa ra Bông sen hoàn cốt".

Ngày nào cha tôi đã dạy như thế! Trời c h a, đất mẹ, muốn xa trời lìa cha, xa đất lìa mẹ, thì nên lóc thịt trả lại cho mẹ cha! Nay ân sư không khuyến mình lóc thịt mà chỉ gửi lại con tim thể hiện trong những vần thơ réo rắc đậm quan hà!...

Thầy đã khuyến mình nên đạt đến cái TRÍ HUỆ TOÀN CHÂN thay cái "Trí thể biện thông" mà người đời thường dùng để lừa đảo nhau. Rồi Thầy lại dùng thể "cô nhận xuất quân" để m chử HUU ra sau chử PHAP, châm câu đầu: "Vĩnh trường PHAP HUU" tiên mình bay đi, rồi dùng thể "cô nhận nhập quân" đem chử TRI vào đầu câu chót: "TRI huệ toàn chân" chử nhận trở về. Có phải chăng "ý tại ngôn ngoại" Thầy dạy rằng HUU TRI là người có trí hay nguy biện kiểu căng TRI HUU làm bạn với cái TRI t h i mỗi đạt đến cái trí huệ toàn chân để đối đối làm bạn với "PHAP".

Ân Sư chỉ dạy có một chử "PHAP" mà ý nghĩa thâm uyên biến HUU TRI thành TRI HUU, có phải chăng ân sư đã huyền giáo, tâm định cách khô truyền đạo lực cho TRI HUU này phải qui hướng siêu niệm ân sư Cổ Đại Lão Hòa Thượng THICH TRI THU. Nếu đúng như thế, thì lại thêm v à i trang Phật Pháp, nhiệm mầu!

Nguồn đạo lực ấy đã rào rạt chạy qua l ò n g tôi khi nghe tin Hòa Thượng viên tịch, khi quĩ hướng siêu niệm ân sư, khi băng k h u a n g trên nẻo đường về.

Mãi đến khi hai bạn đồng hành lên tiếng :

- Bác đi xe ở bến số 3, còn tụi con ở đây số 1. Bác nhanh lên kéo trẻ!

Qua bến số 3 mà xe chưa đến, tôi nghe hai bạn trẻ gọi sang :

- Tụi con sắp đi! Pháp danh Bác là gì?

- Xin xem "Phật Pháp Nhiệm Mầu"! Còn tụi con tên gì?

- Dạ tên Quán và Toàn!

- Vậy xin cách giảng gởi ít vần thơ t a m biệt :

"QUÁN TƯỚNG KHÔNG MÓN sở nguyện thành

"TOÀN viên đặc qua nhập thiên thanh!

Ngồi chờ xe trên bến số 3 tôi lại gặp m ô t người bạn trai trẻ tên Dũng cũng vừa dự lễ, chử hiên nội đến cùng về. Thế là cái "BI TRI

DUNG" lại tiêm tăng, thiên định tâm tử s u y nghiêm mệnh mang :

"Âm cùn dương nầy, loan cực đức sinh"

"Thuận thiên đã tồn, nghịch thiên đã vong"

Đã một lần Phật khóc, và trước công chùa tôi đã suy từ :

"Linh Sơn Cổ Tự Phật giảng lâm

Từ mãn lệ nhiệm huyền siêu pháp nạn.

Tổ Ân Trưng Quang tăng trì, tụng

Hải Triều Âm kỳ diệu chuyên huyền cổ".

Rời huyền cổ đã chuyên. Một triều đại đã sụp đổ. Thế mà 9 năm sau người lãnh đạo để m ấ t Phước Long, không đỏi công chuộc tội lại trở về, tũc khi giới lực lưỡng Bảo an Phật giáo để xúc tiến cảnh suy tàn. 9 năm kể tiếp giặc lại đến Bồ Đề tái diễn vòng quay lịch sử. Tại các trường trung học CSVN đã dạy cho các em những bài học thuộc lòng in trong Q u ốc văn Giáo khoa Thủ như bài :

TRỜI ĐÀNH CHỊU THUA

toát yếu :

"Ngày xưa mưa nắng tung hoành,

"Ngày nay Thủy Lợi trời đành chịu thua.

Thế là người ta đũa nhau ra tài làm thủy lợi để bảo công. Những tay xuất thân là nông dân ở Đồng Tháp, nay lên ngôi vị Tỉnh ủy. Làm thủy lợi thế nào mà gieo 5.000 gia lúa giồng chết hết không lên một mồng, vào năm 1978. Kinh tũc kinh tiêu như thế nào, mà nước biển tũc nước phèn khiến lúa đồng khởi chết queo. Dầu sông làm thủy lợi dẫn thủy nhập điền. C u ối sông làm thủy lợi ngăn sông nuôi cá; Thượng điện tích thủy vào ruộng khiến Hạ điền khan nước cạn cá chết tũc! Có phải Trời đành chịu thua chăng khi đã giảng xuống miền Bắc bao nhiêu cơn bão lụt? TRỜI, KHÔNG DUNG LÀ THẾ. Nay thì lại: ĐÀO MỒ CUỘC MẢ! ĐẤT LẠI KHÔNG THA! Dân tình thì ta thân: VAN DÂN NỖ LỆ CƯỜNG QUYỀN HẠ. Trong tình thế đó: "GIẶC LẠI ĐẾN BỒ ĐỀ" thì làm sao "GIẶC CHẶNG TÀN!?"

Giặc lại đến Bồ Đề vào ngày bức tử Cổ H.T.T T.T. (Hòa 4 chử T) (1) Từ tũc công: 2/4/84 =

2+4+8+4 = 18:2 = 9 = Cửu Trưng Dương đểchâm

ngôi bom nổ chậm. Cho đến ngày 5/5/PL 2530 =

Tử Phương Ngũ Âm Cùn = bùng nổ.

(B) 5/5/5/5 (2+3) = 4 lần 5. Để cho DƯỠNG THỜI

vào ngày Càn Khôn Cửu Cửu Trụ Không Đản.

(C) 9/9/AL 1990 PL : 9 9 (1) 9 9. Lúc bấy giờ

cường đạo sẽ hiểu rõ câu :

Phật cao một thước (A) H.T.T.T.T. =

Quý cao một trũc (D) Di' hòa vi Thủ

Quý cao một trũc (B) Di' Thủ vi chiến,

Phật xích đạo thước (C) Di' chiến tất thăng

Ma Vương sát Đại Quý'

Hoàng Thiên tru Ma Vương.

TRI' HUU

VÔ THƯỜNG :

Nếu ai có hồi niệm mơ ước bây giờ của tôi là gì? thì tôi trả lời tức khắc đó là - tôi mong ước ngày trở lại quê hương tôi - Mấy năm rồi trôi dạt xứ người, tôi cứ ngỡ rằng cuộc đời tôi tựa như cánh lục bình bèo trôi trên sông nước - mà bèo bỏ là một vùng trời nước vô định nào. Nhưng nhánh sông mệnh mang xa nguồn cũ; đem theo cánh lục bình kia tôi những vùng quê hương xa lạ - hồi rằng ở đó có những gì mang âm hưởng của nguồn cũ chăng? Chẳng ai biết, bèo vẫn cứ dạt dờ và giòng nước vẫn cứ vô tình chảy mãi - khi êm đềm, khi găm dứ - thôi cũng là 1 kiếp. Tôi gió cũng năm im chấp nhận một định mệnh dù khoan hòa hay nghiệt ngã. Mấy năm rồi thân vong quốc, những mắt mắt của đời, đã làm tôi chạy cũng khô cạn - tôi đã bỏ mất cả khung trời của tuổi trẻ - những mơ ước - những ước mơ, những thêm muôn và những khát khao muôn thú của một kiếp người - những - đời và ngã đã làm tôi khô chết và vô vận cả khối tâm tử còn sót lại trong thân xác mệt mỏi rồi ra.

Bên giòng suối nhỏ, những bông hoa dại miền man, tràn lan bên giòng nước biếc - gã trung niên ngồi bó gối bên tảng đá, soi mình bên giòng nước - Nhưng! nước vẫn miết mãi chảy mãi, như vô tình, như hồ hững - Cuộc đời, giòng nước và những định mệnh khoan hòa hay trắc ẩn, vài con chim sâu riu rít trên cành, chiếc lá vàng bông lìa cành, tú tú rơi xuống giòng suối - nước đã cuốn cành lá úa kia về dĩ vãng xa xôi - chẳng ai biết - hoặc chẳng ai cần để ý đến chiếc lá lạc loài kia...

Hai năm rồi, ngày rời bỏ quê hương, đâu biết nào của kỷ niệm xưa chắc gì sớm chiều phai nhạt trong vùng ký ức - vẫn nhớ vẫn thương và chắc rằng mãi mãi giòng nước bên con lạch nhỏ đầu làng, soi hình hàng tre già rừ ngon - hơi ấm quê hương ngọt ngào và dịu ngọt, miền man muôn thú sẽ in hằn. Giòng suối này có trong xanh, gợi tình và muôn hoa cỏ khoe màu sắc nhưng vẫn là gì xa lạ của một quê hương tạm dung của gã trung niên lưu lạc. Đời vong quốc với những xót xa và giam hãm, như vị sự già giam mình trong ngôi cổ tú của ngày nào

Doản khúc :

VO TRÒN, GÓI TRON MỘT ĐỜI CÓ KHÔNG

Hạ Long

Kia một chút năng còn sót lại của một ngày bệnh hoạn tôi tắm, liệu năng có sưởi ấm được chút nào cho thân xác đờn đau này chăng. Tôi khép mình trong bên bức tường, như một vị sự già khô hạn - ngày đêm từ đời trôi qua, tâm gương của dĩ vãng - âm thanh của thời gian và không gian là tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ. Ngoài kia dù trời có mưa nắng tuyết hay xuân hạ thu đông, chẳng còn ý nghĩa gì. Tôi đã vo tròn và gói trọn cả không và thời gian trong hồ sâu của vô thức - sự bùng vỡ và khuấy động nào của ngoại cảnh liệu có thể xô phá được những thành quả của mảnh tâm tử, gây đổ này chăng - thôi muôn thú, vẫn là những nuôi tiếc và sự sùi cho một định mệnh. Đời như những giòng sông trôi nổi muôn ngã - những con nước của giòng sông kia, liệu nước có trở về nguồn cũ hay bốc lên thành những đám mây và thành mưa rơi vào vùng sa mạc khô sỏi đá xa lạ nào - Cũng lại một định mệnh và những ngọc ngà của làng - những giòng nước kia còn lại, dẫu tích gì trên một vùng đất khô cạn bậc lưà kia chẳng. Thôi nhá, một định mệnh có hạn là 1 sự sắp xếp, mà muôn đời vẫn là khuôn mẫu cho 1 thân kiếp lưu vong...

chưa ngộ. Sự tự do trong tù tội, vượt hàng ngàn dặm biển khơi - mang thân xác thách đờn với tất cả những nghịch cảnh để rồi sự tìm kiếm và giải thoát những đóa dây của kiếp người. Định mệnh nào há có, buông tha cho một thân kiếp đã đóng gậy những bất hạnh - thôi! há rằng đời là những vô thường - dù có chạy trốn tới một chân trời góc biển nào - định mệnh vẫn tâm nã và buông chụp, xuống nhữ đóa dây - con nước, cành hoa - những kỷ niệm đầy với - những chiếc lá úa - vị sự già nòngôi cổ tú; dẫu là vật thể hiện huy - không! tất cả đều không! tạ chưa chắc đã là ta - vô vận muôn vàn bán ngã - ta đã bao lần đánh mất cả ta.

... đời thật buồn, ta đánh mất cả ta.
hoặc

bây giờ còn nữa đời như mất
ta chẳng là ta cái thú nào...
Đời và ta đã bao lần bỏ mất - gã trung niên lưu lạc vẫn ngồi đó bên giòng suối nhỏ, nắng đã lên cao... và rồi trời đã ngã bóng, hỡi sống chiều đã xuống miền man, bao trùm cảnh vật - niềm khát khao của gã trung niên lưu lạc, đã trải thêm một ngày vô nghĩa - choden bao giờ niềm định ngộ qua tâm tử, sẽ thấu gọi cả cõi vô thường, để nội khát khao sẽ chẳng bao giờ còn nữa, và sẽ miền man như giờ này

TÂM NHƯ

suối nhỏ kia.

Gã trung niên vẫn ngồi đó, và sẽ ngồi đó, như vị sử già giam mình trong ngôi cổ tú n g ấy nào :

Trăm năm còn có gì đâu,
Hoa chẳng một năm cỏ khâu xanh rì.

... đó là những hủ ngôn, đã được Tổ Như tiên sinh rao truyền bao năm trước. Gã trung niên lưu lạc vẫn lăm băm trong miệng, như đọc bài kinh nhật tụng.

Đêm đã xuống, trời đã trở lạnh, gã vẫn n g ồi cầm lẵng trước đôi thay của vạn vật - gã gục xuống yá thiếp đi trong niềm miên man vô tận. Hân đã trở về quê hương - dưới đàn mướp nõ hoa vàng - bên bờ giếng nhỏ - bữa ăn chiều đã được bà mẹ hiền dọn sẵn - nồi cơm đôn báp với đĩa mồng tơi luộc và chén cá pháo - hân đã ăn ngẫu nhiên.

Thực kia chẳng được vuông tròn,
Thoảng vui trong mộng trở về quê xưa.

THỊ NGHIỆP

Vị sử già khô hạn sau bao ngày giam m ì nh trong liêu tịch - ánh ngộ đã khai mở - vùng ký ức xa xưa đã tất lịm, sự tâm tởi của trí thức - đã bùng nổ tan tành. Những ánh s ả n g của trí huệ đã như những ánh thái dương của buổi sớm mùa xuân. Vị sử già giải thiên rú y đứng dậy. Vũ trụ chung quanh không còn là 4 bức tường nhỏ hẹp kia nữa. Tiếng thời g í an bây giờ không còn là những sát-na của vũ trụ hiện hữu nữa, mà là cả muôn vạn năm ánh sáng, và ngàn vạn tinh thể trong hằng hà vật thể của vũ trụ. Vị sử già vươn vai bước nhẹ, thấy những bước chân mình mông lung và dịu mát, như bước trên những đoá ừu dâm. Những m ù i hương kỳ ảo bông đầu bay lượn trong gió và vắng vắng tiếng đàn nhịp phách tung lượn, trong cả vũ trụ bao la.

Bước ra trước bậc thềm, dần dề tú dang r a p mình đánh lễ, với hàng y bát gọn gàng nghiêm chỉnh cúng dường. Công án đầu tiên vị sử già truyền giao cho hàng đệ tử là năm lá úa vàng trong tay và được tung bay trong gió - là ký thay lá kia cũ bay lượn trong gió; như có một luồng khí lực nào từ tay vị sử già phát ra, hàng đệ tử ngó ngác ngó nhìn - duy có một đệ tử trung niên vẫn điềm nhiên đánh lễ - bông, vị sử già hồ tiếng "phong", thì người đệ tử trung niên kia ngược đầu lên cất tiếng nói thật khoan hòa chậm rãi "sơn" - những cánh lá vàng úa, kia, nhẹ nhàng như có vật gì can lại rất lộp độp trên lối đi trước am t ú . Thêm một ke, đã ngộ; khi gã trung niên n à y bông khai mở được trí huệ để thì nhận được cuộc đời và những chiếc lá úa kia. Đời là những cơn phong vũ - những người thấu hiểu, được sự nhiệm màu của đạo giải thoát; thì sẽ

lướt qua, được những cảm dỗ cuốn hút của đời, cũng những vô thường của vạn vật, thì chẳng nhỏ lệ tiếc thương cho những mất mát, c h í a xa, hoặc đớn đau của kiếp người...

REUTLINGEN 5/84



tiếp theo trang 48

xong, được ăn cơm nóng với cá kho cùng thịt nạc kho chung trong cái tô đất, sục nước mùi nước mắm, tiêu, hành. Đã vậy, bà còn ăn đậm thêm muối tiêu. Căn phòng của bà chỉ thấp 1 ngọn đèn dầu leo lét. Khắp phòng, mùi gừng, m ù i rượu chối, mùi củ là, mùi nghệ bát ngát ả t hân mùi máu tanh. Đêm Noel làm cho em n h ở nhiều kỷ niệm đã từ lâu chôn vùi trong đáy thẳm của ký ức em.

Anh xem, về thăm quê hương, thật chẳng có gì vui cả vì dân mình có thật sự tự do, nước nhà có thật sự độc lập, phồn vinh đâu.

Em mong rằng, Noel năm sau, hay Noel năm sau nữa, em sẽ được ăn một cái Lễ Nửa Đêm v u i trọn vẹn, có các con em được về thăm ở ngoại, bà ngoại cùng các dì, các cậu. Và em sẽ được viếng gia đình anh ở Lộc Ninh, trong đó c ó anh sông dưới mái nhà của má anh để p h ụng dưỡng bà trong lúc bà tuổi già bóng xế.

Ngày đó có xa đi nữa, em vẫn hy vọng, như anh đã từng hy vọng.

Thương mến anh nhiều.

TRẦN THỊ CẨM THỊ

tiếp theo trang 53

(1) $2 \times 2 = 4$ (chu T)
 $2 \times 4 = 8$ (Bát quái)

Theo lý tiên trình này thì Thái cực s í nh Lượng nghi Tứ tượng.

TỨC NƯỚC TRẦN BỞ thành HỒNG THỦY TRẦN : ĐẠI HÂN BÁT HƯƠNG THỦY KIỂM BỒN sẽ đảo n g ú ộc đúng theo luật NHÂN QUẢ.

Kinh Mười Điều Thiện

(toát yếu)

Ngài A Nan thuật :

Tôi thân nghe Phật nói kinh Thập thiện này trong khi Ngài cùng với các đệ tử ở cung Ta Kiệt La Long vương.

Ta kiệt La Long vương là một người đứng có trong pháp hội này nên Phật gọi ông dạy rằng: "Tất cả chúng sanh vì tâm tưởng sai khác, nên tạo các hạnh nghiệp chẳng đồng; do hạnh nghiệp ấy, chúng sanh bị luân hồi trong 6 đường. Long vương! người có thấy đại chúng trong hội này và tất cả chúng sanh thân hình và sắc tướng của mỗi người đều sai khác chăng? Có những thân hình sắc tướng sai khác như vậy, là đều do tâm tạo thân nghiệp, nghiệp và ý nghiệp hoặc lành hoặc dữ mà gây ra. Những người có trí huệ, rõ biết lý nhân quả như vậy rồi, nên tu thiện nghiệp, bởi có tu thiện nghiệp mới cảm được thân tướng tốt đẹp, quốc độ trang nghiêm.

Long vương! người thử xem thân tướng của Như Lai và các vị Bồ Tát có đủ các tướng tốt hào quang sáng chói như thế, đều do tu thiện nghiệp mà được. Còn tất cả chúng sanh hình sắc hoặc xấu, hoặc tốt, hoặc lớn, hoặc nhỏ, mỗi mỗi đều do tự tâm tạo nghiệp, chẳng lành gây ra. Bởi vậy, nếu các người biết tu học thiện nghiệp và dạy bảo mọi người hiểu lý nhân quả mà tu thiện nghiệp, thời quyết định sẽ khỏi các quả báo xấu xa, được thân tướng tốt đẹp, quốc độ trang nghiêm như chư Phật Bồ Tát.

Long vương! người phải biết Bồ Tát có một pháp có thể dứt tất cả sự khổ não trong các đường dữ, là Bồ Tát luôn luôn quán sát tu tập thiện pháp, làm các thiện pháp niệm niệm tăng trưởng; không một niệm ác pháp xen lẫn, bởi vậy các ác pháp bị dứt hẳn, các thiện pháp được viên mãn.

Thiện pháp nghĩa là phép lành: tất cả Đáo quả Thanh văn, Duyên giác và vô lượng Bồ đề đều y pháp ấy được thành tựu.

Pháp ấy là mười nghiệp lành:

- 1) Không sát hại các loài vật mà phúng sanh
- 2) Không tà hạnh (hạnh không trinh chánh) mà tu phạm hạnh (hạnh trinh chánh).

- 3) Không trộm cắp của cải mọi người mà bố thí.
- 4) Không nói dối mà nói lời thành thật.
- 5) Không nói thêu dệt mà nói lời đúng đắn.
- 6) Không nói phân rẽ mà nói lời hòa giải.
- 7) Không nói thô ác, mà nói lời dịu ngọt.
- 8) Không tham dục mà quán bất tịnh.
- 9) Không hờn giận mà quán tử bi.
- 10) Không tà kiến (ngu si) mà quán nhân duyên

A.- Nếu không sát sanh thì được mười pháp ly não (rời các khổ não):

- 1) Thị vô úy cho tất cả chúng sanh.
- 2) Đối với chúng sanh, thường khởi tâm đại từ
- 3) Dứt bỏ thói hờn giận.
- 4) Thân không bệnh hoạn.
- 5) Sống lâu.
- 6) Thường được chư Thiên quý thân ủng hộ.
- 7) Khi ngủ không ác mộng, lúc thức được khoái lạc.
- 8) Trừ hết các oán kết.
- 9) Không sợ đọa ác đạo.
- 10) Sau khi chết, được sanh cõi trời.

Nếu biết đem mười công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật, được tùy ý sống lâu.

B.- Nếu không trộm cướp thì được mười pháp bảo tìn (giữ sự tin cậy):

- 1) Của cải không bị nước lửa hay con cá phá tán.
- 2) Nhiều người ái niệm.
- 3) Không ai phụ bạc.
- 4) Mười phương đều tán thán.
- 5) Không lo bị tổn hại.
- 6) Tiếng tốt được lưu bố.
- 7) Ở trong chúng được vô úy.
- 8) Tài, mạng, sắc, lực và an lạc biện tài đều đầy đủ.
- 9) Thường muốn bố thí.
- 10) Chết được sanh cõi trời.

Nếu biết đem mười công đức này hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được thanh tịnh đại Bồ đề trí.

C.- Nếu không tà hạnh thì được bốn môn công đức các người trí đều tán thán:

- 1) Các căn tịch tịnh.

2) Xa ồn ào.

3) Mọi người khen ngợi.

4) Vợ con không bị quyền rũ.

Nếu biết đem bốn công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được tướng "trụ độ phu ấn tàng mật tướng" của chủ Phật.

D.- Nếu không vong ngữ thì được tám môn công đức, chư thiên đều khen ngợi:

1) Miệng thường thanh tịnh.

2) Thế gian tin phục.

3) Lời nói được chân thật, người, chư Thiên đều kính mến.

4) Thường dùng ái ngữ an ủi chúng sanh.

5) Ba nghiệp được thanh tịnh.

6) Lời nói không lầm lỗi, tâm thường vui mừng

7) Nói ra được người tin và làm theo.

8) Trí huệ thù thắng, uôn đẹp tất cả thuyết

Nếu biết đem tám công đức này hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được chân tướng của Như Lai.

E.- Nếu không nói phân rẽ thì được năm pháp bền chắc:

1) Được thân bền chắc, vì không ai hại được.

2) Được quyền thuộc bền chắc, vì không ai chia rẽ được.

3) Được đức tin bền chắc, không ai xoay chuyển được.

4) Được pháp hạnh kiên cố.

5) Được gặp Thầy hiền bạn tốt.

Nếu biết đem năm công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được quyền thuộc chơn chánh, tà ma ngoại đạo không phá hoại.



G.- Nếu không nói thô ác, thì được tám môn tịnh nghiệp:

1) Lời nói có độ lượng.

2) Lời nói có lợi ích.

3) Lời nói đúng chân lý.

4) Được ngôn từ tao nhã.

5) Lời nói được vâng nghe.

6) Lời nói được tin dùng.

7) Lời nói không thể chê được.

8) Lời nói ai cũng ưa thích.

Nếu biết đem tám công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được phạm âm thanh tướng của Như Lai.

H.- Nếu không nói thêu dệt thì được ba môn quyết định:

1) Được người trí thức yêu mến.

2) Có thể lấy chánh trí giải đáp các câu hỏi một cách đúng với chánh lý.

3) Oai đức tốt bậc trong hàng nhơn thiên, không có hư vọng.

Nếu biết đem ba công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được thành tựu mọi việc chư Phật đã thọ ký.

I.- Nếu không tham dục thì được năm môn tự tại:

1) Ba nghiệp tự tại, vì các căn đầy đủ.

2) Cửa cái tự tại vì oán tặc không thể cướp phá.

3) Phước đức tự tại, vì mọi vật theo ý muốn được đầy đủ.

4) Vương vị tự tại, vì được mọi người dâng cúng các vật báu lạ.

5) Được các vật quá chỗ mong cầu vì đời trước không xan lẫn.

Nếu biết đem năm công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được tất cả chúng sanh tôn kính cúng dường.

K.- Nếu không giận hờn, thì được tám pháp làm tâm vui đẹp:

1) Không có tâm tổn não hữu tình.

2) Không có tâm giận dữ.

3) Không có tâm tranh tụng (kiên cải).

4) Tâm thường nhu hòa chất trực.

5) Được tử tâm như các vị thánh hiền.

6) Thường có tâm muốn làm lợi ích an lạc cho chúng sanh.

7) Thân tướng đoan nghiêm ai cũng tôn kính.

8) Vì tâm hòa nhẫn, nên mau được sanh cõi Phạm thiên.

Nếu biết đem tám công đức ấy hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật được sắc tướng tốt đẹp, ai cũng xem không chán.

L.- Nếu không tà kiến thì được 10 công đức:

1) Tâm hiểu biết chánh đáng, gặp được bậc thiện.

2) Rất tin lý nhơn quả, dầu chết không tạo ác.

3) Chỉ quý y Tam bảo không quý y thiên thân quý vật v.v...

4) Trực tâm chánh kiến, dứt hết các sự nghi ngờ.

5) Trưởng sinh trong các cõi trời, không đọa ác đạo.

6) Vô lượng phúc đức lần lần tăng trưởng.

7) Xả bỏ tà đạo tu học chánh đạo.

8) Không chấp thân là thật có, bỏ tất cả ác nghiệp.

9) An trú vô ngại chánh kiến

10) Không bị tám môn nạn v.v... (1)

Nếu biết đem mười công đức này hồi hướng Phật quả, về sau lúc thành Phật, chúng được tất cả Phật pháp, thành tựu thân thông tự tại

Long vương! nếu Bồ Tát nương 10 nghiệp lành này, tu sáu môn ba la mật, 4 vô lượng tâm(2), bốn môn nhiếp pháp(3) và 37 môn trợ đạo phạm(4) thì được tất cả nghĩa lợi chân thật của Phật pháp và quyết định thành Phật. Cho đến 10 lực(5), 4 môn vô úy(6), 18 môn bất cong(7) và tất cả Phật pháp đều nương 10 nghiệp lành này mà được viên mãn.

Long vương! Ví như cõi đất lớn, tất cả thành ấp làng xóm đều nương nơi cõi đất ấy mà được an trú, tất cả cỏ cây đều nương nơi cõi đất ấy mà được sanh trưởng.

Mười nghiệp lành này cũng như vậy: tất cả nhơn thiên đều nương nơi mười nghiệp lành này mà an lập; tất cả giác ngộ của Thanh Văn Duyên Giác, tất cả Bồ Tát hạnh và Phật pháp đều nương nơi mười nghiệp lành này mà được thành tựu; nên các người phải tu học.

Ta Kiệt La Long vương và đại chúng nghe Phật nói kinh mười điều này rồi, tâm rất vui mừng tín thọ và tu hành.

LỜI NÓI PHỤ.-

Phật là đấng đại từ đại bi, ví như ông thầy thuốc hay hiểu biết tất cả tâm bệnh của chúng sanh, tùy các tâm bệnh ấy dạy các pháp môn tu hành; những pháp môn ấy, trên hợp với chánh lý, dưới xứng với căn cơ, nên tất cả chúng sanh đều ở thời đại nào, hiểu biết tu học thì quyết định được giải thoát.

Những pháp môn để tu hành ấy, tuy nhiều, nhưng tóm lại có hai môn: một là cọng, hai là bất cọng. Bất cọng nghĩa là những pháp môn có riêng đối trị một tâm bệnh, như như đ u yên quán chỉ đối trị ngu si v.v... cọng nghĩa là những pháp môn có thể đối trị chung các tâm bệnh, như pháp 10 điều thiện này là một. Vì ba lẽ:

1) Pháp mười điều thiện là gốc của muôn hạnh thế gian, xuất thế gian.

Tu pháp 10 điều thiện có 2 cách: một là chỉ hai là tác. Chỉ tức là không sát sanh, không trộm cướp cho đến không tà kiến, tác tức là phóng sanh, bố thí, cho đến quán nhân duyên. Bởi phạm dứt điều ác thì tự nhiên làm điều lành, mà làm lành thì điều ác tự nhiên dứt, nên trong Phật pháp tu hạnh gì cũng phải đủ hai phương diện chỉ và tác ấy.

Các hạnh của thế gian như tu định ly dục của cõi Sắc, hạnh vô thân của cõi Vô sắc v.v... Các hạnh xuất thế gian như quán bốn đế, quán 12 nhân duyên, sáu độ, vạn hạnh v.v...

Tất cả công hạnh thế gian và xuất thế gian, tuy nhiều nhưng không ngoài 10 nghiệp lành; do 10 nghiệp lành này mà được viên mãn thành tựu. Nên trong kinh nói: "cho đến cả Phật pháp đều nương 10 nghiệp lành này mà được viên mãn".

2) Pháp mười điều thiện là chính nhơn của cõi người và cõi trời.

Bởi pháp 10 điều thiện là pháp thân nghiệp muôn hạnh của thế gian, của xuất thế gian, ai tu học đều kém lắm cũng được phúc báo hoàn toàn trong thế gian; hơn nữa, sẽ được s a nh trong các cõi trời hưởng mọi sự sung sướng; tu hoàn toàn nữa, thời chúng được ba t h ở a Thánh quả. Muốn tạo thế giới loài người tận thiện mỹ, hay tạo nên thiên quốc cũng dopháp 10 điều thiện làm chánh nhơn.

3) Pháp mười điều thiện là căn bản của Bồ Đề Nát Bàn.

Bồ Đề và Nát Bàn, 2 môn ấy Thanh Văn Duyên Giác, Bồ Tát và Phật đều có, nhưng chỉ có Bồ Đề và Nát Bàn của chư Phật mới cứu kính. Vì pháp mười điều thiện là gốc của muôn hạnh, cho nên đầu các môn Bồ Đề Nát Bàn có cao có thấp, cũng đều do 10 thiện nghiệp này mà được viên mãn. Nên trong kinh nói: "tất cả giác ngộ của Thanh Văn Duyên Giác, các Bồ Tát hạnh và tất cả Phật pháp đều nương nơi 10 nghiệp lành này mà được thành tựu".



Chẳng những pháp mười điều thiện chỉ có các công dụng ấy, nó còn làm cho người ta bỏ tánh ý lại nơi người khác như quý thân v.v... mà lo tự tu, làm cho người ta bỏ tánh chỉ biết nói không biết làm, mà trong thật hành. Và lại còn làm cho người ta bỏ tánh vọng cầu, nghĩa là tuy hết sức muốn được phúc báo mà không chịu tu phước để tài bồi nên phúc đức. Lợi ích và công dụng của pháp mười điều thiện lớn lao như thế, nhưng xưa nay ít thấy người tu học là vì thói quen của người học đ a o, chỉ muốn những lý thuyết cao thâm, chuộng những kinh điển vi diệu, mà ít chịu thiết hành hoặc giả cũng có ít người tự cho căn trí mình kém liệt không chịu tu học. Nhưng với nhơn loại trong thế giới này, tâm thần nửa tỉnh nửa mê muôn phần bối rối bất an, các bậc có dạ d u thời mãn thế, nên thế theo lòng từ bi của Phật, mà tu hành và truyền bá pháp mười điều thiện để khiến nhân tâm thâm nhuần đạo đức, thế giới được hòa bình.

Đối với xã hội ngày nay đem việc đi chùa bán với các bạn trẻ là một chuyện quá ư tầm thường

Thưa các bạn tội rất thích bàn những chuyện tâm tưởng, vì nó rất gần với chúng ta mà nhiều người lại quên lãng nó, thành ra mất đi những gì cao quý và thuần túy nhất của Dân Tộc. Nếu cuối tuần có người đến nhà bạn mời bạn đi chùa, có lẽ bạn cảm thấy khó chịu lại bêu mỗi kiêu ngạo và trả lời: "Cuối tuần thiếu gì chuyện đi giải trí và hưởng thụ lại rủ đi chùa". Vì bạn là giới trẻ, cho việc đi chùa là việc của ONG GIÀ BÀ CÁ, của những người giàu lòng tin ngưỡng hay bị lụy của cuộc đời để đi cầu khấn; chứ thanh niên là những người Khoa Học Văn Minh, thực tế mà ai lại đi làm việc như vậy.

Đức hy sinh cao cả, gương sáng ngời của Phật kể đó bạn lần bước vào cửa Chánh điện nhìn lên KIM THÂN PHẬT TỬ nét mặt của Ngài lúc nào cũng vui tươi, hiền hòa ẩn chứa đầy lòng Từ Bi; như lúc nào Ngài cũng sẵn sàng cứu vớt chúng sanh đang trầm luân trong bể khổ. Bạn đến chùa để nhớ lại công hạnh VI Tha vô hạn, đức HY Xả vô biên của Phật để bắt chước theo Ngài chứ đâu phải đến chùa để lễ bái, cúng lay hay khấn nguyện không.

Bạn đã thấy các nhà ái quốc đến Đền Thờ hay Lăng Tâm đâu phải đến lay lưc vái vâng hay xin xăm xin quẻ; các vị ấy đến để ôn lại những tâm gương oanh liệt đã hy sinh vì quốc vong thân của các bậc TIỀN BỒI còn lưu lại nét vàng son trong tâm bia, Đài, Mả, để tạo cho

Riêng tặng các em Gia Đình Phật Tử
VIỆT NAM lưu lạc NĂM CHÂU

Thế hệ trẻ đối với việc đi Chùa

THÍCH NGUYỄN TRÍ



Tư tưởng của bạn có thể đúng với những người chưa biết ý nghĩa đi chùa. Tôi e rằng không đúng với ý nghĩa những người đã biết đi chùa. Bạn có biết không thưa bạn? Trong nhà Phật mỗi một hành động, mỗi một công việc làm đều hàm chứa một ý nghĩa riêng biệt. Tôi rất thò hại có một số người mang danh là một Tân Đồ Phật Giáo mà chẳng chịu tìm hiểu, học hỏi, nghe Pháp và thực hành cho đúng Pháp, nên việc làm của họ đều sai lạc, gây sự hiểu lầm cho một số người chung quanh. Vì vậy tôi cần nói ý nghĩa cho bạn biết việc đi chùa.

Chùa là nơi thờ XÁ LỢI PHẬT, thờ CỐT TƯỞNG PHẬT; Phật là một ĐANG từ bi GIÁC NGỘ, Viên mãn đã tự độ và độ tha cho tất cả chúng sanh hy sinh vì chúng sanh và phục vụ cho chúng sanh. Người Phật tử đến chùa để tưởng nhớ công đức cao cả của Ngài, và tỏ lòng kính phục cùng học theo tâm gương từ bi chiếu sáng của Ngài; để ta học theo hạnh của Ngài. Ông cha ta đã dạy "Kính Thầy sẽ được làm Thầy". Bạn thử xét có một học sinh nào không bao giờ ở kính phục Thầy, không tuân theo lời chỉ giáo của Thầy mà được công thành danh toại không bạn? Dầu bất cứ quốc gia nào xã hội nào cũng vậy.

Nếu bạn có một tâm niệm kính Thầy rồi, 1 khi bạn bước chân vào cổng chùa bạn sẽ thấy lại

mình một ý chí bất khuất đầy can đảm phục vụ cho giống nòi.

Đức Phật suốt 49 năm thuyết pháp, Ngài nói trong 3 tạng kinh điển, hàm chứa biết bao nhiêu triết lý cao siêu, bạn đến chùa để học hỏi qua lời chỉ dạy của các vị sư; và hơn nữa, bạn là một thanh niên Việt Nam, bạn không thể nào chối cãi được sự ảnh hưởng ít nhiều truyền đạo Phật, một Đạo cổ truyền của dân tộc, được nhìn nhận là ĐẠO ĐÔNG BÀ, và kể nữa là một Đạo có giáo lý cao siêu nhất ở Á Đông, mà bạn là thanh niên Á ĐÔNG không lý nào bạn không biết. Nếu bạn nói bạn không biết thì rất là hồ thẹn với những người A, AU, PHI, MỸ, họ đang nghiên cứu về Á Đông của bạn và nhất là bạn đang sống ở nước người, đang nằm trong trường hợp của họ bạn không thấy tủi hổ hay sao? là người trí thức như bạn!

Hoặc bạn viện lý lẽ: tôi ở nhà đọc sách cũng đủ hiểu rồi, cần gì phải đến chùa. Thưa bạn điều này cũng chưa hẳn là đúng; Bạn cũng đã thấy qua đây hai bàn tay trắng, bây giờ muốn tạo nên sự nghiệp vừa là kiến thức học vấn, vừa tạo điều kiện vật chất như nhà cửa, xe cộ... thử hỏi thì giờ đâu bạn nghiên cứu kinh sách, nếu có thì giờ chẳng nữa cũng rất hạn hẹp. Chắc bạn cũng thừa hiểu Giáo Lý Đạo Phật rộng bao la như biển cả, cao thăm thăm như núi

trời xanh, muốn tham hiểu phải đèn sách năm năm mười năm cũng chưa thấy thấm vào đâu, mà bạn nằm ở nhà đọc vài ba cuốn sách Đạo Phật làm sao thấu triệt được? Bạn nên nhớ rằng thân mình không hiểu gì về Phật Giáo tốt hơn mình hiểu không đúng CHÂN LÝ của ĐỨC PHẬT; hiểu một cách sai lạc sẽ làm giảm giá trị Phật Giáo, gây ảnh hưởng cho những người chạ quanh, quan niệm Phật Giáo một cách sai lầm. Đó là mối nguy hại lớn cho Phật Giáo. Bởi vậy bạn cần phải hiểu một cách thấu triệt thân rằng bạn biết ít. Nếu muốn hiểu một cách rõ ràng tôi xin mời bạn đến chùa gặp những vị MINH SĨ học rộng giáo điển giảng dạy cho bạn có phần bảo đảm hơn.

Trong suốt thời gian quần quật cả tuần lễ bạn đã nghe trong đầu óc của bạn nóng rang, tâm trí mệt nhọc, bạn muốn tìm một nơi giải trí êm dịu: Hoặc bạn vào trong rạp CINEMA phải sắp hàng chờ mua cho được cái vé cũng đã mỏi mệt, rồi vào bên trong đống nghẹt cả người, không khí nặng nề, trên màn bạc phim ảnh toàn là bi lụy sầu thương, khóc kể, giết chóc khổ đau... làm cho bạn phải suy nghĩ, rồi cuộc thân kinh bạn càng căng thẳng thêm. Hoặc giả bạn vào nhà hàng tiêu khiển bằng những chén rượu chung trà, khi ngồi xuống nghe chuyện cái vớ, hơn thua, ghen tương, khôn dại... của những người lân cận tâm trí càng thêm nhức đầu, hay bạn có đi, đi nhiều nơi nữa cũng lần quanh trong thế sự. Chỉ bằng bạn đi thẳng vô chùa, vào đến cổng Tam Quan bạn sẽ thấy sự yên tĩnh của Thiên Môn làm cho tâm hồn bạn bắt đầu êm ái lại. Ở đây bạn sẽ thấy cả một bầu trời thanh tịnh, công chùa rộng mở để đón khách thập phương, ngôi chùa đứng sừng sừng trong không gian tịch tịnh; công nghe chẳng những tiếng gió thổi thảo trên ngọn cây tưởng như lời thuyết pháp của ĐỨC BỔN SƯ cách mấy ngàn năm còn vọng lại. Tiếng chuông buồn nhẹ hòa lẫn tiếng reo vui của những chiếc lá, rồi dần dần tan biến trong không gian vô tận. Câu kinh tiếng kệ của các nhà sư thay lời chào hỏi, vừa hiền hòa, vừa thanh thoát làm sao! Ở nơi đây bạn không bao giờ tìm ra được một dấu vết tranh đấu, đua chen xô bồ của trần tục. Nếu bạn có điếm phúc hơn được một nhà sư mới vào phòng khách uống 1 chung trà, đem vào đó vài câu chuyện Đạo, ít lời khuyên bảo, bạn thấy nó ý vị biết bao. Sau một đôi tiếng đồng hồ nơi Thiên Môn bao nhiêu sự cuồng nhiệt trong tâm hồn đều tan biến trong không gian tịch mặc; giống như ngọn lửa hồng đang bốc cháy rồi tắt liếm sau một cơn mưa mát dịu.

Thưa bạn cuộc sống con người có nhiều điều bạn làm phải không? Tôi tham con người không bao giờ có đầy đủ phải không? Họ muốn làm tất cả những gì họ có thể làm được. Đó bạn xem, bạn đã mục kích hình ảnh

trên báo chí, Tivi tin tức khắp nơi trên đất nước này. Đây vài ba tháng tại CALIFORNIA cũng vì tham vọng của một số người mà làm mất đi phẩm giá của một dân tộc, đau lòng cho những người mẹ đã sinh nhầm những người con có tài vô đức, làm ô nhục quốc thể. Cha mẹ sinh ra biết bao nhiêu khổ nhọc, suốt đời hy sinh vì con và phục vụ cho con, cha mẹ muốn con thành người có danh đức, trước phục vụ gia đình, kể đến quốc gia dân tộc. Chúng ta mất nước 9 năm nằm trong tay Cộng Sản, còn có ngày lấy lại. Khi làm mất đi Danh Dự của quốc gia không bao giờ lấy lại! Sử ghi đời đời!! Tôi mong rằng các bạn trẻ đừng bao giờ đi trên vết xe đã bị sụp đổ đó, nếu sau này các bạn thành tài. Bạn cũng đã thấy Việt Nam ta trên bốn ngàn năm Văn Hiến, Phật Giáo đã có mặt trên hàng ngàn năm, Phật Giáo đã đóng góp thiết thực cho nền Văn Hóa và Đạo Đức của Dân Tộc. Thế mà có một thiểu số nằm trong nền văn hóa đạo đức đó lại vong bản không thấm nhuần được 1 chút Đạo Đức, khi có tài và xử dụng cái Tài của mình để phục vụ cho nhân sinh. Bạn cũng đã thấy trong sử liệu Việt Nam, các triều đại ĐINH, LÊ, LÝ, TRẦN... là thời hưng thịnh của Phật Giáo và cũng là thời vàng son nhất của Dân Tộc. Bởi vì thời ấy con người đi sâu vào Phật Giáo và thực hành Phật Giáo. Bạn tìm hiểu của Dân Tộc ta là Anh Hùng và Đạo Đức, bởi vậy chúng ta mang giống máu Anh Hùng để bao giờ làm nhớ máu Anh Hùng. Đạo Đức và Hùng lực là một trong các hạnh căn bản của Đạo Phật. Muốn rèn luyện hai đức tính ấy cho được tinh nhuệ vẹn toàn phải rèn luyện trong cửa Thiên Môn. Cho nên đi chùa không phải chỉ vì sự cúng lạy, cầu khẩn... mà tự mình noi theo gương lành của Đức Phật, cải đổi tư tâm, học hỏi giáo lý để xóa đi ngọn lửa tham, sân, si dần dần tan biến.



Có vài người cho rằng, tôi ở nhà tôi vẫn thờ Phật, để học theo gương của Ngài, tôi xem kinh để cải đổi tư tâm... thì còn hơn đi chùa. Thưa bạn, dành rằng ở nhà có Phật, có kinh nhưng làm sao bằng khung cảnh nơi Thiên Môn. Kể đến được lời khuyên dạy chân thành của các Vị Sư chân tu thật học suốt đời hy sinh cho Đạo Pháp và Chúng Sinh, lấy niềm vui của người làm niềm vui của mình, cuộc sống Đạo Hạnh khế mang đến thế tục.

Chúng ta chưa phải là toàn tri, toàn giác bởi vậy ta nương Thầy nương bạn. Hoặc có người không đi chùa bởi những lý do: cửa từ bi quá rộng mở cho nên có một thiếu sót làm rụng làm kể sinh nhai hay làm những việc này nọ... tôi sợ sẽ mang lụy, hoặc bị xấu lây. Thưa bạn bất cứ một tôn giáo nào, một tổ chức nào, cũng có những người này người khác, đã là c h ứng sanh là đủ bệnh. Trong một đàn cưu cũng có 1 con cò ghê cò lác, lăn lộn trong đó, hơn nữa bạn là người trí thức, mỗi cử chỉ, mỗi hành động bất chánh bạn đã thấy ngay, tội gì bạn phải sợ sệt như vậy.

Tôi nói như thế cũng quá nhiều, để tóm lại ý nghĩa đi chùa: chúng ta thấy những gương của Đức Phật, để mở mang kiến thức, để trau dồi đạo đức, để rửa sạch bụi nhơ phiền não, để xóa đi tâm hôn trong những giờ phút du tứ mỗi một về tâm trí. Sự đi chùa như vậy có gì là mê tín dị đoan, phản khoa học, huyền hoặc không hợp với giới trẻ không các bạn? Theo tôi thiết nghĩ các bạn còn trẻ tâm hồn phần nhiều sôi nổi, bông bột, thiếu đức bình tĩnh, thiếu chí kiên nhẫn các bạn cần đi chùa nhiều hơn mới phải. Vì cảnh chùa sẽ làm cho bạn mất đi phần nào bầu nhiệt huyết bông bột của bạn, bạn tăng thêm chí kiên nhẫn. Giáo lý của Đạo Phật sẽ giúp cho bạn có thể nhiều tư tưởng cao siêu. Như vậy sự đi chùa của bạn có gì không bổ ích đâu?



(1) Tâm nan : 1 Địa ngục, 2 Ngạ quỷ, 3 súc sanh, 4 Uất đơn việt (châu này vì quả báo sung sướng quá nên khô tu hành), 5 Trưởng thọ thiên (các cõi trời ở Sắc giới, Vô sắc giới sống lâu an ổn, nên không nghĩ tới sự giải thoát), 6 Lung-manh-âm-â-đi-êc-mù-câm-ngong, 7 Thê trí biện thông (ưa đem trí thế gian cải lẽ), 8 Sanh trong đời trước hay sau khi Phật tại thế, nhất là khi không có Pháp pháp 1 ở u truyền.

(2) Bốn môn vô lượng tâm : Từ, bi, hỷ, xả.

(3) Bốn môn nhiếp pháp : Bố thí, lợi hành, ái ngữ, đồng sự.

(4) Ba mươi bảy môn trợ đạo phẩm : Bốn niệm xử, bốn môn chánh căn, bốn môn như ý túc, năm vô lậu căn, năm lục, bảy giác trí, tám c h ảnh đạo.

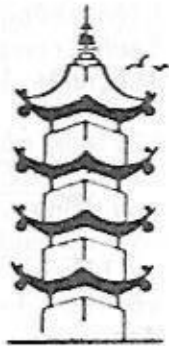
(5) Mười lục : 1 Xử phi xử lục (trí lục biết rõ chỗ đạo lý của sự vật). 2 Nghiệp trí lục (trí biết nghiệp báo như quả ba đời của hết thảy chúng sanh). 3 Định lục (trí biết được các thuyên định, các pháp giải thoát và các tam muội). 4 Căn lục (biết tất cả căn cơ chúng sanh). 5 Đức lục (biết tất cả sự ưa thích). 6 Tả nh lục (biết tâm cảnh của tất cả các loài trong thế gian). 7 Chí xử đạo lục (trí lục biết chỗ tốt, bức của tất cả các đạo). 8 Túc mạng lục: biết rõ ràng các kiếp trước mỗi mỗi c h ứng sanh trong vô lượng vô số kiếp). 9 Thiên nhãn lục (thấy toàn thể chúng sanh trong hiện tại và cảnh giới nghiệp báo vị lai của họ). 10 Lâu tận lục (trí lục viên mãn không còn các lục).

(6) Bốn môn vô úy : 1 Nhất thế trí vô sở úy (trí rõ biết hết thảy không còn chi phải do dự e sợ). 2 Lậu tận vô sở úy (trí giải thoát thanh tịnh tận tận). 3 Thuyết chướng đạo vô sở úy (nói các điều ngăn ngại chánh đạo không e sợ). 4 Thuyết tận khổ đạo vô sở úy (nói các đạo tu hành hết khổ không sợ).

(7) Mười tám môn bất cộng : (bất cộng: riêng về chỗ Phật, không chung cùng với các bậc thánh hiền đại thừa và tiểu thừa). 1 T h ân vô thất, 2 Khâu vô thất, 3 Niệm vô thất (vô thất: không thất soát), 4 Vô dị tướng (tâm bình đẳng không thấy có khác), 5 Vô bất định tâm (tâm Phật thượng định không buông lung, dầu làm muôn việc cũng không lúc nào không định), 6 Vô bất trí dĩ xả (không pháp nào Phật không soi rõ trước khi phòng xa), 7 Đức vô diệt (bản nguyện độ sanh không lúc nào hết), 8 Tinh tấn vô diệt, 9 Niệm vô diệt (nhớ không hề quên), 10 Huệ vô diệt, 11 Giải thoát vô diệt, 12 Giải thoát trí kiến vô diệt, 13 Nhất thế thân nghiệp từng trí huệ hành (hết thảy các thân nghiệp đều do trí huệ mà phát ra), 14 Nhứt thế khẩu nghiệp từng trí huệ hành, 15 Nhất thế ý nghiệp từng trí huệ hành, 16 Trí huệ trí quá khứ vô ngại, 17 Trí huệ trí vị lai thế vô ngại, 18 Trí huệ trí hiện thế vô ngại.

(Còn tiếp)

Cảm nghĩ về ngày Thọ Bát Quan Trai Giới



Năm nay mùa Hạ trên nước Đức nắng rất hiếm hoi, thường có mưa sáng hoặc chiều. Phải chăng đó cũng là một điềm tương ứng cho việc chùa Viên Giác đi vào mùa An Cư Kiết Hạ đầu tiên 9 nghĩa của mùa An Cư Kiết Hạ cũng đã được Thầy Trụ Trì giải thích trong số báo vừa qua ở đây tôi chỉ muốn ghi lại một số cảm nghĩ, hình ảnh sinh hoạt tại chùa trong mùa Hạ này đặc biệt là các ngày Thọ Bát Quan Trai giới

Theo như chương trình ấn định thì cứ mỗi tuần vào các ngày 2, 4, 6 đều có các buổi học như: Nghi thức tụng niệm, giáo lý và ngoại ngữ (Hán, Anh, Pháp) và đồng thời mỗi cuối tuần đều có ngày Thọ Bát Quan Trai giới. Tôi rất tiếc là không ghi tên theo học từ đầu các lớp, giảng dạy trên nên không thể đi vào chi tiết hầu kể lại một cách xác đáng những nghe đâu lớp học được giảng dạy rất có phương pháp và cuối khóa các tham dự viên đều phải qua một kỳ thi lấy bằng tốt nghiệp đã an hưởng. Dù hoàn cảnh gia đình bận bịu, tôi cũng cố gắng thu xếp để mỗi cuối tuần dự buổi Thọ Bát Quan Trai giới, đây là một cơ hội tốt lành cho những người Phật tử tại gia học hỏi và tìm hiểu thêm về việc tu hành của các bậc Tăng Ni. Theo như lời Thầy giảng thì Đức Phật chế ra luật này để cho hàng Cư Sĩ có tâm cầu Giải Thoát nhưng vì gia duyên bận bịu nên chưa thể xuất gia được, mà nếu hành trì đúng giới luật thanh tịnh một ngày, một đêm của người xuất gia thì công đức cũng đáng kể. Theo thiện ý của tôi khi muốn thọ trì bát quan trai giới này cũng cần hội đủ hai yếu tố căn bản là Tâm thành và Dụng ý lành. Tâm thành ở đây là thành thực mong cầu học hỏi sự giải thoát mà muốn giải thoát thì làm sao phải dứt khoát với những ràng buộc, sự ràng buộc của Tâm trần như Thân.

Duyên lành ở đây là duyên gần gũi chùa chiền, duyên gặp được minh sư, duyên được biết Phật pháp, duyên có cơ hội học hỏi mà ít bị ngăn ngại. Tôi ước mong sao đạo pháp nhiệm mầu tỏa

rộng cho tất cả mọi người đều có phước duyên như nhau để đồng tu học.

Ở đây tôi xin phép được trình bày 1 số hình ảnh và cảm nghĩ của tôi về 1 ngày 1 đêm tu học hạnh của người xuất gia.

Vào mỗi buổi sáng ngày thứ bảy khi mà mọi người còn đang cố kéo dài thêm giấc ngủ của 1 ngày không phải làm việc thì tại chùa Viên Giác quý Phật Tử đã cố mặt từ sớm để chuẩn bị cho buổi lễ Thọ Bát Quan Trai. Nơi chánh điện để sắp dọn thật trang nghiêm thanh tịnh, dài hào quang nơi tượng Phật Thích Ca được bật lên tỏa chiếu 5 sắc màu, hoa trái được trưng bày, nến và hương trên các bàn thờ được thắp lên, bàn thờ Đức Quan Thế Âm, bàn thờ Ngài Đại Thế Chí, bàn thờ Kiết Giới, bàn thờ Tổ, bàn thờ Chư vị hương linh - khói nhang và ánh nến quyện tỏa trong Chánh điện vào buổi sớm mai t a o nên vẻ ảo diệu thanh thoát. Một cái bàn nhỏ trải khăn vàng luôn có bình hoa tươi x i nh xán bày ở trên, được kê bên phía dưới tượng Đại Thế Chí Bồ Tát là dành cho Thầy Trụ Trì để giảng giải kinh điển, truyền giới hoặc để chỉ bảo những điều cần thiết trong thời gian thọ giới. Đúng 10 giờ, Đại Đức Trụ Trì đi ở đệ cung thỉnh vào chánh điện để làm lễ truyền giới cho các Phật tử đã ghi tên tham dự buổi thọ giới. Khởi đầu Thầy thỉnh 3 tiếng chuông rồi tất cả đồng niệm hồng danh Đức Bốn S ú Thích Ca Mâu Ni Phật, tiếp đó một đại đệ i ện giới tử quý đọc lời cung thỉnh Đại Đức xin ban lễ truyền trao giới thể và giới t ú ồng cho những Phật tử có mặt tại đó. Thầy g h i nhận và hướng dẫn Đại chúng đọc lời nguyện cùng thọ trì 8 giới thanh tịnh lưu bà tắc, lưu bà di là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, không nằm giường cao, không xúc dầu thơm hoặc đeo vòng vàng, không ca hát cũng không ừ nghe ca hát và không ăn phi thời (là ăn không đúng bữa).

Sau lễ truyền giới, Thầy phát cho mọi người 1 quyển sách hay một quyển kinh đọc để n g ày hôm sau trước khi xả giới sẽ kiểm điểm xem thành quả tu học như thế nào, tờ chướng trình thọ giới được phát cho từng người để c ú y theo giờ giấc đã ghi mà thực hành. Vào l ú c ngọ trai, Thầy giảng giải và hướng dẫn cách thức thọ thực, rằng không nên cầm bát như chg ta ăn thường ngày mà có cung cách riêng, một tay nâng bát ngang trán, một tay bắt ấn cam lộ rồi đọc lời chú nguyện, khi ăn phải biết sốt chia phần mình lại cho người khác, ăn không phải để thưởng thức mà là để chữa bệnh gây v.v... Nếu ai là người lần đầu Thọ Bát cũng đều có cảm tưởng như mình đã thoát ra khỏi cái chất phàm phu hàng ngày, tư cách ăn, uống đi, đứng, nằm ngồi, dường như tất cả đều mang ý nghĩa và màu vị thiên đình, người thọ giới

không được nói chuyện hoặc nghe điện thoại, nhờ thế lại càng tăng thêm vẻ đoan nghiêm. Hàng ngày hay cuối bữa bốn cột huyền thuyên thì một ngày công đức bớt được cái k h ả u nghiệp; việc ăn uống thì phải đúng thời đúng lúc và làm sao cho nhẹ nhàng nghiêm túc. Sau bữa Ngọ trai hoặc sau buổi công phu k h uyạ đều đi kinh hành nhiều Phật 3 vòng; mỗi bước đi không thể vội vã cũng không thể chậm chạp mà phải hòa nhịp đều đặn với lời niệm Phật, tiếng mõ và tiếng khánh của Thầy hướng dẫn. Vào lúc trước khi nghỉ khuya và sau khi thức giấc sớm đều có tọa thiền; giữa sự yên tĩnh của cuối ngày và sớm tinh mai kia nơi chánh điện chỉ còn một ngọn hào quang cùng k h ỏi nhang trầm quyện vào mờ ảo; ngồi thiền, khi ấy sẽ có cảm tưởng như đang ở một "Am cốc" trên đỉnh núi, tôi chợt nhớ tựa đề truyện "Am mây ngủ" của Thầy Nhất Hạnh - khói nhang k i a giống như mây bay ngang và ngủ lại, và những người trong "Am Viên Giác" này đang rất tỉnh thức trong khi mọi người dưới chân núi kia vẫn còn đang say giấc.



Thường thì trung bình có khoảng từ 2 đến 4 tiếng dành cho việc đọc sách, người thọ giới không phải làm bất cứ công việc gì nặng nhọc các thì giờ khác thường dành cho các n g h i thức tụng kinh, quỳ đường, tọa thiền và t ậ p trung nghe Thầy giảng Kinh Pháp Hoa hay Giáo Lý. Vào lúc 9.30 giờ của ngày hôm sau tức là chủ nhật, tất cả tập trung nơi Chánh điện để kiểm điểm thành quả trong 24 giờ Thọ B ả t. Quan Trai Giới. Thầy sẽ hỏi từng người, một số câu hỏi có liên quan đến quyên sách mình vừa đọc hoặc nói tóm tắt đại ý của quyển sách đã đọc hoặc kể một vài mẫu chuyện đạo trong sách đã đọc qua v.v... Nhớ có buổi kiểm điểm như vậy mà người thọ giới mới nỗ lực tập trung t ậ p trung và vận động trí nhớ trong việc đ ọ c sách tránh những suy nghĩ mông lung tr ậ p nh ậ p giờ phút rảnh rỗi. Mọi người cũng có thể học hỏi và hiểu nhau nhiều trong giờ phút, kiểm điểm này, cũng có rất nhiều thú vị chẳng hạn như có một cụ năm nay đã ngoài lục tuần m ả trí nhớ còn nhiều minh mẫn, cụ kể một vài mẫu chuyện nhớ về quả báo luân hồi trong f u ốn sách cụ vừa đọc, cụ say sưa kể như thể đã từng gặp chuyện ấy có thật trong đời mình - lại có Bác độ tuổi trung niên thuật lại một câu

chuyện đạo với âm thanh dứt khoát rõ ràng, đi vào từng chi tiết tuần tự như một vị chỉ huy đang giảng về chiến lược chiến thuật lại cũng mang vẻ của một người cha khá kính trọng giảng 1 bài giáo lý đạo đức thành hiền cho con mình nghe - Còn các anh chị trẻ khác thì chúng tôi sự tập trung, lãnh hội của mình qua ngôn từ phát biểu. Bao lời dĩ dõm, hay mọi cử chỉ hồn nhiên, chân thật đã tạo nên n, h ữ ng tiếng cười trong sáng. Đâu có phải cứ tu là khắc khổ nghiêm tịnh; niềm vui của người tu cũng còn là nhìn thấy được bản chất c h ớ n thật của con người, những cái đang yêu đang mến tiềm ẩn mà người đời vì bị lối cuốn bởi những vật chất đua chen bên ngoài, không để ý đến hoặc là bỏ quên - 30 phút kiểm đ i ểm thường, trôi qua nhanh và Thầy Trụ Trì, làm lễ xả giới. Mọi người lại trở về với "thế tục", dường như trong lòng ai cũng có một nỗi niềm tiếc sao một ngày qua nhanh, nhưng thêm vào đó tâm hồn cũng đầy hoan hỷ rằng đã có được một ngày ý nghĩa.

Quả thực công đức và lợi ích của một n g ầy thọ bát quan trai giới thật khó lường. Cụ Diệu Tĩnh thường bảo với tôi rằng từ ngày đi thọ giới về cụ không còn thích nghe cải lương nữa, mà thì giờ rảnh rỗi chỉ muốn ngồi n ớ i yên tĩnh trì kinh niệm Phật và cụ mong chờ tới cuối tuần để đến chùa thọ bát quan trai giới. Một anh Phật tử cũng nói với tôi rằng anh thấy một ngày thọ bát đối với anh như 1 ngày ở thế giới cực lạc vì không bận tâm vì vợ con, công việc v.v... nhưng anh rất, tiếc là chỉ thọ được 1 kỳ trong cả mùa kiệt hạ này mà thôi, tôi nghe mà chỉ biết mỉm c ử ời cảm thương cho anh. Còn riêng với tôi, sau mỗi lần thọ bát quan trai giới trở về nhà t ớ i nghe như mình đem về theo cả những tặng vật quý giá, tâm hồn tôi như vừa mới được tắm gội từ một giếng suối mát thanh tịnh, nhờ đó tôi có thể nhẫn nại lắng nghe những lời than thở về tuổi già bệnh hoạn của mẹ tôi, và có đủ lễ lễ mà tôi học hỏi được trong kinh sách để an ủi bà; đó cũng là một đức liệu mà tôi hằng cố gắng tặng mẹ tôi, tôi lại cũng có thể bình thân đón nhận những cơn bức tức dồn nén từ cái tuổi già cô đơn nơi xứ lạ của cha tôi, con cái có quây nhiễu cũng không là nỗi buồn phiền đối với tôi, tôi làm tất cả mọi v i ệc với lòng tràn đầy yêu thương. Tôi t ậ p trung h i phải chăng khi tâm hồn thanh tịnh thì lòng tu và trị huệ sẽ phát khởi - Một kiếp người thì ngắn ngủi mà rằng bước và khó luy t h ậ p tràn đầy bữa vậy! Đạo pháp vẫn hiện hữu ở trong đời như cơn mưa, như ánh mặt trời, ban bố đều khắp, hãy hấp thu như mình có thể, cũng đừng nghĩ ngại - Sự hồi sinh hoặc tăng trưởng tất nhiên sẽ đến.

Trong một ngày có chút năng hiềm hỏi nơi xứ người này, tôi ghi lại một vài hình ảnh cùng

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thủy

(Tiếp theo)

Sau nhờ sự thành tâm cố gắng lập chí tu học được chứng sơ quả. Từ đó Mãn Nguyên tinh tấn tu hành không dám lười biếng như lúc trước nữa...

Thấm thoát đã đến ngày an cư kiết hạ, Đức Thế Tôn cho các vị Tỷ Khưu ai muốn an cư ở đâu cũng được tùy ý. Mãn Nguyên đến bạch với Đức Phật rằng: "Kính lạy Đức Thế Tôn, khóa hạ năm nay đệ tử xin đến nước Phóng Bát an cư. Cầu xin từ bi hoan hỷ". Phật dạy: "Pháp Tử! người nước Phóng Bát bạc ác, tin theo tà đạo, kiên thức hẹp hòi, con là kẻ sơ học, đối với giáo pháp của ta chưa am hiểu được bao nhiêu, nếu con bị họ hủy nhục thì làm thế nào?". Đáp: "Lạy Đức Thế Tôn! Nếu họ có hủy nhục con, một cách tệ hại đi nữa, nhưng họ không làm hại con thì cũng được!". Đức Thế Tôn nói tiếp: "Nếu kẻ gian ác nó làm hại con thì sao?". Đáp: "Kính lạy Ngài! Nếu nó làm hại, mà không giết con thì con cũng còn mang ơn họ". Hỏi: "Rồi nó giết con không ích gì cho con, lúc đó con làm thế nào?". Đáp: "Kính lạy Ngài! Tất cả vạn vật trên thế gian này có thành phải có hoại, người ta ắt có sanh thì phải có diệt, nếu họ giết thì con cũng chết!". Hỏi: "Nó hủy nhục làm hại con mà nó không bắt giết con, thì con có giận nó không?". Mãn Nguyên đáp: "Kính lạy Đức Thế Tôn! Con không có giận, chính kẻ đó lấy một sự không có căn cứ, vô cớ hủy nhục con, phỉ báng con, hoặc đem dao gậy đánh đập con, sau giết con mà chưa chết hẳn, tới phút cuối cùng con cũng không có một niệm giận hay thù ghét họ". Phật khen rằng: "Đệ tử! Nếu con thực hành được như vậy thì rất hay, sẽ làm hiền đường cho ngôi Tam Bảo. Mãn Nguyên vâng lời lạy Đức Phật ra đi tìm đường đến nước Phóng Bát với y bát trên tay.

Tới nước Phóng Bát, nghỉ tại rừng một đêm, rạng sáng ngày hôm sau vào thành khát thực, đến 1 nhà đại phú Bà La Môn, anh chủ nhà chạy ra dưới mương! Mãn Nguyên bỏ đi nhà khác, anh này cứ đi theo sau lưng phỉ báng, mắng nhiếc và đánh đập luôn tay. Nhưng Mãn Nguyên vẫn bình tĩnh coi như không, nét mặt vẫn tươi như hoa mới nở, vui vẻ, và không nói năng gì. Anh chàng đánh chán tay, mỗi cánh, mắng rất cố, thấy Mãn Nguyên không thay đổi sắc mặt và tỏ vẻ oán giận gì nên anh ta tự then hổ trong lòng, vì mình vô cớ đánh người, tự trách mình là kẻ tàn nhẫn quá rồi đến trước Mãn Nguyên xin tạ lỗi...

Trong ba tháng an cư, Mãn Nguyên chăm chỉ tu hành, được hết mọi kiết sử, tội chướng tiêu tan hết nhiên giác ngộ, đắc quả vô lậu, giải thoát sinh tử ba cõi, thành ngôi A La Hán. Hết 3 tháng an cư kiết hạ Mãn Nguyên từ giả các người thân tín, về nhà dặn anh cả rằng: "Anh chớ có ra biển, ngoài biển có nhiều sự nguy hiểm đến tánh mạng, tiền của em để lại cho anh có thể anh dùng trong bảy đời cũng không hết. Dặn xong, Mãn Nguyên ra về, khi tới Tịnh xá chúc mừng Phật rồi vào phòng nghỉ. Tiệm Na không nghe lời Mãn Nguyên dặn, một hôm cùng với những người lái buôn ra biển lấy rất nhiều gỗ chiên đàn, ngư hầu đầy thuyền chèo về. Giữa biển cả th u yên trời lênh đênh, chẳng may gặp một con rồng làm giông tố dữ dội, nó muốn đánh đắm thuyền để cướp lại số gỗ quý. Tất cả mọi người la ó khóc than! Kêu trời vái đất âm i!!!

Tiệm Na nhớ rằng vì không nghe lời em nên nay bị nạn, bèn lớn tiếng gọi tên Mãn Nguyên liên hồi không ngắt. Khi đó Mãn Nguyên ở nước Xá Vệ tại Tịnh xá Kỳ Hoàn đang tọa thiền, bỗng nghe thấy anh mình kêu mắc nạn. Lấy thiên nhãn nhìn thấy Tiệm Na đang ở ngoài biển bị con rồng hàm hại bèn dùng La Hán thần túc hóa ra một con chim Kim Thủy Diệu, xòe cánh dài tám vando tuần bay đến khung bố rỗng! Rồng thấy chim đến sợ hãi, lặn sâu dưới đáy biển, nhờ sức thần túc của Mãn Nguyên mà sóng gió đều im lặng, mọi người thoát nạn trở về nước nhà.

Khi Tiệm Na về tới nhà, Mãn Nguyên thưa với anh rằng: "Anh muốn được phước báo trang nghiêm trên cõi nhân thiên, cho muôn ngàn thế hệ sau này, thì lấy gỗ chiên đàn làm một tòa lâu đài mời Phật về ngự và thuyết pháp cho quốc dân nghe thì công đức vô lượng đó anh ạ... Đáp: "Việc làm tôi xin lo chu đáo, nhưng còn thỉnh Phật thì phải làm thế nào? và sửa chữa những gì cúng dàng? Chú cho biết trước để tôi tiện việc sắp đặt". Mãn Nguyên đáp lời anh: "Việc đó anh không phải lo! để em chịu trách nhiệm". Sau khi Tiệm Na làm xong các tòa lâu đài bằng

gỗ chiên dần các công việc, sắp đặt chu đáo đầu vào đó. Mãn Nguyên lấy lò hương đốt t r ả m trên một lấu cao, thành khăn hương về rừng Kỳ Hoàn lễ Phật cùng thánh chúng khăn r ả n g: "Kính lay Đức Bốn Sứ Thích Ca Mâu Ni Phật! cùng chư vị hiền thánh tử bi chúng giám, sớm ngày mai quang lâm đến nước hên mát này, giáo hóa cho lũ ngu si mê muội, được ân triêm đức hóa..."

Khán nguyện xong, khói hương ấy bay tới đầu Đức Thế Tôn kết thành cái tán bằng khói hương. Sau đó Mãn Nguyên dùng thần thông phóng nước đến rửa chân Phật.

Ngài A Nan thấy diễm lạ, quý xuống bạch rằng: "Kính lay Đức Thế Tôn! ai phóng nước và khói đến đây, xin cho chúng con được rõ? Phật đáp lời ngài A Nan: "Hôm nay Mãn Nguyên Tỳ Khưu ở nước Phóng Bát, khuyên người anh thỉnh mời ta và tăng chúng, nên họ phóng nước và khói tới đây để làm tin về việc thỉnh. Vậy ông đi phát thẻ cho các vị Thần túc Tỳ Khưu sớm mai đến nhà Tiệm Na thụ trai."

Ngài A Nan theo lời Đức Phật dạy đi phát thẻ cho các vị có thần túc và dẫn sớm mai đ ến nước Phóng Bát. Ông Túc Sinh giữ chức trực nhật (làm cơm hàng ngày) nhớ đức quả A Na H à m, ngồi kiết già phu, thân phóng quang minh, chiếu sáng bốn phương, đem theo các thứ dùng bữa ăn, bày trên hư không tới nước Phóng Bát.

Tiệm Na trông thấy hỏi Mãn Nguyên: "Đây là Thầy em sao?". Mãn Nguyên đáp: "Không phải, đây là người sửa soạn cơm nước cho các Tỳ Khưu, tới trước để giúp chúng ta bữa cơm hôm nay". Tiệm Na đem hương hoa âm nhạc ra cúng dường, Ngài tử tử hạ xuống vào nhà.

Lần thứ hai có mười sáu vị Sa Di, trong đó có ông Quân Đ ể, dùng thần túc biến hóa ra rừng cây hái các thứ hoa quả, phóng quang minh, chiếu sáng cả trời đất, người cỡi ngựa hoặc cỡi lạc đà đi tới. Tiệm Na hỏi: "Đây là Thầy của em sao?". Đáp: "Anh ơi! Không phải đây là nhưg đệ tử Sa Di cùng thầy với em, mới có bảy tuổi đã đắc quả La Hán, lậu nghiệp đã hết, thần túc đầy đủ, lại đây trước để hái hoa cúng dường". Tiệm Na đem hương hoa và âm nhạc ra cúng dường các vị tử tử hạ xuống vào nhà.

Sau có các vị cao niên trưởng lão Đại A La Hán, hóa ra ngàn con rồng kết thân làm tòa, đầu ngọc ra bốn bên, găm thét vang trời, mồm rồng phun ra nước mưa thất bảo, ở trên đất nh ững tòa lớn, bằng bảy thứ báu ngọc, bay bổng trên không gian, phóng quang minh chiếu sáng khắp thiên hạ đến nước Phóng Bát. Tiệm Na cả kinh sợ hãi hỏi: "Đây là thầy của em há?". Đáp: "Không phải đây là nhóm năm ông Kiều Trần Như, lúc Phật mới thành đạo, thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển, và năm ông này được Ngài độ đầu tiên, có thần thông vô ngại". Tiệm Na nghe, nói trong lòng tăng thêm niềm cung kính, đem hương hoa âm nhạc ra cúng dường các vị hạ xuống nhà.

Kế tiếp, Ngài Ca Diếp hóa ra một ngàn nhà giảng, bằng thất bảo, phóng quang minh ở tr ợg mình ra, chiếu khắp bốn phương bay đến nước Phóng Bát. Tiệm Na lại hỏi, Mãn Nguyên đáp lời anh: "Không phải, đó là Ngài Ma Ha Ca Diếp, hay tu hạnh đầu đà thương kẻ ti tiện, chăm cấp giúp kẻ nghèo cùng". Tiệm Na vui vẻ đem âm nhạc ra cúng dường, Ngài tử tử hạ xuống vào nhà.

Và tiếp theo Ngài Ma Ha Ca Diếp gồm có ngài Trưởng lão Xá Lợi Phật, ngài Mục Kiền L i ên, ngài A Na Luật, ngài Nan Đà, Tu Bồ Đ ể, Ưu Ba Ly, Đại Kiếp Tân Ninh, La Hầu La v.v... Tiệm Na rất là hoan hỷ đem hương hoa và âm nhạc ra cúng dường. Mãn Nguyên giải thích thêm cho anh hiểu: "Thưa anh! đây là năm trăm đệ tử của Phật, có phép thần thông vô ngại biến hiện phi thường không tả xiết khiến cho Tiệm Na thêm phần kính trọng. Khi đó Đức Thế Tôn biết các vị đã đi đến nước Phóng Bát rồi. Ngài bèn phóng hào quang chiếu sáng trời đất thuần s ắ c vàng. Thấy diễm tượng này Mãn Nguyên biết Đức Thế Tôn sắp đến báo Tiệm Na rằng: "Thưa anh! Đức Thế Tôn sắp đến, nên Ngài phóng hào quang cho biết trước".

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đứng ngồi trên tòa, là chân xuống đất, tất cả trên trời dưới đất đều rung động sáu lần. Thấy vậy Mãn Nguyên nói: "Động đất này là do Đức Thế Tôn, Ngài là chân xuống đất làm chấn động như thế đó. Đức Thế Tôn vừa ra khỏi Tinh xá, Ngài dừng lại n h ậ p định, thì thân kim cương đứng ở tám mặt; bốn ông Thiên Vương đi trước vua Đế Thích với các Thiên Tử coi Dục và năm ngàn muôn chúng thị vệ bên tả, vua trời Đại Phạm và các ông Thiên Tử coi Sắc, với vô số người đứng bên hữu. Ngài A Nan đứng sau Phật cùng với đại chúng, phóng quang minh chiếu mọi nơi khắp trời đất, bay trên hư không đến nước Phóng Bát.

Đi được nửa đường, gặp năm trăm người nông phu đứng cây bừa trên nương ruộng, tự nhiên các

con trâu đứng lại không kéo cày nữa, một vẻ trầm tĩnh và kính cẩn biểu lộ, ngựa mắt nhìn lên trời, các người nông phu ngựa nhìn theo trâu, họ đồng quỳ xuống bái Phật rằng: "Kính lạy Đức Thế Tôn! để lòng thương lù chúng con, tam xuống chỗ này giáo hóa chúng con thoát ly đĩ ợc những nỗi đau dày thế xác lẫn tinh thần, đời đời được an vui sung sướng không còn đọa lạc. Đức Phật lấy lòng từ bi và biết những người này duyên lành đã tời, nên Ngài từ từ hạ xuống thuyết pháp cho họ nghe. Nhờ được lãnh hội giáo lý của Ngài, tâm trí từ nhiên mở mang, sáng tỏ hiểu thấu đời là vô thường không gì vững chắc liên ngăt đứt được hai mươi ức kiếp tội ác, thành ngôi Tu Đà Hoàn còn những con trâu sau khi chết được sinh lên trời, ai nấy đều vui mừng khôn xiết lễ sát dưới chân Phật tỏ lòng cung kính...

(còn tiếp)



(Fortsetzung von Seite 37)

hatte, kam sie zu mir herüber, setzte sich an meine Seite und sagte: "Oft wenn ich ein Stück von Chopin spiele, das durchaus nicht laut ist, kommt der Hund herüber, packt mich am Hosenbein und versucht, mich dazu zu zwingen, das Klavier zu verlassen. Manchmal muß ich ihn hinausbringen, bevor ich das Spielen fortsetzen kann. Aber immer wenn ich Bach oder Mozart spiele, liegt er still und zufrieden da."

Kirsten hat irgendwo gelesen, daß in Kanada Leute versucht haben, ihren Pflanzen während der Nacht Mozart vorzuspielen. Die Pflanzen wuchsen danach schneller als gewöhnlich, und die Blumen neigten sich in die Richtung, in der Mozart gespielt wurde. Andere spielten jeden Tag verschiedene Stücke von Mozart in Weizen- und Roggenfeldern und waren in der Lage zu messen, daß der Weizen und der Roggen auf diesen Feldern schneller wuchsen als der Weizen und der Roggen auf anderen Feldern.

Als Kirsten dies erzählte, dachte ich an Konferenzräume, wo die Menschen miteinander argumentieren und debattieren, wo ärgerliche und vorwurfsvolle Worte ausgetauscht werden. Wenn man in solchen Räumen Blumen und Pflanzen abstellte, bestünde die Möglichkeit, daß sie nicht weiterwüchsen, wenn dort die ärgerlichen Worte weiterhin Tag für Tag herumschwirrten.

Ich dachte an den Garten, der von einem Mönch gehegt wird, der in Achtsamkeit lebt. Seine Blumen sind frisch und grün, genährt von dem Frieden und der Freude, die von seiner Achtsamkeit herührten. Einer der Alten sagte: "Wenn ein großer Meister geboren worden ist, wird das Wasser in den Flüssen klarer, und die Pflanzen werden grüner." Zu Beginn jeder Zusammenkunft, auf der wir unsere Arbeit studieren oder besprechen wollen, sollten wir Musik hören oder uns hinsetzen und das Atmen üben, meinst Du das nicht auch, Quang?

(Fortsetzung folgt)

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Mì xào giòn

A. VẬT LIỆU: 1/2 kg mì
1 miếng tàu hũ
6 tai nấm Đông Cô
200 g chà lỵ
2 trái cà chua chín
1 trái dưa leo nhỏ
1 cây poireau
1 cây rau cần (nhỏ)
200 g đậu hòa lan
1 củ cà rốt
200 g sà lách son (Cresson)
1 bột ngọt

GIA VI : Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dấm, dầu ăn, nước tương...

B. CÁCH LÀM: Mi trụng sơ với nước sôi, vớt ra rửa để ráo nước. Bắc chảo cho nhiều dầu vào đun sôi, cho một ít poireau đập dập vào cho thơm, kể cho mì chiên vàng. Xong vớt ra để ráo dầu cắt vào bao nylon cột kín. Tàu hũ chiên vàng xắt từng miếng mỏng, nấm Đông Cô ngâm mềm bỏ gốc, xắt làm ba. Đậu hòa lan lột rửa sạch sẽ. Cà rốt gọt vỏ xắt làm ba theo chiều dài, đoạn xắt miếng xeo xéo. Dưa leo bỏ làm tư, cắt bỏ ruột, xắt miếng. Rau cần lột bỏ rễ, rửa sạch xắt cọng dài 2cm. Poireau rửa sạch, xắt miếng. Cà chua bỏ ngang làm đôi, xắt làm tư. Chảo nóng, cho poireau vào khử vàng với dầu, kể đến nấm đông cô, tàu hũ xào sơ gia vị đường muối, bột ngọt. Xong cho đậu hòa lan, dưa leo, cà rốt, cà chua, sau cùng là rau cần cắt khúc. Bột năng hòa tan với nước lạnh, dấm, tiêu và 1 chút nước tương (Maggi) xong cho vào xào chung với phần trên, nêm nếm cho vừa ăn. Lấy một cái đĩa bìa tre, chung quanh bày một ít sà lách son, mì chiên vàng bẻ nhỏ để vào lòng đĩa. Xong múc đồ xào sốt để lên mặt mì bên trên xấp bốn năm miếng chà lỵ xắt mỏng rất lên một chút ngọt, tiêu và chính giữa cắm một trái ớt sừng trâu chín đỏ tía bông cho đẹp mắt.

Mì căn rim mặn

A. VẬT LIỆU: 1/2 kg mì căn non
1 cây poireau
2 muỗng nước tương (Maggi)

GIA VI : Đường, muối, bột ngọt, tiêu, dầu ăn

B. CÁCH LÀM: Cho dầu vào chảo đun sôi, ngắt mì căn từng cục lớn hơn đầu ngón tay cái, để ở u nóng cho vào chiên vàng, xong vớt ra để ráo dầu. Poireau rửa sạch xắt nhuyễn khử vàng với dầu đun cho mì căn đã chiên vàng vào với nước tương và một chút nước lạnh gia vị cho vừa ăn và rim hơi lâu cho mì căn thấm mặn. Xong múc ra đĩa rắc lên một chút tiêu cho thơm. Món này ăn với cơm nóng và rau dưa rất ngon.

(Kỳ tới "BỮN THỊT NƯỚNG CHAY")

Giới thiệu

● Chùa Phổ Đà Ni Tú tại 226, Chemin de St Antoine à St. Joseph - 13015 Marseille Pháp. Tel. 91-515081, dưới sự lãnh đạo tinh thần của Sư Cô Thích Nữ Như Tuân dự định tổ chức một lễ vớt vong ngoài biển để siêu độ cho chủ hưởng linh mất tích trên biển cả trong lúc tìm tự do vào ngày 25 và 26.8.1984. Vậy quý vị Phật Tử nào muốn cầu nguyện cho những thân nhân quá vãng của mình được siêu thoát nhân mùa Vu Lan báo hiếu, xin gửi danh sách cầu nguyện về địa chỉ trên.

● Vào ngày 21.7.84 vừa qua đồng bào Việt Nam tị nạn tại Hannover đã thành lập HỘI NGƯỜI VIỆT TỊ NAN TẠI HANNOVER VÀ VÙNG PHỤ CẬN với thành phần Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 84-86 như sau:

Hội Trưởng	: Anh Nguyễn Lê Nghĩa
Phó Hội Trưởng Nội Vụ	: Anh Nguyễn Văn Sơn
Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ	: Anh Nguyễn Hữu Tình
Tổng Thủ Ký	: Anh Phú Quốc Doãn
Thủ Quỹ	: Chị Trần Thị Thụy Uyên
Ủy viên Thể Thao	: Anh Nguyễn Văn Phong
Ủy viên Văn Nghệ	: Anh Trần Hoàng Việt

Mọi thư từ, giao dịch xin liên lạc về địa chỉ:
Anh Hội Trưởng Nguyễn Lê Nghĩa:
Karl 4 A
3000 Hannover 73
Tel. 0511-588960

Tin tức

● Đại Lễ Phật Đản 2528 năm do Chi Bộ Phật Giáo và Hội Phật Tử Việt Nam tổ chức tại Tây Đức tổ chức trong 3 ngày 25, 26, và 27.5/84 vừa qua tại chùa Viên Giác Hannover đã thành công một cách tốt đẹp.

Có hơn 1.500 Phật Tử từ khắp nơi trên nước Đức, Đan Mạch, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Pháp v.v... về tham dự Đại Lễ trong 3 ngày trên.

Về phía Chi Bộ, có Hòa Thượng Thích Trung Quán, viện chủ chùa Hoa Nghiêm, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, viện chủ chùa Khánh Anh, Thượng Tọa Thích Minh Lễ, viện chủ chùa Tịnh Tâm, Đại Đức Thích Như Chơn, Đại Đức Thích Thiên Huệ, Đại Đức Lodreu Yeunten (chùa Khánh Anh), Sư Bác Thắng (chùa Hoa Nghiêm) đến từ Pháp và Đại Đức Thích Minh Thân (Düsseldorf) đã về chùa Viên Giác để chứng minh và thuyết pháp trong kỳ Đại Lễ này.

Đặc biệt của Đêm Văn Nghệ Phật Đản năm nay là vở tuồng cải lương "DƯƠNG GIUOM NGUYEN BA" do đoàn cải lương Năm Châu đến từ Paris trình diễn. Cảm động nhất là vai Thiên Sư Đông Sơn (nghệ sĩ Chí Tâm đóng) đã hy sinh mái tóc xanh của mình để cho câu chuyện Đạo được đầy đủ Đạo vị hơn. Ban Văn Nghệ Chi Hội Phật Tử Bà Linh năm nay cũng đã cố gắng tập dợt một điệu múa rất công phu do Vũ Sư Trích Quang Khánh (Recklinghausen) hướng dẫn, đã được đồng bào tham dự lễ nhiệt liệt hoan nghênh.

● Sau lễ Phật Đản, Đại Đức Thích Như Điển, Đại Đức Thích Như Chơn, Đại Đức Thích Thiên Huệ, Đại Đức Lodreu Yeunten và Đại Đức Thích Minh Thân đã làm lễ nhập hạ an cư vào trưa ngày 28.5.84 một cách trang nghiêm và đúng theo quy cũ Thiên Môn như tại Việt Nam thuở trước.

Vì công việc Phật Sư (ngoại trừ Đại Đức Thích Như Điển) nên quý Đại Đức khác đã không thể ở lại chùa Viên Giác trọn vẹn trong 3 tháng hạ để tông hạ và hướng dẫn Phật Tử, nhưng quý Đại Đức cũng đã đảm nhận giảng dạy 1 số giờ giáo lý cho quý Phật Tử thọ Bát Quan Trai trong thời gian qua.

● Các Phật Tử tại Hannover, Hildesheim, Köln Gießen, Paris v.v... đã về chùa 11 kỳ cuối tuần trong mùa an cư kiết hạ để thọ Bát Quan Trai Giới. Mỗi kỳ có khoảng 10 vị trở lại thọ giới, không khí thật trang nghiêm thanh tịnh khiến cho các giới tử tăng trưởng Đạo Tâm và

trưởng dưỡng được giới đức. (Xin xem bài "CẢM NGHĨ VỀ NGÀY THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI" để rõ thêm về thời giờ tu học - có đăng trong số này).

● Đầu tháng 6 năm 84, Sư Cô Thích Nữ Diệu Tâm đã đến Tây Đức trong khuôn khổ đoàn tu gia đình. Sư Cô trước đây là Phó Giám Đốc Cô Nhi Viện Diêu Định tại Đà Nẵng. Hiện Sư Cô đang tạm trú tại Hamburg. Hy vọng trong tương lai gần tại địa phương Hamburg sẽ thành lập một Niệm Phật Đường dưới sự lãnh đạo của Sư Cô và sự hỗ trợ của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức, cũng như đồng bào Phật tử ở vùng này.

Trong kỳ an cư kiết hạ này Sư Cô cũng đã lưu lại chùa Viên Giác một thời gian để tông hạ và gặp gỡ đồng bào Phật tử trong các kỳ Thọ Bát Quan Trai vừa qua.

● Vào ngày 16.6.84 Chi Hội Phật Tử Việt Nam tại Hamburg dưới sự hướng dẫn của Đạo Hữu Trần Văn Quý và Đạo Hữu Nguyễn Hòa đã sang Paris dự lễ Phật Đản do chùa Khánh Anh tổ chức. Phái Đoàn hành hương này có khoảng 40 Phật tử tham gia, đã ở lại chùa Khánh Anh một tuần lễ và đã đi hành hương thập tự các chùa quanh vùng Paris qua sự hướng dẫn của Đ. Đức Thích Minh Phú trụ trì Niệm Phật Đường Khánh Hòa.

● Chi Hội Phật Tử Bà Linh đã hoạt động lâu năm nhất và hăng say nhất trong các Chi Hội Phật Tử hiện có tại nước Đức. Chi Hội đã thành lập được Gia Đình Phật Tử Viên Giác gồm bốn ngành và khoảng 50 đoàn sinh đã sinh hoạt trong mấy năm qua.

Đặc biệt, Chi Hội Phật Tử Bà Linh có thành lập được 4 đội banh để đá giao hữu với các đội bạn và đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp. Chi Hội Phật Tử Bà Linh được xem như là một Chi Hội gương mẫu nhất của Hội Phật Tử Việt Nam tại nước Đức so với các Chi Hội khác trong các bộ môn văn nghệ, thể thao và giáo lý (xin xem các hình ảnh trong số này).

● Hằng tuần trong mùa an cư kiết hạ tại chùa Viên Giác có tổ chức học tập nghi lễ và giáo lý vào các ngày thứ 2, thứ 4 và thứ 6 vào lúc 20 giờ. Có 2 khóa thực tập chuông mõ đã tốt nghiệp, có thí cử và mọi người đã hăng say tham gia đông đảo hơn là khóa giáo lý.

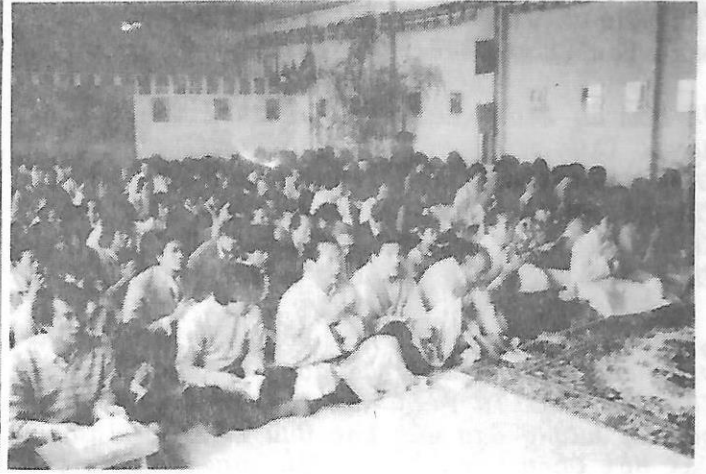
Lễ phát phần thưởng cho những vị Thọ Bát Quan Trai và cho những vị đậu các kỳ thi này sẽ được tổ chức vào ngày Lễ Vu Lan sắp đến.

● Vào ngày 13, 14 và 15.7.84 Hội Phật Tử Tị Nan Việt Nam tại Tây Đức đã tổ chức một kỳ trai Đại Hội Đồng để thay đổi danh xưng Hội

HÌNH ẢNH SINH HOẠT VỀ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2527 NĂM ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI
CHÙA VIÊN GIÁC HANNOVER TỪ 25-27/05/1984



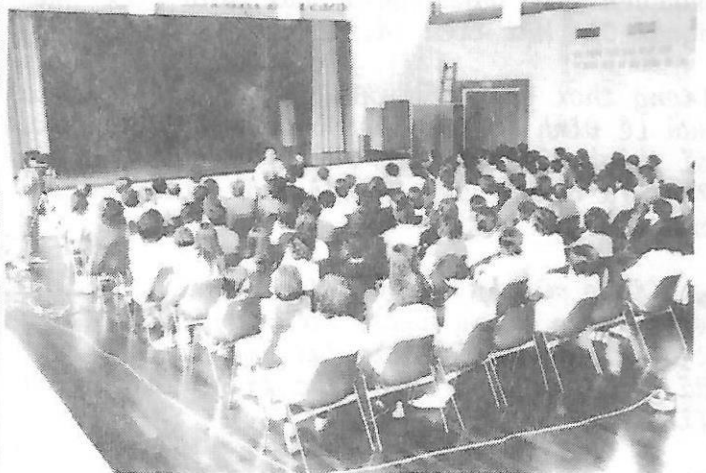
CHỦ TÔN HÒA THƯỢNG, CHỦ ĐẠI ĐỨC TẶNG
CHỨNG MINH ĐẠI LỄ



CHỦ PHẬT TỬ THAM DỰ ĐẠI LỄ



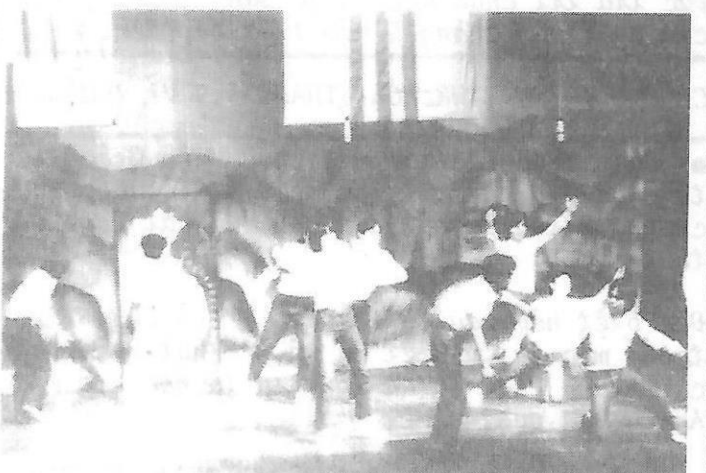
LỄ CÚNG DƯỜNG TRAI TẶNG



ĐỒNG BÀO PHẬT TỬ NGHE GIẢNG
TẠI JUGENDZENTRUM



DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN



CHỦ PHẬT TỬ BẢ LĨNH

Phật Tử, Bầu Ban Chấp Hành mới nhiệm kỳ 83-85 cũng như thảo luận về những kế hoạch hoạt động trong thời gian tới.

Các đại diện của các địa phương Berlin, Kiel Bremen, Hamburg, Hannover, Hildesheim, Laatzen, đã về tham dự đồng dự xem tin riêng của Hội Phật Tử về việc thay đổi danh xưng và thành phần Ban Chấp Hành năm 84-86 trong số này).

Vì hôm ấy trời xấu; thay vì chơi lửa trại ngoài trời, mọi người đã ngồi xếp thành vòng tròn trong Thư Viện của chùa Viên Giác để tập hát, chơi trò chơi và nói vòng tay lớn. Không khí thật vui vẻ trẻ trung trong tình thân hòa hiếu, tin vui của người Phật Tử.

Cũng trong kỳ Đại Hội Đồng này, mọi thành viên của Hội Phật Tử đã đồng ý thành lập 1 Chi Hội Phật Tử Việt Nam tị nạn tại München qua sự hướng đạo của Đạo Hữu Lê Đình Tân và Đại Hội Đồng cũng đã đi đến quyết định là Hội Phật Tử Việt Nam tị nạn tại Tây Đức sẽ không chịu trách nhiệm về sự hoạt động của bất cứ một Chi Hội hay hội Phật Giáo nào tại München mang danh nghĩa Phật Giáo Việt Nam ngoài Chi Hội trên đây.

Trong thời gian đến, theo lời đề nghị của Đạo Hữu Lê Đình Tân và đồng bào Phật Tử tại đây sẽ thành lập một Niệm Phật Đường để đồng bào Phật Tử quanh vùng có nơi chôn lễ bái nguyện cầu.

Trong mùa An Cư Kiết Hạ cô Thượng Toạ U. Wijayasama Thero người Tích Lan, trước đây là trụ trì chùa Phật Giáo tại Frohnau Berlin, đã ghé thăm chùa Viên Giác trên đường về lại Tích Lan.

Thượng Toạ đã ở lại đây một tuần, có hành lễ kính hành nhiều Phật, tọa thiền và tụng kinh tiếng Pali. Thượng Toạ cũng đã có lời mời Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác sang thăm tu viện của Ngài vào tháng 5 năm 1985 sắp đến.

CHƯƠNG TRÌNH SINH HOẠT THÁNG 8, 9 VÀ 10 NĂM 84

● Đại lễ Vu Lan năm nay chùa Viên Giác sẽ tổ chức vào ngày 17, 18 và 19.8.84 theo như chương trình đã gửi đến quý vị Phật Tử trong tháng qua.

Đặc biệt năm nay có lễ dâng y cho Chú Tăng trong mùa An Cư Kiết Hạ và lễ Phát Phấn Thủy cho những Phật Tử đã tòng sự tu học trong mùa An Cư vừa qua.

● Ngày 26.8.84 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử tại Berlin.

● Ngày 8-9/9/84 sẽ có một buổi lễ Phật cho

đồng bào Phật Tử tại Frankfurt và quanh vùng

● Ngày 15/9/84 sẽ có buổi lễ Phật định kỳ cho đồng bào Phật Tử tại trại tị nạn cư Nazareth Norddheich vào lúc 15 giờ chiều ngày ấy trên. Kính mong quý vị tham gia đồng dự.

● Ngày 22/9/84 sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử tại Saarbrücken do Caritas địa phương đứng ra tổ chức.

● Ngày 13/10/84 vào lúc 15 giờ chiều sẽ có buổi lễ Phật cho đồng bào Phật Tử vùng Stuttgart do Trung Tâm Độc Lập tổ chức.

● Ngày 19-21/10/84 sẽ có lễ Phật cho đồng bào Phật Tử Tiểu Bang Baden Württemberg do Kinder und Jugenddorf Klänge tổ chức. Chùa Viên Giác sẽ có thư gửi đến quý vị quanh vùng trong tháng 9 để nói rõ thêm chi tiết và địa điểm lễ Phật.

● Khoảng tháng 5 năm 1985 chùa Viên Giác sẽ tổ chức một phái đoàn hành hương sang Úc Châu để tham dự lễ khánh thành chùa Pháp Bảo dưới sự lãnh đạo tinh thần của Thượng Toạ Thích Bảo Lạc. Quý Phật Tử nào muốn tham gia chương trình hành hương trên xin liên lạc về chùa để biết thêm chi tiết.

● Trong thời gian đến chùa Viên Giác sẽ in và ấn tặng quyển "KIM CANG BÁT NHÃ BA LAMẬT KINH LƯỢC GIẢI" của Thiệu Châu. Quý vị nào phát tâm ấn tặng kính trên, xin liên lạc về chùa. Trong vô lượng công đức cúng dường Chư Phật để xây dựng giáo lý của Đức Như Lai được phổ cập đến mọi người; công đức in kinh là hạng nhất. Vậy kính mong quý vị Phật Tử xa gần phát tâm hùn phước, ấn tặng kính trên. Công đức thật vô lượng vô biên.

Thông báo

Vào ngày 19.6.84 Bộ Ngoại Giao Cộng Hòa Liên Bang Tây Đức vừa gửi đến báo Viên Giác và các tổ chức khác trên nước Đức một tờ thông báo về việc xuất cảnh của thân nhân từ Việt Nam nội dung như sau :

"Trong khuôn khổ đoàn tụ gia đình của người tị nạn Đông Dương đến nước Đức, cha mẹ đi ở với con cái vì thành niên hoặc ngược lại. Ở đây chính phủ cũng để ý đến những huynh đệ vì thành niên nữa.

Những anh em được đoàn tụ dưới hoặc trợ trưởng thành đã được chính phủ cho nhập cảnh vào nước Đức phải có một giấy chứng nhận rằng vẫn còn độc thân. Giấy này không thể tự khai mà phải do chính quyền Việt Nam chứng



ĐỘI BÓNG TRÒN THANH NIÊN PHẬT TỬ
CHI HỘI BA' LINH



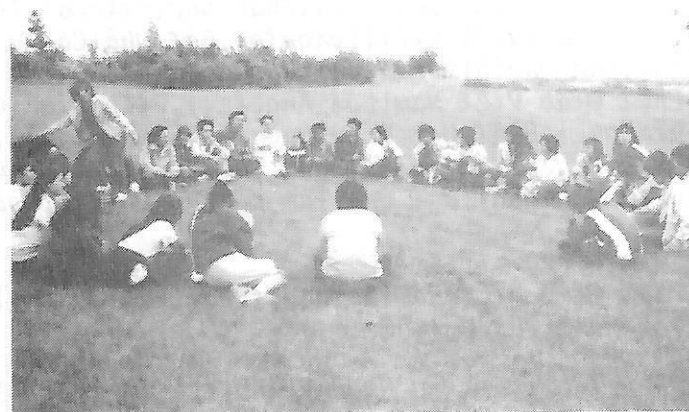
ĐỘI BÓNG TRÒN THIẾU NHI PHẬT TỬ
CHI HỘI BA' LINH



ĐỘI BÓNG TRÒN THANH NIÊN PHẬT TỬ
VÀ ĐỘI THANH NIÊN LASSEN



ĐỘI BÓNG TRÒN THIẾU NHI PHẬT TỬ
VÀ ĐỘI THIÊN CHÚA GIÁO



SINH HOẠT NGOÀI TRỜI CỦA CHI HỘI
PHẬT TỬ BA' LINH



SINH HOẠT NGOÀI TRỜI CỦA CHI HỘI
PHẬT TỬ BA' LINH

nhận. Sau đó người đứng đơn xin tại nước Đức phải nộp cho Bộ Ngoại Giao giấy này. Giấy này phải được dịch sang tiếng Đức bởi những thông dịch viên hữu thế. Sau khi đã chứng tỏ là còn độc thân thì việc xin giấy nhập cảnh vào nước Đức mới hợp lệ.

Nếu những người anh em này đến Đức với tư cách đoàn tụ với vợ hay chồng (từ Việt Nam) thì không đứng với mục đích đầu nhận của chính phủ vào nước Đức nữa. Do đó những người thân còn tại Việt Nam sẽ không được nhận vào nước Đức với tư cách là "tị nạn nhân đạo".

Đó là nội dung tóm lược của bảng thông báo trên. Xin kính gửi đến quý độc giả xa gần để hiểu và cố gắng thực hiện cho.

● Hội chuyên viên và Kỹ Sư Nông Nghiệp Việt Nam vừa được thành lập tại Westminster California vào ngày 22.5.84 vừa qua. Hội Trưởng là anh Bùi Bình Lân. Hội muốn liên lạc với anh chị trong các ngành Nông, Lâm, Ngư Nghiệp và Thú Y chăn nuôi tại Hải Ngoại. Xin liên lạc về địa chỉ:
Hội Ai Hữu Chuyên Viên Nông Nghiệp Việt Nam Hải Ngoại. P.O.Box "C", Westminster, CA 92684 U.S.A.

● Giải thưởng văn hóa nghệ thuật khu vực khách của tổ chức "Dr. Hermann Schmitt Vockenhäuser Stiftung" dự định tổ chức một kỳ thi cho những người tị nạn Đông Dương tại nước Đức tuổi từ 18 trở đi và ở nước Đức từ 1975 đến nay. Có 7 giải thưởng cho 7 ngành được trưng giải, trị giá khoảng 3.500 DM.

Đề tài dự thi được nhằm vào các mục: văn chớ, thơ trữ tình hoặc một đoạn văn xuôi - sự nhớ nhung về quê hương hoặc nỗi buồn hay cơn ác mộng.

Nội dung chỉ được tóm gọn trong 500 chữ, bằng tiếng Đức hoặc bằng tiếng mẹ đẻ được dịch sang tiếng Đức.

Thời hạn chót để gửi đến địa chỉ dự thi dưới đây là 15.9.1984:

Frau RUTH SCHMITT-VOCKENHAUSEN
Oranienstr. 20 - 6232 Bad Soden

Những người trúng giải sẽ được nhận phần thưởng vào ngày 24.11.84 tại Kurhaus, Bad Soden.

Quảng cáo

- Cuốn Tự Điển mà tất cả chúng ta trông chờ từ lâu đó là "TỰ ĐIỂN ĐỨC VIỆT" của Nguyễn Việt Hùng và Nguyễn Văn Lập.
Quyển Tự Điển dày khoảng 1.500 trang trên

100.000 chữ gốc, bìa cũng mạ vàng rất đẹp.
Giá 1 cuốn ở Đức là 110 DM (kể cả cước phí)
" " " ở Áo là 117 DM (-nt-)
" " " ở Thụy Sĩ là 118 DM (-nt-)
Quý vị muốn có quyển Tự Điển trên, xin liên lạc về:

Nguyễn Việt Hùng và Nguyễn Văn Lập
Steinstr. 100 - D.4150 Krefeld

● Xin cảm ơn hai Tác Giả đã biếu cho Thư Viện chùa Viên Giác 1 quyển Tự Điển trên và xin giới thiệu đến các độc giả.

● Nhà Xuất Bản Quê Hương tại 15 Rochdale Ave. Toronto, Canada M6E 1W9 có gửi biếu cho Thư Viện của chùa Viên Giác 4 quyển sách:

- CẦU ĐÓ DÂN GIAN của Bằng Bá Lân
- I TỔ VUI của Bảo Thạch
- VIỆT SỬ BẰNG TRANH của Bảo Thạch
- TRAU ĐỐI VIỆT NGŨ của Đào Trọng Đứ

Mỗi quyển trên đây giá 5 Mỹ kim. Thư Viện chùa Viên Giác xin thành thật cảm ơn Nhà Xuất Bản và các Tác Giả. Xin giới thiệu đến các độc giả xa gần như sách trên và quý vị muốn có thêm những sách khác xin liên lạc về địa chỉ trên.

● Trong thời gian qua chùa Viên Giác và Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Đức đã nhận được các sách báo sau đây. Xin thành thật cảm ơn các Hội Đoàn, các Tác giả và các Nhà Xuất Bản: Việt Hamb (Hamburg), Nhân Quyền (Hannover), Hoài Hương (Berlin), Bức Đường Đâu (Berlin), Việt Nam (Bremen), Độc Lập (Filderstadt), Tử Bi Âm (Rotershausen), Dân Chúa Âu Châu (Karlsruhe), Nội San Tiếng gọi dân (Bochum), Vi Di (Dortmund), Mừng Non (Oberhausen), Việt Nam Tự Do, Nhịp Cầu (Bonn), Thông Tin (Aachen), Tây Đức. Khánh Anh (Paris), Hoàng Pháp (Paris), Quê Mẹ (Paris), Ái Hữu Pháp. Vượt Sông (Bé), Lĩnh Sơn (Anh), Việt Nam Nguyệt San (Hòa Lan) v.v...

Liên Hoa (Montréal), Lá Thư Bô Lão (Montréal), Quan Âm (Montréal), Tiếng Chuông Chùa (Montréal), Vượt Biên (Montréal), Chân Như (Ottawa), Tử Âm (Ottawa), Lửa Việt (Toronto), Bát Nhã (Calgary), Dân Quyền (Montréal), Canada. Phật Giáo Việt Nam (Los Angeles), Viên Giác (Oklahoma), Phật Học Viện Quốc Tế (Sepulveda), Pháp Duyên (San Jose), Đuốc Tuệ (Houston), Ngày về (Hollywood), Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (CA), Hoa Kỳ.

Phật Giáo Việt Nam (Sydney), Pháp Bảo (Sydney) Vạn Hạnh (Tây Úc), Úc.

Các kinh sách sau đây chùa Viên Giác cũng đã nhận được. Xin thành kính tri ân các Tác giả và các Nhà Xuất Bản:

● Tự Điển Đức Việt của Nguyễn Việt Hùng và Nguyễn Văn Lập (Đức), Phật Pháp Yêu Nghĩa, Tỷ Kheo Giới Kinh, Kinh Hoa Nghiêm 1, 2 (do Phật

Học Viện Quốc Tế Hoa Kỳ (gởi tặng), Huyền luận về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Niệm Phật Vô Ưu Đôn (do Phước Huệ Đạo Tràng, Los Angeles, Hoa Kỳ gởi tặng), Lăng Nghiêm Ảnh Hiện (Chùa Phật Tổ - Long Beach, Hoa Kỳ), Kinh Đại Bi Sám Pháp Hoa Nghiêm Kinh, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, Kinh Bốn Mươi Hai Chương, Kinh A Di Đà Vô Ưu Giải (Chùa Đức Viên San Jose Hoa Kỳ tặng), Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật (Chùa Giác Minh Palo Alto, Hoa Kỳ), Tiếng Lòng Người Hiếu Tử (Tịnh Xá Minh Đăng Quang Westminster, Hoa Kỳ Pháp Môn Đảo Bi Ngạn (Chùa Pháp Bảo - Úc), Việt Sử Bằng Tranh, I Tờ Vui, Trau dồi tiếng Việt, Câu Đố Dân Gian (Nhà Xuất Bản Quê Hương Canada), Kiến Thức Căn Bản Phật Giáo, Kinh Địa Tạng, Kinh Hiền Ngục (Chùa Khánh Anh Pháp gởi tặng), Kinh Pháp Cú (Sư Đức Minh - Pháp), Nghệ Bài Nói Chuyện Đạo (Tịnh Xá Pháp Duyên - San Jose), Lời Báo Cáo Của Một Nhà Khoa Học - Nghiên Cứu Kinh Phật (Chùa Hoa Nghiêm - Pháp gởi tặng), Nụ Án Cần (Hội Frankfurt), Thương Nhớ Mẹ (Hòa Thượng Thích Giác Nhiên Hoa Kỳ)

Nhắn tin

● Có 2 lá thư gởi cho Nguyễn Thành Giang và Nguyễn Thị Mừng, trước ở trại tị nạn Galang I Barrack 12, Zone 1, Indonesia, đến Đức định cư năm 1983. Nay ở đâu, xin liên lạc về chùa Viên Giác để nhận thư của người quen từ Úc gởi đến.

● Anh là Hoàng Văn Bằng hiện ở tại de Kempnaerware 32, 8014 RG Zwolle Hòa Lan muốn tìm em là Hoàng Thanh Vĩnh tự là Châu, trước kia đến Palawan Philippines, đã sang Đức. Nay ở đâu, liên lạc về địa chỉ trên để biết tin gia đình.

● Phan Duy Tiên, trước ở Phú Dương, Phú Vang Thừa Thiên. Hiện đang tạm cư tại trại tị nạn Hồng Kông muốn tìm người anh ruột tên là Phan Duy Tiên sinh ngày 28.9.1959 (49?) tại Thừa Thiên. Đi du học Đức ngày 25.12.1971 (âm lịch). Con ông Phan Duy Diên và Bà Nguyễn Thị Chắt (chết). Trước năm 74 ở tại 433 Mülheim Kattzen Bruch 25. Nay ở đâu, xin liên lạc về chùa để được chuyển thư.

● Hồng Văn Dũng hiện ở tại: P.O. Box 17306 Honolulu, Hawaii 96817 USA. Muốn biết tin người thân là Lê Minh Quang trước ở phường 2 Mỹ Tho, Tiền Giang, Việt Nam, vượt biên năm 1980 được tàu Tây Đức vớt. Nay ở đâu, xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin tức.

Tin Xã hội

Quý vị nào đã lấy bằng lái xe tại Việt Nam lâu năm, hiện đang đổi sang bằng Đức và cò xe hơi. Xin gởi đến quý vị một vài cách thức làm đơn để việc bảo hiểm được giảm bớt.

- Nếu quý vị nào đã lái xe ở Việt Nam từ năm 1969 trở đi, mức thuế có thể giảm xuống 40% thay vì phải đóng 100% hoặc 175% cho người mới có bằng lái.

- Nếu đã đóng trước, số tiền sai biệt sẽ được hãng bảo hiểm tính lại kể từ ngày vào bảo hiểm.

- Người lái xe nên tìm một luật sư và nộp cho luật sư những giấy tờ sau đây để được giảm bảo hiểm (Tôn phí khoản 25 DM). Sau đó luật sư sẽ nộp những giấy tờ này cho hãng bảo hiểm:

- 1) Giấy báo đóng tiền của hãng bảo hiểm.
- 2) Bằng lái xe đã đổi sang bằng Đức (phải đổi ra bằng Đức trong vòng 12 tháng, kể từ khi đến Đức).
- 3) Một bằng dịch tiếng Đức từ bằng lái xe Việt Nam.
- 4) Cho biết số xe, hiệu xe ở Việt Nam đã lái
- 5) Cho biết tên hãng bảo hiểm tại Việt Nam.

Sau khi nộp những giấy tờ liên hệ trên khoảng một tháng rưỡi là có kết quả.

Mong quý vị gặp nhiều may mắn trong việc giảm thuế trên.

(Tin trên của một độc giả báo Viên Giác cung cấp. Chúng tôi loan đi với tinh cách dễ dặt)

tiếp theo trang 69

cảm nghĩ vụn vặt về mùa An Cư Kiết Hạ, nhất là những ngày thọ bát quan trai giới tại chùa Viên Giác trên nước Đức, đồng thời không quên hồi tưởng lại ngày xưa, nhớ hình ảnh của quê hương, nơi mà mùa nắng đều dư thừa, cây xanh và chim hót quanh năm, chùa chiền đầy khắp, tăng ni tận độ đông đủ vậy mà trơ thời gian đó tôi chưa hề được biết tới Thọ bát quan trai giới là gì. Có phải chăng vì duyên lành chưa đủ hay ngày ấy lòng tôi còn nhiều nghi ngại? Dù gì đi nữa hôm nay với tất cả tấm lòng chân thành tôi cầu nguyện cho các bạn dù gần dù xa cảnh chùa ở trên nước Đức này sẽ có đầy đủ phước duyên để trong năm nay, năm tới, hay những năm sắp tới có dịp về chùa thọ nhận công đức của các ngày Bát quan trai giới trong mùa An cư kiết hạ của quý Thầy.

TIN HỘI PHẬT TỬ

Đại Hội Đồng 1984 của Hội Phật Tử Tây Đức đã được tổ chức trong những ngày 13.7 đến 15.7 1984 tại chùa Viên Giác, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác Hannover.

Chương trình nghị sự gồm những điểm chính sau đây:

- 1) Thay đổi danh xưng
- 2) Bộ quy tắc và bầu thành phần Ban Chấp Hành Hội nhiệm kỳ 84-86
- 3) Hoạch định những Phật Sự tương lai

Kết quả như sau:

Điểm 1: Thay đổi danh xưng

Nhận thấy danh xưng cũ là Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức không còn thích hợp với hoàn cảnh và phạm trù sinh hoạt của Hội, đồng thời tránh sự phân biệt giữa Sinh Viên và Kiều Bào nên Đại Hội Đồng đã đồng ý thay đổi danh xưng của Hội. Kể từ Đại Hội Đồng này danh xưng của Hội Phật Tử Tây Đức sẽ được thay thế là:

Tiếng Việt: HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TỊ NẠN TẠI TÂY ĐỨC e.V.

Tiếng Đức: Vereinigung der buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland e.V.
viết tắt là VSVF

Điểm 2: Thành phần Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 84-86

Đại Hội Đồng đã bỏ khuyết nhân sự thành viên Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 82-84, đồng thời chuẩn y thành phần Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 84-86, với những Đạo Hữu và Phật Tử như sau:

Hội Trưởng : THỊ CHƠN Ngô Ngọc Diệp

Phó Hội Trưởng : TÂM BẠCH Tôn Nữ Huyền Đan (Nội Vụ)

Phó Hội Trưởng : THỊ MINH Văn Công Trâm (Ngoại Vụ)

Thư ký : THỊ LỨC Nguyễn Long Phi

Thủ quỹ : THỊ VĂN HỒ Thị Kiều

Các Ủy viên Chuyên môn được mời như sau:

Ủy viên Xã hội : Phật tử Nguyễn Lê Nghĩa

Ủy viên Sinh hoạt : TÂM BẠCH Tôn Nữ H. Đan

Ủy viên Văn mỹ nghệ : Phật tử Lý Trường Kính

Ủy viên Báo chí : NGUYỄN ĐẠO Văn Cổ Tuấn

Ủy viên Thể thao : THỊ HIỀN Nguyễn Hữu Lộc

Điểm 3: Hoạch định những Phật Sự tương lai

Danh xưng mới của Hội đã xác quyết rõ vị trí, vai trò cùng trách nhiệm của Hội, trong mọi sinh hoạt. Ngoài những Phật Sự đời nọ của các Chi Hội địa phương, Hội Phật Tử tị nạn Tây Đức góp phần với Chi Bộ tổ chức và lo vấn đề kỹ thuật của những lễ lớn truyền

thống Phật Giáo và Dân Tộc như Phật Đản, Vu Lan, Tết Nguyên Đán. Hội không những đóng góp phần mình để giữ gìn đạo Pháp Hộ trì Tam Bảo cùng việc hoằng dương Chánh Pháp mà còn đóng góp, nhận lãnh, chu toàn những trách nhiệm đối với Quốc gia và Dân tộc, trong quan niệm DÂN TỘC và ĐẠO PHÁP KHÔNG HAI.

Trong tương lai Hội sẽ tìm cách thắt chặt sự liên lạc cũng như đóng góp phần mình cụ thể hơn nữa trong những sinh hoạt cộng đồng có ích lợi chung với các Tổ Chức và Đoàn Thể Bạn cùng lập trường.

Tây hoàn cảnh, môi trường địa phương Hội sẽ phát triển những sinh hoạt Thanh Thiếu Nhi Phật Tử, hướng dẫn các Em trở thành những Phật Tử chân chính lợi ích cho bản thân, gia đình, xã hội, dân tộc và đạo pháp. Khối sinh hoạt sẽ phát họa mô hình phát triển tiến bộ biểu thích ứng với môi trường và hoàn cảnh sống tại Tây Đức.

Khối thể thao sẽ phát triển sinh hoạt mình để hòa nhập với cộng đồng trong tinh thần khỏe để phục vụ.

Trước đây khối xã hội được Hội trợ giúp kiêm đảm nhiệm, trụ sở đặt tại chùa Viên Giác, giải đáp những thắc mắc thường thức của nạn tị nạn trực tiếp trong những giờ làm việc vào chủ nhật tuần thứ nhất và thứ ba trong tháng từ 14 giờ đến 18 giờ. Ngoài ra nạn tị nạn thắc mắc chung được giải đáp trong trang xã hội báo Viên Giác.

Vấn đề này được cụ thể hóa hơn qua việc thành lập khối xã hội. Phật tử Nguyễn Lê Nghĩa được mời đảm nhiệm khối này. Anh đã được đặc biệt báo Viên Giác mời riêng cũng như người Việt tị nạn tại Tây Đức biết đến qua những bài biên soạn công phu về vấn đề xã hội

mà người Việt tị nạn chúng ta thường lưu tâm đến.

Trong tinh thần BÍ TRÍ DỪNG chúng tôi hoan hỷ thông báo đến cùng tất cả người Việt tị nạn, các Tổ Chức Đoàn Thể Bạn tại Tây Đức nói riêng tại Hải Ngoại nói chung Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam tị nạn tại Tây Đức nhiệm kỳ 84-86.



NGUYỄN LÊ NGHĨA

MỘT VÀI TÍN CẦN BIẾT VỀ

ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH

I/. Theo bản tin ngày 10.1.84 của Ty Thông Tin (Presseamt) thành phố Paderborn (thuộc Tiểu Bang Nordrhein-Westfalen) về cuộc phỏng vấn thủ trưởng ngoại giao Möllemann thì tổng số người tị nạn Đông Dương tại Đức là 29.248 người. Tin này chúng tôi đã đăng trong số báo Viên Giác số 21 (Bài Đoàn Tụ Gia Đình).

Gần đây Cơ Quan Cao Ủy Tị Nạn I.H.Q. và Cơ Quan Di Dân Quốc Tế I.C.M. cho biết số người tị nạn Đông Dương tại Đức tính đến cuối năm 1983 chỉ gồm có 27.003 người. Số người này sinh sống tại các Tiểu Bang theo tỷ lệ sau :

Nordrhein-Westfalen	7.776	người
Baden-Württemberg	4.410	"
Niedersachsen	3.864	"
Bayern	2.657	"
Hessen	2.139	"
Berlin	1.591	"
Rheinland-Pfalz	1.447	"
Saarland	623	"
Schleswig-Holstein	518	"
Bremen	286	"
Hamburg	1.092	"

và cũng theo tin của Cơ Quan I.C.M. từ đầu năm cho đến cuối tháng 6/84 có thêm 995 người tị nạn Đông Dương đến Đức.

Như vậy còn khoảng trên 7.000 người tị nạn Đông Dương sẽ đến Đức theo chương trình cầu trợ nhân đạo.

II/. Tổng số người tị nạn rời Việt Nam đến Đức theo chương trình đoàn tụ gia đình trong năm 1983 là 1.692 người. Nếu tính thêm số người tị nạn đến từ các trại tị nạn Đông Nam Á thì tổng số người tị nạn Đông Dương đến Đức trong năm 1983 là 2.826 người (tin của Cao Ủy Tị Nạn I.H.Q.).

III/. Theo thông cáo mới của Bộ Ngoại Giao, thân nhân của những bạn sắp đến Đức theo chương trình đoàn tụ gia đình (như con cái, anh chị em ruột) đã đến tuổi vị thành niên, hay sắp đến tuổi vị thành niên phải nộp giấy chứng nhận còn độc thân.

Giấy chứng nhận còn độc thân phải do chính

quyền địa phương tại Việt Nam cấp, và phải nộp cho Bộ Ngoại Giao tại Bonn kèm theo bản dịch bằng tiếng Đức. Điều này có nghĩa là thân nhân của bạn gởi giấy chứng nhận còn độc thân cho bạn, sau đó bạn nhờ một thông dịch viên có tuyến thị dịch giấy chứng nhận này sang tiếng Đức, và gởi cả 2 bản - bản chính và bản dịch - cho Bộ Ngoại Giao tại Bonn.

Chỉ khi nào Bộ Ngoại Giao nhận được giấy chứng nhận còn độc thân thì thân nhân bạn mới được rời Việt Nam. Trong trường hợp thân nhân của bạn biết rõ điều qui định này, nhưng vẫn "cố ý" lập gia đình sau khi đã nộp giấy chứng nhận còn độc thân, và trước khi lên máy bay sang Đức thì người vợ, chồng (mới cưới) hay con cái (mới sinh) sẽ không được chấp thuận đến Đức theo chương trình đoàn tụ.

TÍN TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

Tiền thất nghiệp (Arbeitslosengeld) được xét cấp tùy theo số ngày làm việc của bạn trong 3 năm cuối. Bạn sẽ nhận được tiền thất nghiệp trong vòng :

78 ngày	nếu bạn đã đi làm tất cả là	180 ngày
120 ngày	" " " " " " " "	270 "
156 ngày	" " " " " " " "	360 "
234 ngày	" " " " " " " "	540 "
312 ngày	" " " " " " " "	720 "

Sau thời gian qui định trên, bạn có thể nộp đơn xin phụ cấp thất nghiệp (Arbeitslosenhilfe). Khi đi nộp đơn bạn nên lưu ý điều sau: bạn sẽ không nhận được phụ cấp thất nghiệp nếu bạn khai báo chỉ muốn đi làm vài ngày. Phụ cấp thất nghiệp chỉ được xét cấp cho những người thất nghiệp muốn đi làm vài ngày, nếu những người này có con nhỏ cần phải chăm sóc.

TÍN TRỢ CẤP XÃ HỘI

Để phù hợp với tình hình vật giá leo thang, kể từ 1.07.1984 trợ cấp xã hội được tăng lên như sau :

TIỂU BANG	: Chủ gia : : đình hay : : độc thân : : sống một : : mình : : IM :	Cho đến : đứng : 7 tuổi : : : : DM :	Cho đến : đứng : 7 tuổi : : : : DM :	Bắt đầu : 8 cho : đến đứng : 11 tuổi : : : : DM :	Bắt đầu : 12 cho : đến đứng : 15 tuổi : : : : DM :	Bắt đầu : 16 cho : đến đứng : 21 tuổi : : : : DM :	Từ 22 : tuổi trở : lên : : : : DM :
Raden-Württemberg	358	161	233	269	322	286	
Bayern (tối thiểu)	346	156	225	260	311	277	
Bremen	358	161	233	269	322	286	
Hamburg	363	163	236	272	327	290	
Hessen	358	161	233	269	322	286	
Niedersachsen	356	160	231	267	320	285	
Nordrhein-Westfalen	356	160	231	267	320	285	
Rheinland-Pfalz							
(tối thiểu)	354	159	230	266	319	283	
(tối đa)	358	161	233	269	322	286	
Saarland	354	159	230	266	319	283	
Schleswig-Holstein	351	158	228	263	316	281	
Berlin (West)	363	163	236	272	327	290	

Nếu bạn muốn biết thêm về trợ cấp xã hội xin xem lại báo Viên Giác số 19.

Phương danh Quý Đạo hữu Phật Tử ủng hộ

Bất thường và Phật Đản

(Tính đến ngày 30 tháng 7 năm 1984)

PT Minh Nghiệp(Chicago-USA)50US.ĐH Trần Huệ (Oldenburg)20DM.ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)30DM.ĐH Tô Văn Phước(München)20DM.ĐH Tôn Nữ Chung Anh(Karlsruhe)20DM.ĐH Lưu Kim Đĩnh(Đ. Mạch)200Kr.ĐH Nguyễn Xuân Quang(Arhus - Đan Mạch)500Kr.ĐH Nguyễn Hữu Nghĩa(Solingen)50 DM.ĐH Cao Thị Sâm(Spaichingen)30DM.ĐH Phúc (Gammatingen)50DM.ĐH Hứa Văn Sáu(Uelzen)20 DM.ĐH Nguyễn Khoa Thị Thoa(Eberbach)50DM.ĐH Nguyễn Đức Khang(Seevetal)100DM.ĐH Nguyễn Thị Tốt(TX-USA)60US.ĐH Giảng Quốc Ngọc(Salzbergen)hồi hưởng hưởng linh thân phụ 150DM. ĐH Nguyễn Thị Bảy(Tastrup-Đan Mạch)100Kr.ĐH Hữu Diệp Thị Sơn(Aalen)30DM.ĐH Hữu Nguyễn Thị Tú (Freiburg)50DM.ĐH Lý Phượng(Bad Iburg)100DM ĐH Trần Hồng Nhung(")100DM.ĐH Lâm Kim M a i (Osnabrück)40DM.ĐH Ngô Thoại Bình(Bad Iburg)100DM.ĐH Ngô Mỹ Châu(")20DM.ĐH Châu Kiệt Ngọc (")20DM.ĐH Lý Thanh(")20DM.ĐH Diệu Thiện(")50DM.ĐH Lưu Nguyệt và Huỳnh Mạch(Oslo-Na Uy)100DM.ĐH Vũ Thị Lan Thanh(")100DM.ĐH Vũ Trọng Thế Ngọc(Odense-Đan Mạch)20DM.ĐH Vũ Trọng Cường (Lichtenstein)20DM.ĐH Trinh Hi(Saarbrücken)20DM.ĐH Hoàng Thị Thủy(Fürth)20DM.ĐH Hữu Diệp Trường(Tastrup-Đan Mạch)200Kr.ĐH Trần Đức Quang(Hannover)50DM.ĐH Lê Đức Khiêm(Laatz)hồi hưởng hưởng linh PT Lê Đức Hùng 100 DM.ĐH Võ Thị My(Schöneck)20DM.ĐH Đỗ Hữu Ai (Oberhausen)20DM.ĐH Đinh Ngọc(Berlin)20DM. ĐH Trần Thành Cường(Rotenburg)100DM.ĐH Hữu Đỗ Trinh(Aalen)30DM.ĐH Quang 10DM.ĐH Nguyễn Văn Kiên(Düsseldorf)20DM.ĐH Đặng Thị Thê(")hồi hưởng hưởng linh Phật tử Trường L o n g 150DM.ĐH Bùi Văn Diệu(Berlin)20DM.ĐH T r ần Văn Quang 20DM.ĐH Huệ Đồng(Lausanne-Suisse)20FS.ĐH Quang Đạo(Paris-Pháp)100FF.ĐH Nguyễn Lê Anh(Stade)20DM.ĐH Vũ Thanh Tâm(BühlBaden)20DM.ĐH Nguyễn Thị Thiết(Fulda)30DM.ĐH Nguyễn Thị Tú(Na Uy)50DM.ĐH Diệu Niên(Hannover)20 DM.ĐH Minh Không(Lausanne-Suisse)100FS.ĐH Hữu Diệu Tú(")10FS.ĐH La Hai(")20FS.ĐH Minh Cảnh Đặng Văn Cận(Vernier-Genève)100FS.ĐH Hữu Diệu Hằng Nguyễn Đăng Bút(Lausanne-Suisse)100FS ĐH Thanh Liêm Trần Thị Cận(")50FS.ĐH Hữu Phúc (Genève-Suisse)50FS.ĐH Phạm Thị Thuởng(Te-gelen-Hòa Lan)25Guld.ĐH Nguyễn Thành Long(G - marienhütte)20DM.ĐH Lâm Minh(Ramberg)20DM. ĐH Trần Văn Quý(Hamburg)hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Trần Thị Lai 200DM.ĐH Phùng Kim Liên (Larvik-Na Uy)60Kr.ĐH Nguyễn Đình P h ử ồng (Stuttgart)30DM.ĐH Nguyễn Thị Ngọc Kim(Mühl heim/M)10DM.ĐH Phan Hải(")20DM.ĐH Lê V i ệ t Thành(Berlin)30DM.ĐH Trương Hồn Quyển và ĐH Trạm Tiêu(Vechta)60DM.ĐH Trương Xuân(Pforz-

heim)50DM.ĐH Viên Kim Huy(Sindelfingen)50DM ĐH Chung Xao Tiên(Trier-Saarburg)30DM.ĐH Chung Thái An(")20DM.ĐH Lê Đức Trung(Wein - garten)50DM.ĐH Vương Quan Sen(Dorsten)20DM. ĐH Minh Vinh Tôn Thất Đĩnh(Berlin)50DM.ĐH Hữu Mạch Trước Khuy(Friedrichshafen)40DM.ĐH Trần Quang Diệu và Trần Kim Kiều 20DM.ĐH H o àng Nguyễn Hai(Bad Bentheim)50DM.ĐH Hữu Trần Văn Huyền(Reutlingen)20DM.ĐH Kiều Thái(")20DM. ĐH Tô Khải Đức(Schweinfurt)20DM.ĐH Siêu Khung Lâm(Nordenham)20DM.ĐH Đặng Ngọc Hải(Speyer)20DM.ĐH Phạm Ngọc Sơn(Aachen)10DM.ĐH Huỳnh Thị Hoàng(Spaichingen)50DM.ĐH Huỳnh Phước Lộc (CA-USA)50DM.ĐH Diệp Thị Lục(Laufen)20DM.ĐH Thẩm Say Vã(Bochum)20DM.ĐH Võ Thông(Oberhausen)30DM.ĐH Cam Châu Tông(Ao)50DM.ĐH Hữu Trần Hải Hòa(Spaichingen)20DM.ĐH Hữu Lâm Bửu Trần (")30DM.ĐH Vũ Trọng Múi(")10DM.ĐH Nguyễn Đ ứ c Hạnh(Oberhausen)20DM.ĐH Nguyễn Bản(Freiburg)50DM.ĐH Trường Mỹ Dung(Geilenkirchen)20DM. ĐH Nguyễn Thị Tuyết Hồng(Bad Oeyenhausen)20 DM.ĐH Huệ Đồng(Lausanne-Thụy Sĩ)20FS. ĐH Khánh Hòa(Rottershausen)100DM.ĐH Trần Thị Ba (Konz)40DM.ĐH Tôn Nữ Thị Xuyên(Hannover)20 DM.ĐH Hồ Chuyên(Fürth)100DM.ĐH Hữu Nguyễn Văn Thảo(München)50DM.ĐH Nguyễn Thị Thỏ(Aachen)100DM.ĐH Nguyễn Văn Đông(Essen)100DM.ĐH Hữu Huỳnh Quốc Minh(Hamburg)20DM. ĐH Phạm Quốc Việt(Recklinghausen)100DM.ĐH PT Nguyễn V ă n Nam(Aachen)hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Đặng Thị Cận PD Diệu Cận 300DM.ĐH Ngô Thị Bảy(Dü-lewang)10DM.ĐH Bùi Thụy Hoàn(Hannover)50DM.ĐH Đinh Đình Tuấn(Berlin-Trại Las-senstr.)20DM.ĐH Di Wong(")10DM.ĐH Hữu Ung Kim Xook(")10DM.ĐH La Meng Gui(")10DM.ĐH La Axu (")10DM.ĐH Thái Gia Tuấn(Frankfurt)50DM. ĐH Trường Thị Hai(Stuttgart)20DM.ĐH Viên Kim Huy (Sindelfingen)50DM.ĐH Thái Chai(Stein - Hòa Lan)60Guld.ĐH Huỳnh Thị Seng(Geilenkirchen)20DM.ĐH Trịnh Văn(Idar-Oberstein)20DM.ĐH Hữu Trịnh Văn Bô(Koblenz)20DM.ĐH Huỳnh Văn Kỳ(So-bernheim)20DM.ĐH Hà Thanh Lý(Landstuhl)20DM ĐH Nguyễn Hữu Khanh(Minden)20DM.ĐH Nguyễn Thị Thanh Hương(")20DM.ĐH Đặng Văn Dịch(Koblenz)20DM.ĐH Nguyễn Việt Nhan(Bielefeld)20DM.ĐH Lý Chân Lợi(Salzbergen)50DM.ĐH Trường Tôn Hà (Markt-Sehwab)50DM.ĐH Lý Phan Thở(Göttingen)20DM.ĐH Huỳnh Văn Khương(Buchholz)20DM.ĐH Hữu Nguyễn Văn Bôi(Trappenkamp)30DM.ĐH Hữu Châu Chưởng(Karlsruhe)100DM.ĐH La Ty(Nordhorn)20 DM.ĐH Nguyễn Thị Tuyết và Nguyễn Lê Anh(Le-bach)40DM.ĐH Trần Ngọc Thu(Wülfrath)50DM.ĐH Lý Vĩnh Cường(Alfeld)90DM.ĐH Vũ Trọng Thế Anh (Duisburg)10DM.ĐH Trần Quang Trung(Oberhausen)20DM.ĐH Nguyễn Hùng Cường(")20DM.ĐH Hữu Ban Thanh(Wedel-Holstein)30DM.ĐH Nguyễn Văn Vóc và Nguyễn Thị Nhân(Trappenkamp)50DM. ĐH Trần Thị Giới(Bad Oldesle)20DM.ĐH Hữu Trường Giang(Münster)20DM.ĐH Lê Văn Trúc(")20DM.ĐH Châu Ai Hương(")20DM.ĐH Phan Thị Net(Nord - horn)20DM.ĐH Trần Thái Phi(Neuss)20DM.ĐH Hữu Trường Thị Hương(Bielefeld)20DM.ĐH Hữu Ngô Tô

Nữ 5DM.ĐH Nguyễn Thị Kim Thêu(Hannover)50DM
ĐH Tú Minh Lý(Lüneburg)10DM.ĐH Gương Q u ốc
Ngọc(Salzbergen)50DM.ĐH Trần Thị Tuy(Dort -
mund)100DM.ĐH Lý Át(Papenburg)50DM.ĐH Hoàng
Sy Dịch(Berg-Gladbach)40DM.ĐH Trần Nhũ Kỳ(Lj-
nen)50DM.ĐH Đoàn Thị Yên(Rottweil)50DM.ĐH Hữu
Bùi Văn Lâm(Wiesbaden)50DM.ĐH Hữu Nguyễn Thị
Nhiếp(Essen)20DM.ĐH Nguyễn Thị Ot 50DM.ĐH Hữu
Thê Cẩm Hồng(Lüneburg)10DM.ĐH Trưởng Tài Minh
(Cloppenburg)20DM.ĐH Dương Chánh Quân(") 20
DM.ĐH Nguyễn Hiệp(Prectz)30DM.ĐH Huỳnh Múi
(Oldenburg)50DM.ĐH Nguyễn Thị Lan(Essen) 50
DM.ĐH Võng Mộc Vinh 40DM.ĐH Nguyễn v. Thăng
(Krabbendjbe-Hòa Lan)20DM.ĐH Lưu Kiên Hưởng
(Wetzlar-Dalhem)10DM.ĐH Dương Thị Bé Tú(Neu-
stadt)10DM.ĐH Dương Đức(Cloppenburg)20DM.ĐH
Huỳnh Phú Cường(Papenburg)50DM.ĐH Ngô Quang
Cường(Gladberg)30DM.Fr.Schacfer Thi N h i
(Landstuhl)50DM.ĐH Trưởng Nam Hoa(Áchim) 20
DM.ĐH Giang Lăng Mai(Nürnberg)50DM.ĐH Trần
Thanh Cường(Rotenburg)50DM.ĐH Tăng Quốc Cỏ
(Rotenburg)20DM.ĐH Huỳnh Công Minh(Olden -
burg)10DM.ĐH Trưởng Thị Huệ(Kaiserslauten)
20DM.ĐH Đỗ Tấn Phát(Uelzen)20DM.ĐH Lê Hồng
Nieberding(Wardenburg)10DM.ĐH Dương Thị Mến
20DM.ĐH Triệu Kim Hồng(München)100DM.Đào Hữu
Nguyễn Văn Đang(Poing)30DM.ĐH Đỗ Chánh Dân
(Sindelfingen)50DM.ĐH Nguyễn Thị Tú(")20DM.
ĐH Trần Thúc Hiến(")20DM.ĐH Đỗ Xuất Lễ(")10
DM.ĐH Diệu Đức Châu Thị Thiệp(Paderborn) 40
DM.ĐH Lý Mỹ Linh(Lüneburg)20DM.ĐH Trần Trí
Hòa(Cloppenburg)20DM.ĐH Châu Hoàng Hải(Weil
Haltingen)20DM.ĐH Nguyễn Ngọc Lan(Elsfleth)
20DM.ĐH Đinh Thị Nga(Wiesbaden)10DM.ĐH Trần
Siêu Niên(Hagen)20DM.ĐH Lâm Chánh Văn và ĐH
Ngũ Ngân(Seevetal)20DM.ĐH Ngô Tô Hà(Clop -
penburg)20DM.ĐH Huỳnh Thị Kim Hưởng(Nürn -
berg)20DM.ĐH Trần Kiệt(Lüneburg)20DM.Đào Hữu
Nguyễn Thị Tam(Erkrath)20DM.ĐH Huỳnh Thành
(Nürnberg)50DM.ĐH Huỳnh Thị Hoa(Haren)50DM.
ĐH Phạm Hữu Phước(Bergisch Gladbach)20DM. ĐH
Phan Thị Liên(Bergkamen)20DM.ĐH Đặng Tuyết
Hạnh(Lindau)50DM.ĐH Nguyễn Văn Dung(Trappen
kamp)50DM.ĐH Đào Văn Múc(Gronningen-Hòa Lan
50DM.ĐH Đinh Thị Cửa, Võ Thanh Tông và Kim Lê
(Celle)70DM.ĐH Tăng Hồng Sưởng(Bad Oldesloe
50DM.ĐH Neang Sok Heng(Withdushaven)30DM.GĐ
ĐH Trạc Nghinh(Süchteln)150DM.ĐH Huỳnh Thị
Hoa 100DM.ĐH Châu An Lộc(Helmstedt)20DM. ĐH
Nguyễn Văn Nửa(Clausthal-Zell)20DM.ĐH Hữu Liêu
Mạnh(Helmstedt)20DM.ĐH Bùi Văn Diệu 10DM.ĐH
Trần Thị Thu Loan 10DM.ĐH Lê Thị Quyên 10DM
ĐH Lý Chân Châu 10DM.GĐĐH Lý Phước 40DM. GĐ
ĐH Nguyễn(Stadthagen)50DM.ĐH Tạ Thị Y 10DM.
ĐH Võ Thị Lợi 70DM.ĐH Tân Liu 20DM.ĐH Phạm
Tuyết Hoa 20DM.ĐH Kim Thu(Wedel)50DM.ĐH Hữu Lý
Văn Bình 10DM.ĐH Lam Cam(Braunschweig)20DM.
ĐH Trưởng Phùng Hưởng 2DM.ĐH Trần Huân 20DM
GĐĐH Hà Ngọc Anh(Kaltenkirchen)120DM.ĐH Trần
Thị Tú Uyên 30DM.ĐH Trần Hạnh Tài và ĐH Trần
Hoa 15DM.ĐH Trưởng Văn Lạc 20DM.ĐH Thái Bình

(Friedland)10DM.Hối hưởng hưởng lĩnh ĐH Lâm
Thị Liễu 10DM.ĐH Huệ 5DM.ĐH Nguyễn Văn Lô
20DM.GĐĐH Thạch Lai Kim và Dương Ngọc M a i
25DM.ĐH Phan Hậu Châu 20DM.ĐH Trần Vĩnh Căn
20DM.ĐH Phan Công Đô(Clausthal-Zelle)20DM .
PT Chánh Trí 20DM.ĐH Nguyễn Thị Ty 10DM. ĐH
Đặng Muối(Berlin)10DM.ĐH Ngô Anh Ôn 20DM.ĐH
Lương Tô Tú 20DM.ĐH Nguyễn Công Cường 20DM.
ĐH Trần Đại Giai 12DM.ĐH Ngũ Sơn 20DM.Đ. Hữu
Trần Thị Huỳnh Mai(Pforzheim)20DM.ĐH Hữu Trần
Kiến Mỹ(")20DM.ĐH Thái Thị Sắc(")25DM.Đ. Hữu
Trần Ngọc Hòa(")25DM.ĐH Trần Ngọc Hoa 5DM.
ĐH Đinh Tiên Thuồng(Wedel)25DM.ĐH Đặng Mai
Tâm 20DM.ĐH Nguyễn Thành Công 30DM.ĐH Hồ Nữ
8DM.ĐH Sĩ Ngọc Quách Hạnh(Berlin)20DM. GĐĐH
Đặng Thị Loan 10DM.ĐH Nguyễn Văn Hồng, Trần
Thị Nguyệt và Nguyễn Thành Nhân 10DM. China
Restaurant Singapur(Hannover)100DM.ĐH Nguyễn
Thị Nô(Landstuhl)50DM.ĐH Trần Ngâm 50DM. ĐH
Thái Kim Huệ và Trần Hoa 20DM.ĐH Thái Trần
20DM.ĐH Ngao 5DM.ĐH Nguyễn Thị Phượng(Wies-
baden)10DM.ĐH Mỹ 10DM.ĐH Tăng Hiền Nhơn 5DM
GĐĐH Họ Lâm(Lâm Thị Múi, Lâm Thị Phùng, Lâm
Liên Nguyệt)150DM.PT Thị Minh Văn Công Trâm
và PT Thị Văn Hồ Thị Kiều(Kiel)100DM.GĐĐH Hữu
Ngô Long Du 20DM.ĐH Hà Lâm Kim Liên(M' glad-
bach)20DM.ĐH Hà Thị Mai 10DM.ĐH Quách Thị Lý
30DM.ĐH Nguyễn Thị Sơn (Berlin)100DM.Đào Hữu
Huỳnh Tường 10DM.ĐH Đỗ Kim Hồng 20DM.ĐH Lâm
Ba 10DM.ĐH Thủ Hưởng Dũng 20DM.ĐH Thái Thị
Thu(Hamel)20DM.Fr.Ivonne Phạm Thị Vân(Mie-
sau)50DM.ĐH Lê Nghi và Lợi Đức Khanh, 10DM .
ĐH Trần Mỹ Kiên 50DM.ĐH Lâm Vĩnh Phước 20DM
ĐH Tăng Thu Phùng 20DM.ĐH Vũng Thiện H ạp
(Friedland)10DM.ĐH Vũng Cúc Mì 10DM.Đào Hữu
Nguyễn Văn Hai và Đào Thị Ty(Viersen)40DM .
ĐH Huỳnh Văn Quan(")10DM.ĐH Hứa Xa(Wittmund
20DM.ĐH Trưởng Đình Hoa(")20DM.ĐH Nguyễn Văn
Diên và Dủ Thị Lưu(Krefeld)10DM.ĐH Lâm Kim
Khanh(")15DM.ĐH Diệu Huệ Nguyễn Thị Bảy (")
40DM.ĐH Đặng Thị Loan(")30DM.ĐH Tiểu Chí Hùng
(")20DM.ĐH Triệu Văn Tùng(")100DM.ĐH Trần Ti
(Hildesheim)20DM.ĐH Vũng Phước Gia(")20DM
ĐH Huỳnh Lê Minh(Neuss)50DM.PT Quảng Phước
Phạm Thị Hiến(Minden)20DM.ĐH Hữu Hồ Nguyệt Hà
(Norden)30DM.HLĐH Huệ Đức và HLPT Huệ Quốc
300Fr.ĐH Hồ A San(Recklinghausen)50DM.ĐH Hữu
Đào Thị Liên(")20DM.ĐH Đào Thị Phượng(") 20
DM.ĐH Nguyễn Thị Sang(")100DM.ĐH Nguyễn Thanh
Tùy(")50DM.ĐH Lâm Gia Văn(Bad Pymont)20DM.
ĐH Huỳnh Mộc Lâm(Bad Pymont)150DM.ĐH Schuj
Ting Lam(")20DM.ĐH Diệu Thỏ(Köln)20DM.Đ. Hữu
Snykasa Nang Thi(")50DM.ĐH Huỳnh Thị Hảo(")
20DM.ĐH Nguyễn Thị Hồng(")20DM.ĐH Nguyễn Văn
Minh(")20DM.ĐH Mai Hoàng Thiện(")20DM.Đ. Hữu
Nguyễn Khắc Mai(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Hưởng
(")10DM.ĐH Đặng Văn Đức(")30DM.ĐH Trịnh Thị
Tiên(")10DM.ĐH Mai Hoàn Sĩ(")20DM.ĐH Lê Văn
Kết(")30DM.ĐH Châu Ngọc Lan(Braunschweig)30
DM.ĐH Nguyễn Hữu Thiện(")20DM.ĐH Ngô Quê Chí
(")20DM.ĐH Dương Cẩm Mậu(")20DM.ĐH Trần Ngọc

Bé(Braunschweig)20DM.ĐH Lâm Cẩm Long(")20DM
 ĐH Trần Duyệt Nhũ(")20DM.ĐH Đặng Hoàn Hào(")
 20DM.ĐH Nguyễn Văn Nam(")20DM.ĐH Đặng Thị
 Thanh(")hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Chung
 Thị Nường 50DM.ĐH Khẩu Cẩm Vân(Wjesbaden)20
 DM.ĐH Trưởng Thị Lành(")10DM.ĐH Hữu Giang Côn
 Ngọc và Giang Khôn Minh(")20DM.ĐH Hữu Văn Nại
 Tướng(Helmstedt)40DM.ĐH Trần Kinh Hùng(")50
 DM.ĐH Nguyễn Văn Đê(")20DM.ĐH Huỳnh Thiệt Huệ
 (")50DM.ĐH Trần Xó(")50DM.ĐH Dương Sang (")
 20DM.ĐH O Thị Hai(Haren)50DM.ĐH Dương Vi(Mep-
 pen)50DM.ĐH Dương Vũ(")50DM.ĐH Tăng C a n h
 Thái(Ly Hoa)(")50DM.ĐH Lương Khai(Bad Iburg
 40DM.ĐH Phạm Tuyết Hoa(")20DM.ĐH Phạm Ngọc
 Diệp(")20DM.ĐH Lâm Anh và Phạm Muội(")40DM.
 ĐH Trần Anh Dũng(")50DM.ĐH Mã Ngân Trân(Ham-
 burg)20DM.ĐH Võ Thị Hoàng Mai(")20DM.Đạo Hữu
 Trưởng Quan(")30DM.ĐH Lương Ngọc Dân và Ng.
 Thu Tâm(")50DM.GĐĐH Nguyễn Hòa và ĐH Hữu Thúy
 Lan(")50DM.ĐH Tất Phối Chân(")10DM.ĐH Hữu Cam
 Ngộ(Berlin)50DM.ĐH An Trạch Quê(")20DM.ĐH Hữu
 Lý Tâm(")50DM.ĐH Long Khôi Thụy(")10DM.ĐH Hữu
 Trần + Quan Tu Quyên(")20DM.ĐH Hữu Tiêu Muội
 (Phan Giang)(")10DM.ĐH Điều Nhứt Phan Thúy
 Liễu(")20DM.ĐH Cao Thị Chi(")10DM.ĐH Hữu Trần
 Hùng Minh(")20DM.ĐH Nguyễn Võ Dũng(")10DM .
 ĐH Nguyễn thị Hùng Minh(")50DM.ĐH Nguyễn Thị
 Nga(")10DM.ĐH Đàm Ngọc Nga(")20DM.ĐH Ung Han
 Khi(")20DM.ĐH Triệu Nhâm Tri(")20DM.ĐH Hữu Ng
 Chánh Trực(")20DM.ĐH Trần Thọ Huân(")10DM .
 ĐH Nguyễn Thị Lan(")50DM.ĐH Tăng Bao(")50DM
 ĐH Lê Cửông và Nguyễn Thị Bích Loan(")50DM.
 ĐH Lê Thị Huệ(")50DM.ĐH Lê Thị Mót(")100DM.
 ĐH Trần Thụy Man(")10DM.ĐH Đào Huy Bình (")
 20DM.ĐH Đàm Quang Yên(")20DM.ĐH Hữu Huỳnh Thị
 Chi(")20DM.ĐH Lý Tâm(")30DM.ĐH Bành Ai Chi&
 ĐH Trưởng Phưởng Thanh(")20DM.ĐH Hữu Lại Thị
 Hiệu và ĐH Đỗ Văn Lôi(Düsseldorf)100DM.ĐH Hữu
 Trần Văn Thoan(")20DM.ĐH Nguyễn Văn Suông(")
 20DM.ĐH Nguyễn Thị Tèo(")20DM.ĐH Đặng Thị Thê
 (")50DM.ĐH Phạm Thị Bưởi(")30DM.Fr. Jactine
 Antony(")20DM.ĐH Đinh Văn Hoa(")10DM.Đạo Hữu
 Nguyễn Thị Trung(")20DM.ĐH Nguyễn Văn Cho(")
 20DM.ĐH Đinh Thị Toàn Antony(")20DM.Đạo Hữu
 Hélène Antony(")50DM.ĐH Nguyễn Thị Trưởng(")
 20DM.ĐH Hứa Trưởng Hùng(Bremen)20DM.ĐH Huỳnh
 Thoại Dung(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Huệ(")100DM
 ĐH Nguyễn Văn Hùng(Löningen)20DM.ĐH Đặng Thị
 Xứg (Lebach)20DM.GĐĐH Huỳnh(Bad Iburg)20DM
 ĐH Quách Hữu Thành(Wünstorf)20DM.ĐH Hữu Triệu
 Thành 34DM.ĐH Hồ Anh Kiệt(Minden)5DM.ĐH Tô
 Tỷ(Sperberstr.)100DM.ĐH Tô Thành(Oldenburg)
 50DM.ĐH Nguyễn Văn Bông(Karlsruhe)100DM. ĐH
 Trịnh Văn Mẫu(Hamburg)20DM.ĐH Trưởng Huệ Kinh
 (Paderborn)40DM.ĐH Đỗ Thị Nho(Hameln)30DM .
 ĐH Diệp Tô Cam(Rotenburg)20DM.ĐH Hữu Lý Quốc
 Lũng(")20DM.ĐH Trần Văn Quang 10DM.ĐH Hữu Tạ
 Ngọc Phưởng(Hamburg)10DM.ĐH Tạ Ngọc Hoa (")
 20DM.ĐH Nguyễn Tú Hùng(Lünen)30DM.ĐH Nguyễn
 Văn Tú 100DM.ĐH Tạ Nguyệt Trinh(Schorndorf)
 10DM.ĐH Hà Thị Lan Anh(")20DM.ĐH Nguyễn Thị

Toàn(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Som(Berlin) h ô i
 hưởng hưởng linh Phật Tử Phan Hai 100DM. GĐ
 ĐH Họ Cam(Ao)50DM.ĐH Lai Thị Hiệu(Reisholz)
 .ĐH Nguyễn Thị Huệ(Bremen)100DM.ĐH Trần
 Thị Tú Uyên(Braunschweig)30DM.ĐH Hữu Đặng Hoàn
 Hào 20DM.ĐH Triệu Văn Tùng hồi hưởng hưởng
 linh Trần Thị Bầu 100DM.ĐH Nguyễn Văn B ô i
 30DM.ĐH Thiên Tâm Nguyễn Hiệp 30DM.ĐH Trườg
 Thị Năm 5DM.Hồi hưởng hưởng linh Nguyễn Thị
 Nô 50DM.ĐH Nguyễn Thu Hồng 20DM.ĐH Hữu Nguyễn
 Thị Thúy 20DM.ĐH Lâm Kim Khánh(Krefeld)15DM
 PT Chung Thị Hồng(Laatzten)hồi hưởng h ử ông
 linh ngoại tổ Tên Lý Khoan 50DM.ĐH Tô Tú Trần
 và ĐH Tô Tú Ai(Tâstrup-Đan Mach)135,85DM.ĐH
 Trần Văn Nhi(Bochum)20DM.ĐH Tiêu Thị Thi(Er-
 langen)hồi hưởng hưởng linh PT Thái T ù n g
 Xưởng 50DM.ĐH Điều Thuật(CA-USA)10US.ĐH Phan
 Thị Lan(Weil)20DM.ĐH Phạm Bình Tuyên(Montré-
 al-Canada)20đđ.ĐH Phước Hảo Trưởng(Vechta)
 20DM.ĐH Trịnh Yên Tâm(")100DM.ĐH Trần Thân
 (")50DM.ĐH Lý Diệu Anh(")20DM.GĐPT Trưởng
 Ngọc Thanh(Hannover)hồi hưởng hưởng linh Phật
 tử Trưởng Ngọc Quỳnh 100DM.ĐH Hữu Lý Duy Bân
 (Landstuhl)20DM.ĐH Phan Ngọc Anh(Berlin) 30
 DM.ĐH Huỳnh Thị Chăng(Filderstadt)20DM.ĐH Hữu
 Diệu Thái(Gießen)70DM.ĐH Trần Tú Nguyệt(Hei-
 menkirch)20DM.ĐH Hà Thị Định(Hannover)100DM
 ĐH Diệu Thỏ(Köln)50DM.ĐH Hữu Dương Chí Cường
 (Pforzheim)50DM.ĐH Phạm Thị Nhiêu(CA-USA)20
 US.ĐH Diệu Hưởng(Erlangen)20DM.ĐH Nguyễn Thị
 Bảy(Tâstrup-Đan Mach)100Kr.ĐH Phan Ngọc Anh
 (Berlin)20DM.ĐH. Hã Văn Tú(Aachen)50DM.ĐH Hữu
 Trần Đức Phát(G'Marienhütte)20DM.ĐH Hữu Giang
 Ngọc Loan(Heinsberg)50DM.Phái Đoàn Phật Tử
 Hamburg(Hamburg)110DM.ĐH Lưu Thái Minh(")40
 DM.ĐH Nguyễn Kết(Brabrand-Đan Mach)50DM. ĐH
 Nguyễn Văn Phác(Amiens-Pháp)100FrF.ĐHN Nguyễn
 Thị Chinh(Paderborn)hồi hưởng hưởng linh Ng
 Phưởng Chai và hưởng hưởng linh Hoàng Văn Ngôn 200
 DM.ĐH Phú Thanh Nga(Breyell)10DM.Dr Phạm Hữu
 Minh(Lampertheim)hồi hưởng hưởng linh Nguyễn
 Thị Thu Hiệp 50DM.GĐPT Nguyễn Mạnh Hùng(Aa-
 chen)hồi hưởng hưởng linh thân mẫu Đặng Thị
 Căn 600DM.ĐH Chung Cẩm Hùng(Wuppertal)100DM
 ĐH Thái Muội(Merzig-Saar.)50DM.ĐH Lữ Huệ Muội
 (Wittmund)10DM.ĐH Du Diệp(")20DM.ĐH Nguyễn
 Thị Hạnh(Braunschweig)500DM.Caritas Braun-
 schweig(")hồi hưởng hưởng linh PT Lưu Trọng
 Phú 200DM.ĐH Hồ Đạt(Pforzheim)20DM.ĐH Quin
 Jun Ji(Münster)400DM.ĐH Điều Thuật(CA-USA)
 10US.ĐH Lê Hữu Dũng(Stuttgart)100DM.Đạo Hữu
 Huỳnh Lâm(Kuppenheim)200DM.ĐH Văn Mai N g ô
 (Regensburg)20DM.ĐH Nguyễn Bích Thoa(Berlin
 20DM.ĐH Nguyễn Lê Nghĩa(Hannover)30DM.ĐH Hữu
 Trần Văn Trung(Heidenberg)hồi hưởng h ử ông
 linh thân mẫu Đàm Thị Hiền 200DM.GĐĐH Họ Lý
 (Rotenburg/Wümme)hồi hưởng hưởng linh ĐH Lý
 Tưởng 200DM.ĐH Đặng Quốc Minh(M Gladbach)
 hồi hưởng hưởng linh Đặng Quốc Đống 40DM)ĐH
 Tạ Văn Hợp,ĐH Lê Thị Bạch Huệ và ĐH Lê Thị
 Bạch Mai(Hamburg và M Gladbach)50DM.....

ĐH Diệu Thông Nguyễn Thị Phân(NSW-Úc)60đđ1a

ĐH Diệu Thái(Gießen)in kinh 30DM.ĐH Đặng Văn Khoa và ĐH Souhaseum Bao(Kiel)in kinh sách 50DM.ĐH Rattana Vong Soan(")in kinh sách 50 DM.ĐH Nguyễn Ngọc Thành(Peterzell)in k i nh Pháp Hoa để cầu an cho song thân trưởng thọ và cầu siêu cho hưởng linh Nguyễn Thị Thanh siêu sanh Tịnh Đđ 100DM.ĐH Lưu Thị Hữu Đng (Spaichingen)38DM.

Dịnh kỳ

ĐH Lai Khánh Vân(Aachen)40DM/5-6/84?.ĐH Lý Diệu Anh(Vechta)25DM/5/84.ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)20DM/4/84.ĐH Lê Văn Hồng (Lohr) 240DM/1-12/84.ĐH Đặng Dung Phạm(Lindenburg) 50DM/5/84.ĐH Nguyễn Bình Dũng(Lünen)40DM/4 -6/84.ĐH Lâm Văn Tốt(Laatzten)100DM/7-11/84. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)40DM/5-6/84.ĐH Lâm Thành(Lingen)45DM/4-6/84.ĐH Lý Diệu Anh (Vechta)75DM/5-7/84.ĐH Tô Văn Phước(München 20DM/6/84.ĐH Ô Thị Hai(Haren)60DM/6-7-8/84. ĐH Phạm Đăng Anh Tuấn(Kassel)20DM/7/84.ĐH Hữu Lý Diệu Anh(Vechta)25DM/7/84.ĐH Tô Văn Phước (München)20DM/7/84.

Cúng dường xây Chùa

ĐH Minh Công và Diệu Đạt(Hawaii)50US.ĐH Hồng Minh(Arlington TX-USA)1.000FF.ĐH Trần Văn Thoan(Düsseldorf)50DM.ĐH Nguyễn Phước Hi(Oberhausen)10DM.ĐH Nguyễn Thị Ngọc Kim(Mühlheim/M)10DM.ĐH Vũ Thị Tuyết Mai(")20DM.ĐH Hữu Mã Thị Kim Hồng(Nettetal)10DM.ĐH Huỳnh Hiền Thảo(München)100DM.GĐĐH Nguyễn Văn Khổng (CA-USA)hồi hưởng hưởng linh nhạc mẫu Nguyễn Thị Đón 40US.ĐH Nguyễn Văn Thành(Essen)50DM.GĐĐH Dürring(Hamburg)100DM.ĐH Hữu Nguyễn Thị Dũng(Essen)50DM.ĐH Lê Nhật Hiền(Mainetal)80 DM.ĐH Châu Mỹ Oanh(Frankfurt)20DM.ĐH Hữu Bình (SA-Úc)34US.ĐH Nguyễn Thị Minh Châu(Dorsten 50DM.ĐH Đặng Văn Khoa và ĐH Souhaseum Bao (Kiel)100DM.ĐH Rattana Vong Soan(")50DM. ĐH Nguyễn Thị Tú(Sindelfingen)100DM.ĐH Hữu Dũng Thị Quy(Essen)20DM.ĐH Lưu Thế(Herford)100DM ĐH Huỳnh Lê Minh(Neuss)50DM.ĐH Quảng Phước Phạm Thị Hiền(Minden)100DM.ĐH Nguyễn v. Kiên (Düsseldorf)20DM.ĐH Lý Thanh Tân(Braunschweig)50DM.ĐH Lâm Thị Mỹ Linh(Düsseldorf) 20 DM.ĐH Trương Thị Kiên Nga(Braunschweig)20DM ĐH Lâm Hữu Luận(Helmstedt)10DM.ĐH Lê Hữu Cỏ (Neuss)30DM.ĐH Diệu Thái(Gießen)200DM.ĐH Ông Thanh(Úc)200DM.ĐH Minh Hiền(Gießen)100DM.ĐH Lâm Hữu Tài(Düsseldorf)10DM.ĐH Hữu Khúc Thiệu (Liège-Bỉ)30DM.GĐĐH Hoa Liễu, Thoại Minh Liễu Liễu Kim Phước và Tiêu Bửu Liễu(Pinnerberg 300DM.ĐH Nguyễn Văn Tú(Erding)100DM.ĐH Quách Ngọc Anh(M Gladbach)20DM.ĐH Trần Thị Mèo và ĐH Trần Thị Thủy Dung(Köln)50DM. Hưởng linh

ĐH Huệ Đức Lê Ngọc Diệp và hưởng linh Phật Tử Huệ Quới Lê Ngọc Túy Sang 300FrF.GĐ ĐH Hữu Trần Quới Thiên(Paris)200FrF.ĐH Bạch Thị Mỹ Phụng(Kiel)20DM.ĐH Nguyệt Chánh Chí Nguyễn Hữu Thị Mừng Chí(Oberhausen)50DM.ĐH Hữu Nguyễn Thị Giới(Neuss)50DM.ĐH Chúc Huệ Trần Thị Kim Ngọc 50DM.ĐH Nguyễn Biên Trần Hữu Liễu 50DM.GĐĐH Nguyễn Tú và ĐH Nguyễn Trí(Usingen)500 DM.ĐH Nguyễn Thị Tiên(Hannover)20DM.Đạo Hữu Hélène Antony(Düsseldorf)200DM.ĐH Hữu Vilaysan Sin(Köln)20DM.ĐH Lưu Cổ Nữ(Berlin)200DM. ĐH Trần Thị Thiệt(Krefeld)500DM.ĐH Giang Lăng Cui(Nürnberg)50DM.ĐH Đào Thị Giới(Việt Nam) 600DM.ĐH Nguyễn Thị Hiền(Weil Haltingen) DM 1.000(mỗi tháng góp 100DM).Đạo Hữu Ân Danh 1.000DM.ĐH Võ Thị Lý 500DM.ĐH Tiêu Thị Thị (Erlangen)200DM.ĐH Nguyễn Thị Hưởng(Braunschweig)200DM.ĐH Lê Văn Ngọc(M Gladbach)100 DM.ĐH Trần Thị Bông(Norddeich)100DM.ĐH Hữu Hồ Xuân Nam(München)200DM.ĐH Trần Văn Tuấn(Berlin)50DM.ĐH Quách Hùng(Nordenheim)100DM. ĐH Trần Ngọc Đức(Berlin)50DM.ĐH Huỳnh Thu Nguyễn 20DM.ĐH Lâm Muội 50DM.ĐH Khuê Cẩm Vân 50DM. ĐH Hà Thị Hai(M marienhütte)100DM.ĐH Mai Thị Nữ(")100DM.ĐH Liêu Mạnh(Helmstedt)200DM. ĐH Nguyễn Văn Quan(Hanau)một trống bát nhấ trị giá 2.000DM.ĐH Trương Tôn Châu(Gießen) cúng một Đại hồng chung trị giá 5.000DM.ĐH Hữu Diên Châu(Hamburg)100DM.ĐH Ân Danh 50DM.ĐH Hữu Lâm Châu Trưởng 100DM.ĐH Bùi Quang Hiền 100DM . ĐH Nguyễn Thị Lễ 100DM.ĐH Huỳnh Mỹ Dung 50DM ĐH Ân danh 100DM.ĐH Huỳnh Xuân Hoa 100DM.ĐH Dũng Tấn Lê 100DM.ĐH Đinh Huy Quang 10DM . ĐH Phạm Muội 100DM.ĐH Tôn Thất Đình(Berlin) 200DM.ĐH Trần Kim Định 100DM.ĐH Dương M ở c Vinh 100DM.ĐH Quách Chí Huệ 100DM.ĐH Hữu Quách Quí Nhân 100DM.ĐH Đặng Thị Xứng(Lebach) 50 DM.ĐH Trần Hữu Đức(Hamburg)100DM.ĐH Hữu Giang Diệu Hùng(")20DM.ĐH Nguyễn Ích Hiền(Oberhausen)300DM.ĐH Nguyễn Thị Hai(Berlin)30DM. ĐH Nguyễn Thị Kim Huệ(Berlin)20DM.ĐH Nguyễn Tăng Hùng(")20DM.ĐH Nguyễn Thị Xuân(Braunschweig 20DM.ĐH F. Phân 100DM.ĐH Nguyễn Tú Hùng(Lünen)100DM.ĐH Hồ Mỹ Bang và ĐH Hồ Liễu Mỹ Dung(Vechta)100DM.ĐH Trần Văn Quang(Karlsruhe)400DM.ĐH Ngọc Huyền(Neuhausener)100DM.ĐH Lay Van Pong(Moers)500DM.ĐH Đào Thị Công Chân (Regensburg)20DM.ĐH Nguyễn Văn Phác(Amiens-Pháp)500FrF.ĐH Trần Thị Ngọc Phúc(Braunschweig)20DM.ĐH Huỳnh Thị Chàng(Filderstadt)50 DM.ĐH Châu Thị Thiệp(Paderborn)200DM.Đạo Hữu Liễu Văn Xinh(Karlsruhe)50DM.ĐH Nguyễn Văn Bông(")100DM.ĐH Trần Pou(")20DM.ĐH Hữu Nguyễn Văn Chưởng(")30DM.ĐH Vũ Âu(")30DM.ĐH Hữu Phạm Giác Doanh(")20DM.ĐH Trần Vinh Hoa(")20DM . ĐH Huỳnh Quốc Cường(")50DM.ĐH Huỳnh Liên(") 20DM.ĐH Ông Thái Thành(Loffenau)20DM.Đạo Hữu Lê Thanh Cao(Karlsruhe)20DM.ĐH Văn Thị Bảy (Baden-Baden)50DM.ĐH Trần Văn út(Schramberg 100DM.ĐH Nguyễn Lê Nghĩa(Hannover)100DM. ĐH Nguyễn Thị Nhiếp(Essen)50DM.ĐH Hữu Giang Ích Tuyền(Geilenkirchen)50DM.ĐH Đoàn Văn Thuận

(Gießen)100DM.ĐH Đỗ Kim Anh(Salon de Proven-
ce-France)200FF.....

Báo Viên Giác

ĐH Võ Nữ(Chicago-USA)10US.ĐH Hồng Minh(Ar-
lington TX-USA)100FF.ĐH Đào Tâm Nữ(Ludwigs-
hafen)10DM.ĐH Trần Văn Thoan(Düsseldorf) 20
DM.ĐH Nguyễn Thị Ngọc Kim(Mühlheim/M)10DM .
ĐH Lê Việt Thành(Berlin)30DM.ĐH Mã Thị Kim
Hồng(Nettetal)10DM.ĐH Vũ Xuân Huyền(Biele-
feld)20DM.ĐH Hoàng Nguyên Hai(Bad Bentheim)
20DM.ĐH Phạm Ngọc Sơn(Aachen)10DM.ĐH Nguyễn
Thị Nô(Landstuhl)20DM.ĐH Bình(SA-Üc)10US.ĐH
Diệu Thái(Gießen)20DM.ĐH Huỳnh Tú Dung(Helm-
stedt)20DM.ĐH Trần Thị Thiệt(Krefeld)50DM .
ĐH Lê Chăng(Düsseldorf)50DM.ĐH Hữu Tâm Thanh
(Reisholz)20DM.ĐH Nguyễn Tử Hùng(Lünen)20DM
ĐH Lê Quang Minh(Montréal-Canada)20đđ.ĐH Hữu
Diệu Thuật(CA-USA)10US.ĐH Tâm Anh L. T r ầ n
(Brossard-Canada)50đđ.ĐH Lê Thị Meo(Essen)
20DM.Frau Yvette Külel(Hamburg)100DM.Đào Hữu
Thanh Tai(Bomblitz)20DM.ĐH Lý Huỳnh Bá 20DM
ĐH Đỗ Trọng Hoàng(Vaihingen)10DM.ĐH Lê Long
Hai(Schwalbach)20DM.ĐH M. Búi(Crêteil-France
200Fr.ĐH Châu Hồng Đào(Hertogenbosch-Hoà Lan
25Guld.ĐH Nguyễn Thụy Kim Lan(Ravensburg)20
DM.ĐH Trần Phúc Lũy(Pháp)20DM.ĐH Lâm M i nh
(Ramberg)20DM.ĐH Phạm Hữu Minh(Lampertheim)
50DM.ĐH Nguyễn Bà Thu(Paris)100FF.ĐH Hữu Đăng
Tín Nguyễn(Bonn)30DM.ĐH Phan Hoàng Thở(VA -
USA)15US.ĐH Diệu Thuật(CA-USA)10US.ĐH Nguyễn
Văn Luồng(Düsseldorf)20DM.ĐH Bùi Đình C h ú
(Crêteil-France)200FF.ĐH Đặng Ngọc Trần(Reut-
lingen)30DM.ĐH Trần Văn Trung(Heidenberg)50
DM.ĐH Đỗ Kim Anh(Salon de Provence-France)
200FF.ĐH Mã Trần Nhứt Quang(Ibbenbüren)5DM.
ĐH Lưu Nhón Nghĩa(Wildbach)50DM/Thư viện...

An Cư Kiệt Hạ và Lễ Dâng Y Cúng Dương

ĐH Tâm Hiện và ĐH Tâm Khủng(MTL-Canada)100
đđ Can.ĐH Diệu Bích(")100đđ Can.ĐH Diệu Hồ
(USA)20US.ĐH. Châu Thị Thiệp(Paderborn) 50DM.

ĐH Diệu Tĩnh Nguyễn Thị Hiệt(Hannover)100DM
ĐH Tĩnh Thông Lê Thị Thanh(Laatzten)100DM.ĐH
Diệu Nhụy Phan Thị Nhi(Laatzten)100DM.ĐH Phan
Thị Xuân(")50DM.ĐH Đỗ Thuận Phát(Braunsch-
weig)50DM.PT Thị Chòn Ngô Ngọc Diệp(Hanno-
ver)100DM.ĐH Minh Tôn Nguyễn Văn Phong(Hil-
desheim)50DM.PT Thiện Giác Hồ Vĩnh Giang và
PT Thiện Phúc Châu Huệ Phần(Hannover)40DM .
ĐH Trần Văn Quang(")50DM.ĐH Hữu Lâm Văn Tôt
(Laatzten)50DM.ĐH Quảng Thái Tôn Nữ Thị Xuyên
(Hannover)20DM.ĐH Diệu Niên Huỳnh Thị D ã u
(")100DM.ĐH Minh Không(Lausanne-Suisse) 100

DM.ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)100DM.ĐH
Anh, danh(Hannover)50DM.PT Thị Chánh T r ưởng
Tân Lộc(")50DM.ĐH Trĩ Đức Trần Như Sơn (")
100DM.ĐH Lý Hùng Sơn(Celle)20DM.ĐH Bùi Thị
Thu(Hannover)50DM.ĐH Cô Sáu(Braunschweig)DM
100.ĐH Mã Cô La Phần(Hildesheim)50DM.Đào Hữu
Bà Bích(")50DM.ĐH Thiện Đạt Đỗ Tân Phát(Uel-
zen)50DM.ĐH Trần Đình Thắng(Dannenberg)20DM
ĐH Tiêu Thị Thị(Erlangen)10DM.ĐH Diệu Hưởng
Võ Thị Lý(")10DM.ĐH Đào Trọng Hiếu(Karlsruhe)
15DM.ĐH Mã Thị Kim Hồng(Nettetal-Breyell
20DM.ĐH Diệu Hải 50DM.ĐH Lý Quốc Luồng(Ro-
tenburg/Wümme)50DM.ĐH Viên Tuyết Trần T h ị
Hiển(Laatzten)50DM.ĐH Trưởng Thị Diệu(Claus-
thal Zell)10DM.....

Vu Lan

ĐH Tô Văn Phước(München)hối hưởng hưởng linh
ĐH Tô Văn Chi 30DM.ĐH Lê Khắc Chân(Augsburg
50DM.ĐH Vương Cường(Lichtenstein)20DM.ĐH Hữu
Huỳnh Tuyết Nga(Lausanne-Suisse)50FrS.ĐH Hữu
Nguyễn Văn Chin(Spaichingen)20DM.ĐH Hứa Văn
Sầu(Itzehoe)20DM.ĐH Nguyễn Bạch Tuyết(Wolf-
hagen)10DM.ĐH Trần Diệu Huyền(Ravensburg)40
DM.ĐH Tạ Nguyệt Minh(Schorndorf)20DM.ĐH Tôn
Nữ Chung Anh(Karlsruhe)20DM.ĐH Trinh Q u ốc
Phong(Cloppenburg)50DM.ĐH Nguyễn Thị H a nh
(Zwolle-Hoà Lan)50DM.ĐH Trần Huệ(Oldenburg)
20DM.ĐH Tiêu Thị Thị(Erlangen)20DM.ĐH Hữu Võ
Ngọc Khải(Neuss)20DM.ĐH Diệu Hưởng Võ Thị Lý
(Erlangen)20DM.ĐH Trinh Huệ Dương(Dorsten)
50DM.ĐH Đặng Tú(Aachen)20DM.ĐH Vương Mộc Vinh
(Grefrath)20DM.ĐH Nguyễn Anh Hoàng(Berlin)
20DM.ĐH Diệu Kim Nguyễn Khắc Cần(München)DM
100.ĐH La Hải(Lausanne-Suisse)20FrS.ĐH Huỳnh
Lý Ba(Hoà Lan)20DM.ĐH Lê Văn Ngủ và ĐH Ngô
Thị Ba(Wünstlen)20DM.ĐH Huỳnh Thị Seng(Gei-
tenkirchen)20DM.ĐH Ngọc Huệ Trần(Münster)10
DM.ĐH Dư Nghĩa Thanh và ĐH Quách Ky(Baeswei-
ler)20DM.ĐH Lý Xưởng Huỳnh(Münster,)10DM. ĐH
Quách Tam(Münster)20DM.ĐH Vương Cẩm Trân(")
50DM.ĐH Nguyễn Văn Liêm(Paris)50DM.ĐH Diệu
Ngọc(In. USA)50DM.ĐH Lý Văn Ván(Konstanz)10
DM.ĐH Trần Thọ Huân(Berlin)10DM.ĐH Đào Trọng
Hiếu(Karlsruhe)15DM.ĐH Nguyễn Thị Anh(Ber-
lin)20DM.ĐH Chung Thái An(Konz)50DM.ĐH Huỳnh
Thị Chang(Filderstadt)20DM.ĐH Bành Thị Xiêu
(Friedrichshafen)40DM.ĐH Diệp Thị Sơn(Aalen
20DM.ĐH Nguyễn Khoa Thị Thỏ(Eberbach)50DM.
ĐH Nguyễn Thành Long(G'marienhütte)10DM. ĐH
Nguyễn Ngọc Lan(München)40DM.ĐH Châu Thị Thiệp
(Paderborn)40DM.ĐH Huỳnh Thị Tâm(Visé-Belgi-
que)400FrB.ĐH Trưởng Thị Hai(Stuttgart)20DM
ĐH Nguyễn Lưu(Paris)400FF.ĐH Trần Tú Nguyệt
(Heimenkirch)30DM.ĐH Trần Thị Nguyên(Konz,)
10DM.ĐH Trình Trọng Hiếu(Emden)50DM.ĐH Bửu
Thọ(Bi)100DM.ĐH Trần Như Sơn(Hannover)50DM.
ĐH Diệp Văn Sơn(Wuppertal)20DM.ĐH Nguyễn Văn
Diên(Krefeld)30DM.ĐH Cao Thị Sâm(Spaichin -

Giá biểu Kinh sách và Pháp bảo phát hành tại Chùa

DANH MỤC

Giá tiền

1. Anh dao vàng	9,00DM
2. Biện minh tu chứng	8,00
3. Bài học ngàn vàng 1	5,00
4. Bài học ngàn vàng 2,	5,00
5. Bát nhã tâm kinh giảng giải	5,00
6. Chìa khóa học Phật	7,00
7. Cuộc đời Đức Phật	15,00
8. Cuộc đời của Ng. Tăng Sĩ (sách biểu)	
9. Con người siêu việt,	13,00
10. Đạo Phật và tuổi trẻ	7,00
11. Đường về Cực Lạc	21,00
12. Đại Giới Đàn Thiện Hòa	12,00
13. Góp nhặt cát đá	7,00
14. Gương nhân quả	6,00
15. Hai ngàn năm VN và Phật Giáo	16,00
16. Kinh Dược Sư	5,00
17. Kinh Kim Quang Minh	12,00
18. Kinh Vu Lan	5,00
19. Kinh Thủy Sám	12,00
20. Kinh A Di Đà Sở Sao trọn bộ,	20,00
21. Kinh Đại Bát Nhân Giác g.giải	8,00
22. Kinh Sám Hồi diệt tội	9,00
23. Kinh Hiền Ngu	14,00
24. Kinh Lăng Già Tâm Ấn	20,00
25. Kinh Luồng Hoàng Sám	20,00
26. Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tập I,II	40,00
27. Kinh Địa Tạng	18,00
28. Kinh Tâm Địa Quán	18,00
29. Kinh Kim Cang giảng lục	9,00
30. Kiền Thúc Căn Bản Phật Giáo	20,00
31. Lời vàng ý ngọc	3,00
32. Le Bouddhisme en quelques mots	7,00
33. Lịch sử tranh đấu Phật Giáo VN	16,00
34. Lịch sử gia đình Phật Tử VN	13,00
35. Lịch sử PGVN hải ngoại (sách biểu) trước và sau 1975	
36. Lăng Nghiêm Ảnh Hiện	10,00
37. Mãi giữ gìn phục quốc	20,00
38. Miên Thượng Uyên xưa	15,00
39. Một bộ Truyện Cổ Phật Giáo(3q)	22,00
40. Một bộ Phật Học Phổ Thông (từ khóa 1-12)	120,00
41. Nhũ dòng ý thức	6,00
42. Nhân quả nghiệp luân hồi	9,00
43. Nét đẹp Đông Phương	10,00
44. Những mẫu chuyện đạo	17,00
45. Nghi thức tụng niệm	7,00
46. Niệm Phật thập yếu	16,00
47. Phật Giáo VN xưa và nay	7,00
48. Phật Học Phổ Thông q.1-2-3	17,00
49. Phổ Môn Thị Hiện	8,00
50. Phật và Thánh Chúng	13,00
51. Phật Pháp	14,00
52. Phật Học Tinh Hoa	21,00
53. Phật Học Tinh Yếu	18,00
54. Quý Sơn Cảnh Sách thượng hạ	9,00

55. Sáu Cửa Thiên Thất	8,00
56. Thoát vòng tục lụy	12,00
57. Thoát vòng sống chết	6,00
58. Tử Diêu ĐỂ	10,00
59. Thâm ý qua hình tượng Phật, BỐ Tát	6,00
60. Thiên Đạo tu tập	20,00
61. Trục chỉ chón tâm	11,00
62. Tu tâm dưỡng tánh	13,00
63. Tổ Thiên Tông	13,00
64. Thiên căn bản	9,00
65. Thẻ Giới Quan Phật Giáo	8,50
66. Tánh không và Kinh Kim Cang	10,00
67. Hình Phật Thích Ca	5,00
68. Hình Phật Quan Âm	3,00
69. Tượng Phật Thích Ca	50,00
70. Tượng Phật Quan Âm(đứng-ngồi)	40,00
71. Một bộ chuông mõ lớn	80,00
72. Một bộ chuông mõ nhỏ	65,00
73. Tràng hạt(108 hạt lớn)	28,00
74. Tràng hạt(108 hạt nhỏ)	25,00
75. Tràng hạt(24 hạt lớn)	12,00
76. Áo tràng	40,00-50,00
77. nhang hộp(5 thẻ)	7,00
78. Treo xe	12,00-15,00
79. Giấy chuyển	12,00

BẢNG KINH :

80. Di Đà Cầu Siêu	10,00
81. Phổ Môn Cầu An	10,00
82. Tịnh Độ Sám Hồi	10,00
83. Phật Đàn Vu Lan	10,00
84. Lăng Nghiêm	10,00
85. Bảng Thuyết Pháp(TT Th.Hộ Giác)	10,00

BẢNG NHẠC PHẬT GIÁO :

86. Hm đến chùa	12,00
87. Mừng Đản Sinh	12,00
88. Quả Tim Bồ Tát	12,00
89. Chí Tâm I	12,00
90. Chí Tâm II	12,00
91. Mélodies Nostalgiques	12,00

. Tất cả Kinh sách phát hành tại chùa và những pháp bảo trên đây đều chứa tính cuộc phí gởi.

. Quý vị muốn rõ thêm chi tiết xin liên lạc về chùa Viên Giác.

tệp thư trang 87

gen)50DM.DH Phan Ngọc Đảnh(Berlin)34,50DM..

.....
Mọi sự cúng dường, ủng hộ, Quý vị có thể gởi thẳng về chùa trong bao thư hoặc qua 1 trong 2 số Konto của Ngân Hàng Deutsche Bank Hannover như sau: Chùa Viên Giác, Konto Nummer 8650228 - BLZ 250 700 70. Hoặc số Konto Cong.d.Verein.Vietn.Buddh.Kirche e.V. 8657470 - BLZ 250 700 70. Xin thành thật cảm ơn Quý vị

BẢNG TRẮC NGHIỆM

Kính thưa quý vị Độc Giả,
Suốt trong 6 năm qua, quý vị đã theo dõi báo Viên Giác qua các phần giáo lý, văn học, Phật pháp, ký sự, tin tức v.v... cũng đã có nhiều vị đề nghị thêm mục này, bớt mục kia. Để tờ báo Viên Giác càng ngày càng khởi sắc, chúng tôi cũng đã cố gắng, nhưng chưa đáp ứng được hết những nguyện vọng của quý vị. Do đó chúng tôi muốn gửi đến quý độc giả xa gần "Bảng trắc nghiệm" này. Sau khi đánh dấu chéo vào các ô thích hợp, xin gửi về chùa, chúng tôi làm 1 bản thống kê tổng quát xem thử mục nào nên bỏ, mục nào nên tiếp tục và thêm mục nào. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI THAM DỰ :

ĐỊA CHỈ :

ĐỀ MỤC	THÍCH NHẤT	THÍCH TRUNG BÌNH	KHÔNG THÍCH	LÝ DO	ĐỀ NGHỊ THÊM HOẶC BỚT MỤC NÀO VÀO ĐÂY
1) Các bài nghiên cứu về Phật pháp của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng					
2) Các bài Phật pháp của Phạm Kim Khánh					
3) Lá Thở Tịnh Độ					
4) Tuyển tập Phật Giáo với Văn Hóa Viện Nam					
5) Việt Nam phong sử					
6) Quốc Sử tạp lục					
7) Bắc Du Chón Võ					
8) Thỏ Đạo và Đời					
9) Những bài tiếng Đức					
10) Những bài nghiên cứu về Đạo của Nguyên Việt Quang					
11) Những bài bút ký của Hồ Trường An					
12) Dựng không biên giới của Thích Như Điển					

13) Những bài tạp ghi của nhiều tác giả				
14) Những bài của bà Huyền Châu				
15) Những bài của bà Trần thị Cẩm Thi				
16) Hạnh phúc của Thi				
17) Những bài của Phong Hùng				
18) Trang Giáo lý GEPT				
19) Trang Xã Hội của Nguyễn Lê Nghĩa				
20) Gia chánh chay				
21) Tin tức				
22) Phưởng danh các Phật Tử cúng dường				
23) Những bài không có tính cách định kỳ				

PHIẾU NHẬN BÁO

Xin Tòa Soạn gửi đến cho thân nhân của chúng tôi có tên sau đây báo Viên Giác kể từ số 22 trở đi.

HỌ VÀ TÊN :

ĐỊA CHỈ :

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI LỄ VU LAN BÁO HIẾU TỔ CHỨC TỪ 17 ĐẾN 19 THÁNG 8 NĂM 1984 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC
HANNOVER

Thứ sáu ngày 17.8.84:

- 15:00 Ban Văn Nghệ và Ban Trại Soạn tập trung tại Jugendzentrum (Badenstedterstr. 41. Tel. 0511-445 835) và tại chùa Viên Giác, Eichelkampstr. 35A 3000 Hannover 81. Tel. 0511-864638
- 18:00 Cơm tối
- 20:00 - Lễ mãn hạ tự tử của Chư Tăng
- Câu chuyện đạo tại chùa Viên Giác
- Họp Ban Tổ Chức tại Jugendzentrum
- 24:00 Chỉ tịnh

Thứ Bảy ngày 18.8.84:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa, tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm, kính hành nhiều Phật.
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Các Phái Đoàn và Cá nhân về tham dự lễ đến chùa và Jugendzentrum.
- 10:00 Lễ tiễn bạt chử hương linh quá vãng thờ tại chùa và đọc một phần sớ cầu siêu vào giờ này.
- 11:00 Lễ Quá Đường; kính hành nhiều Phật
- 12:00 Ngọ trai của Quý vị Phật Tử
- 14:00 - Lễ Quy Y Tam Bảo tại chùa (xin Quý vị Quy Y có mặt vào giờ này)
- Buổi thuyết giảng về ý nghĩa ngày Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu của Đại Đức Thích Nhật Chơn và Đại Đức Thích Thiện Huệ tại chùa.
- 16:00 Buổi thuyết giảng của Đại Đức Thích Như Điện tại Jugendzentrum về ý nghĩa việc An Cư Kiết Hạ, Lễ Dâng Y, lễ Tự Tử v.v...
- 18:00 Cơm tối
- 19:30 Đêm Văn nghệ Vu Lan Báo Hiếu bắt đầu tại Jugendzentrum do sự đảm trách của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử, tại Berlin, Hannover, Hamburg và những cá nhân thiện chí.
- 23:00 Đêm Văn Nghệ chấm dứt.

Chủ nhật ngày 19.8.84:

- 06:00 Công phu khuya tại chùa; tụng thần chú Thủ Lăng Nghiêm, kính hành nhiều Phật.
- 08:00 Điềm tâm
- 09:00 Di chuyển từ Jugendzentrum về chùa
- 10:30 - Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu bắt đầu cử hành dưới sự chứng minh của chư Tôn Thượng Toạ, chư Đại Đức Tăng Ni Việt Nam ở Pháp cũng như ở Đức.
- Cảm niệm về ngày lễ Vu Lan Báo Hiếu
- Lễ cài hoa lên áo để nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ (m à u hoa hồng cho những người còn MẸ; màu hoa trắng cho những ai đã mất MẸ)
- Tung kính Vu Lan Báo Hiếu và đọc sớ cầu siêu tiếp tục
- Phát phần thưởng cho những vị Phật Tử đã học hỏi và tu tập trong thời gian An Cư Kiết Hạ của chư Tăng.
- Lễ tiễn linh
- 12:00 Lễ cúng dường Trại Tăng dâng tư vật dụng và lễ DÂNG Y của hàng Phật Tử tại gia lên chư Tăng nhân mùa An Cư Kiết Hạ.
- 12:30 Ngọ trai của Đồng Báo Phật Tử
- 15:00 Thử thực cô hồn
- 16:00 Hoàn mãn



HỘI VỤ LAN

VUI TƯỞI

- Mừng ngày VỤ LAN chúng ta cùng reo hát hoà vang
- Ngài Mực Kiên Liên cứu mẹ hiền thoát chôn sâu đau

Tình tình tang tít mùa cho đều dưới ánh trăng vàng
Gió nguyện noi theo gót chân ngài con gắng tu học

Reo lên reo lên cho bao lòng thêm tươi thắm
Công ơn cao xa cha mẹ hiền lo báo đáp

Ôi ! Bao hân hoan ta hát mừng hội VỤ LAN .
Em luôn tin yêu vui hoà thuận cùng người trên .

Mừng ngày VỤ LAN khắp phố phường cho đến đồng quê .

Hoà ngàn lời ca tiếng chuông chùa thanh thoát êm dềm
Câu kinh, câu ca trong nắng chiều bay theo gió .

Hương thơm hoa tươi chìm hát mừng nhạc hoà vui .